VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

thực chất và huyền thoại trong lịch sử
nguyễn mộng giác
hiện sinh ở miền nam (1955-1975)
nguyễn văn trung
haiku và những cơn nắng hạ
vũ hoàng thư
trịnh công sơn, những ngày nằm bệnh
lữ quỳnh

tin văn
thế quân ● nguyễn quảng tuân

truyện
song thao ● phan triều hải ● ngô viết trọng
thơ thơ ● diệp mỹ linh ● ninh hạ-nguyễn đức tâm

thơ
trần mộng tú ● bùi bích hà ● nguyệt thu
dặng hiền ● hà nguyên du
nguyễn đức thanh ● trần thiện hiệp

183
THÁNG 7 2001

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 183 ● tháng 7, 2001

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN MỘNG GIÁC	3	thực chất & huyền thoại
TRẦN MỘNG TÚ	10	*chuyện của đôi giầy*
NGUYỄN VĂN TRUNG	11	hiện sinh ở miền nam
ĐẶNG HIỀN	33	*vách thời gian*
NGUYỄN QUẢNG TUÂN	34	trao đổi thêm với ông hồng huy về quyển 'đọc kỹ truyện kiều'
HÀ NGUYÊN DU	44	*gene đại dương*
VŨ HOÀNG THƯ	46	haiku và những cơn nắng hạ
LỮ QUỲNH	52	trịnh c. sơn, những ngày bệnh.
BÙI BÍCH HÀ	55	*hư vô*
SONG THAO	56	chuyện tình, khúc đầu
PHAN TRIỀU HẢI	66	những người đánh cá
NGUYỄN ĐỨC THANH	71	*người đi*
THƠ THƠ	72	độ đau của máy
NGUYỆT THƯ	86	*đi tìm*
NGÔ VIẾT TRỌNG	87	chú hụi
TRẦN THIỆN HIỆP	103	*ẩn hiện vầng trăng*
ĐIỆP MỸ LINH	104	mơ chiều
NINH HẠ-NGUYỄN ĐỨC TÂM	115	margarita (2)
HOÀNG CHÍNH	127	tình khúc (truyện dài nhiều kỳ)
THẾ QUÂN	136	tin văn
VĂN HỌC	150	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	153	hộp thư

Copyright by authors and Van Hoc, 2001
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2001

Thư Tòa soạn
Văn Học

Văn Học số 183 tháng Bảy 2001 không có một chủ đề đặc biệt nào, nội dung chỉ gồm những bài tiểu luận, thơ, truyện và tin văn do các văn hữu đóng góp. Tuy không có chủ ý của Ban biên tập, nhưng đọc hết số báo này, quí bạn sẽ nhận thấy một số điều đáng suy nghĩ:

Về tiểu luận, nhiều bạn đọc thắc mắc không hiểu tại sao đột nhiên Văn Học đăng liên tiếp hai bài viết về văn học Đài Loan. Thắc mắc ấy bắt nguồn từ một thực tế "rất đáng thắc mắc": là lâu nay, chúng ta chỉ quan tâm đến các biến chuyển trong sinh hoạt văn hóa Tây phương (nhất là những nước có ảnh hưởng chính trị đến VN như Pháp, Hoa Kỳ, Nga) và lơ là với những biến chuyển của các dân tộc sống gần kề. Chúng ta biết rõ một vụ ái tình lẻ của một nhà thơ Mỹ, nhưng mù tịt về tình trạng khốn khổ của những nhà văn Đài Loan khi phải bỏ viết lách bằng tiếng Nhật để học lại từ đầu tiếng Hoa. Dù không có nhiều người am tường về văn học các nước Đông Nam Á, Văn Học cũng sẽ cố gắng tìm hiểu, giới thiệu nền văn học của các nước đó.

Về truyện, sáu truyện ngắn trên số báo này thuộc vào hai bút pháp khác nhau: các nhà văn Song Thao, Điệp Mỹ Linh, Ngô Viết Trọng, Ninh Hạ-Nguyễn Đức Tâm "kể chuyện" theo bút pháp truyền thống; còn Thơ Thơ và Phan Triều Hải thì cố gắng đi tìm một bút pháp khác. *Độ đau của mây* và *Những người đánh cá* không thuộc vào truyền thống kể chuyện của ngôn ngữ nói. Ở đây, hình ảnh, âm thanh ghi nhận qua mắt tác giả thay thế cho lời kể.

Bắt đầu từ số này, Văn Học khởi đăng (nhiều kỳ) truyện dài *Tình Khúc* của nhà văn Hoàng Chính hiện ở Canada. **Văn Học**

Thực chất và Huyền thoại trong Lịch sử.

Nguyễn Mộng Giác

Trước đây khá lâu, một bạn đồng hương đưa cho tôi xem bài viết *"Về Một Vấn Đề Lịch Sử"* đăng trên *Thông Luận* ở Pháp (sau đó có đăng lại trên báo *Ngày Nay* ở Houston Texas và *Thời Luận* ở Los Angeles California Hoa Kỳ) và yêu cầu tôi cho biết ý kiến. Tôi có đưa bài ấy cho anh Tạ Chí Đại Trường đọc, và anh Trường cho biết anh cũng được các đồng hương yêu cầu một việc tương tự.

Chúng tôi cảm thấy bị ở vào một thế kẹt.

Anh Tạ Chí Đại Trường là tác giả cuốn *"Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771-1802"*, một tác phẩm biên khảo sử học giá trị viết về thời Tây Sơn từng được giải thưởng biên khảo của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa trước 1975, và sau 1975, tác phẩm này là cái bia cho giới sử gia Miền Bắc oanh kích tự do để hạ nhục giới nghiên cứu sử Miền Nam.

Phần tôi, cũng đã lấy cuộc đời của ba anh em Tây Sơn - nhất là Nguyễn Huệ - làm chủ đề cho bộ trường thiên tiểu thuyết lịch sử *"Sông Côn Mùa Lũ"* xuất bản năm 1990 và 1991.

Các đồng hương của chúng tôi tế nhị nhắc nhở chúng tôi một bổn phận không thể thiếu đối với quê hương Bình Định, chưa nói tới bổn phận của những người mà đồng hương tin là có đủ điều kiện nhất để trả lời ông Nguyễn Gia Kiểng.

Anh Tạ Chí Đại Trường từ chối không làm công việc được yêu cầu, vì theo anh, chính ông Nguyễn Gia Kiểng cũng xác định rõ rằng ông viết bài *"Về một vấn đề lịch sử"* không với tư cách một nhà nghiên cứu sử. Nói chuyện lịch sử, mà không nói theo tư cách một nhà nghiên cứu sử,

thì lấy gì để thảo luận với nhau!

Phần tôi, tôi cảm thấy bị du vào thế kẹt, cũng vì những minh định của ông Nguyễn Gia Kiểng.

Ông viết:

"Trước hết cần minh định: tôi không phải là sử gia, cũng không phải là nhà nghiên cứu mà là người hoạt động chính trị."

Vì không phải là sử gia, là nhà nghiên cứu (sử) nên ông Nguyễn Gia Kiểng cho rằng mình *"không có bổn phận phải ghi chú dữ kiện lấy từ sách nào, chương nào, trang nào v.v...Đó là công việc của nhà nghiên cứu"*

Vì là "một người hoạt động chính trị rất thiếu thì giờ" nên ông Nguyễn Gia Kiểng giải thích rõ mục tiêu chính trị của ông khi hạ bệ thần tượng Quang Trung Nguyễn Huệ. Ông viết:

"Tôi đặt lại vấn đề Nguyễn Huệ bởi vì sự tôn sùng ông đã ảnh hưởng lớn trên số phận dân tộc và vẫn còn đang ngăn cản một chuyển biến tư tưởng cần thiết. Nguyễn Huệ tiêu biểu cho những giá trị mà chúng ta cần đánh đổ: võ biền, độc đoán, hung bạo; và trái ngược với những giá trị mà ta cần phát huy: hoà bình, bao dung, hòa giải. Tôn sùng Nguyễn Huệ là một tâm lý rất tai hại mà ta cần chấm dứt".

Tôi không phải là nhà nghiên cứu sử như anh Tạ Chí Đại Trường, cũng không phải là người hoạt động chính trị rất thiếu thì giờ. Vậy tôi biết thảo luận với ông Nguyễn Gia Kiểng bằng cách nào đây để thoả lòng tín nhiệm của các đồng hương? Hướng chi tôi viết tiểu thuyết là làm cái công việc pha trộn hư với thực, căn cứ vào một nhúm kiến thức lịch sử rồi tưởng tượng thêm cho nhân vật lịch sử mặc áo kiểu gì, yêu ai ghét ai, nói năng những gì, làm như mình có tài đi ngược thời gian và sống kề cận với vô số những anh hùng liệt nữ, những đạo tặc lưu manh của quá khứ. Một sử gia nghiêm túc không bao giờ dại dột lấy sách tôi viết làm tài liệu sử. Những người làm chính trị lại càng ghét bọn viết lách ưa sống ngoài tổ chức và hay thóc mách xỏ xiên nơi cửa quyền.

Cho nên, bắt chước ông Nguyễn Gia Kiểng, tôi cần minh định: tôi chỉ là một người không chuyên nghiệp cả sử học lẫn chính trị. Tôi xin trình bày những ý kiến, những suy nghĩ "cận nhân tình" mà một người bình thường có thể suy nghĩ về bài viết của ông.

Và cũng xin thưa ngay từ đầu rằng tôi không đồng ý với ông trong hầu hết các lập luận ông đưa ra để hạ bệ thần tượng Nguyễn Huệ.

Trước hết là phương pháp luận của ông. Phương pháp mà ông tự định giá là *"trung thực, dựa vào những sự kiện nghiêm túc, lý luận một*

cách lương thiện". Ông cho đó là những đức tính, khả năng mà người hoạt động chính trị như ông phải có. Ông lầm rồi. Đó là những tiêu chuẩn phải có của một sử gia nghiêm túc chứ không phải của người hoạt động chính trị. Cho nên ông không thể tự cho phép mình "thiếu thì giờ" và "không có bổn phận" phải ghi chú đầy đủ nguồn gốc các dữ kiện lịch sử ông đưa ra minh chứng cho lập luận của mình.

Khi tìm tài liệu để viết bộ trường thiên lịch sử *"Sông Côn Mùa Lũ"*, tôi đã tìm đọc sử liệu từ các nguồn mà tôi tin là không khác với những gì ông đã tìm đọc. Chẳng hạn tài liệu từ sử quán triều Nguyễn, cuốn *Hoàng Lê Nhất Thống Chí* của Ngô gia văn phái, cuốn *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quí Đôn, thư từ của các giáo sĩ Thiên chúa giáo đương thời - G. Taboulet sưu tập và đăng lại trong *La Révolte et la Guerre de Tay Son d'après les Franciscains Espagnols de Cochinchine*, BSEI năm 1940 , các sách nghiên cứu về thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ và phong trào Tây sơn của sử gia Miền Bắc, các sách nghiên cứu thời đại này của các sử gia Miền Nam như Nguyễn Phương, Tạ Chí Đại Trường. Tôi tìm tài liệu sử để viết tiểu thuyết chứ không để viết sử nên không cặn kẽ phê phán chọn lọc sử liệu như anh Tạ Chí Đại Trường, nhưng nhờ tìm đọc mà tôi cũng biết khá nhiều những dữ kiện lịch sử thời Tây Sơn.

Trong các tài liệu ấy, theo tôi, quan trọng nhất là: *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, *Phủ Biên Tạp Lục*, *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* (phần Ngụy Tây), thư từ các giáo sĩ trong BSEI, *La Sơn Phu Tử* của Hoàng Xuân Hãn và *Lịch Sử Nội Chiến ở VN từ 1771-1802* của Tạ Chí Đại Trường.

Hoàng Lê Nhất Thống Chí là tài liệu gốc của tất cả các sách người đời sau nghiên cứu về thời Tây sơn. Tuy là một cuốn tiểu thuyết ký sự do những người trong gia đình Ngô Thì viết, nhưng cho đến nay, các nhà nghiên cứu sử đều xem đó là một tài liệu sử đáng tin cậy, phần thực lịch sử chiếm nhiều hơn phần hư cấu, và ngay cả những phần có thể là hư cấu cũng gần với những suy đoán khả tín của lịch sử.

Phủ Biên Tạp Lục của Lê Quí Đôn là một tài liệu quí khác để tìm hiểu về cách tổ chức hành chánh, thuế khoá, quân sự, xã hội của Nam hà thời Tây Sơn khởi nghĩa. Với một đầu óc khoa học chính xác hiếm có, Lê Quí Đôn đã ghi lại thật tỉ mỉ đời sống của Đàng Trong thời kỳ ấy, nhờ vậy sử gia có thể tìm hiểu nguyên nhân vì sao có cuộc khởi loạn ở một nơi tương đối hẻo lánh, thưa dân, nhân tài hiếm hoi như đất Tây Sơn, và nhờ đâu một ông biện lại (giữ việc thu thuế) kiêm nghề buôn nguồn như Nguyễn Nhạc dễ dàng trở thành lãnh tụ của cuộc khởi loạn.

La Sơn Phu Tử của Hoàng Xuân Hãn là một công trình nghiên cứu

sử rất khách quan, khoa học của Hoàng Xuân Hãn, nghiên cứu về một nhân vật đặc biệt của thời ấy là Nguyễn Thiếp. Hoàng Xuân Hãn là người đầu tiên tìm ra các tài liệu giao thiệp giữa Nguyễn Huệ và La Sơn phu tử, qua đó người đời sau nhìn Nguyễn Huệ từ một góc độ khác với góc độ quân sự, chẳng hạn cách cầu hiền của Nguyễn Huệ, cách đối phó với giới sĩ phu Bắc Hà vốn là cựu thần của vua Lê chúa Trịnh, cách sử dụng La Sơn phu tử như một huyền thoại để lôi kéo chính nghĩa và quần chúng về phe mình.

Tuyển tập Thơ Văn Ngô Thì Nhậm của Viện Khoa học Xã hội Hà nội cũng là một tài liệu quí để qua cuộc đời và thơ văn Ngô Thì Nhậm, hiểu được tâm trạng sĩ phu Bắc hà thời bấy giờ trước những lựa chọn khó khăn do tình thế đưa đẩy: lựa chọn giữa lòng trung với một vương triều đã suy sụp tan tành và sự thức thời trước một vận hội mới, lựa chọn giữa quyền lợi riêng của gia đình giòng họ và bổn phận chống ngoại xâm từ phương Bắc. Ngô Thì Nhậm cũng là một trường hợp điển hình minh chứng cách dùng người của Nguyễn Huệ trong những công việc mà chắc chắn ông không am tường. Ông gần như ủy nhiệm toàn quyền cho Ngô Thì Nhậm trong việc ngoại giao với nước lớn phương Bắc, một ủy nhiệm táo bạo vì Ngô Thì Nhậm đã chịu nhiều tai tiếng và mất hết uy tín trong giới sĩ phu Bắc hà trước khi được Nguyễn Huệ tín cẩn.

Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771-1802 của Tạ Chí Đại Trường, theo tôi, là cuốn biên khảo xuất sắc nhất về thời Tây sơn, không phải do anh đã tìm ra được những tài liệu mới (như Hoàng Xuân Hãn), mà do cách anh lý giải bản chất của phong trào Tây Sơn, cũng như cách anh giải thích sự thất bại của triều Tây Sơn. Khác với các sử gia Miền Bắc cố gắng giải thích phong trào Tây Sơn như là một cuộc cách mạng của nông dân, Tạ Chí Đại Trường chú ý tới vai trò thương nhân của Nguyễn Nhạc. Chính kinh nghiệm và cái nhìn rộng của một người giàu có nhờ nghề buôn nguồn (nậu nguồn) mà Nguyễn Nhạc đã liên kết được nhiều lực lượng cần thiết khi khởi dấy: những người Thượng là khách hàng của ông, những điền chủ giàu có là bạn buôn của ông, kể cả bọn cướp biển mà khi mua hàng biển chở lên bán trên nguồn Nguyễn Nhạc không thể không giao thiệp để việc buôn bán không bị trở ngại. Nhưng khi phong trào Tây Sơn do thời thế đưa đẩy bành trướng ra phía Bắc, thì những người lãnh đạo bắt đầu sa lầy trong cái tù túng thụ động lỗi thời của nền chính trị chính thống. Tây Sơn không hề thấy được sức sống và nguồn tài nguyên dồi dào của phương Nam, trước sau họ chỉ xem đó là nơi để hàng năm vào thu (hay nếu cần thì cướp) lúa chở về kinh đô. Nguyễn Ánh khôi phục được giang sơn nhờ thấy rõ tiềm lực của phương

Nam. Với lối giải thích như vậy, làm sao Tạ Chí Đại Trường tránh khỏi trở thành mục tiêu "oanh kích" của sử gia cộng sản Miền Bắc?

Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện cũng như thư từ của các giáo sĩ dòng Franciscain Tây Ban Nha cho chúng ta thấy cách nhìn Tây Sơn từ phía đối lập. Nhà Nguyễn xem Tây Sơn là "bạn nghịch", là "ngụy triều". Các giáo sĩ khi viết về Nguyễn Huệ đều dùng những chữ xấu như *"tyrant"* (tên bạo ngược). Tin được bao nhiêu phần trăm những tài liệu này là tùy quan điểm các nhà viết sử. Có một điều nên lưu ý là ngay trong sử sách triều Nguyễn, viết về Nguyễn Huệ, các sử quan không dùng những chữ những ý bất kính như cách các người làm chính trị chửi rủa phỉ báng hạ nhục phe đối lập trên chính trường bây giờ. Còn lời lẽ của người Tây phương (kể cả các nhà tu hành) khi viết về những dân tộc mà họ cho là bán khai man dã cần giáo hoá, thì thường đầy miệt thị (xin xem thêm cách người Pháp tả ông bà chúng ta khi họ mới đến đất này khai thác thuộc địa trong sách của Giáo sư Nguyễn văn Trung, hoặc gần hơn, trong hồi ký của các tướng lãnh Mỹ viết về các tướng lãnh Việt Nam Cộng Hoà).

Tôi nghĩ ông Nguyễn Gia Kiểng, vì một lý do nào đó, tin cậy những lời chứng của các ông Tàu, ông Tây hơn là lời chứng của đồng bào ông, từ gia đình Ngô Thì, Lê Quí Đôn, Ngô Thì Nhậm...cho đến Hoàng Xuân Hãn. Những lời chứng "nội hóa" ấy tạo nên thần tượng Nguyễn Huệ, một vị tướng chưa hề thua trận, một nhà lãnh đạo biết dùng người đúng khả năng và uy tín của họ (như Ngô Thì Nhậm, Phan Huy ích, Trần Văn Kỷ, kể cả một người rất khó dùng là Nguyễn Hữu Chỉnh), một "người hoạt động chính trị" biết sử dụng cả những huyền thoại để làm lợi cho mình (trường hợp cố mời mọc La Sơn phu tử ra làm quan, dù biết có mời được thì cũng chỉ giao cho một việc tương tự như chủ tịch mặt trận tổ quốc của chế độ cộng sản)

Phương pháp luận sai do chủ kiến chính trị đã khiến ông Nguyễn Gia Kiểng không làm được những điều ông mong mỏi: *trung thực, dựa vào những sự kiện nghiêm túc, lý luận lương thiện*. Ông không phục hồi được thực chất của một giai đoạn lịch sử, một nhân vật lịch sử để làm kinh nghiệm cho người làm chính trị đời nay. Tôi e rằng ông đã làm ngược những điều ông nêu ra làm tiêu chí.

Chủ kiến chính trị của ông, ông nói rõ ràng, không quanh co gì hết! Ông cho rằng trong tình hình chính trị hiện tại của đất nước dân tộc Việt Nam, những giá trị cần phát huy là *hòa bình, bao dung, hòa giải*. Những giá trị cần đánh đổ là *võ biền, độc đoán, hung bạo*. Không có gì là liều

lĩnh khi hiểu rộng ra ý Nguyễn Gia Kiểng: những thứ xấu xa như võ biền, độc đoán, hung bạo là bản chất của chính quyền cộng sản Việt Nam. Muốn lật đổ chính quyền đó, nhà hoạt động chính trị Nguyễn Gia Kiểng đưa ra hai giải pháp song song: vừa cổ võ hô hào tinh thần bao dung hòa giải, vừa hạ bệ một thần tượng "nguy hiểm" trong lòng dân tộc là Nguyễn Huệ.

Đề nghị của nhà hoạt động chính trị thiếu thì giờ Nguyễn Gia Kiểng không có gì mới mẻ. Hạ bệ thần tượng (nhất là những người làm chính trị đã leo lên được tột đỉnh quyền hành), giải ảo, kéo vĩ nhân xuống làm người bình thường, là công việc giới viết lách vẫn thường làm, và bị những người làm chính trị trừng trị thích đáng vì cái tội phạm thượng, khi quân, vân vân....và vân vân...Vua chúa thời trung cổ phương Tây cho anh hề ăn nói phóng túng chỉ vì muốn tự nhắc nhở mình chẳng thần thánh gì. Những bức biếm họa chính trị của báo chí các nước tự do dân chủ hiện nay cũng làm một việc tương tự, lôi các ngài tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng xuống một chút cho các ngài khỏi tự cao tự đại, nghĩ chỉ một mình mình là kẻ nắm chân lý.

Về thần tượng Nguyễn Huệ, trước Nguyễn Gia Kiểng, đã có Nguyễn Huy Thiệp (trong hai truyện ngắn *Kiếm Sắc* và *Phẩm Tiết*), Trần Vũ (trong truyện ngắn *Mùa Mưa Gai Sắt*) dám giơ tay kéo xuống. Nhưng hai nhà văn này viết truyện với một chủ ý rất văn nghệ: là muốn biến Nguyễn Huệ thành người thường, thậm chí rất tầm thường như tất cả chúng ta. Chủ ý ấy đúng, rất cận nhân tình. Người làm chính trị xưa nay vẫn có lợi thế hơn bọn nhà văn chúng tôi. Không thành công thì thành chí sĩ, thành công thì thành vĩ nhân. Bọn nhà văn chỉ dám bạo gan làm một chuyện rất nhỏ mọn mà nguy hiểm, là nhắc nhở bạn đọc nhớ rằng không ai là vĩ nhân cả, tất cả đều là người với đầy đủ những tốt xấu, thiện ác, lúc cao thượng lúc bần tiện...

Nhưng ông Nguyễn Gia Kiểng làm chính trị chứ không làm nhà văn. Ông muốn chống cộng bằng cách phá cho đổ huyền thoại Nguyễn Huệ. Xét theo tư cách người làm chính trị, tôi nghĩ ông Nguyễn Gia Kiểng và nhóm Thông Luận của ông có những dự án chính trị kỳ cục.

Vì làm chính trị không phải là tụ họp nhau ở nơi an toàn để suy tư về chính trị, thảo dự án, rồi hô hào hành động mà không tiên liệu dự án ấy có khả thi hay không, hậu quả tốt xấu thế nào. Tôi không rành mà cũng không ham chuyện chính trị, nên nghĩ nôm na mục tiêu làm chính trị là phải vận động tổ chức quần chúng để chiếm cho được chính quyền, sau đó thi hành chủ trương chính sách chính trị của mình. Lịch sử cho thấy trong việc vận động quần chúng, vai trò của huyền thoại hết sức quan

trọng. Ông Nguyễn Gia Kiểng thử hỏi một Phật tử Việt Nam tại sao thần thánh Việt Nam không tin lại tin theo một người Ấn Độ, hoặc thử dùng kiến thức địa chất học chứng minh tượng thần thánh trong đình miếu chỉ là cục đất sét nung, ông sẽ thấy quần chúng phản ứng ra sao.

Nhiều khi trong tôn giáo và chính trị, huyền thoại còn có sức mạnh mạnh hàng vạn hàng triệu lần sức mạnh của vật chất, và khí giới. Ngay tại các nước tiên tiến về khoa học như các nước Tây phương, trong lúc báo chí, sách vở, truyền thanh, truyền hình đua nhau phá đổ huyền thoại, thì đồng thời do nhu cầu xã hội vô số những huyền thoại mới sản sinh. Công chúa Diana là một thứ huyền thoại mới toanh ai cũng biết, và ai cũng biết nhờ huyền thoại đó bao nhiêu tờ báo bán chạy, bao nhiêu dĩa hát được tiêu thụ chóng vánh, bao nhiêu tiền thu được cho các tổ chức từ thiện.

Nếu làm sử gia, ông Nguyễn Gia Kiểng có thể dựa vào các lời chứng Tây Tàu để không tin giá trị huyền thoại Nguyễn Huệ. Sử gia có quyền làm chuyện đó, dù bị chê là sử gia tồi.

Nếu làm người hoạt động chính trị, ông Nguyễn Gia Kiểng đã hết sức vụng về trong kế hoạch hạ bệ Nguyễn Huệ để chống cộng. Giải pháp song phương của ông giống như một võ sĩ đá hụt vào đối phương bằng cả hai chân.

Tôi lan man nghĩ vớ vẩn điều này: Nếu ông Nguyễn Gia Kiểng sống vào thời Tây Sơn, liệu vua Quang Trung người sành việc dùng người có dùng ông không? Ông là Trần văn Kỷ, Ngô Thì Nhậm, La Sơn phu tử, Phan Huy Ích, hay Nguyễn Hữu Chỉnh? Tôi không trả lời được. So với mẫu trí thức nào của thời Tây Sơn, ông Nguyễn Gia Kiểng cũng khác. Ông hơi giống Nguyễn Hữu Chỉnh ở tài du thuyết, nhưng cái trí nhạy bén tận dụng cơ hội và đảm lược hành động của Nguyễn Hữu Chỉnh, thì tôi e ông Nguyễn Gia Kiểng còn ở xa tít đằng sau người xưa.

Thôi, cứ để ông "làm chính trị thiếu thì giờ" ở Paris, và chờ đón những dự án chính trị lạ lùng của ông, để đọc, cho vui!

Tìm mua, tìm đọc:
GHI (nhật ký, di cảo) của nhà thơ *Trần Dần.*
Nhà văn *Phạm thị Hoài* hiệu đính, sắp xếp thành sách.
TD Memories & Văn Nghệ (USA) xuất bản, phát hành.

Sách dày gần 500 trang. Giá 18 MK. Liên lạc: Nhà xb. Văn Nghệ

Chuyện của đôi giầy

TRẦN MỘNG TÚ

Buổi sáng khi Người bắt đầu ra cửa
Nhìn những chiếc giầy đứng xếp hàng đôi
Do dự mãi đôi nào bàn chân muốn
Đôi nào cùng chân bước xuống cuộc đời

Những đôi giầy ngước mắt nhìn chờ đợi
Thầm thì bảo nhau chắc đến phiên mình
Trời bên ngoài đang mưa hay ửng nắng
Cỏ còn khô hay đã đẫm bình minh

Giầy với chân cùng nhau nôn nả bước
Thành phố của Người ít nắng nhiều mưa
Có bao giờ Người nhớ nghiêng đầu xuống
Hỏi thăm giầy đã thấm lạnh hay chưa

Sáng hấp tấp đi chiều vội vã về
Giầy mệt nhoài vào hàng nằm thở đợi
Ngày mai đến lượt đôi nào ra đi
Địa chỉ cuối bao giờ sẽ tới

Có những đôi giầy nằm hoài góc tủ
Người chê là không còn hợp thời trang
Hay chân trách là không còn vừa nữa
Da ngậm ngùi đã sước với thời gian

Người chỉ có một đôi giầy duy nhất
Bước thấp bước cao nhập cuộc sớm hôm
Cũng chẳng bao giờ nghiêng mình cúi xuống
Đặt bàn tay lên nếp gấp da buồn.

tháng 6/2001

Hiện sinh ở Miền Nam
(1955-1975)
Nguyễn văn Trung

Có nhiều tác giả hiện sinh được nói đến, nhưng Sartre là người được nói đến nhiều hơn cả. Vậy ở đây xin giới hạn vào việc tìm hiểu Sartre mà thôi.

Một loạt vấn đề được nêu lên: Sartre được du nhập, phổ biến thế nào, những ai làm việc phổ biến đó, ở các giới nào, trong thời gian và hoàn cảnh nào, tác động ra sao, gây ra những phản ứng nào, có bị chính trị lợi dụng không?

Muốn tìm hiểu, giải đáp những vấn đề trên một cách nghiêm chỉnh, khoa học, không do những thiên kiến có sẵn qui định, thiết tưởng phải trước hết dựa vào các sự kiện có thể kiểm chứng được (tài liệu sách báo, chứng từ, thống kê, điều tra, phỏng vấn v.v...) rồi sau đó mới đưa ra những nhận xét, tạm kết luận, rút từ sự quan sát tìm hiểu chính sự kiện trên.

Để giúp người đọc thực hiện được ý định đó, tôi giới thiệu một số dữ kiện hiện nay có trong tay, nghĩa là rất hạn chế, thiếu sót, nhưng ít ra cho thấy hướng tìm hiểu, những cái mốc để nghiên cứu đào sâu sau này.

Vấn đề được trình bày về hai phương diện. Đây là một phân biệt cần thiết dựa vào thực tế:

1. Triết học văn học hiện sinh trong phòng hay Sartre trong giới van hóa trí thức.

2. Triết học văn học hiện sinh xuống đường hay Sartre trong van hóa đại chúng và xã hội tiêu thụ.

Từ thuở xưa, triết học vẫn là một sinh hoạt trong nhà (nghe dạy ở giảng đường, đọc sách báo, tranh luận, trao đổi trong phòng) dành riêng cho một số người thuộc giới trí thức, đặc biệt ở các đô thị có điều kiện: thời giờ, khả năng vật chất, trình độ kiến thức.

Đến Marx, triết học đã bắt đầu xuống đường khi Marx quan niệm triết học không phải chỉ để giải thích mà còn biến đổi thế giới, và biến đổi do giai cấp công nhân làm. Công nhân biểu tình, bãi công không phải là nổi loạn mà là làm Cách mạng, nghĩa là thực hiện triết học và thực hiện ở ngoài đường, không phải trong phòng.

Tư bản cũng đưa triết học xuống đường bằng các phương tiện truyền thông hiện đại thực hiện "Văn Hóa Đại Chúng" gắn liền với việc thực hiện "Xã Hội Tiêu Thụ". Hiện sinh, cơ cấu, tâm phân học hay cả những tư tưởng khoa học rất chuyên môn, như của Teilhard De Chardin cũng không còn dành riêng cho một dúm mấy nhà cổ sinh vật học nữa, mà đều xuống đường, trở thành "món ăn tinh thần" của đông đảo quần chúng.

A. Triết học trong phòng

Phương tiện du nhập và truyền đạt

1. Nhập cảng sách báo

Theo thuyết trình của Bộ Thông Tin chế độ cũ về tình hình xuất bản và nhập cảng sách từ 1954 đến 1972 (1), số sách nhập cảng - gồm sách giáo khoa và đại chúng (văn hóa) - trong 18 năm lên xuống thất thường; sách giáo khoa nhiều nhất là 5.000 cuốn, ít nhất là 900 cuốn, sách văn hóa nhiều nhất 15.000, thấp nhất là 3.000 (đồ biểu, trg. 72, cho thấy những năm 54, 57 và 64, 65, 66 số nhập cao nhất, những năm 58-62 và từ 67 đến 72 xuống thấp nhất. Chẳng hạn năm 1965: sách văn hóa 15.674 cuốn; năm 1971: 7.779 cuốn). Số sách này bao gồm cả ba loại: tiếng Anh, tiếng Pháp, Hoa ngữ, gồm đủ các loại (biên khảo, sáng tác, tôn giáo, khoa học, văn học). Một bảng thống kê cho thấy sách nhập về thể loại thì rất phong phú (gồm nhiều loại) nhưng về số lượng rất nghèo (có cuốn chỉ nhập một hai đơn vị).

Điều đó cho thấy mặc dầu sách ngoại quốc nhập cảng phong phú về tác phẩm, nhưng lại quá ít về số lượng, nên luôn luôn chỉ đóng một vai trò phụ thuộc rất khiêm nhượng trên thị trường sách báo nước nhà (2). Theo bản phúc trình, lý do nhập cảng bị hạn chế là vì khan hiếm ngoại tệ. Vào những năm 1950, thương vụ xuất cảng còn khá nhờ vào chương trình viện trợ văn hóa của Hoa Kỳ I.M.G. (Informational Media Guar-

anty). Nhưng khi chiến tranh tái phát, ngoại tệ bị hạn chế, các nhà nhập cảng sách phải chịu chế độ *quota*, nghĩa là mỗi năm chỉ được quyền sử dụng tối đa một số ngoại tệ nào đó thôi, chính phủ còn vì lý do tiết kiệm ngoại tệ, lập Ủy Ban Liên Bộ để kiểm soát trước các sách dự định nhập cảng (tr. 85, 86). Sau 1963, chính phủ Pháp nhận tài trợ cho các loại sách nhập từ Pháp qua khuôn khổ I.C. (Procédure d'Information Culture) bán rẻ "nhờ thế tình hình nhập cảng trong hai năm 1964, 65 bỗng tăng vọt lên một cách đột ngột, nhưng từ 67 thì lại xẹp xuống".

Bài thuyết trình trên chỉ cho ta ý niệm về tình hình nhập cảng tổng quát, không rõ trong số sách nhập đó, bao nhiêu phần trăm dành cho triết học, văn học.

2. Hiệu sách

Theo tài liệu kể trên, có 44 nhà nhập cảng sách: 27 nhà nhập cảng sách Anh, Pháp và 17 sách Hoa ngữ. Thực ra chỉ có 11 nhà hoạt động. Trong số này Xuân Thu, Việt Bằng chuyên nhập sách văn hóa; Khai Trí, Nguyễn Trung, Văn Nghệ, Văn Hóa nhập cả sách giáo khoa và văn hóa (tr. 85).

Vì ít vốn, nên các nhà nhập cảng sách thường làm sao nhập nhiều loại (vì quá phong phú) do đó mỗi tác phẩm chỉ nhập độ vài chục cuốn, có khi một hai cuốn (tr. 85). Đó là về tình trạng sách nhập nói chung.

Thực ra, rất khó kiếm mua những sách ngoại quốc cần thiết ở các tiệm sách chuyên bán sách ngoại quốc vì họ nhập quá ít, nên thường gởi mua thẳng ở Pháp hay nhờ bạn bè, bà con mua gởi về.

Còn về tình trạng bán sách nói chung (sách tiếng Việt) theo báo cáo kể trên, sách được chia làm 6 loại:

Loại1. Loại truyện 20 (20 $)

Loại 2. Loại khiêu dâm

Loại 3. Loại ma quái

Loại 4. Loại sa đọa

Loại 5. Loại phản chiến

Loại 6. Loại có giá trị đích thật

Sách về hiện sinh được xếp vào loại 4. "Với sự xuất hiện của phong trào Hippy và triết thuyết hiện sinh, ở Việt Nam cũng xuất hiện một loại sách có khuynh hướng cổ xúy những cảnh vô luân, nếp sống buông thả trụy lạc, coi đó là hình ảnh của tự do đáng chiêm ngưỡng. Phải thành thật nhìn nhận rằng loại sách này đã thu hút được một số khá đông độc giả, đặc biệt là giới trẻ ở thị thành. Lý do là cái xấu vốn dễ lôi cuốn hơn cái tốt. Ngoài ra giá tiền loại sách này lại vừa phải dễ mua. Hình thức thì

lòe loẹt, lộng lẫy rất hợp với tính tình của giới trẻ. Do đó loại sách này bán khá chạy" (tr. 91).

"Bước sang đầu năm 1961 đến 1968, thì các tác phẩm của J.P. Sartre, Andre Gide, A. Camus được kể như bán chạy nhất" (tr. 95).

3. Thư viện

Nói chung, thư viện công (thư viện Quốc Gia, thư viện Đại học Văn Khoa) không có nhiều các sách hiện đại, loại sách nhập. Nhưng ở các thư viện tư như:

* Thư viện của Phái Bộ Văn Hóa Pháp, của Goethe Institut kể như gần đây đủ các sách báo mới xuất bản có thể đọc tại chỗ hay mượn về nhà.

* Thư viện của Công Giáo, thư viện Đại học Đà Lạt, Giáo Hoàng Chủng Viện Đà Lạt, thư viện Đắc Lộ, Đại học Vạn Hạnh của Phật Giáo. (3)

* Thư viện cá nhân của những người thích văn hóa hay làm công tác giảng dạy (Đại học, Trung học) nhiều người có kể như đầy đủ những sách thuộc loại chuyên môn của mình. Nếu cần làm tài liệu, chụp photocopie rất rẻ, nên việc phổ biến do đó được thuận lợi.

Ngay chính sinh viên cũng có thể trang bị cho thư viện riêng của mình một vài cuốn cần thiết bằng ngoại ngữ.

4. Đài phát thành Sài Gòn

Mỗi tuần, vào buổi tối có chương trình 15 hoặc 30 phút dành cho mục văn học nước ngoài, giới thiệu tác giả, tác phẩm.

5. Trường học

Dưới Trung học, chương trình Việt có học Triết ở các lớp cuối, nhất là ban C (Sinh ngữ) học 9 giờ Triết, các giáo viên có thể nhắc đến hiện sinh, Sartre trong các môn dạy Đạo đức học và Siêu hình học.

Chương trình Pháp ở các trường Pháp do Phái Bộ Văn Hóa Pháp quản lý hoặc các trường đạo có dạy chương trình Pháp (Sài Gòn, Đà Lạt, Nha Trang, Huế, Đà Nẵng) có lớp Triết như chương trình Việt.

Trên Đại học ở các trường Đại học Văn Khoa, Đại học Sư Phạm, ban Triết học Tây phương có 4 chứng chỉ, hoặc 4 năm học, các giáo sư có thể giảng về hiện sinh ở chứng chỉ Đạo đức học, Siêu hình học và Lịch sử Triết học Tây phương (thời Hiện đại, 4 giờ); Nhưng thực ra, xu hướng chung chú trọng nhiều vào hiện tượng hoặc các tác giả Đức (Heidegger,Scheler), Đan Mạch (Kiergaard) được coi như nguồn gốc

Triết học Hiện sinh.

Ban Pháp văn, dạy bằng tiếng Pháp, có nhiều giáo sư Pháp thuộc Phái Bộ Văn Hóa Pháp cộng tác, nhất là trong chứng chỉ văn chương Pháp, thường giảng nhiều về Sartre, Camus về mặt văn học.

Ngoài công tác giảng dạy, trường Đại học cũng thường tổ chức các buổi diễn thuyết mời khán giả ngoài Đại học dự (hoặc bằng tiếng Việt hay tiếng Pháp, tiếng Anh). Thỉnh thoảng có đề tài về hiện sinh có các giáo sư Pháp, Việt phụ trách.

Cơ cấu tổ chức trên chỉ có ở các trường công tại Sài Gòn, Huế và trường tư Viện Đại học Đà Lạt. Về sau, nhiều Đại học tư, công lập khác được mở (sau 1963) chịu ảnh hưởng lối tổ chức Đại học Mỹ, thực dụng, không có ban Triết (Nha Trang, Tây Ninh, Cần Thơ, Long Xuyên) chỉ có ban Văn, nên việc giảng dạy hiện sinh bị hạn chế, không còn có chỗ đứng chính thức trong chương trình học.

6. Các hội văn hóa

Pháp Văn Đồng Minh Hội (Alliance Francaise), Văn Hóa Á Châu, Hội Thân Hữu Văn Khoa (Cựu Sinh Viên Văn Khoa, Hà Nội, Sài Gòn), Văn Hóa Bình Dân. Những hội này thường tổ chức các buổi nói chuyện diễn thuyết. Tôi không có tài liệu sẵn về sinh hoạt của các hội này từ 1954 đến 1975. Nhưng tôi nhớ chỉ có Alliance Francaise hay tổ chức diễn thuyết và có nhiều lần nói về Camus, Sartre hoặc do các giáo sư thuộc Phái Bộ Văn Hóa Pháp thường trú tại Sài Gòn hoặc do các học giả, nhà phê bình được mời từ Pháp sang, còn các hội người Việt, nếu tôi không nhầm thì hình như không có lần nào tổ chức diễn thuyết về hiện sinh.

7. Sách báo xuất bản

Trên cơ sở những tài liệu hiện có, tôi giới thiệu những sách báo đã nói về hiện sinh, các tác giả hiện sinh, đặc biệt về Sartre để người đọc có một cái nhìn tổng quát, tuy còn thiếu sót, về chiều hướng số lượng phổ biến hiện sinh, Sartre.

* Báo

Những tạp chí thuộc các Đại học

*Tạp Chí **Đại Học** Huế*

- Vấn đề giải thoát con người trong Phật Giáo và tư tưởng J.P. Sartre. Nguyễn Văn Trung, số 2, tháng 5/1958.

- Thời gian hiện sinh trong Đoạn Trường Tân Thanh. Lê Tuyên, số 9, tháng 5/1959.

- Cái nhìn hay đám cưới với cuộc đời. Nguyễn Văn Trung, số 13, tháng 01/1960.

Tưởng niệm Camus, số 14, tháng 3/1960

- Vài cảm nghĩ về tình cảnh phi lý của kẻ lưu đầy. Nguyễn Văn Trung.

- Từ tri thức phản kháng đến tình liên đới nhân loại. Lê Tuyên.

- Le Message interrompu d'A. Camus. P. Rietsch.

- Người khách trọ (Camus) dịch.

Trào lưu hiện sinh, số 18, tháng 11/1960.

- Vị trí của trào lưu hiện sinh trong lịch sử triết học. Trần Văn Toàn.

- Giới thiệu triết học Merleau Ponty. Trần Thái Đỉnh.

- G. Marcel hay Con người là một huyền nhiệm. Thân Văn Tường.

- Vấn đề con người trong tư tưởng Karl Jaspers. Lê Tôn Nghiêm.

- M. Heidegger, triết gia của chân lý (dịch). R. Campbell.

- Cuộc đời như một tra hỏi. Nguyễn Văn Trung.

- Karl Jaspers hay là Thảm trạng của tri thức trong thân phận con người, số 3 năm IV. Thân Văn Tường, tháng 7/1961.

- M. Heidegger là triết gia của Hữu thể hay của Hư vô. Thân Văn Tường, số 6, năm IV, tháng 12/1961.

- Thi ca và Triết học. Nguyễn Văn Trung, số 2, năm V, tháng 4/1962.

Tìm hiểu tha nhân, số 5, năm IV, tháng 10/1962.

- Yếu tính của tha nhân. Trần Thái Đỉnh.

- Tôi với người khác. Cung Giũ Nguyên.

- Tha nhân, thành phần của bản thân tôi. Trần Văn Toàn.

- Heidegger và bản chất của thi ca. Trần Thái Đỉnh.

Tư Tưởng, cơ quan luận thuyết của Đại học Vạn Hạnh, số 5, tháng 10/1969 chủ đề M. Heidegger và sự thất bại của tư tưởng Tây phương hiện nay.

- Vị trí của vô thể Heidegger trong tư tưởng Đại thừa. Ngô Trọng Anh.

- Heidegger trước sự phá sản của tư tưởng Tây phương. Lê Tôn Nghiêm.

- Từ Heidegger I đến Heidegger II. Trần Công Tiến.

- Sự thất bại toàn diện của Heidegger và con đường tư tưởng Việt Nam. Phạm Công Thiện.

- Tư tưởng là gì? Tuệ Sỹ.

Số 1, 1969. Hiện tượng học Husserl.

- Hiện tượng học về Hiện tượng học Husserl. Phạm Công Thiện.

- Vấn đề thực tại trong Hiện tượng học Husserl. Ngô Trọng Anh.

- Môi trường tiên nghiệm trong Hiện tượng học Husserl về cuộc đời. Lê Tôn Nghiêm.

- Trầm tư về cái chết trong tư tưởng Heidegger và Phật Giáo. Chơn Hạnh. Số 1, tháng 3-1971.

Tri Thức (tập san nghiên cứu của Viện Đại học Đà Lạt).

- Tình yêu và hận thù trong quan điểm hiện tượng luận của Sartre. Đỗ Ngọc Long. Tháng giêng 1974.

- Tiểu thuyết hiện sinh là gì? (trong có phần về tiểu thuyết hiện sinh ở Việt Nam). Đỗ Ngọc Long, tháng 5/1974.

Tạp Chí Triết Học (Đại học Văn Khoa Sài Gòn)

Sinh viên ban Triết Đại học Văn Khoa Sài Gòn lập một hội Triết học và thường xuất bản không đều những số đặc san *Triết học* (in ronéo hay Typo).

- Triết học hiện sinh, giờ thứ 25 của Triết học Tây phương. Nguyễn Văn Xung (Đặc san Triết Văn Khoa, số 1, 1963).

- Heraclite và con đường triết lý ngôn ngữ của Heidegger (tập san nghiên cứu triết học), tháng Giêng/75.

(Chú thích: Tạp chí này ra thất thường, nhưng kéo dài trong nhiều năm và hay có bài về hiện sinh).

- Những tạp chí ngoài Đại học

Văn Hóa Á Châu (cơ quan của Hội Liên Lạc Văn Hóa Á Châu, Nguyễn Đăng Thục chủ nhiệm).

- Phật Giáo và chủ nghĩa hiện sinh. Quang Ninh, số tháng 12/1968.

- Camus giữa lòng thế kỷ XX. Nguyễn Khắc Hoạch, số tháng 4/1960.

Triết lý Ấn Độ dưới mắt các triết gia hiện sinh. Dung Đạo, số tháng 10/1960.

Sáng Tạo (Mai Thảo chủ nhiệm)

- Văn chương và siêu hình học. Nguyễn Văn Trung, số 10, tháng 7/1957.

- Nhận định đại cương về triết học hiện hữu. Nguyên Sa, số 14, tháng 11/1957.

- Khái niệm về chủ nghĩa hiện sinh. Quang Ninh, số 28, 29 tháng 1,2/1959.

Trình bày và phê bình hai quan niệm nổi loạn của Camus. Thạch Chương, số tháng 9/1960.

- Dịch và giới thiệu: Người đàn bà ngoại tình của Camus. Nguyễn

Văn Trung, số tháng 12/1960.

Hiện Đại (Nguyên Sa chủ nhiệm)

- A. Camus. Trịnh Viết Thành, số 1, tháng 4/1960.
- A. Camus (nhận giải thưởng Nobel). Mặc Đỗ, số 5, tháng 8/1960.

Thế Kỷ 20 (Nguyễn Khắc Hoạch chủ biên)

- Văn chương hiện sinh. Nguyễn Văn Trung, số 3, tháng 09/1960.
- Luân lý và văn học. Nguyễn Văn Trung, số 4, tháng 10/1960.
- Thi ca với triết lý trong tư tưởng Holderlein. Hoàng Châu Thanh, số 5, tháng 11/1960.
- Thiên nhiên trong thơ ca Holderlein. Hoàng Châu Thanh, số 6, tháng 12/1960.

Văn Đàn (Phạm Đình Tân chủ nhiệm)

- Nhân đọc bài Luân lý và văn học của ông Nguyễn Văn Trung từ thái độ cởi mở đến sự phủ nhận luân lý trong lãnh vực văn học. Bùi Tuân, số 22, 5/11/1960.
- Lại một trạng trí cuồng loạn phơi bày trong tiểu thuyết. Nguyên Đức Trọng, số 22.
- Một thái độ khó hiểu của ông Nguyễn Văn Trung. Văn Đàn số 23, 12/11/1960.
- Trở lại vấn đề luân lý và văn học. Nguyễn Văn Trung, số 24, 19/22/1960.
- Chúng tôi tố cáo mầm phản loạn trong văn nghệ. Bút Nhọn, số 25, 3/12/1960.
- Tán thành hay phản đối văn chương hiện sinh? Anh Chức, 3/12/1960.
- Lắng lặng mà nghe (kính dâng hương hồn sống của các đồ đệ J.P. Sartre) - Sa Nhàng (thơ, Nụ Cười, Đốc Bâm).
- Cười nụ. Hiện sinh (thơ) Nam Phương Sóc, số 27, 17/12/1960.
- Chúng tôi cực lực phản đối cái thuyết dã thú hóa ra con người của ông Thạch Chương. Cô Thùy Dương, 17/12/1960.

Tạp Chí ***Văn Hữu*** (Văn Hóa Vụ Bộ Thông Tin, Nguyễn Duy Miễn Giám Đốc).

- Thanh niên hư hỏng và thuyết hiện hữu của J.P. Sartre, Võ Vi, số 6 tháng 6/1960.
- Theo dõi một cuộc tranh luận (về luân lý và văn học). Quốc Minh, số 9, tháng 12/1961.

Trở về nguồn gốc chủ nghĩa hiện sinh (số tháng 7/1061).

- Những biến cố trong cuộc đời Kiergaard. Dung Đạo.
- Phương pháp tư tưởng của Kiergaard. Dung Đạo.

- Các giai đoạn hiện sinh.

- Những phạm trù căn bản của chủ nghĩa hiện sinh. Dung Đạo.

- J.P. Sartre, ác quỷ hay thiên thần. Bất Chí Thanh.

- Sau phong trào triết lý phi lý. Thu Thủy.

Văn Nghệ (tạp chí tranh đấu văn học nghệ thuật mới, Lý Hoàng Phong chủ nhiệm)

Dịch Hạch (Camus) số tháng 11/12/1963.

Chỉ Đạo (cơ quan của Nha Chiến tranh Tâm lý)

J.P. Sartre, những người cầm cố tại Altona, Quốc Chính, số 63, Quốc Khánh 62 (26/10/1962)

Tin Sách (cơ quan Văn Bút) Giải đáp thắc mắc những con cua của Sartre. Nguyễn Văn Trung Nguyễn Mạnh Côn, số 2/1962.

Nhân Loại (tập san văn nghệ, Anh Đào chủ nhiệm)

- Nhà văn Tam Ích theo thuyết hiện hữu? Ngọc Linh, số 1, tháng 8/1958.

- J.P. Sartre với văn chương hiện sinh. Nguyễn Như Thanh, số 9, tháng 1/1959.

Vạn Hạnh (tạp chí phát huy văn hóa Phật Giáo, dân tộc, Thích Đức Nhuận chủ nhiệm)

- J.P. Sartre, tự do hay đau khổ. Trần Thanh Hiệp, số 5, tháng 10/1965.

- Từ biện chứng hiện sinh đến biện chứng tương quan. Tuệ Sỹ, số 6, 7.

- Tác phẩm La Nausée dưới con mắt Phật tử. K.H. số 12

Vấn Đề (Vũ Khắc Khoan chủ nhiệm)

- Đặt lại giá trị và giới hạn của triết lý J.P. Sartre. Phạm Công Thiện, số 18, tháng 1/1969.

Nghệ Thuật (Mai Thảo chủ nhiệm)

- Simone de Beauvoir và quan niệm về văn chương. Phạm Kiều Tùng, số 24, tháng 1/1966.

Đất Nước (Nguyễn Văn Trung chủ nhiệm)

Chủ đề: Văn nghệ theo đuôi, số 2, tháng 12/1967.

- Rời bỏ văn chương trú ẩn. Nguyên Sa.

- Triết học hiện sinh và những người cầm bút ở miền Nam. Nguyễn Trọng Văn.

- Hoàn cảnh những người cầm bút miền Nam trước và sau 1963. Nguyễn Trọng Văn, số 7, tháng 11/1968.

Nghiên cứu Văn học (Thanh Lãng chủ nhiệm)

- Văn học của những tình thế cực đoan. J.P. Sartre (dịch), số 4, tháng 4/1968.

- Nghĩ về văn chương hiện sinh. Thế Nguyên, số 6, tháng 6/1968.

Văn Học (Phan Kim Thịnh chủ nhiệm)

- Camus và nền văn chương triết học. Bùi Ngọc Dung, số 13, tháng 11/1963.

- J.P. Sartre, từ hiện sinh đến biện chứng. Bùi Ngọc Dung, số 20, tháng 6/1964.

- Nhân giải thưởng văn chương Nobel, tìm hiểu vở kịch những kẻ tự giam thành Altona của J.P. Sartre. Hoàng Vũ Đ.V., số 28, tháng 11/1964.

- Thi sĩ da đen (giới thiệu Orphée noire, J.P. Sartre) Phạm Hùng dịch, số 57, 58, tháng 5/1966.

- Số đặc biệt về: Chủ nghĩa hiện sinh trong văn chương Việt Nam, số 60, 15/5/1966.

- Lời giới thiệu - văn học.

- Việt Nam trong thử thách. Trần Triệu Luật.

- Chủ nghĩa hiện sinh (trả lời phỏng vấn). Trần Thái Đỉnh, Nguyễn Văn Trung.

- Tổng quát về thuyết hiện sinh. P. Foulquié. Thụ Nhân dịch.

- Cuộc cách mạng lớn nhất kể từ hiện sinh. M. Chapsal, N.T.H. dịch.

- Thi sĩ da đen, J.P. Sartre, Nguyễn Tử Lộc dịch.

- Đi tìm hiện hữu hay quyện sinh. Trần Nhựt Tân, số 75, tháng 2/1967.

Bách Khoa (Lê Ngộ Châu chủ nhiệm)

- A. Camus và thuyết chống đối. Cô Liêu, số 76, 77/1960.

- Bộ mặt thật của triết học hiện sinh. Trần Hương Tử, số 114/1961.

- Những đề tài của triết học hiện sinh. Trần Hương Tử, số 115.

- Hai ngành chính của triết học hiện sinh. Trần Hương Tử, số 116.

- Kiergaard, ông tổ hiện sinh chính thức, số 117, 118.

- Nietzsche, hiện sinh vô thần, số 119, 120.

- Tưởng niệm Merleau Ponty, Trần Quí Thăng, số 120.

- Husserl, ông tổ văn chương triết lý hiện tượng học. Trần Hương Tử, số 121.

- Phương pháp hiện tượng học. Trần Hương Tử, số 122.

- Sartre, hiện sinh và siêu việt. Trần Hương Tử, số 123.

- Triết gia và hiện sinh. Trần Hương Tử, số 124.

- Siêu việt thể của Jaspers. Trần Hương Tử, số 125, 126, 127.

- Marcel, hiện sinh và huyền nhiệm. Trần Hương Tử, số 129, 130, 131.

- Sartre hay là thuyết hiện sinh phi lý. Trần Hương Tử, số 132.
- Nhân sinh quan của Sartre. Trần Hương Tử, số 133, 134 (1962).
Tổng kết về phong trào triết hiện sinh, số 135, 136.
- Heidegger và bản chất của thi ca. Trần Hương Tử, số 169.
- Đọc vũ trụ chữ nghĩa của J.P. Sartre. Nguyễn Văn Trung, số 178.
- Về quan điểm văn học của J.P. Sartre. Tràng Thiên, số 180.
- Giải Nobel văn chương 1964 và J.P. Sartre. Thu Thủy, số 189.
- Triết học hiện sinh (điểm sách của Trần Thái Đỉnh). Nguyễn Văn Trung, số 251.
- Triết hiện sinh và chính trị. Trần Thái Đỉnh, số 264 (1/1/1968)
- Về một thái độ của tả phái. Hồ Dã Tưởng, số 264.
- Những con hoang của Nguyễn Văn Trung. Nguyễn Trọng Văn, số 264.
- Sartre trong đời tôi. Nguyễn Văn Trung, số 265, 266, 267, 268, 269, 270.

Văn (Nguyễn Đình Vượng, Trần Phong Giao)

Số 2, đặc biệt về Camus (15/1/1964)
- Người đàn bà ngoại tình (Camus) Vũ Đình Lam dịch.
- Gió về Djémila (Camus) Trần Thiện Đạo dịch.
- Quê hương và lưu đày (Camus) Nguyễn Văn Trung giới thiệu.
- Gặp gỡ giữa Ôn Như Hầu và Camus, Đặng Tiến.
- Cảm nghĩ về cuốn "Dịch Hạch". Hoàng Văn Đức.
- Người phản kháng. Nguyễn Văn Trung.
- Cắt nghĩa cuốn "Người Xa Lạ" J.P. Sartre. Nguyễn Minh Hoàng dịch.
- Vào đạo Phật qua lối ngõ J.P. Sartre. Thích Đức Nhuận, số 10 (15/5/1964).

Số 17, đặc biệt về Sartre (1/9/1964)

Tiểu sử Văn.
- Cuộc tranh luận về văn nghệ giữa Sartre, Y. Berger, Simone. Trần Thiện Đạo.
- Sartre tỏ rõ thêm về quyển "Les Mots" J. Piatier. Trần Thiện Đạo dịch.
- Những tình bạn dang dở. Nguyễn Văn Trung.
- Lịch sử cảm giác buồn nôn trong văn chương Tây phương hiện đại. Hoàng Văn Đức.
- Tìm hiểu đạo đức Sartre. Trần Thiện Đạo.
- Xem vở kịch Les Mouches.
- Tại sao tôi dịch cuốn "Guồng Máy". Trần Phong Giao.

- Nhân đọc lại cuốn "Guồng Máy". Nguyễn Mạnh Côn.
- Bản viết gọn cuốn "Những Chữ". Nguyễn Minh Hoàng.
- J.P. Sartre và giải Nobel. Trần Thiện Đạo số 21.

Số 25, tưởng niệm Camus (1/1/1965)

- Thân thế và tác phẩm. Trần Phong Giao.
- Camus người đánh cuộc với đời. Alberès.
- A. Camus, J.P. Sartre. Trần Thiện Đạo dịch.
- Nền tảng đạo đức luận của Camus. Vũ Đình Lưu.

Những người trung thực (dịch Les Justes) của Camus. Trần Phong Giao.

- Cuộc tranh luận: Văn nghệ có tác dụng gì giữa nhà văn hiện đại. Trần Thiện Đạo, số 28.
- J.P. Sartre, thân thế và sự nghiệp (tiểu luận), số 31 (1//4/1965).
- Văn chương là gì? J.P. Sartre, dịch, số 59.
- Sa đọa (dịch La Chute), số 67, số 78 (15/3/1967)

Giới thiệu và đọc Simone de Beauvoir

- Thân thế và tác phẩm, Pierre de Boisdeffre.
- Giới thiệu về cấu kết tập hồi ký La Force Des Choses. S. de Beauvoir.
- Nói về nền văn nghệ dấn thân và tiểu thuyết mới.
- Phỏng vấn Simone de Beauvoir. M. Chapsal.
- Simone de Beauvoir và những hình ảnh đẹp. Huỳnh Phan Anh.
- Văn nghệ có thế lực gì? Simone de Beauvoir.

Để xây dựng một đạo đức học căn cứ trên tình trạng mơ hồ của đời sống. Simone de Beauvoir.

- Giới thiệu tác phẩm "Một Cái Chết Rất Dịu Dàng", Vũ Đình Lưu.
- Tiền phong là gì? J.P. Sartre. Trần Thiện Đạo dịch/giới thiệu số 87.

Số 152, đặc biệt về Sartre (15/4/1970)

- Viết về J.P. Sartre, Huỳnh Phan Anh.
- Sartre những kẻ cuồng dâm và những kẻ chó má. J.L. Curtier.
- Sartre, nạn nhân của Thượng Đế. M. Le Clezio.
- Sartre nói về Sartre. Lê Huy Oanh dịch.

Số 157, đặc biệt về Simone de Beauvoir (1/7/1970)

- Hành trình của S. de Beauvoir. Huỳnh Phan Anh.
- Văn chương với S. de Beauvoir. Đặng Phùng Quân.
- Chân dung S. de Beauvoir vào tuổi thanh xuân. Những cuộc nổi loạn của S. de Beauvoir và hiện hữu tha nhân. T. Beuier.

Nói chuyện với S. de Beauvoir (phỏng vấn) Mad. Gobiel.

- Nhà họa sĩ không ưu quyền J.P. Sartre, dịch số 199 (1/4/1972).

Văn (Nguyễn Đình Vượng quản lý, Trần Phong Giao phụ trách bài vở) Chuyên san xuất bản hàng tháng, nghiên cứu và phê bình văn học.

- Văn học hiện tượng luận có phải là văn học khiêu dâm không? Tam Ích, tập 1, năm I, 1967.

- Từ lăng kính Nho Phật Lão đến lăng kính hiện tượng luận. Tam Ích, tập 2, năm I, 1967.

- Heidegger, Jaspers, và bối cảnh Phật Lão Trang. Tam Ích, tập 3, năm I, 1967.

- Tìm hiểu về kịch Les Mouches của Sartre. Trần Thiện Đạo, tập 1, năm II, tháng 11/1967.

Tân Văn (Nguyễn Đình Vượng, Trần Phong Giao)

- Sartre và Heidegger, các ông là ai, và bây giờ các ông đi đâu? Tam Ích, số I, tháng 8/1968.

Quần Chúng (Cao Thế Dung quản nhiệm)

- Tiểu thuyết Nguyễn Thị Hoàng, sự buồn lậu tư tưởng trong một con bịnh dân thành phố. Cao Thế Dung, số 6/1968.

- Văn nghệ, văn hóa qua những hình thái thông ngôn nô dịch. Cao Thế Dung số 20/7/1969.

- Từ văn hóa "cải lương" đến văn chương đồi trụy và thứ cần sa của ngoại bang. Khải Triều, số 20/7/1969.

- Mại bản văn hóa và mấy hình thái thông ngôn nô dịch. Cao Thế Dung, số 16, 5/8/1969.

Tin Văn (Nguyễn Ngọc Lương chủ nhiệm)

- Nhân một quyết định của Bộ Văn Hóa Giáo Dục về việc bài trừ sách báo đồi trụy. Tin Văn, số 3, tháng 6/7/1966.

- Hiện tượng dâm ô đồi trụy trong văn học hiện nay. Tin Văn số 9, 15/10/1966.

- Đọc tác phẩm của Chu Tử. Lữ Phương, số 10, 30/10/1966.

Trình Bày (chủ nhiệm Thế Nguyên)

- Trí thức và cách mạng. J.P. Sartre (trả lời phỏng vấn của báo Le Point), số 14, 15/2/1971.

- Nói chuyện với J.P. Sartre về văn học, triết lý và sự dấn thân của các nhà văn M. Contat, M. Habalka (trong báo Le Monde, số 14/5/1971), số 22, 17/6/1971.

- Văn học của những tình thế cực đoan J.P. Sartre. Đỗ Long Vân dịch, số 42, 2/9/1972.

Văn Mới (Tổng thư ký: Sâm Thương)

- Từ hiện sinh đến tính dục. Nguyễn Trọng Văn, số 2, 15/11/1971.

- Triết lý ảo tưởng hay ảo tưởng triết lý. Nam Hà Trung, số 2, 15/11/

1971.

* Sách

Dịch tác phẩm của Sartre:

- Guồng Máy (L'engrenage) Trần Phong Giao. Thời Mới xb, Sài Gòn, 1963.

- Ả Giang Hô (La P. respectueuse) Nguyễn Minh Hoàng. Giao Điểm xb, 1964.

- Không Một Nấm Mồ (Morts Sans Sépultures) Trần Phong Giao, Giao Điểm xb, 1964.

- Kín Cửa (Huis Clos) Trần Thiện Đạo. Giao Điểm xb, Sài Gòn, 1965.

- Những Bàn Tay Bẩn (Les Mains Sales) Vĩnh Phong, Ngày Nay xb, Sài Gòn, 1965.

- Hiện Sinh Một Nhân Bản Thuyết. Thụ Nhân, Nhị Nùng xb, Sài Gòn, 1965 (L'existentialisme est un humanisme)

- Sự Đã Rồi (Les jeux sont faits) Trần Phong Giao, Nguyễn Xuân Hoàng dịch, Giao Điểm xb, Sài Gòn, 1966.

- Những Ruồi (Les mouches) Phùng Thăng. Thanh Niên xb, Sài Gòn, 1967.

- Buồn Nôn (La nausée) Phùng Thăng. An Tiêm xb, Sài Gòn, 1967.

- Bức Tường (Le mur) Lê Thanh Hoàng Dân.

- Les sésquestrés d'Altona (theo Trần Phong Giao, đã dịch đưa cho Khai Trí, nhưng chưa in).

- Dịch các tác giả khác: Chủ nghĩa hiện sinh. P. Foulquié (l'existentialisme) Thụ Nhân dịch. Nhị Nùng xb, Sài Gòn, 1967.

Biên khảo.

- Triết học hiện sinh. Trần Thái Đỉnh. Thời Mới xb, Sài Gòn, 1968.

- Hiện tượng luận về hiện sinh. Lê Thành Trị. Phủ Quốc Vụ Khanh, đặc trách văn hóa xb, 1969.

- Nguyên tử hiện sinh và hư vô. Nghiêm Xuân Hồng. Hoàng Đông Phương xb, Sài Gòn, 1969.

- Chuyển hiện Đạo Phật vào thời đại. Đức Nhuận, Vạn Hạnh xb, Sài Gòn, 1967.

Trong sách có chương nói về hiện sinh trong triết học và vào Đạo Phật qua lối ngõ J.P. Sartre.

- Tại Ban Triết học Tây phương, trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn, có một số luận án cao học Triết đã được đệ trình, liên quan đến hiện sinh, hiện tượng luận nhưng ít có đề biên khảo về Sartre.

- Mối liên hệ giữa người với người trong Triết học G. Marcel. Nguyễn Văn Phiên, 1964.

- L'existence d'autrui et la fidèleté dans l'oeuvre de G. Marcel. Đặng Phùng Quân, 1967.

- Từ hiện tượng luận Husserl đến hiện tượng luận Heidegger. Trần Công Tiến, 1969.

- Vấn đề thân xác trong Triết học Merleau Ponty. Nguyễn Học Sĩ, 1972.

- Sinh hoạt cảm xúc trong hiện tượng luận của M. Scheler. Nguyễn Đăng Trúc, 1973.

- Tương quan giữa tư tưởng và tượng trưng (hiện tượng luận thông diễn của P. Ricoeur). Nguyễn Ngọc Phách, 1974.

- Chủ trương phê bình duy tâm lý của Husserl trong dự định xây dựng ý thức hiện tượng luận. Đỗ Văn Mộng Hùng, 1974.

- Quan niệm của Sartre về hữu thể. Trần Nhựt Tân (chuẩn bị luận án tiến sĩ)

* Áp dụng hiện sinh vào văn học Việt Nam

- Chinh phụ ngâm và tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đầy. Lê Tuyên. Đại Học xb, Huế, 1961.

- Phân tích chủ đề văn chương, Trần Nhựt Tân, Lửa Thiêng xb, Sài Gòn, 1974. (Trong sách có chương về "cảm thức hư vô" trong Vịnh nhân sinh Nguyễn Công Trứ, tình hoài hương, khát vọng vĩnh cửu trong Tống biệt thiên thai (Tản Đà).

- Tập thơ độc nhất (thơ và Triết học) Trần Văn Nam. Tác giả xb, Trình Bày, Sài Gòn, 1963.

- Tập thơ bổ khuyết.

* Sartre và các phong trào tranh đấu đô thị ở miền Nam.

Vào thời kỳ có tòa án Russell (1966-1967) trong nội bộ các phong trào đấu tranh ở đô thị có phổ biến bản dịch in ronéo toàn văn bài "Diệt chủng" (Le genocide) của Sartre đăng trong Les temps modernes số 259, tháng chạp 1967.

1. Về tình hình phát hành

Tôi không có số lượng chính xác, nhưng nói chung tạp chí, báo bán chạy hơn; về sách, cuốn Triết Học Hiện Sinh của Trần Thái Đỉnh bán được hết vì viết tương đối dễ hiểu. Theo Tràng Thiên (bút hiệu của Võ Phiến) phụ trách nhà xuất bản Thời Mới trả lời Bách Khoa phỏng vấn về tình hình xuất bản cho biết: Cuốn sách trên bán được 2.500 tập (Bách

Khoa số 289, ngày 15/11/1969, tr. 39). Cuốn của Lê Thành Trị chắc không bán được vì vừa viết khó hiểu vừa do nhà nước xuất bản...

Theo Trần Phong Giao (hiện còn ở VN, phụ trách Văn, Tân Văn) báo Văn có lúc in bán được 14, 15 ngàn số hồi 1967, 68 sau Mậu Thân xuống 9, 8 ngàn số. Báo bán được, sống được nên không cần quảng cáo hoặc trợ cấp. Báo có ba hướng: giới thiệu các tác giả nước ngoài, thơ văn hợp tuyển trong nước, các tác giả Việt Nam... Thường những số giới thiệu các tác giả Việt Nam bán chạy hơn cả. Về việc giới thiệu văn học nước ngoài, cũng không chú trọng riêng ai, giới thiệu đồng đều, chẳng hạn các nhà văn Nga cũng được dịch, giới thiệu nhiều. Về sách dịch, lúc có phong trào đọc sách dịch thì tác phẩm càng nhiều trang, cổ điển (Pháp, Nga) càng dễ bán.

2. Người truyền đạt, phổ biến

Lúc đầu có hai loại người:

* Giáo sư Đại học, Trung học, phần nhiều du học ở Âu Châu (đặc biệt ở Pháp) về, vì sở thích riêng hay vì nhu cầu giảng dạy trình bày giới thiệu hiện sinh như một trào lưu triết học, theo lối giảng dạy nhà trường (nghĩa là chỉ trình bày mà không phê phán, hoặc có phê phán thì luôn luôn coi đó là ý riêng của mình thôi, và bằng một ngôn ngữ chuyên môn, khó lãnh hội đối với người không có vốn căn bản về triết học văn học).

- Hoặc vẫn ở lại Pháp và gửi bài về (trường hợp Trần Thiện Đạo).

* Những người nghiên cứu, phê bình, viết lách, báo ngoài giới giáo sư, có trình độ ngoại ngữ khá và vốn văn hóa tư tưởng Tây phương được tích lũy từ lâu. Về sau (sau 1963) một số người trẻ được đào tạo ở các trường Đại học cộng đồng (nhất là ban Triết) cũng viết về hiện sinh, hoặc biên khảo: giới thiệu, hay thử áp dụng vào việc nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam. Hoặc sáng tác, đưa một số khái niệm hiện sinh vào thơ, tiểu thuyết.

Nói chung, những bài viết của số người trẻ này (Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Quốc Trụ, Trần Nhựt Tân, Trần Văn Nam, Đặng Phùng Quân...) không đạt được bao nhiêu vì những lý do mà Nguyễn Trọng Văn đã nêu lên trong bài "Những con hoang của Nguyễn Văn Trung" (Bách Khoa, số 264).

Ngoài ra cũng phải kể tới nhóm giáo sư, học giả Pháp giảng dạy hay diễn thuyết về đề tài hiện sinh. Đặc biệt có ông Pierre Ansart, người Marxist, bà con với Gustave Ansart, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng Sản Pháp, thường chọn Sartre và Camus làm đề tài giảng khóa, diễn

thuyết với rất nhiều thiện cảm. Ông hay được đài Hà Nội lúc đó (1963) nhắc tới.

3. Giới tiếp nhận

Giới tiếp nhận văn chương triết lý hiện sinh được quảng bác trong các giảng đường, sách báo kể trên chủ yếu là giới học sinh, sinh viên, và trí thức có trình độ đại học ở các đô thị.

Hồi đầu, thời ông Diệm, ảnh hưởng văn hóa Pháp còn rất mạnh, một số đông giới trẻ này trực tiếp đọc Sartre, Camuss bằng tiếng Pháp vì họ xuất thân từ các trường Pháp; nhưng học sinh, sinh viên theo chương trình Việt thời đó cũng có trình độ Pháp, Anh văn khá (bằng cớ giảng Triết học, tuy bằng tiếng Việt, nhưng sinh viên buộc phải đọc được tài liệu tham khảo bằng tiếng Pháp mới làm bài, luận văn cao học, luận án tiến sĩ được). Loại sau này vừa học, nghe bằng tiếng Việt, vừa đọc nghe bằng tiếng Pháp. Chỉ những năm gần 1975, trình độ ngoại ngữ mới sa sút, phần đông chỉ đọc được bản dịch.

Về số lượng: Sách báo (tạp chí) in và bán ra từ 2.000 đến 5.000.

Lớp học: Lớp Trung học, từ 60 đến 100 người.

Lớp ở Đại học, năm dự bị Đại học Văn Khoa Sài Gòn (nơi đông sinh viên hơn cả) ghi danh từ 2 đến 3.000, đi học thực sự từ 3 đến 400.

Ghi danh thi cuối năm (trên dưới 1.000) sinh viên không đến trường nhưng lấy giáo trình về học ở nhà.

Các lớp năm thứ hai trở lên, hoặc lớp các chứng chỉ, ghi danh từ 100 đến 300, đi học thực sự độ 50, ghi danh thi cuối năm (trên dưới 100).

4. Thời điểm, hoàn cảnh

Triết học hiện sinh bắt đầu được giới thiệu trên sách báo, ở Đại học vào quãng 1957, được nói tới nhiều vào 1960, 61; tình trạng này kéo dài đến 1963, 64, rồi sa sút dần nhường chỗ cho thuyết cơ cấu (1965-68) và sau đó cách mạng tình dục. Ai theo dõi Bách Khoa từ 1957 đến 1975 sẽ thấy rất rõ ba giai đoạn, tiêu biểu bằng ba trào lưu kể trên. Như vậy thứ Triết học hiện sinh trong phòng chủ yếu được phổ biến dưới thời của ông Diệm. Sau đó, vẫn còn tác động, nhưng vừa bị thứ hiện sinh xuống đường lấn át, vừa bị thuyết cơ cấu, cách mạng tình dục qua mặt.

Về hoàn cảnh:

- Kinh tế: Nói chung, đời sống vật chất hồi 57, 58, 60 chỉ nói tới giới trung lưu ở các đô thị, có thể gọi là dủ sống; lương viên chức trung

bình từ 4 đến 7.000$. Giá gạo ngon: 550$/1 tạ (số 1, tháng 12/1957); tháng 10/1958 525$, thấp hơn giá Bộ Kinh Tế qui định; tháng 10/1959 xuống còn 395$; salad 20$/1kg, cải bắp 10$, tại chợ Sài Gòn; 1957 xuất cảng 200.000 tấn gạo. (4)

- Chính trị: Tình thế ổn định - Ông Diệm dẹp xong tất cả mọi đối lập võ trang. Cách mạng thì còn ở xa, người dân có cảm tưởng chế độ vững chãi, chỉ sau đảo chính hụt cuối 60 mới thấy nứt rạn. Hồi 59, 60 có thể coi là đỉnh cao của chế độ ông Diệm, quyền bính tập trung trong tay gia đình ông Diệm; chỉ đạo tập trung, địa phương hoàn toàn theo lệnh của Trung ương.

- Ý thức hệ: Chính thức là thuyết nhân vị, nhưng đây là thứ nhân vị của "Trung tâm nhân vị" Vĩnh Long của Giám mục Ngô Đình Thục, một thứ triết học thủ cựu hữu thần, không ăn nhằm gì tới thuyết nhân vị của E. Mounier. Tạp chí Esprit (cơ quan của trào lưu này) và tạp chí Les Temps Modernes (của Sartre) bị Bộ Thông Tin cấm nhập lưu hành vì cho là theo Cộng Sản.

Trong thực tế, đó là một thứ đạo đức Nho giáo thủ cựu nặng tính chất phong kiến. Hội Khổng Học được đề cao, các Bộ trưởng cũng như ông Diệm đều mặc áo dài như các quan triều đình xưa trong các nghi lễ chính thức. Bầu không khí chung: khắc kỷ, nghiêm ngặt, không buông thả, hình thức, kính sợ ông Diệm.

Ngoài xã hội:

Xu hướng lãng mạn (đặc biệt ở giới trẻ) được biểu lộ qua:

- Sự trở về với thời Tự Lực Văn Đoàn (văn nghệ tiền chiến), sách của nhóm này được in lại. Nhất Linh "tái xuất giang hồ" về văn hóa (mặc dầu vẫn chống ông Diệm về chính trị). (5)

- Hoặc sự phủ nhận văn nghệ tiền chiến - Đi tìm cái mới: phong trào thơ tự do - nhóm Sáng Tạo...

- Xu hướng đòi tự do, cởi mở về luân lý, xu hướng thoát ly.

- Vụ người thiếu nữ tự tử ở Hồ Than Thở Đà Lạt - đã tạo những huyền sử, những cuộc hành hương của thanh thiếu nữ.

Triết học hiện sinh, đặc biệt triết học của Sartre giai đoạn đầu (giai đoạn triết lý, tra hỏi về cuộc đời phi lý) được giới thiệu, phổ biến.

*** Mấy nhận xét gợi ý về "hiện sinh: triết học trong phòng"**

1. Quá trình diễn tiến việc giới thiệu, trình bày hiện sinh nói chung và Sartre nói riêng.

Thời ông Diệm và sau ông Diệm, xu hướng chung là giới thiệu các tác giả hiện sinh về phương diện triết học và văn học (Camus, Merleau Ponty, Heidegger, Jaspers, G. Marcel).

Riêng về Sartre, tư tưởng của Sartre có 2 giai đoạn chính:

- Giai đoạn triết lý phi chính trị (phi Marxit)
- Giai đoạn chính trị dựa trên triết lý (lập trường khuynh tả, chống đế quốc: lựa chọn Marxit, xã hội chủ nghĩa).

Việc giới thiệu Sartre ở miền Nam cũng trải qua hai giai đoạn:

- Giai đoạn đầu (thời ông Diệm) chỉ giới thiệu giai đoạn triết lý phi chính trị của Sartre.
- Giai đoạn sau (thời ông Diệm) vẫn tiếp tục giới thiệu giai đoạn đầu của Sartre nhưng cũng nhắc đến giai đoạn hai (giới thiệu bài vở) hành động tranh đấu chính trị của Sartre (so sánh về số lượng thì việc giới thiệu giai đoạn hai kể là ít).

2. Những chủ đề căn bản, cốt lõi tư tưởng Sartre qua hai giai đoạn.

Giai đoạn triết lý phi chính trị.

a) Sinh ra ở đời: Là một dữ kiện vô thường (contingent) như bị quẳng vào đời, đương sự không được hỏi ý kiến.

b) Quan hệ với người khác:

- Nói chung là một thất bại, và chỉ là quan hệ đối nghịch, biến tôi thành đối tượng "hỏa ngục là người khác".
- Lý tưởng phục vụ là tự lừa dối, vì "cho là một cách khống chế" (Donner c'est asservir).
- Ý muốn làm điều thiện là một chước "cám dỗ" (tentation de faire du bien), những kẻ tự cho mình sứ mệnh cứu rỗi, "giải phóng" chẳng qua chỉ là nhằm làm khổ những người họ muốn cứu rỗi, giải thoát.
- Mọi sự được coi là nghiêm chỉnh, trang trọng (luân lý, tôn giáo, cách mạng), chẳng qua chỉ là "làm ra vẻ nghiêm chỉnh", "đóng kịch".
- Chống cái gọi là "Esprit du sérieux".
- Tình yêu, thông cảm là ảo tưởng, vì yêu ai thực ra chỉ là yêu mình (do đó có ghen tuông).

Những chủ đề chính trên đưa đến thái độ:

- Hoài nghi, phủ nhận mọi hệ thống, chủ nghĩa, đạo đức, triết học khách quan vì không thể phân biệt dứt khoát chính tà, phải trái, thiện ác.
- Phi chính trị: Không chống, không theo, vì:

Không thể đạt tới mục đích tốt mà không sử dụng phương tiện xấu (vở kịch Les mains sales) vai Hugo, trí thức làm cách mạng theo C.S.

Cách mạng bạo lực lật đổ một chế độ, chế lập, chỉ lại để lập nên một chế lập, chế độ khác, cách mạng không thể không bị chế lập hóa (đề tài cuốn L'homme révolté của Camus, thái độ a-communisme của M. Ponty trong "Les aventures de la dialectique".

Giai đoạn chính trị dựa trên triết học Marxit.

- Khái niệm: Con người của hoàn cảnh (Être en situation) thời đại này xấu tốt thì cũng là thời đại của ta, ta không có thời đại nào khác để "hiện hữu" và vì thế phải xây dựng cuộc đời trong hoàn cảnh thời đại của ta.

Khái niệm trách nhiệm (Être - Responsable) trách nhiệm cuộc đời mình, đối với thời đại của mình.

Khái niệm dấn thân (Engagement).

Khái niệm chân thực (Authenticité) làm gì thì làm, yêu cầu đạo đức cao nhất là phải chân thực với chính mình, với người khác.

- Bạo lực cách mạng xóa bỏ bạo lực. Phân biệt sự khác nhau về bản chất giữa bạo lực cách mạng của vô sản và các thứ bạo lực khác trong lịch sử.

- Lựa chọn dứt khoát đứng về phía những lực lượng đi lên, đang làm lịch sử nhưng với thái độ sáng suốt, cảnh giác, tự phê và phê phán, phản kháng nhằm ngăn chặn mọi xu hướng "quan liêu", "chế lập hóa" cách mạng (chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa công thức, chủ nghĩa bàn giấy trị...)

3. Tác động chiều sâu.

Những tư tưởng trên của Sartre được gieo rắc qua việc đọc các tác phẩm của Sartre, hay quan sát hoạt động của Sartre, tác động vào tâm trí giới trẻ trí thức, làm cho họ suy nghĩ đưa đến xác định một thái độ tham gia các phong trào tranh đấu ở đô thị hoặc ra khu. Nhưng tác động thế nào, đến mức độ nào trong bao nhiêu người thì không thể nói được một cách chính xác vì chưa có những điều tra về vấn đề này. Thực ra, rất khó thực hiện được một cuộc điều tra trước 1975 hay sau 1975, vì những người chịu ảnh hưởng không thể chân thành nói ra được, đàng nào cũng bị chê trách cả. Chẳng hạn, người tiêu cực, phi chính trị, bi quan, hoài nghi thì bị cả dư luận thiên cách mạng và dư luận chống Cộng chỉ trích; còn người vì những "động cơ hiện sinh" mà tham gia các phong trào tranh đấu, thậm chí qua hiện sinh đi tới cách mạng càng không thể nói ra trước 1975; và bây giờ cũng không muốn nói làm gì, bao lâu còn quan

điểm cho rằng không thể đi từ hiện sinh đến Marxit được.

Tuy nhiên, sau thời ông Diệm (từ 1964) cũng có một vài biểu lộ công khai ảnh hưởng của Sartre giai đoạn I qua một số những tác giả trẻ đã học hoặc đã đọc Sartre thời Diệm.

Về sáng tác: Một vài tiểu thuyết của Nguyễn Thị Hoàng, Lệ Hằng, Nguyễn Đình Toàn.

Về biên khảo: Đặng Tiến, Gặp gỡ giữa Ôn Như Hầu và Camus, Văn số 2 (15/1/1964).

Nguyễn Nhật Duật: Kinh nghiệm về vực thẳm (Nghệ Thuật số 37, tháng 7/1966).

Huỳnh Phan Anh: Văn chương và kinh nghiệm hư vô. Văn Học số 63 1/9/1966).

Định mệnh văn chương, số 65, 66, Văn Học.

Nhà văn và Thượng đế, số 68, Văn Học.

Nguyễn Quốc Trụ: Văn chương và sự khả hữu, Văn Học số 65, 66.

Trần Nhựt Tân: Đi tìm hiện hữu hay quyên sinh. Văn Học số 75.

Văn chương viễn mơ (Trần Nhựt Tân, Trần Văn Nam) Nguyễn Đức Sơn (Sao Trên Rừng).

Văn chương nổi loạn (các tác phẩm của Phạm Công Thiện).

Những biểu lộ trên bị chỉ trích, phê phán nặng nề từ nhiều phía (chống Cộng, thiên tả). Nói chung, họ đã không đạt bao nhiêu vì hai lý do chính sau đây:

Yếu tố thời gian: Những tư tưởng cần phải có một thời gian để thẩm thấu, trắc nghiệm từ kinh nghiệm bản thân, và phải được diễn tả từ kinh nghiệm bản thân. Những tác giả kể trên đã quá sốt ruột, vội vã, ném ra những sản phẩm chưa đủ chiều sâu.

Kỹ thuật: Họ quên rằng ngay ở Pháp ít ai sau Sartre làm được như Sartre: Coi triết lý là văn chương, diễn tả triết lý bằng văn chương (dùng kỹ thuật văn chương, chứ không phải là dùng khái niệm, ngôn ngữ triết học đưa vào văn chương), có một kỹ thuật xây dựng tiểu thuyết, kịch hiện sinh; nhưng những tác giả trên chưa nắm được, cứ tưởng vấn đề chỉ là đơn giản đưa những khái niệm triết học vào biên khảo, sáng tác văn học mà thôi.

Ngoài phạm vi văn học, còn có những nỗ lực của một xu hướng Phật Giáo (Thích Đức Nhuận trong tờ Vạn Hạnh) muốn thử dùng Sartre làm con đường dẫn đưa vào Phật Giáo trong sách lược hiện đại hóa Phật Giáo của Phật Giáo. Có lẽ cũng không gây được bao nhiêu âm vang hưởng ứng trong giới hạn Phật Giáo.

Trường hợp Tam Ích: Từ chính trị dựa trên triết học (Marxit) trở về

Triết học phi chính trị (Sartre giai đoạn I) Vụ Tam Ích tự tử đầu năm 1972 gây nhiều dư luận trong giới trí thức, văn học. Nhiều bạn thân đã đi tìm hiểu những lý do, và một trong những lý do có người nêu lên là vì Tam Ích đi theo Hiện sinh (6). Qua những thư từ riêng gửi cho tôi và bài tôi phỏng vấn Tam Ích về quan hệ giữa anh và chủ nghĩa Marxit thời anh còn trẻ (chưa dăng) tôi cũng nghĩ quyết định của Tam Ích có bị những tư tưởng yếm thế của Sartre thời kỳ đầu chi phối. Nhưng trái với nhiều người khác, có lẽ chỉ mới chán đời thôi, còn Tam Ích thì sống thực điều mình nghĩ; và nếu như vậy thì hành trình của Tam Ích đi ngược lại hành trình của Sartre; từ sự ham thích mê say chủ nghĩa Mác dấn thân hành động chống đối thực dân trở về thái độ triết học phi chính trị như của Sartre giai đoạn một.

(1) Hội thảo về hiện trạng và chiều hướng phát triển sách tại Việt Nam. Năm quốc tế phát triển sách 1972. Phúc trình tổng kết do Ủy Hội Quốc Gia Unesco phát hành (in ronéo), tr. 66.

(2) tr. 76

(3) Ban Triết học Tây phương Đại học Văn Khoa Sài Gòn có soạn một bản liệt kê danh sách sách triết học của bốn thư viện: thư viện Quốc Gia, thư viện Đắc Lộ, thư viện Trung Tâm Văn Hóa Pháp, thư viện Đ.H.V.K. Sài Gòn, in ronéo (1973) mục về Sartre, nguyên sách triết lý, không kể văn học có 23 cuốn (tr. 75, 76).

(4) Đoàn Thêm 1945-1954 việc từng ngày, 20 năm qua. Nam Chí Tùng Thư xb, 1966, tr. 236, 241, 259.

(5) 27-6-1958 Nguyễn Tường Tam xuất bản số đầu "Văn Hóa Ngày Nay" bán chạy ngay 10.000 số đầu. Đoàn Thêm, sách trích dẫn tr. 236.

(6) (tr.20) Xem bài của Song Ích Phong Châu. Số "Văn Học" tưởng niệm Tam Ích Số 145 1/4/1972. "Nếu quả thật Tam Ích tự tử, tôi nghĩ đến ba nguyên nhân chính: Bản tánh phản kháng, tinh thần tự quyết và tư tưởng hiện sinh".

Tìm mua ba tác phẩm mới nhất của nhà xuất bản Thời Văn
Quán Ven Sông, tập truyện ngắn của *Hoàng Khởi Phong*, dày 220 trang, giá 14 Mỹ kim.
Cây Tùng Trước Bão, tập truyện ngắn tái bản lần thứ nhất, của *Hoàng Khởi Phong*, dày 260 trang, giá 15 Mỹ kim.
Đi Vào Cõi Vô Cùng, biên khảo về thiên văn học viết cho độc giả không chuyên của *Hoàng Dung*, bằng một bút pháp giản dị và nhiều lúc rất văn chương, sách dày 176 trang, giá 12 Mỹ kim.

vách thời gian

Bằng giọt nước mắt rơi thầm khoảng nắng
Bằng tiếng dương cầm
Nhẹ sâu tháng năm
Bằng ánh mắt tan vào mộng tưởng
Xuyên qua em
Cơ hồ mênh mông

Sáng ngủ rừng mai
Mùa nắng xa từ những cơn mưa
Chỉ là màu xanh tuyệt vọng

Là rong chơi vội vã
Là cánh rừng đá tảng
Hạnh phúc lơ đãng đóng khung
Mù vách thời gian

Hãy hát bài ngợi ca em
Phố trăng bát ngát
Hãy chúc lời bình an em
Từng ngăn ký ức

Cầu quên...

Đặng Hiền
May 8 -2001

Trao đổi thêm với ông Hồng Huy về quyển "Đọc Kỹ Truyện Kiều"

Nguyễn Quảng Tuân

Trong bài trước đăng trên *Văn Học* số 182 ra tháng Sáu năm 2001, chúng tôi đã trao đổi *"một vài nhận xét về văn bản Truyện Kiều"* với ông Hồng Huy.

Trong bài tiếp theo này chúng tôi xin trao đổi tiếp thêm *"một vài nhận xét về chữ nghĩa Truyện Kiều"* mà ông đã trình bày qua các chương: Những điều không thỏa đáng (tr. 144), Nghe cũng hơi lạ (tr. 171), Chữ cổ chữ lạ (tr. 177), Chữ giống nghĩa khác (tr. 230), Tranh luận (tr. 240), Kỹ thuật hành văn của Truyện Kiều (tr. 332), Chú giải (tr. 353) và Truyện Kiều và những tác phẩm cổ văn (tr. 475).

Chúng tôi rất tiếc vì phạm vi hạn hẹp của một bài báo không thể trình bày hết những nhận xét của mình vì *chữ nghĩa Truyện Kiều* nếu có nói cũng không cùng và mỗi người có thể cũng có những ý nghĩ riêng không ai đã dễ giống ai.

Chúng tôi vì vậy chỉ xin đề cập đến một vài điểm mà ông Hồng Huy đã nêu trong chương *Tranh luận* từ trang 240 đến trang 331.

1. *Một trương* hay *Ngải Trương*.

Ông Hồng Huy cho biết: "Từ trước, câu Kiều 32 vẫn được chép là *"Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương"*. Nhưng về sau có người gợi ý chữ áp chót là chữ *"ngải"*, chớ không phải *"một"*. *Ngải Trương* là một cái tên người, một người giỏi hồ cầm thời nhà Hán.

Tôi không biết chắc ai là người đầu tiên gợi ra ý này, chỉ thấy trong

cuốn Kiều dịch ra tiếng Anh của Huỳnh Sanh Thông, với nhan đề *"The Tale of Kieu"*, do Viện đại học Yale xuất bản năm 1983, đã chú thích như thế." (tr. 242)

Chúng tôi xin nói rõ về điểm thắc mắc của ông Hồng Huy để mọi người cùng biết ai là người đầu tiên đã gợi ra cái ý phải đọc là *Ngải Trương*.

Trong đặc san *Văn*, số đặc biệt *Tưởng niệm Nguyễn Du*, tập 4 năm 1967, Nguyễn Xuân Chữ trong bài *"Tấc lòng cố quốc tha hương"* đã viết:

"Chữ MỘT trong "Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương" tưởng là chữ NGẢI đọc lầm ra. Hai chữ 爻MỘT (chữ nôm) và 艾NGẢI (chữ nho) dễ đọc nhầm lắm."

và đã giải thích theo tài liệu của Nhân Phủ:

"Ngải Như Trương là một nhạc gia và nhạc gia bậc nhất trong thiên hạ về môn hồ cầm."

Như vậy là ông Nguyễn Xuân Chữ đã viết ra từ năm 1967 (1) và ông Huỳnh Sanh Thông năm 1973 đã dựa vào đó để dịch sang tiếng Anh hai câu 31-32 trong Truyện Kiều là:

"In music she had mastered all fives tones and played the lute far better than Ai Chang."

và cũng đã chú thích là:

"Ai Chang short for Ai Ju Chang, the most famous Han lutanist."

Tuy đã dịch theo nhận xét của Nguyễn Xuân Chữ nhưng rồi khi được đọc bản *Truyện Kiều* do chúng tôi khảo đính và chú thích in trong *Nguyễn Du Toàn Tập*, giáo sư Huỳnh Sanh Thông đã dịch lại hai câu 31-32 là:

"Of music she had mastered all five tones: unrivaled, she could play the Tatar lute."

The Vietnam Review. No 1 - 1996

Theo chúng tôi thì đến nay không có bản Kiều nôm nào hoặc quốc ngữ nào đã chép MỘT TRƯƠNG là NGẢI TRƯƠNG cả.

Ông Hồng Huy cũng không tán đồng chữ NGẢI TRƯƠNG và chúng tôi xin giải đáp thắc mắc của ông như vậy.

2. *Cửa sài*.

Theo ông Hồng Huy thì "chữ này chỉ xuất hiện một lần trong câu 529 và xưa nay cũng ít có dị bản và tranh nghị về ý nghĩa."

Có thể nói các bản nôm cổ cuối thế kỷ XIX đều viết chữ 柴 (sài) mãi đến năm 1902 Kiều Oánh Mậu mới theo bản Kinh mà sửa lại là

外 (ngoài).

Ông Hồng Huy cho biết thêm: "Lý do tạo ra dị bản không phải vì nhận lầm mặt chữ Nôm mà vì người ta nhận thấy để *"cửa sài"* thì phi lý: Nhà của một phú thương cho một du học sinh hào hoa thuê, mà lại có cổng làm bằng củi sao? Người ta chữa thành *"cửa ngoài"*, nghe cho hợp cảnh hơn."

Nhưng ông đã theo Nguyễn Thạch Giang mà cho rằng *"cửa sài"* trong câu "Cửa sài vừa ngỏ then hoa" có thể hiểu là *"cửa đóng"*.

Ông đã lập luận như sau:

1. Theo điển cố, chữ *"sài môn"* có nghĩa là "đóng cửa tạ khách".

2. Hiểu chữ *"sài"* là đóng thì mới cân xứng về ý nghĩa. Chữ *"ngỏ"* chỉ có được ý đối lại, khi chữ *"sài"* có nghĩa là đóng. *"Cửa sài vừa ngỏ"* tức là "cửa đóng chặt vừa được mở ra". *"Sài"* là động từ và *"ngỏ"* cũng là động từ. Nếu hiểu *"sài"* là *"củi"* cái thế cân xứng không có.

3. Chữ *"sài"* với nghĩa *"đóng chặt"* cũng là cách dùng chữ kín đáo, hóm hỉnh của Nguyễn Du (đôi tình nhân gài chặt cửa lại mà tình tự đến khi có người gọi mới chịu mở ra).

Ông Hồng Huy còn trình bày thêm luận cứ, căn cứ vào cả nguyên truyện, để cho rằng: "Một khi đã chấp nhận câu Kiều 529 là "Cửa sài vừa ngỏ then hoa", thì hiểu *"cửa sài"* theo nghĩa "cửa đóng" cũng không phải là vô lý."

Chúng tôi cho rằng cách luận cứ và hiểu nghĩa như vậy là sai vì chữ 柴 có tới ba âm khác nhau:

1. Nếu phiên âm là *sài* thì chữ ấy có nghĩa là những cành cây nhỏ chặt làm củi, làm hàng rào hoặc làm thanh cửa.

Thí dụ: *Sài môn* là cửa làm bằng những thanh củi ghép lại.

2. Nếu phiên âm là *trại* thì chữ ấy có nghĩa là đóng lại, lấp lại.

Thí dụ: *Trại môn tạ khách* là đóng cửa không tiếp khách.

3. Nếu phiên âm là *tứ* thì chữ ấy có nghĩa là chất đống lại.

Thí dụ: *Xạ phu ký đồng, trợ ngã cử tứ* (Kinh Thi) là những tay thiện xạ cũng đã hiệp nhau giúp ta lượm những con thú bắn được để chất đống lại.

Nguyễn Thạch Giang giảng *sài môn* là đóng chặt cửa thì không đúng.

Nếu muốn nói *"đóng cửa sài"* thì phải viết *"bế sài môn"* như Đỗ Phủ đã viết

Ngưu dương hạ lai cửu,
Các đĩ bế sài môn.

(Trâu bò và dê về chuồng đã lâu,

Nhà nào cũng đóng cửa sài cả rồi.)
hoặc Nguyễn Du cũng đã viết *"yểm sài môn"*:
Sơn ổ hà gia đại tham thụy,
Nhật cao do tự yểm sài môn.
(Trong núi nhà ai còn ham ngủ thế,
Mặt trời lên cao rồi mà cửa sài còn đóng kín.)

Như vậy *cửa sài* đã rõ ràng là cửa làm bằng những thanh củi ghép lại hoặc những thanh gỗ nhỏ ghép lại *có khi rất công phu và đẹp đẽ* nên cửa sài không chỉ là cửa ngõ của những nhà nghèo hay những người cao đạo ẩn dật mà có thể là cửa của những nhà khá giả như "nhà Ngô Việt thương gia".

3. *Vàng ngoài bốn trăm.*

Câu 648 đã được ông Hồng Huy chép là:
Giờ lâu ngã giá, vàng ngoài bốn trăm.

Chép như vậy, ông đã lý giải: "Có bản chép chữ thứ năm là *"vâng"* hoặc *"chịu"*. Những dị bản này có gốc gác từ những bản nôm chớ không phải phiên lầm."

Ông Hồng Huy đã lầm vì không có bản nôm nào viết chữ 金黄 vàng cả.

Bản Liễu Văn đường (1871)
Bản Duy Minh Thị (1879) — chép 呼邦 (vâng)
Bản Abel des Michels (1883)

Bản Lâm Nọa Phu (1870)
Bản Kiều Oánh Mậu (1902) — chép 受召 (chịu)
Bản Quảng tập (1924)
Bản Phúc Văn đường (1918)

Bản Quan Văn đường (1906): chép 罗出 (ra)

Các bản quốc ngữ thì cũng có sự khác nhau:
Trương Vĩnh Ký
Phạm Kim Chi
Bùi Kỷ - Trần Trọng Kim — chép là *vâng*
Nguyễn Văn Vĩnh
Hồ Đắc Hàm
Nguyễn Can Mộng

Bùi Khánh Diễn
Nguyễn Khắc Hiếu ┣ chép là *xin*

Nguyễn Khắc Hiếu chép là *xin* và có ghi chú như sau:

"Chữ **xin** này, nhiều bản để là *vâng* nghĩa cũng vậy. Lại thường nghe có người đọc là *ra*, có lẽ tự nhiên hơn."

Có một bản *Kim Vân Kiều tân chuyện* của Edmond Nordemann (Hà Nội - 1897) chép là *vàng* nhưng các nhà biên khảo trước đây không có ai theo. Gần đây Nguyễn Thạch Giang và Đào Duy Anh cũng đã chép là *"vàng ngoài bốn trăm"*.

Ông Hồng Huy cho cách chép như vậy là đúng và đã dẫn chứng mấy câu trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

Mối rằng: Giá đáng ngàn vàng,
Rớp nhà, nhờ lượng người thương dám nài.
Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.
.....
Tờ hoa đã ký, cân vàng mới trao.

Nhưng chữ *"vàng"* trong thơ Nguyễn Du chỉ có tính cách ước lệ và nhiều khi phải dùng vì hiệp vần mà thôi chứ trong nguyên truyện thì Thúy Kiều đã bán mình cho Mã Giám Sinh để lấy 450 lạng bạc. Văn ước do Chung Sự ký và hôn thú do Thúy Kiều ký đều ghi rõ ràng như vậy. Không làm gì có chuyện Thúy Kiều bán mình để lấy 450 lạng vàng vì đơn vị tiền tệ thời xưa là bạc. Hơn nữa số bạc ấy cũng chỉ cần để lo lót với quan nha và bọn công sai thôi. Sự liên hệ này đã cho ta thấy rõ Thúy Kiều chỉ bán mình để lấy 450 lạng bạc chứ không phải 450 lạng vàng nên câu 648 không thể chép là "vàng ngoài bốn trăm" được.

4. *Đồ mi* hay *trà mi*.

Ông Hồng Huy có đưa ra hai câu:

Tiếc thay một đóa trà mi (c. 845)
Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành (c. 1092)

và đã nêu vấn đề: *"trà mi"* hay *"đồ mi"*?

Ông cho rằng: "chữ *"trà mi"* đã yên vị rất lâu trong nhiều văn bản *Truyện Kiều*, trước khi chữ *"đồ mi"* xuất hiện tranh chấp."

Ông đưa ra 3 ý kiến:

1. Vốn không có chữ "trà mi" chỉ có chữ "đồ mi", nhưng vì chữ "trà" và chữ "đồ" viết gần giống nhau, nên người ta đọc lầm "đồ mi" ra

"trà mi".

2. Không phải dọc lắm, mà là cố ý tránh chữ "đô mi" nghe không đẹp (đô mi là "cái của mày") nên các cụ đọc ra "trà mi".

3. "Trà mi" nói trong *Truyện Kiều* là một thứ hoa riêng của Việt Nam.

Ông còn dẫn chứng thêm qua các sách chú giải *Truyện Kiều* và các bộ Từ điển Việt, Hán và Anh.

Ông bảo hai quyển *Khang Hy* và *Từ Nguyên* không có hai chữ "trà mi" và "đô mi".

Điều nhận xét này không đúng vì quyển *Khang Hy* chỉ là một quyển "tự điển" nên không có các từ ngữ. Quyển *Từ Nguyên* có chữ "đô mi" nhưng phải xem ở bộ 酉 (dậu) chứ không phải ở bộ ++ (thảo), có chú thích rõ ràng.

Quyển *Đoạn Trường Tân Thanh* của Lâm Nọa Phu cũng đã viết (trà mi) với bộ 酉 (dậu).

Sở dĩ các cụ ta xưa đã đổi chữ 荼 (đô) ra chữ 茶 (trà) vì chữ "đô" nghe nó tục. Bài hát nói sau đây đã chứng tỏ được điều ấy:

Ông đồ Vĩnh Tường
Thầy đồ là người tài bộ,
Quảy cầm thư đi giáo thụ phủ Vĩnh Tường.
Trước nha môn, thiết một học đường,
Dạy dăm đứa "chi hồ giả dã".
Nhân lúc đồ ngồi nhàn hạ,
Ra hồ sen xem ả hái hoa.
Ả hớ hênh, ả để đồ ra
Đồ trông thấy đồ ngâm nga tức khắc:
Phong tiền lạn mạn hoa sinh sắc,
Thủy diện vi mang bạng thổ thần. (2)
Đồ ngắm rồi, đồ đứng tần ngần,
Độ nọ tưởng đồ kia thêm thắc mắc.
Suốt năm canh đồ nằm khôn nhắp,
Những mơ màng đồ nọ nhớ đồ kia.
Đồ đâu gặp gỡ làm chi!
Vô danh

Chính vì chữ "đồ" gợi ý tục như vậy nên các cụ ta khi xưa đã đổi tên hai vị Thần Đồ và Uất Lũy ra là Thần Trà và Uất Lũy.

Sự thay đổi "đô mi" ra "trà mi" và "Thần Đồ" ra "Thần Trà" không

phải là do hai chữ (đồ) và (trà) viết gần giống nhau nên dễ đọc lầm mà là có chủ ý hẳn hoi.

Ngoài ra hai chữ "trà mi" nói trong *Truyện Kiều* cũng không phải là một thứ hoa riêng của Việt Nam như ông Hồng Huy đã nhận định.

Trong quyển *Từ Hải* và *Hình âm nghĩa tổng hợp đại từ điển* đều có nói đến cây đồ mi là một thứ cây ra hoa vào mùa hạ, hoa màu trắng hoặc vàng, rất đẹp và còn ghi cả tên khoa học của loại cây ấy là "rubus commersonii".

Như vậy "đồ mi" là một thứ cây của Trung Quốc như cổ thi đã có câu: "Khai đáo đồ mi hoa sự liễu" nghĩa là nở đến hoa đồ mi thì việc chơi hoa đã xong rồi. Hơn nữa trong sách *Cách vật tổng luận* cũng có nói rõ về cây đồ mi chứ không thấy có cây nào gọi là trà mi cả

5. *Giá hay đóa.*

Vẫn câu 1092, ông Hồng Huy đã chép là

Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành

Chép như vậy đã sai mất hai chữ vì trong các bản nôm đều viết

架 茶 薦 色 唅 腔 姅 鍊

Giá trà mi đã ngậm trăng nửa vành. (3)

Ông Hồng Huy chắc đã chép theo Nguyễn Thạch Giang và Đào Duy Anh vì chỉ có hai ông này mới đổi "trăng" thành "gương".

Ông Nguyễn Thạch Giang cho rằng: "Khi nói đến mặt trăng, Nguyễn Du thường dùng các chữ: trăng, gương, nga, nguyệt, thỏ, cung Quảng. Trong số 40 lần nhắc đến mặt trăng, chữ trăng được dùng với một tỷ lệ cao nhất, 26 trên 40; chữ gương chiếm một tỷ lệ thấp 2 trên 40. Do đó, chúng ta có thể ngờ rằng người khắc in đã có sự nhầm lẫn giữa chữ *trăng* với chữ *gương*."

Nhưng chữ 腔 (trăng) và chữ 姜司 gương) đâu có giống nhau về tự dạng mà bảo có khả năng lầm lẫn.

Ông Nguyễn Thạch Giang đã giải thích câu 1092 trong phần thí dụ về phương pháp hiệu đính đài tới sáu trang giấy (từ trang 132 đến trang 137) và đã kết luận rằng:

"Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành là hoa trà mi vào lúc chập tối, gương hoa ngậm lại, không nở tươi như lúc ban ngày nữa. Gương ở đây có nghĩa là tàn hoa tròn đẹp sáng như gương... Ngậm có nghĩa là khép lại."

Đào Duy Anh trong quyển *Từ điển Truyện Kiều* ở câu 1092 cũng đã viết rằng:

"Người ta nói núi ngậm trăng khi trăng xế chứ hoa ngậm trăng thì không thấy có. Chúng tôi đoán rằng vốn là từ ngậm gương vì gương cũng có nghĩa là trăng (câu 443) mà sau người ta lộn thành ngậm trăng.

Với từ ngậm gương thì câu ấy là nói cảnh chập tối, hoa trà mi đến tối hơi chúm lại (hoa nở ban ngày, ban đêm hơi chúm lại). Người ta vẫn nói "gương hoa". Cái hoa "ngậm gương nửa vành", nghĩa là chúm lại một nửa."

Chúng tôi nhận thấy Nguyễn Thạch Giang và Đào Duy Anh đã suy đoán như vậy vì đã phiên âm sai chữ *giá* thành chữ *dóa*.

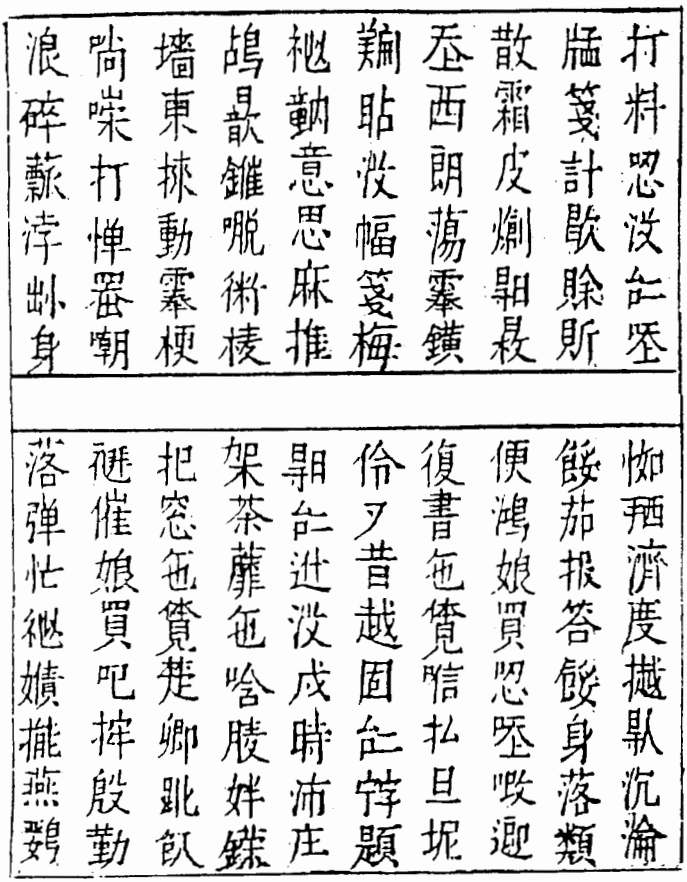

Bản nôm Kiều Oánh Mậu và các bản nôm cổ khác đều chép câu 1092 là: *"Giá* 架 *trà mi đã ngậm trăng nửa vành"*.

Nếu chép đúng là:

Giá trà mi đã ngậm trăng nửa vành

thì câu thơ có ý nghĩa rõ ràng ngay với cái hình ảnh giàn hoa trà mi ngậm lấy vầng trăng.

Hình ảnh này được thấy tả trong *Quốc sắc thiên hương:*

一點芳心無托處
茶蘼架上月遲遲
惆悵有誰知

Nghĩa là:

Một mảnh lòng son biết gửi nơi đâu,

Trên giá đồ mi mặt trăng đi chầm chậm.

Mối sầu của ta ai người hiểu cho?

Vầng trăng đi chầm chậm như đứng lại trên giá đồ mi nên ta có cảm tưởng là giàn hoa ngậm lấy vầng trăng.

Vậy ở câu 1092 chữ 架 phải phiên âm là *giá* chứ không thể chép là đóa 朵 như ông Hồng Huy được.

6. *Như chàng có vững tay co.*

Ông Hồng Huy đã tìm nghĩa chữ *tay co* trong các sách chú giải *Truyện Kiều*, trong sách dịch sang tiếng Pháp, tiếng Anh và trong các từ điển nhưng rồi ông đã không chọn được một định nghĩa nào vừa ý.

Ông cho rằng "chữ *tay* và chữ *co* không đi đôi với nhau để tạo ra một danh từ. Ở đây "co" là một động từ." và đã hiểu "co" là lôi về phía mình.

Vững tay co theo ông là "mạnh tay lôi". Ông giảng tiếp "đắp điếm" là đắp và ông đã giảng cả hai câu 1347-1348:

Như chàng có vững tay co,
Mười phần cũng đắp điếm cho một vài.

như sau:

" Ở đây, Nguyễn Du hình tượng hóa cái lòng thương yêu ấy thành cái chăn. Người vợ cả đến trước, chiếm được phần lớn, người vợ lẽ đến sau, ấm được ít nhiều thì cũng nhờ người chồng "co chăn" mà đắp cho đó thôi."

Giảng như vậy thì chỉ là suy đoán và xa quá với ý nghĩa của câu thơ.

Theo cách hiểu thông thường và cũng được thấy qua các sách chú

giải, các sách dịch sang tiếng Pháp, tiếng Anh và các tự điển thì *tay co* là một danh từ *có thể* hiểu là cái thanh gỗ đóng ngang miệng thùng nước để gánh cho vững. Nói "vững tay co" là nói vững tay trong cách đối xử giải quyết mọi công việc.

Còn "đắp điếm" thì không thể hiểu là "đắp" được. *Đắp điếm* là một động từ kép có nghĩa là che chở, che dậy, đỡ đần, bảo vệ.

Nếu hiểu như vậy thì cả hai câu 1347-1348 có thể giảng là: "Nếu chàng có vững tay trong cách đối xử với vợ cả về việc chàng lấy thiếp làm vợ lẽ thì cũng có thể che chở được một phần nào cho thiếp."

*

Qua phần trình bày ở trên, chúng tôi đã nêu ra 6 thí dụ để trao đổi với ông Hồng Huy về *văn chương và chữ nghĩa Truyện Kiều*.

Chúng tôi nhận thấy trong 6 thí dụ ấy, 5 thí dụ có liên quan đến văn bản chữ Nôm và chữ Hán thì còn có cơ sở để bàn luận và giải quyết chứ đối với những chữ thuần túy nôm như *tay co* và *đắm điếm* ở thí dụ 6 thì phải giảng sao cho hợp lý để mọi người có thể thông cảm được.

Chúng tôi chỉ tiếc không thể viết nhiều hơn về quyển *Đọc Kỹ Truyện Kiều* của ông Hồng Huy, một quyển sách tốt, có nhiều nhận xét tế nhị mà tôi rất tán đồng nhưng vì phạm vi hạn hẹp của một bài báo chúng tôi xin phép được tạm chấm dứt ở đây.

N.Q.T.

(1) Sau này ông Phan Khắc Khoan đã nêu lại vấn đề trên Kiến Thức Ngày Nay số 49 ra ngày 1-12-1990 nhưng không được dư luận tán đồng.

(2) Hai câu thơ này có nghĩa là: "Trước gió hoa tàng vẻ đẹp, mặt nước trai thè lưỡi."

(3) Bản nôm Liễu Văn đường (1871) và bản nôm Lâm Nọa Phu (1870) đều chép câu này là: Giá trà mi đã ngậm trăng nửa mành.

Sẽ phát hành trong tháng Bảy 2001

d ặ m t r ư ờ n g

tác phẩm thứ năm của *Trần Doãn Nho* xuất bản ở hải ngoại

Mỗi tác phẩm là một Trần Doãn Nho *khác*.

Dặm Trường, truyện dài, 584 trang, Văn Mới xuất bản

Gene đại dương

HÀ NGUYÊN DU

(với phan văn bắc & hoàng)

đến với em
lúc xé bỏ hết lá chắn làm xước chân tay
gỗ sơn soi mặt như toát lạnh nằm choáng lối
tự nhiên, cân phân gây ẩm mốc khối thuốc bồi
trong trái dạn trên dàn phóng, thay vào chiếc
mũi tên được bắn thử đi lệch ngoài tâm điểm

đến với em
cuối tháng sáu ấy trời gió giông như dọa
khoảnh khắc thui thủi giống cụ già neo đơn
thế giới trong mắt người quá lúa ua nghĩ đến
kinh tận thế, bình minh bị nắm cổ như con nhái
trong tay tên phù thủy được thì, bị vắt kiệt trái
chanh như trong các tuồng bi kịch dạ trường

đến với em
phải trồng chuối ngược kiểu trị suyễn mới giảm
cơn mệt, cây guita trên bốn mươi năm không khảy
nên dây chùng, khiến cây viết huyền nhiệm được
nối với hệ tuần hoàn, bầy chim ngôn ngữ thoát ra
từ chiếc lồng thần não mang đôi cánh phục sinh
tưởng rừng đời như rừng thiêng nước độc có nhiều
thú dữ thét gầm, ai thất lạc mà không cần đến
bản lĩnh mưu sinh?

đến với em
chẳng thể con cá hồi dánh hỏng phần la châm?
ôi hai tác phẩm vĩ đại bất ngờ hình thành định phận
nhật nguyệt thục dường quen trong đôi mắt thế kỷ
thay nhiều lăng kính, em không gian em thời gian
gây xốn xang trên trần gian cho kẻ quá giang...
sống métaphor viết métaphor nghĩ métaphor và cả hành...
rụng như lá thu ơi những vì sao của dãy ngân hà...

đến với em
hăm bốn tháng sáu đồng ký hiệp ước chung thân
đóng hết chỉ chừa duy nhất một cánh cửa
cả hai không được tháo nịt che hai bên mắt ngựa
đến bốn cái móng sắt phải gỡ ra khỏi hai đôi chân
v...v...

đến với em
như phải rành kinh pháp hoa mới nói chuyện Phật?
sao rõ tâm em mà tránh vục ngờ?
hạnh phúc hẳn đã ở trong tinh nhụy của nhẫn
hoa không nở trên đất ta khi chẳng có hạt nào ươm
trên đó, nanh vuốt bản năng lần sẽ vô hiệu khi nguồn
nhân văn thâm thâm thấu...

đến với em
ngại chi từ chiếc cầu tre gập ghềnh
kẻ quen ngã nào có sao dâu nhịp lắc lẻo?!
khỉ khô hay khỉ ướt đấy là bức họa tượng trưng
nghĩa nhân sinh có phải chính cái âm thanh chào đời?
nên dù thể nào... dù thể nào... dù thể nào...
giọt nước đục vẫn mang gene đại dương...

Haiku và những cơn nắng hạ

Vũ Hoàng Thư

The tarnished gold
And the fresh greenery
Bring back memories of bygone days. [1]
Miura Chora
(1729 - 1780)
vàng phai
cùng với ngàn xanh
nghe ngày tháng cũ theo quanh nẻo về.

Con đường nắng và những hàng cây trải dài trên lối vào Đại Vực. Lá xanh thẫm sáng rực trong nắng vàng, hạ đang reo trên muôn ngàn nhánh cây. Tôi trở lại nơi đây một lần thứ hai với trăng và sương khói của mùa thu năm trước như còn lảng vảng trong đầu. Cái ấn tượng ban đầu thường khắc hằng trong trí nhớ. Ai có thể quên được lần thứ nhất hay thuở ban đầu... Dần dà rồi ta sẽ sống ở xứ người lâu hơn cả thời gian mình sinh trưởng ở quê nhà, vậy mà thuở đầu đời mỗi lần nhớ nghĩ đến bao giờ ta cũng thấy êm ái. Tôi tự hỏi ngoài việc gởi thư vào chân nhạn để nhắn về cho vua Hán, Tô Vũ tư lự thế nào khi nhìn những đám mây trôi về cuối trời trong hai mươi năm chăn dê ở đất Hung nô?

Nắng hạ chiếu khắp trên mọi đường đi. Nỗi choáng ngợp của Hạ Trắng và những lần gọi nắng trong buổi trưa nồng. Tiếng hát Lệ Thu như gào vào tim cho ra từng sợi máu, tôi dưa em về, chân em bước nhẹ... *trời buồn gió cao*... Hình như phải có một chỗ về để chân được bước rất nhẹ và êm đềm. Mất chốn về, thân dâm ra hụt hẫng, cổ bỗng dưng đắng

khô như cuống họng của đỗ quyên rỉ máu cuối hè. Những mùa hè đã khuất mà tôi cứ mãi che mắt ngóng tìm. Ở tận phương xa. Xa lắm. Nơi đó, tôi thường lặng ngắm những cánh chim lượn ở cuối bể vào những buổi chiều hè. Cánh chim dàn rộng trong nắng vàng gợi nhớ những hải đảo xa xăm, những chân trời vắng lặng nào đó đã đi qua. Hòn Yến, Hòn Tre, Cù Lao Xanh... Tên của những hải đảo, những cửa biển từ đó ta nhìn ra những triều xanh nối đuôi nhau bằng ngàn sóng bạc. Không gì kỳ lạ hơn tiếng chim biển của những buổi chiều trên bến cảng. Giọng chim khàn dục nghe quen như tiếng kèn saxo trên phố mưa từ một quán rượu nào đó, chậm buồn, tức tưởi cho một nỗi đau bất chợt, vang vọng rồi nín bặt khi người khách vừa khép hờ cánh cửa. Phố đêm những ảnh thân mờ. Điệu Blues nấc nghẹn hững hờ chợt bay. Vòng lưng chưa nối dường tay. Mà nghe tình vội như ngày hạ qua...

Quả thật là ở mùa hè tất cả đều thoáng qua rất mau, ngắn ngủi như kiếp ve sầu. Mười mấy năm trời làm kiếp ấu trùng để chờ một ngày hạ dẹp trời ve mới rời lòng đất tối tăm, tung cánh vào khoảng trời rộng lớn bao la. Hàng phượng vĩ mời đón làm nơi gác trọ cho một tháng ngắn ngủi trên cõi đời, ve bắt đầu tấu khúc của hè với thế gian cho đến khi thân xác võ vàng khô héo. Bao nhiêu năm dài sửa soạn cho một cuộc trình diễn thật chốc lát!

Calm and serene
The sound of a cicada
Penetrates the rock. [1]
Matsuo Basho
(1644 - 1694)
lặng yên qua mấy từng không
lời ve
gõ thấu vào lòng đá xanh.

Đã từ lâu tôi không còn nghe được tiếng ve, âm thanh rền rĩ quen thuộc của những trưa hè Việt Nam. Nắng nung đốt làm không khí bốc lên cao, tất cả trở thành một cõi im lặng lạ thường. Không một làn gió, không một cánh diều, cõi nhân gian ngủ vùi trong cơn nóng hấp, thời gian như chẳng buồn trôi. Trong cái bình lặng của buổi trưa hè, một chú ve sầu đâu đó đột nhiên cất lên tiếng hát phá tan cái thinh không tĩnh lặng. Lời ve dập vỡ không gian rất đột ngột, rất bất ngờ, nghe như muốn nổ tung vào cả đá, thấm thấu vào những gì mà thói thường ta vẫn cho là cứng nhất, khó vào nhất. Ngay ở giây phút đó, Matsuo Basho ghi lại một

cái gì vừa mới thoáng qua, tài tình cũng như bài haiku nổi tiếng của ông về ao cũ và con ếch. Thể thơ haiku - hài cú - của xứ Phù tang thật ngắn và cô đọng, mỗi bài chỉ có mười bảy âm tiết nhưng tĩnh lạnh, nhanh và sắc như dường gươm của chàng hiệp sĩ Samurai, không vết máu mà địch thủ chết đứng. Chủ đề của thơ hài cú thường lồng vào khung cảnh của bốn mùa. Thi nhân ghi lại những bức xúc của mình đối với sự biến chuyển trong khoảnh khắc của thiên nhiên đang xảy ra trước mặt. Vạn vật thì thường trôi nổi lững lờ đối với kẻ vô tình mà thật ra đang nói muôn triệu điều trong từng mỗi khắc giây. Người không thấy, người không nghe vì người không chịu nhìn, chịu nghe hay người không biết đấy thôi. Theo thuyết "Big Bang", vũ trụ được tạo dựng còn nhanh hơn gấp mấy triệu lần của một nháy mắt, tất cả vật chất được cấu tạo trong vòng mấy phần tỉ (nanosecond) đầu tiên của một giây đầu tiên. Bao sinh diệt, biển dâu xảy ra trong một thời gian thật ngắn ngủi! Trật tự thiên nhiên thay hình đổi dạng không ngừng nghỉ nhưng con người thường khi bận rộn rối rít với những xô bồ của cuộc sống, quên đi cả một cái ngoái nhìn. Thơ hài cú là những dừng chân thật ngắn để ngoái nhìn, để quay lưng lại cho thấy rõ phía bờ bên kia. Nhà thơ hài cú vì vậy không dài dòng, chỉ ghi lại niềm giao hòa và xúc cảm của mình đối với vạn vật để bắt cho kịp phút giây của tạo dựng đổi hình. Thơ như một bài kệ, lối dụng ngữ sàn lọc, không dư mà cũng không thiếu, cốt sao nói đến chính thị cái đang là - "đương hạ tức thị". Nắm bắt thực tại ngay trong giây phút nẩy mầm, cái đang xảy ra lắm khi chuyên chở cả một vũ trụ thu gọn vào trong thời điểm đó, tiểu thế giới và đại thế giới hòa nhập vào nhau. Một diễn tiến trước mắt khiến ta liên tưởng đến một hiện tượng hay biến cố nào đó là một kinh nghiệm sống riêng rẻ nhưng bức bách chữ nghĩa đến tột cùng để vận dụng tối đa trí tưởng tượng nơi người đọc là kĩ xảo của những nhà thơ hài cú. Không có người làm thơ và kẻ đọc thơ, hốt nhiên cả hai nhập làm một, đồng âm cộng hưởng trong niềm rung cảm với sự liên hệ rất tinh tế và hài hòa của đất trời.

Một bài hài cú khác dưới đây của Yosa Buson ghi lại sự liên tưởng của ông giữa lá non và thác đổ. Hãy tưởng tượng đến vào một buổi trưa nào đó lúc mới đầu hè, xuân đã qua nhưng lá vẫn còn đang trong thời kỳ nẩy nở, trời chưa nóng lắm. Nhìn nụ xanh Buson mường tượng đến nguồn nước đã nuôi nấng cỏ cây, tắm mát con người trong tháng hạ. Ngay lúc đó, sự liên tưởng đến nước khiến ông nghe văng vẳng tiếng thác đổ gần đâu đó. Nước thác vẫn rơi đều nơi chốn ấy tự ngàn xưa nhưng hình như đối với Buson cho đến giây phút này ông mới vừa nghe hoặc nghe tiếng thác rõ hơn. Đây chỉ là một trong nhiều cách diễn dịch,

bây giờ xin bạn đọc hãy thả trí tưởng của mình trong cõi riêng của bạn theo câu hài cú của Buson:

Young leaves
The sound of a waterfall
Heard from far and near. [1]
Yosa Buson
(1716 - 1784)
nụ non lá dú lên mầm
thác reo
nghe thoảng xa gần đâu đây.

Thật ra tinh thần thơ hài cú ở dưới nhiều dạng hình thức khác đã bàng bạc trong nhiều câu thơ của thi ca Việt Nam. Nói cho cùng, thi sĩ có tài tự bản chất đã là một nhà thơ hài cú mặc dù họ không dùng thể điệu của Nhật Bản. Hai câu lục bát ngắn gọn, vỏn vẹn có mười bốn chữ thay vì mười bảy chữ như của hài cú, không chỉ hạn hẹp sự diễn tả trong những thay đổi của bốn mùa mà lắm khi thu tóm cả những vấn đề rộng lớn hơn về nhân sinh hay siêu hình. Hãy nghe niềm khao khát một nẻo về trong câu lục bát của Thi Vũ:

em đi để lại con đường
ta đem bóng đổ do lường hình xưa

Em là ai? Là người em gái thuở đầu đời? Là cái chân tánh đã bỏ ta đi hoang tự độ nào? Dấu vết con đường, mùi hương để lại chỉ làm ta cảm thấy một cái gì đó đã mất mát, ngóng chờ mãi một dáng hình chưa trở về lại mái nhà xưa. Bao lâu khi mà chưa được gặp lại Em, con đường và Em không còn là hai thực thể riêng rẽ nữa mà đã nhập lại thành một. Ở đó nay chỉ còn lại bóng và hình để cho cuộc chơi phù phiếm của đuổi hình bắt bóng, hay Em chính là tấm gương phản chiếu những mảnh đời đang nhảy múa cho tới khi hình thôi múa thì bóng cũng tan đi?

Một ví dụ khác trong hai câu thơ của Bùi Giáng với những tra vấn của kẻ lên đường:

ta đi còn giữ đôi giòng
lá rơi có dội ở trong sương mù

Ta đi, lá rơi mở màn cho những chuyến đi của người và lá. Người

lên đường bắt đầu một cuộc hành trình vào vô định với tâm trạng ngập tràn nghi vấn, tự hỏi lá trở về cội có vang vọng gì trong cõi ảo biến sương mù. Hai cuộc khởi hành đi về hai thái cực, người có nghe được gì trong chuyến về của lá? Cái gì đã ra đi và cái gì đã trở về? Câu trả lời có chăng là niềm hư vô tuyệt đối mà người phải trăn trở đến tột cùng. Lá rơi còn dội mấy giòng, người đi có giữ gì trong sương mù?

Hoặc như trong truyện Kiều của Nguyễn Du, rất nhiều câu lục bát đã gói ghém cả một nhân sinh quan, chẳng hạn như:

trăm năm trong cõi người ta
chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau

Cái "đương hạ" ở đây kéo dài đến cả một kiếp người và cuộc tranh chấp giữa tài và mệnh mấy ai có thể là người định đoạt?

Oppressive heat
My whirling mind
Listens to the peals of thunder. [1]
Masaoka Shiki
(1867 - 1902)
hực nồng lửa hạ bừng lên
lòng quay quắt nóng
nghe rền sấm vang.

Shiki khiến tôi nhớ đến mùa hè ở Sàigòn và những cơn giông đột ngột. Bầu trời thấp nặng như chờ một tia lửa xẹt lên cho cơn sấm động ầm ĩ rền vang. Mồ hôi chảy quanh người đang chạy đua với không khí hấp nóng đầy chất ẩm như muốn thấm vào quá làn da. Tôi nhớ đến Phiệt, đến Kha, đến Sang và những chiều trốn mưa ở quán cà phê cuối đường Pasteur với giọng hát Thái Thanh bay lướt trong Buồn Tàn Thu. Chúng tôi quên đi hết những bài toán nhức đầu ở giảng đường trường Đại học Khoa học để làm những kẻ "lướt đi ngoài sương gió" qua khung cửa sổ của quán cà phê. Mưa tầm tã bên ngoài, khói thuốc vờn bay khiến ta đâm thèm một chút gì ấm áp, không trách Nguyên Sa cứ nhủ thầm Tháng sáu trời mưa trời mưa không ngớt. *Trời không mưa em có lạy trời mưa*... Hai chị em cô chủ quán dị kỳ rất hà tiện lời với khách. Tóc đánh rối, phấn trắng thật dày, hai cô đem cà phê và bình trà nóng cho khách, thoắt hiện thoắt biến như những bóng liêu trai, không một lời nói, không một nụ cười. Tôi cứ tự hỏi không biết cô có còn chút xúc động nào sót lại

sau lớp phấn ấy hay đã là một mảnh đời tan vỡ tự hôm nao. Có lẽ sự tò mò đó đã đem chúng tôi và rất nhiều người khác thường xuyên trở lại quán của cô chang. Đã mấy chục năm chưa được về chốn ấy, tôi không biết cái quán dễ thương đó vẫn còn hay đã mất. Tên quán tôi không còn nhớ hoặc giả quán không có tên nhưng cần gì nhỉ, những kỷ niệm đó đáng giá gấp nghìn lần một cái tên gọi.

Rời Đại Vực tôi hướng về Sedona, thành phố du lịch xinh xắn ở tiểu bang Arizona. Núi đồi ẩn hiện như đền đài, đá đỏ đứng sững mới trông cứ tưởng là Tháp Chàm ở Qui Nhơn, Tháp Bà ở Nha Trang hay Đế Thiên Đế Thích ở Cao Miên. Hình như tạo hóa đã vẽ nên đủ mọi hình tượng đứng thách đố với thời gian ở quanh đây. Tại sao lối kiến trúc của người Inka và người Chàm có vẻ giống nhau, có một sự liên hệ gì giữa họ tự thời xa xưa? Xin để câu hỏi đó cho những nhà nhân chủng học, trong giây phút này tôi chỉ thấy ngậm ngùi cho những nền văn minh đã tàn lụi qua bao hưng phế và đổi thay. Vua chúa hay bạo quyền rồi cũng không thoát khỏi lẽ tuần hoàn sinh diệt. Theo ước tính, thế giới có đến hơn sáu ngàn thứ ngôn ngữ khác nhau nhưng một nửa đã trở thành tử ngữ. Lời đã thôi vang, người thôi nói, có còn ai chịu lắng nghe những mấp máy của làn môi xưa. Ngay cả sinh ngữ khi được xử dụng, ý nghĩa cũng đã xa rời. Tất cả mong manh và ngắn ngủi, bất chợt tôi nhớ đến Bosha và những con đóm lập lòe của ông trong một đêm hè như một lời nhắn nhủ đến cho tất cả những gì mà con người vẫn cứ cho là hằng cửu:

Flickering lights
Of fireflies
Forebode their short lives. [1]
Kawabata Bosha
(1900 - 1941)
chập chờn
thân đóm dường như
tiền thân đã gọi kiếp phù du mang.

Vũ Hoàng Thư

[1] Yuzuru Miura, Classic Haiku A Master's Selection, Charles E. Tuttle Company, Tokyo, 1991.

Trịnh Công Sơn, những ngày nằm bệnh

Lữ Quỳnh

Sinh nhật mới đây của Trịnh Công Sơn, tôi gọi điện thoại về thăm. *Anh đã thấy hoa của mình chưa?* Sơn có vẻ bối rối, giọng nói yếu và bị ngắt quãng. Tôi linh cảm ngay điều chẳng lành sắp đến. *Ba mươi lăm cái hoa hồng đó, người mang hoa cứ thắc mắc mãi tại sao lại ba mươi lăm cái?* Tôi nghe tiếng cười vui của anh ở đầu dây bên kia.

Trịnh Công Sơn không thích tuổi tác, không thích sự già nua. Anh muốn hòa nhập với thời gian mà lại không muốn có một khái niệm về khoảnh khắc rõ rệt nào, một phân chia thế hệ, một xưng hô cách biệt. Từ đó anh mới đặt tên cho Tuyển tập gồm hàng trăm ca khúc của mình NHỮNG BÀI CA KHÔNG NĂM THÁNG. Anh giải thích chúng ta nên dừng lại ở tuổi Ba Mươi Lăm ấy, những tuổi tiếp theo chỉ là thời gian của kinh nghiệm sống mà thôi. Như thế sẽ không bao giờ có tuổi năm mươi, sáu mươi hay tám mươi nào cả. Hãy quên đi cái tuổi chồng chất ấy!

Không thích già nua, Trịnh Công Sơn lại càng không thích bệnh hoạn, không thích than thở. Bởi thế, dù bị viêm gan, nhức khớp, tiểu đường - vốn là loại bệnh thường làm con người mệt mỏi, chán nản - thì Trịnh Công Sơn lại gắng gượng quên hết, để ở anh lúc nào cũng chỉ thấy tươi tắn lịch thiệp, luôn ăn mặc đẹp và sẵn sàng nhập cuộc với bạn bè. Anh thường ngồi từ giờ này qua giờ khác, từ trưa đến chiều, từ tối đến khuya với bạn, uống rượu lặng lẽ, vẽ tranh, thỉnh thoảng nhắc với nhau vài hồi ức. Có rất nhiều buổi chiều, tôi với anh ngồi nhìn nắng, thứ nắng rất lạ lẫm hắt lên từ bức tường rêu trước mặt. Thường thì im lặng. Đôi

khi chìm ngập trong nỗi nhớ về một người tình vừa đi xa. Vài ba ca khúc ngắn anh viết sau này từ nỗi buồn nhẹ nhàng mà kín đáo ấy.

Thay vì cứ ngồi với nhau mãi trong căn phòng kính cách âm, quanh chiếc bàn tròn lấy từ thân cây thốt nốt trăm năm, với những tranh sơn dầu của anh mà phần lớn vẽ thiếu nữ và chân dung tự họa, với tượng đồng, với piano, hai ba cây ghi ta dựng tường, với tủ rượu lóng lánh ly tách thủy tinh, chúng tôi dèo nhau trên Honda lang thang một vòng phố, ghé ngồi ở Givral, Phú Xuân hoặc sau này thường ở vỉa hè Metro Politan trên đường Tự Do, góc Nguyễn Du nhìn qua Nhà thờ Đức Bà và Bưu điện Thành phố, để ngắm người xe qua lại, ngắm những thiếu nữ khỏe đẹp nện gót đi ngang vào giờ tan sở. Sơn thường xuýt xoa khen lớp trẻ sau này cao lớn và xinh đẹp quá, lại thông minh, tài năng, sống tự tin. Có lẽ vì yêu tuổi trẻ, vì sự gần gũi cởi mở đó mà tâm hồn cũng như dời sống anh trẻ trung ra.

Năm 1997 Trịnh Công Sơn trải qua cơn bệnh thập tử nhất sinh. Thế mà ngay trước ngày vào bệnh viện anh vẫn lần lửa! Có điều thú vị là sau lần thoát chết ấy anh khỏe mạnh hẳn ra. Tóc mọc dày đen bóng. Bỏ hẳn thuốc lá. Nghỉ uống rượu, thay bằng nước suối. Giọng hát mạnh mẽ. Anh thích lên sân khấu. Và có đêm dã hát liên tục bốn, năm bài. *Mưa Hồng, Một Cõi Đi Về, Tôi Ơi Đừng Tuyệt Vọng, Sóng Về Đâu* là những ca khúc anh thường hát sau này. Anh hát và thỉnh thoảng dừng lại nói chuyện với khán giả về ý trong các câu chữ của mình.

Có người cho rằng Trịnh Công Sơn nghiện rượu nặng. Tôi nghĩ anh có thói quen uống rượu thì đúng hơn. Vì anh không bao giờ uống rượu mà không có bạn. Anh sa đà với bạn và rượu. Có bạn đến nhà là phải có rượu. Muốn uống rượu thì phải réo gọi bạn bè đến cho bằng được. Tôi nhớ thời gian ở Huế sau 1975. Đời sống rất khám khổ. Ban ngày mỗi người một việc. Trịnh Công Sơn, Bửu Chỉ ở Hội Văn nghệ. Đinh Cường, Tôn Thất Văn dạy trường Mỹ thuật. Bửu Ý ở Đại học Sư phạm. Định Giang học tập cải tạo về. Lữ Quỳnh dạp xe bỏ báo cho các nhà sách. Mỗi chiều, Trịnh Công Sơn mua sẵn rượu, thứ rượu dế có chấm thuốc rầy cho trong, luột một rá mì sợi làm từ hạt bo bo, vài cái tré nhỏ đặt trên chiếc chiếu trải sẵn ở hành lang phòng sau của căn nhà 11 Nguyễn Trường Tộ. Rồi dắt xe dạp xuống cầu thang, đạp một vòng nhắn hết bạn bè đến. Rất đạm bạc, cạn ly với từng cọng tré nhỏ. Chúng tôi ngồi xếp bàn, tựa lưng vào tường, uống với nhau lặng lẽ. Đinh Cường mắt nhướng cao sau tròng kính nhỏ, tay cầm bút rung rung quệt từng nét chân dung bạn. Trịnh Công Sơn cũng vẽ. Tôn Thất Văn cũng vẽ. Uống rượu và vẽ nhau. Thường các anh vẽ bằng bút chì hoặc viết nguyên tử. Các chân dung vẽ

xong được dán lên tường. Ngày này qua tháng nọ, trên hai bức tường đã dán đầy ký họa những khuôn mặt bạn bè. Chiếc chiếu rượu, chứng tích âm thầm của bao nhiêu năm tháng nhọc nhằn mà giàu có ấy, đã được cuốn lại ngậm ngùi thả xuống dòng sông An Cựu đêm trước ngày Sơn giã từ Huế.

Trịnh Công Sơn biết rất rõ từng căn bệnh của mình, nhưng tỏ ra không quan tâm. Chỉ vì anh không muốn người khác nhìn mình như một con bệnh. Anh lặng lẽ chống chọi với nó. Anh chăm chỉ uống thuốc. Trong chiếc rổ nhỏ bằng mây có cả hàng chục loại thuốc để sẵn trên bàn. Những lúc đi ăn ngoài anh vẫn nhớ mang thuốc theo một cách cẩn trọng. Lúc thấy cần bỏ rượu, anh bỏ ngay. Có lần anh nghỉ uống gần cả năm. Nhìn bạn bè uống rượu trong khi mình uống Coca hay nước suối, anh vẫn vui, vẫn linh hoạt đàn hát, vẫn viết, vẫn vẽ.

Lần đi chơi cuối cùng với nhau, tôi thấy anh không còn thích ngồi quán lâu như trước, anh thích về ngồi ở nhà hơn. Anh có vẻ mệt mỏi, ít nói. Tôi hẹn sẽ trở về thăm anh vào dịp sinh nhật, nhưng rồi không về được. Chỉ gặp nhau qua điện thoại. Lần nào gọi về cũng nghe Xíu bắt máy. *Cậu Quỳnh hả? Cậu chờ con một tí.* Rồi, *cậu Sơn ơi, có cậu Quỳnh nè.* Xíu người hầu cận cần mẫn, rất thuộc tính ý của Sơn. Mỗi lần rung chuông gọi Xíu để nhờ lấy ly hay nước đá, là anh đã thấy Xíu cầm trên tay mấy thứ mình cần rồi. *Quỳnh hả? Mình vẫn khỏe, hôm nay đường xuống rồi, chỉ có cái chân đau nên chưa đi lại được thôi.* Và bao giờ trước khi gác máy, cũng: *cho mình thăm Nhung.*

Anh vẫn khỏe, đường đã xuống, chỉ có cái chân đau thôi. Có gì đâu. Có trầm trọng gì đâu. Thế mà anh lại bỏ anh em để đi xa vĩnh viễn thật rồi. Cho đến phút cuối, anh vẫn muốn trấn an bạn bè.

Tôi không biết mình sẽ thế nào đây khi trở về thăm anh, bước vào ngôi nhà 47C, bước lên căn phòng với đồ đạt như cũ, nhưng trên chiếc ghế mây sơn trắng quen thuộc kia không còn anh nữa.

San Jose tháng 5.2001
Lữ Quỳnh

bức phù điêu khắc cạn
tập truyện ngắn đầu tay của nhà văn
nguyễn thị thảo an
văn mới xuất bản. dày 210 trang, giá 12 Mỹ kim

Hư vô

BÙI BÍCH HÀ

Hình như hôm qua anh vừa ở đây
Cùng chia với em một vầng trăng đầy
Đêm mới qua thôi vầng trăng đã khuyết
Anh nhớ còn đầy hay buồn đã vơi?

Hình như hôm qua anh vừa đứng đây
Cùng em soi chung mảnh gương dưới đèn
Một chớp mắt thôi mà gương đã mới
Ngày đi qua gương còn một mình em.

Hình như hôm qua anh vừa ngồi đây
Cùng em uống chung tách trà thơm này
Tách trà cho khay, hương trà trả gió
Em trả lại tình hơi ấm bờ vai.

Hình như hôm qua anh vừa nằm đây
Ngắt dóa hư vô thơm một hồn đầy
Chuyện trăm năm chút mùi chăn gối cũ
Một sợi tóc buồn rơi giữa kẽ tay.

Tháng Tư 2001

Chuyện tình, khúc đầu

Song Thao

Rượu thật tai hại, bây giờ Khánh mới thấy đúng như vậy. Nếu không có ba ly cognac thổi anh bay lên thì anh đâu có hứng chí gật đầu lia lịa sau câu mời mọc dụ khị của Triều tối hôm qua. Triều làm báo, một loại báo văn học thuần túy. Có nghĩa là báo chỉ cầu đủ tiền trang trải chi phí chứ không cần lời. Mà có lỗ chút đỉnh cũng không sao miễn là báo ra được đều đặn hàng tháng. Nhưng cái lỗ của tờ báo như một ổ gà trên con đường bận rộn xe cộ, càng ngày càng bị xới rộng ra. Muốn nhém lại phải cho tờ báo khởi sắc. Triều định làm một số đặc biệt về tình yêu. Thơ văn phải cho yêu tuốt, yêu đến nơi đến chốn. Anh mời Khánh viết cho một truyện tình thật lâm ly làm chủ lực cho số báo. Ba ly cognac gật đầu liền. Chuyện nhỏ!

Sáng nay ngủ dậy Khánh mới giật mình. Rượu đã nhả hết trả lại cái đầu biết lo biết sợ. Bỏ mẹ! Viết gì đây? Chuyện nhỏ không còn hơi men vươn mình thành chuyện không nhỏ. Vài ba mối tình trong đời, anh đã khai thác đến nhão ra. Mỗi truyện anh vặt ra một ít rồi mắm muối thêm. Giờ thì tình của anh trơ xương ra, lấy gì mà vun xới cho thành một truyện tình, mà lại là truyện chủ lực mới chết chứ!

Anh trăn trở định nói lại với Triều nhưng nòi quân tử không nói đi nói lại trong anh bịt miệng anh không cho nói. Đã hứa phải giữ lời hứa. Bài học từ hồi còn mũi dãi thời tiểu học vẫn bám theo suốt cuộc đời anh một cách khó chịu. Đôi khi anh muốn cách mạng chút xíu làm lơ lời hứa

mà bụng dạ không để cho yên. Anh chắc lưỡi. Không có tình của mình thì đi kiếm tình của người. Khó chi!

Ra đường anh ngó quanh ngó quất coi có chỗ nào nở ra cho anh một cuộc tình không? Trời lất phất mưa, vỉa hè loang loáng ướt in hình một cặp tình nhân trẻ âu yếm nhau dưới chiếc dù đỏ. Ánh đèn màu trên các bảng quảng cáo chớp chớp như tiếng vỗ tay cho một màn trình diễn đẹp. Ngực Khánh như thừa không khí. Lòng anh phơi phới như cánh diều tung tăng nhảy múa trên bầu trời cao. Anh thả hồn vào khuôn mặt có những sợi tóc vàng mềm mại tưởng như có thể vuốt được nỗi dịu dàng. Tóc Vân cũng oặt ẹo như vậy dưới bàn tay mơn trớn của anh. Cũng chiếc dù đỏ, cũng những hạt mưa lất phất ngả nghiêng, cũng những vỉa hè loang loáng ướt. Anh đã ghì sát Vân trong vòng ôm. Anh đã thả lên đôi môi cánh đào những yêu thương đào dạt. Anh đã vục mặt vào nụ cười Vân dâng hiến. Anh đã uống ánh mắt long lanh ngây dại. Vậy mà hạnh phúc đã theo Vân bỏ anh. Người quay lưng bỏ đi như phẩy một hạt bụi dính trên áo, người đứng trông theo quấn quanh mình mọi vấn vương. Anh nhìn đôi tình nhân dừng lại hôn nhau dắm đuối, Nụ hôn nào rồi cũng có lúc buông lơi. Ngày mai, ngày mốt, họ có còn những dư vị của ngày hôm nay? Khánh quay đi. Quá khứ như những mũi kim châm chích khó thương. Anh muốn lảng tránh mình. Gió nhẹ nhàng đẩy những hạt mưa liu riu trên mặt anh. Anh cảm thấy nhột nhạt. Lưỡi anh tinh nghịch ló ra đón mưa. Ngọt và lạnh.

Khánh thấy lòng mình hụt hẫng. Mưa xối xả đẩy anh vào một tiệm chuyên bán đồ ăn sáng và trưa. Tiệm nổi tiếng vì những đĩa đồ ăn được trình bày vừa mỹ thuật vừa độc đáo. Những chiếc bàn vuông nhỏ đủ chỗ cho hai người nằm chật kín trong tiệm. Hàng người đứng chờ trên hành lang kéo dài ra tới cửa. Khánh vất vả lắm mới len chân đứng được ở cuối hàng. Cô hướng dẫn chặn khách ở đầu hàng mắt láo liên nhìn quanh, thỉnh thoảng lại gửi một nụ cười cho các thực khách đang rồng rắn chờ ăn. Nụ cười chẳng làm Khánh bớt đi được phần nào sốt ruột. Anh đã định quay ra. Tính anh vốn dị ứng với việc xếp hàng. Những hạt mưa gõ lộp độp vào cửa kính đã giữ anh lại. Vũ vô kiềm tỏa.... Câu thơ Đường lùng bùng trong đầu anh. Trước mặt anh là một cặp tình nhân, chắc cũng sốt ruột chẳng kém anh, nên chốc chốc lại chúm môi hôn nhau cho qua thời gian. Nhìn họ, Khánh cũng ăn ké được việc giết những giây phút đằng đẵng chờ đợi.

Bốn người khách vác bụng đứng dậy. Mặt bàn bừa bộn được hai anh hầu bàn dẹp gọn ghẽ trong nháy mắt. Tách hai chiếc bàn nhỏ ra một chút cho có sự phân cách, cô hướng dẫn mời cặp tình nhân vào một bàn, Khánh một bàn. Cô bỏ mấy tấm thực đơn lên bàn, nhoẻn miệng cười chúc ăn ngon, lật đật trở lại đứng gác hàng người chờ đợi hầu như chẳng vơi đi chút nào. Khánh nhìn những hình chụp trên tấm thực đơn. Mỗi đĩa đồ ăn là một công trình mỹ thuật kết hợp bằng bánh, trứng, hot dog, bacon, rau và các loại trái cây. Anh lựa một đĩa trông đẹp nhất, gọi cô hầu bàn tới, chỉ trỏ xong xuôi, lẳng lặng ngồi chờ. Bàn bên cạnh, cặp tình nhân vẫn rinh rích bàn bạc với nhau. Thỉnh thoảng Khánh nghe tiếng cười dè dặt vỡ ra khi họ chồm người chỉ cho nhau hình các đĩa thức ăn được trình bày một cách ngộ nghĩnh.

Cô hầu bàn thận trọng đặt đĩa thức ăn trước mặt Khánh. Trái dưa leo cắt theo hình cánh nhạn được xâu vào nhau tạo thành thân một con chim đang bay là là, hai cánh chim là những miếng táo đỏ được cắt thành những phiến mỏng xếp thẳng băng trên những miếng táo đỏ, lê vàng, nho tím, ớt xanh. Một vùng trứng vàng, mấy miếng bacon đỏ sậm, hai lát bánh nâu và những cọng rau xanh xúm xít chung quanh. Cô tình nhân chóc chách không kìm hãm được tiếng kêu thích thú khi nhìn đĩa đồ ăn của Khánh. Cậu nhân tình nhướng đôi mắt nói với qua.

"Chắc ông chỉ nên ngồi ngắm tác phẩm đẹp mắt này!"

Khánh cười lại.

"Anh không thấy tay tôi đang run lên đây sao?"

Chiếc miệng đỏ thương phụ vào.

"Tôi đang hy vọng rằng ông run không phải vì đói."

Khánh tay dao tay nĩa chăm chăm nhìn vào đĩa đồ ăn.

"Chắc chắn không phải vì đói rồi. Nhìn ánh mắt lo lắng của cô, tôi có cảm tưởng là tôi sắp phạm vào một tội ác."

Đôi mắt mầu hạt dẻ nheo lại.

"Tôi cũng nghĩ như vậy. Xin chúc phúc cho ông. Nhưng biết làm sao hơn được. Ông cứ nhắm mắt ra tay đi. Có cả một hàng dài người đứng chờ kia vỗ tay cho ông. Chút nữa, khi phần ăn của chúng tôi được dọn lên, chúng tôi cũng chẳng làm gì khác hơn ông được. Chúng ta đều là tù nhân của chính con mắt biết trân quí cái đẹp của chúng ta!"

Khánh gật đầu.

"Cám ơn lời giải tội của cô. Xin cô nhắm mắt lại để tôi đỡ áy náy khi xuống tay phạm tội ác."

Tiếng OK vụt vội ra khỏi miệng trước khi cặp mắt tinh nghịch nhắm nghiền lại chặt chẽ với đôi môi nhếch lên thích thú như của một đứa con nít đang tham dự vào một trò chơi hợp ý. Anh con trai đưa tay qua bàn đùa cợt che cặp mắt chỉ còn đôi mi khép kín. Cô gái kéo tay anh xuống miệng hôn nhẹ rồi đặt trở lại lên mắt. Khi bàn tay được rút về, cô gái vội mở mắt ra. Mắt cô căng lên, miệng chụm vào thành vòng tròn phát ra tiếng ồ, rồi cô gái ôm bụng cười ngặt ngẽo. Đĩa thức ăn của cô đã được đặt lên bàn lúc mắt cô vẫn còn kín mít dưới tay của tình nhân. Anh con trai ôm bụng cười theo, đầu lắc lư như người lên đồng. Giữa đĩa là một trái chuối đã bóc vỏ dựng đứng giữa hai chiếc bánh tròn và một lô những miếng trái cây đủ mầu sắt nhỏ nằm bao bọc chung quanh. Mấy lá rau lăn tăn nhô lên xoắn xuýt trên hai chiếc bánh không che lấp nổi một vệt trứng vàng trắng nằm ké né bên một góc đĩa. Anh con trai hất hàm với Khánh. Khánh mỉm cười trong khi cô gái vẫn ngặt ngẽo chưa dứt được cơn cười còn long bong khoái trá.

Họ ăn như giỡn. Đưa qua đưa lại. Cười cười nhai nhai. Khánh vui thích trong bụng. Anh cố quan sát từng cử chỉ, từng bộ điệu, từng lời nói của hai người đang yêu nhau. Tình yêu là một thứ biến ảo khôn lường. Mỗi cuộc tình là một riêng tư. Chẳng có một cuộc tình nào là phiên bản của một cuộc tình khác. Tình nhân này tặng tình nhân kia những cách thế yêu đương riêng của mình. Khánh kết cuộc tình đang thở bên cạnh. Anh mải miết theo dõi mà lơ là với đĩa đồ ăn trước mặt. Họ chào anh đứng dậy. Khánh chào lại miệng vẫn lúng búng trước đĩa đồ ăn mới vơi phân nửa. Anh nhìn theo họ đứng chờ trả tiền bên quầy. Hai người đắm đuối nhìn nhau, vít mặt hôn nhau, ôm sát eo nhau. Như chỉ có họ trên cõi đời này. Anh giật mình thấy mỗi người cầm một tờ hóa đơn tính tiền. Họ nhích tới chỗ thâu ngân viên. Vòng ôm lỏng ra. Hai người đều mở ví. Họ thản nhiên trả tiền phần ăn riêng của mỗi người rồi ôm nhau khuất sau cánh cửa ra vào.

Khánh ngồi thừ người bâng khuâng. Cuộc tình anh chăm chú quan sát bỗng chốc tuột tay. Anh cảm thấy rã rời trước sự sòng phẳng. Như có một ngọn cuồng phong gào thét đâu đây. Anh hờ hững đứng dậy. Đĩa đồ ăn vẫn còn phân nửa. Ly cà phê sóng sánh mấp mé muốn trào ra khi anh chống tay xuống bàn. Anh đặt mấy đồng tiền tip trên mặt bàn. Số tiền hình như nhiều hơn thường lệ. Anh muốn mua một mùa xuân nhưng những cánh én đã vội vã bay xa.

Mùa xuân năm nay hình như không trở về trên thành phố bốn mùa rõ rệt này. Những đống tuyết xám xịt chưa vội tan hết thì nắng đã chói chang trên những thân cây trụi lá. Nhiệt độ vắt vẻo lên cao hâm nóng bầu không khí vẫn còn ẩm ướt những ngày tháng rét mướt. Dân chúng đổ xô ra đường tận hưởng ánh mặt trời. Họ khoan khoái vứt bỏ những áo quần vướng víu mùa đông để phơi da thịt dưới ánh nắng. Thịt da ngồn ngộn lui tới chật đường xá làm ly cà phê trước mặt Khánh nguội tanh nguội ngắt. Vuông cửa kính rộng lớn của tiệm cà phê như một màn ảnh nhí nhảnh tíu tít đổi thay những thân hình cuồn cuộn sức sống. Khánh mê dại trước những nét xuân trong nắng hạ. Cái vỗ mạnh bạo trên vai làm Khánh giật mình quay lại. Patrick cười toác miệng.

"Mất cậu để đâu mà chẳng thấy ai chung quanh vậy?"

Chẳng cần đợi câu trả lời, Patrick hất đầu ra phía ngoài, nheo một bên mắt, dập thêm một cái nữa vào vai Khánh. Cô gái tóc ngắn phơn phớt màu vàng ong có khuôn mặt tươi tắn đứng bên cạnh Patrick uể oải nhếch miệng.

"Isabelle. Bạn tớ. Khánh. Cũng bạn. Đồng nghiệp cũ."

Câu giới thiệu cũn cỡn như cái tính lóc chóc của Patrick cũng kéo được bàn tay Isabelle giơ ra cho Khánh bắt.

"Hân hạnh được biết cô!"

Isabelle cười thay cho câu nói khách sáo đáng lẽ phải có. Nụ cười phớt như một cơn gió nhẹ. Chiếc áo mỏng có chiếc cổ khoét sâu xuống làm mất Khánh bất an. Patrick hất đầu.

"Em đi đi. Anh ngồi chờ ở đây với ông bạn anh. Hy vọng ông ấy cũng có đủ kiên nhẫn bằng anh. Khoảng một tiếng thôi nhé!"

Isabelle hôn hờ lên môi Patrick, nhẹ cười kèm theo cái gật đầu cho Khánh, nhún nhảy quay đi. Patrick kéo ghế ngồi.

"Rảnh rỗi lắm sao mà ra ngồi say mê rửa mắt ở đây vậy?"

"Nghỉ, chẳng có việc gì gấp gáp, ngồi nhấm nháp chút cà phê, coi thiên hạ múa may mừng nắng ấm đầu năm."

Patrick tinh quái sờ tay vào ly cà phê của Khánh.

"Cà phê nguội hết rồi! Coi thì cứ coi, uống thì cứ uống chứ. Sao nỡ để cà phê tới nông nỗi này! Bỏ đi. Uống với tớ ly khác nghe?"

Chưa dứt câu nói, Patrick đã búng chóc hai ngón tay, ngoắc anh bồi, chỉ vào ly cà phê, giơ hai ngón tay, quay lại Khánh, miệng nói tiếp.

"Từ hồi tớ đi, mấy anh xếp nhăn nhăn nhó nhó mặt có đẹp trai ra thêm chút nào không?"

"Thì vẫn vậy! Cái nòi xếp thì phải nhăn. Làm sao mà đòi hỏi các bố ấy hơn được. Chỗ làm mới của cậu ra sao? Có nhiều mặt nhăn không?"

"Nhất định phải khá hơn chỗ của cậu chứ! Không thì tớ chạy làm chi? Nói vậy chứ trước sau gì tớ cũng dọt. Cậu biết đấy, tính tớ ưa thay đổi, ngồi mãi một chỗ dễ buồn ngủ lắm."

"Thế em hồi nãy đổi từ hồi nào vậy?"

Patrick nhếch hàng ria mép, cười hờ.

"Cậu vẫn còn cái giọng xóc óc ấy hả? Bồ ruột đấy!"

Món nợ với Triều thúc hối Khánh. Thằng lóc chóc này mà có bồ ruột thì tình chắc đã đậm lắm. Biết đâu chẳng ra một chuyện tình độc đáo. Khánh nhẩn nha.

"Được bao lâu rồi?"

"Từ cái party Giáng Sinh vừa rồi. Coi được không?"

"Được. Giàn đồng như vậy là số một rồi!"

Patrick hớn hở.

"Hồi nãy nhìn mắt cậu tớ biết rồi. Báo cho cậu biết là tụi này mật ngọt lắm. Nói nhỏ với cậu. Em này diệu nghệ ra gì. Thú vị kể chi!"

Khánh lững lờ.

"Thú vị sao để em đi một mình! Coi chừng mòn hết à!"

"Theo mấy mợ đi shopping là không có tớ rồi. Ngồi đây với cậu có lý hơn. Nói là đi một tiếng chứ tớ đã biết ít nhất là phải hai tiếng rồi."

Hai ly cà phê nghi ngút khói được đặt xuống bàn. Patrick nhoài người lấy đường và sữa. Khánh chậm rãi.

"Yêu là phải chịu đựng. Coi bộ tình của cậu chưa hết cỡ!"

Patrick hất mặt ra phía cửa gương.

"Tớ hy sinh quá cỡ rồi chứ! Cậu coi kìa, nhan nhản đùi ngực dập dìu khoe của thế kia mà tớ làm lơ chọn một thì cậu biết sao rồi!"

Khánh nhấp chút cà phê nóng, nghe khoan khoái trong người.

"Vậy thì bao giờ tớ được ăn cưới?"

Patrick trợn ngược mắt nhìn Khánh.

"Cậu nói gì vậy?"

"Yêu thì cưới, tất nhiên! Như cậu lái xe trên xa lộ, qua exit này thì biết sẽ gặp exit sau là exit nào. Chẳng chệch đi đâu được."

"Này, xin lỗi cậu chứ cậu quê thấy mẹ! Cưới, cưới, cưới! Cậu giống như bà già tớ vậy. Làm chi phải dâm đầu vào những chuyện rắc rối như thế? Thích thì ở, không thích thì thôi. Tiền ai người nấy giữ..."

Khánh điềm nhiên cắt lời Patrick.

"Thân ai người nấy giữ luôn hả?"

Patrick cười trừ.

"Vẫn cái giọng xóc óc! Thì thân ai vẫn là thân đó, mất mát đi đâu mà cậu phải lo? Cậu không có ý nghĩ sau tôi là cậu đấy chứ?"

Khánh lo chuyện khác. Anh đang đi kiếm một chuyện tình. Tình thì phải mê muội dứt không ra. Chứ còn tỉnh queo tính toán như Patrick làm sao gọi là tình được! Sự hờ hững của Patrick làm đầu Khánh lại trống rỗng. Nghĩ mà giận Triều. Báo bổ thấy không xong thì buông đi cho anh em nhờ. Vớt vát làm chi cho mệt mình, mệt người. Nhưng cái nghiệp của Triều, rũ ra đâu có được. Hắn là tội nhân của chính hắn, một thứ tội đồ rất hồn nhiên và cam đành.

Khánh lại lang thang đi rình chuyện tình. Anh bấm chuông nhà Soạn. Chỉ cốt vào đấu láo ít câu cho đỡ căng thẳng cái đầu chứ tình của vợ chồng hắn thì chán chết. Như một đoạn đường êm ru bà rù chẳng thèm có một cái ổ gà, một khúc quanh và cũng chẳng bao giờ có cảnh nghẹt xe nghẽn đường cả.

Vừa khép xong cánh cửa, Soạn đã vào trận.

"Mẹ kiếp! Ngọn gió nào thổi được ông đến đây thế?"

Khệ nệ vác được cái thân hình bỏ rẻ cũng được bảy tám chục kí tới chỗ ngồi tháo giày, Khánh biết vừa bị xỏ xiên. Phải lên giọng từ tốn cho có oai, Khánh nghĩ thầm.

"Gió nào mà thổi được. Họa may chỉ có gió đói."

"Đói hả? Em ơi, ông Khánh ông ấy đói!"

Soạn chu chéo. Vợ Soạn tất tả chạy lên. Dung có biệt tài rất dễ thương là giờ phút nào cũng có thể dọn được bữa ăn cho những tên bạn lêu bêu của chồng. Huống chi Khánh tới vào đúng giờ cơm như hôm nay thì dễ quá.

"Anh dùng bữa với tụi này nghe! Hôm nay có món anh rất thích. Món gì, đố anh đoán được đấy!"

Có món nào mà Khánh không thích! Biết đằng nào mà đoán. Dung rất khéo nấu ăn, món nào cũng vừa miệng cả. Được ăn món nào Khánh cũng khen lấy khen để. Khen thật tình. Tính Khánh lơ đãng nên nhớ làm sao được món nào anh khen đội nhất. Nhưng Dung chắc biết. Nàng rất tinh tế. Khánh nói lua.

"Món nào chị nấu tôi thấy cũng là số một hết!"

Soạn xía vô.

"Thằng này giỏi. Muốn ăn thì lăn vào bếp. Không biết lăn thì lấy mồm miệng đỡ chân tay. Miệng mày chắc là miệng kiềng ba chân nên vững thế!"

Dung át giọng chồng.

"Cái anh này! ỷ thế bạn bè nói càn. Anh Khánh anh ấy giận chết."

"Nó giận, tôi cám ơn!"

Dung làm nghiêm.

"Đủ rồi, nghe ông. Miệng ăn nói tía lia. Anh Khánh, đừng giận cái ông tào lao này nghe anh!"

Khánh hề hề.

"Chị cứ yên tâm. Dại gì mà tôi giận nó. Tôi còn đang bận thám thính xem có mùi gì khả dĩ đoán được món chị nấu hôm nay."

"Không phải tôi nấu đâu."

"Chắc ông bạn tôi nấu phải không chị? Vậy thì xin phép chị cho tôi đi về!"

Dung cười.

"Ông ấy mà nấu gì! Người khác cơ."

"Ai nấu cũng không bằng chị được!"

Soạn chen vô.

"Lại nịnh! Vợ tao mà mày nịnh. Vui nhỉ! Em đừng thèm nghe nó. Để dành dôi tai cho anh, bảo đảm là anh nịnh có chất lượng hơn nhiều!"

Dung đập vào tay chồng.

"Cái ông này! Lại tào lao cái miệng. Anh Khánh này, anh nói như vậy không sợ cô em tôi buồn sao?"

Khánh bưng miệng.

"Chết tôi rồi! Chị muốn tôi vả vào cái miệng này mấy cái?"

"Đừng vả vội. Để miệng mà ăn món cà bung đã."

Diễm nấu cà bung thật khéo. Đó là món ăn dẫn tới cuộc tình của đời nàng. Người góa phụ còn trẻ này không nói nhiều nhưng Khánh cảm thấy đó là một cuộc tình đẹp. Nó còn nằm sâu trong Diễm, như một điều tế nhị mà nàng chẳng muốn khơi lại. Khánh cũng chẳng muốn đụng tới một vết thương chắc chẳng bao giờ hết tấy đỏ nhưng cái nợ với Triều cứ đẩy anh đi tới. Anh khéo léo khai thác nơi Dung. Dung lại nghĩ theo ý của nàng. Nàng ngầm kéo anh lại gần Diễm. Khánh sợ Dung hiểu lầm nên thú thật là chỉ muốn đưa chuyện tình của Dung vào một truyện tình mà anh đang khổ công đi tìm. Tình của nó đẹp như tiểu thuyết vậy, chắc anh viết được đấy. Dung nói vậy nhưng vẫn không kể nhiều. Anh bảo nó kể cho anh nghe, chắc sẽ hứng thú hơn. Dung tế nhị cho anh số điện thoại của Diễm. Diễm lững lờ mãi mới cho anh một cái hẹn.

Căn apartement một phòng ngủ của Diễm xinh và sạch sẽ gọn gàng như một cái chuồng chim quí. Cây đàn tây ban cầm trên bàn mách bảo với Khánh con chim lặng lẽ này biết đàn hát. Khánh bắt chuyện.

"Chắc Diễm hát hay lắm!"

"Anh cũng ưa suy đoán đấy nhỉ?"

"Nghe giọng Diễm thì biết. Nói hay thì hát hay."

"Anh mới đặt ra một cách thẩm định mới chắc cần phải kiểm chứng lại. Phần Diễm, nghêu ngao cho đỡ buồn ấy mà."

Diễm đứng dựa vào quầy bếp, quay mặt ra hỏi.

"Anh uống gì? Cà phê nhé!õõ Cười. ôõ Thực ra nhà cũng chẳng có gì uống ngoài cà phê. Anh dùng một muỗng đường nhé? Ngọt quá mất vị đi!"

Diễm vừa hỏi vừa trả lời, vừa thoăn thoắt đôi tay. Khánh không bỏ lỡ dịp may.

"Diễm cứ pha theo ý mình. Cà phê Diễm pha là ngon rồi!"

"Anh khéo nói nhỉ! Đừng dùng lời nói ngọt với đàn bà con gái. Tội!"

Khánh không hiểu chữ tội của Diễm. Nàng quay lưng về phía anh nên anh không nhìn được mặt nàng khi nói với anh. Bộ quần áo mặc nhà có những sợi hoa màu nhạt lằng nhằng trên Diễm trông thật thân mật. Diễm quay lại, hai tay bưng hai ly cà phê, hai mắt bắt gặp tia nhìn bao phủ của Khánh. Khánh bước vội tới . Diễm lúng túng trao chiếc ly cho anh. Tay Diễm như đỏ lên. Nàng ngồi xuống chiếc ghế đối diện Khánh như gieo người vào một chốn an toàn.

Khánh bật tay trên những sợi dây đàn búng ra những nốt nhạc đuổi theo nhau lộn xộn. Anh bối rối nhìn Diễm, trăm điều muốn nói mà chẳng biết mở lời ra sao.

"Anh uống cà phê đi."

"Mời Diễm."

Không khí quánh lại sường sượng. Cái miệng trơn tru của Khánh như trật khớp. Diễm với tay mở một đĩa nhạc. Tiếng dương cầm rả rích rơi từng âm thanh thánh thót. Tiếng Khánh nương theo tiếng đàn.

"Diễm yêu nhạc lắm nhỉ?"

"Bạn của Diễm đó. Đời Diễm được đánh dấu bằng những bản nhạc. Nó gợi nhớ những điều Diễm nghĩ mình muốn quên."

"Điều gì Diễm muốn quên?"

"Chị Dung có nói với Diễm về ý định của anh. Diễm đã cố chôn chặt rồi, sao anh còn muốn đào lên?"

"Xin lỗi Diễm! Tôi đã mải miết chạy theo ý muốn của mình mà vô tình trở thành kẻ ác độc."

"Anh đừng quá lời kết tội mình. Lỗi tại Diễm không dứt khoát nói cho anh biết. Diễm không muốn đào bới quá khứ, dù nó thế nào đi chăng

nữa!"

"Mình nói chuyện khác đi vậy. Trời hôm nay đẹp nhỉ?"

Câu pha trò tàng tàng của Khánh làm Diễm phá ra cười. Khánh như được mùa với tiếng cười giòn giã phát ra từ đôi môi mòng mọng tươi tắn. Anh đã tạo ra được đợt sóng đầu, những đợt sau tiếp nối đuổi theo nhau. Chuyện trên trời dưới biển, chuyện văn chương nghệ thuật, chuyện âm nhạc, chuyện thời trang và những chuyện bá láp vu vơ hụp lên hụp xuống theo đầu sóng. Diễm phơi phới nâng dàn lên búng ra từng âm thanh dào dạt. Nàng cất tiếng hát. Hồn nhạc cài sâu vào giọng hát. Mất môi dây xin anh dừng chờ/ Chiếc hôn kia mong anh từng giờ.

Mắt Diễm mơ màng buông thả. Khánh chận dòng nhạc bằng nụ hôn gượng nhẹ. Diễm rướn người hôn trả. Cây đàn chuồi xuống sàn nhà. Hai thân hình dán sát vào nhau tròn trịa. Khánh cảm thấy ngực Diễm buông thả sau làn vải áo. Anh tham lam luồn tay vào áo Diễm. Nụ hôn dài như thêm sức sống gắn bó vào nhau. Người Khánh đờ dẫn. Tay anh nằm chết một trên vuông da thịt lụa là.

Phải chăng đất trời vừa sản sinh ra một chuyện tình?

Tháng 5/2001

Chúc Mừng

Nhận được hồng thiếp của Anh Chị **Hồ Minh Dũng** làm lễ vu quy cho trưởng nữ:

Hồ Phù Sa

sánh duyên cùng

Đào Hồng Phi

thứ nam của Ông Bà Đào Văn Phước

Hôn lễ cử hành vào ngày 14.7.2001 tại Atlanta, Georgia.

Văn Học cùng Văn Thi Hữu cộng tác xin chung vui với anh chị Hồ Minh Dũng và chúc hai cháu Phù Sa - Hồng Phi trăm năm hạnh phúc!

Những người đánh cá

Phan Triều Hải

Cả hai mặc bộ đồng phục màu xanh mới hãy còn những nếp ủi sắc cạnh. Mỗi khi họ cử động thì những nếp ủi ấy gãy gập lại, như làm bằng một chất liệu gì giòn lắm. Nhưng thật ra, đó chỉ là một loại vải thô dày hãy còn cứng hồ. Sau lưng áo mỗi người có in đòng chữ lớn ghi tên một công ty đánh bắt cá. Hai từ cuối xác định đó là một công ty nước ngoài, nhưng từ đầu tiên thì chỉ ra công việc của họ một cách rõ ràng: *Fishing*. Mỗi khi họ quay lại nói chuyện với nhau, cái lưng áo phập phồng cũng đem đến cảm giác giòn tan như khi ta bẻ đi bẻ lại một miếng bìa cứng. Ngoài ra, tất cả những thứ khác ở họ đều màu đen. Ngay cả tóc họ cũng đen nhánh, và nước da đậm. Những người đi biển hường có vóc dáng khỏe mạnh như thế. Tôi quan sát những chi tiết ấy đến mức không còn gì để quan sát nữa mà gã nhân viên sân bay vẫn chưa quay lại.

Ngay từ đầu tôi đã nhận ra họ là những người đi cùng chuyến bay từ nhà sang. Nhất là người đàn ông thấp. Suốt đúng bốn giờ mươi lăm phút bay, ở đầu hàng ghế bên kia, anh ta không bao giờ rời mắt khỏi cửa sổ, chăm chú nhìn ra như cố gắng tìm gì đó còn lại trên mặt đất, ngay cả khi bên ngoài chỉ còn có mây, và mây. Giờ thì anh ta đang nhìn quanh cái sân bay chuyển tiếp rộng mênh mông này với những quầy bán hàng miễn phí lấp lánh đèn xanh đỏ bằng đôi mắt hơi lồi mở to dưới hàng lông mày rậm rạp, trong khi người bạn cao lớn của anh ta cứ sốt ruột bẻ đi bẻ lại chiếc cổ áo của mình.

"Tất cả ở đây." Gã nhân viên sân bay đã nói như thế. Gã giữ khư khư

hộ chiếu của chúng tôi mà không chịu nói rõ lý do vì sao. Gã nói tiếng Anh bằng cái giọng cứng ngắn ngắt của người bản xứ. Mỗi âm gã phát ra cứ vang vang. "Chờ tôi ở đây."

"Fishing. Fishing". Hai người đàn ông đáp, như cùng một lúc lên tiếng.

"Biết rồi." Gã làu bàu, cái cổ lớn của gã cứ trồi sụt một sợi gân xanh dài to như ngón tay út, gợn từng đốt nhỏ. Quay sang tôi, gã nói như ra lệnh: "Anh cũng thế, chờ ở đây."

Rồi gã quay gót đi, hai cái chân ngắn sải thật nhanh nhưng vai luôn thẳng. Bên hông gã, chiếc điện thoại to tướng cứ nhịp nhịp theo mỗi bước khiến gã trông như một người lính hơn là nhân viên ở một sân bay bóng lộn như thế này.

Chúng tôi đứng chờ gã ở quầy. Giờ là những ngày cuối của mùa hè, bao nhiêu người vừa mới đi nghỉ về sạm nâu vì nắng. Đám thanh niên đang quay lại trường, kẻ đứng người ngồi ngổn ngang, nhưng khuôn mặt ai cũng vui vẻ. Người đàn ông thấp tựa cái lưng gồ ghề vào tường, cái cổ lớn rụt hẳn xuống giữa đôi vai bè bè, đôi mắt lồi to hướng về phía những phụ nữ ở quầy bên cạnh. Anh ta cứ đứng trong tư thế đó, bất động, chăm chú như lúc nhìn qua cửa sổ máy bay. Trong khi người kia hết lục lọi túi quần lại mò mẫm gì đó trong chiếc xách tay màu đen luôn luôn đeo sát bên người, vẻ mặt lo lắng.

"Mày dừng nhìn nữa". Người đàn ông cao làu bàu. "Chúng nó nhốt mày bây giờ."

Người kia ngay lập tức đứng thẳng người, hai vai xuôi xuống.

"Chúng nó đẹp thật." Anh ta nói, mắt nhìn bâng quơ.

"Không tới mày đâu. Quên đi." Người kia nói.

Cả hai im lặng một lát. Người đàn ông cao lại tiếp tục lục lọi túi xách của mình. Đám phụ nữ đẹp bắt đầu cao hứng giậm những đôi giày cao gót xuống sàn, nghe lách tách. Họ nói với nhau giọng líu ríu như chim, và cười, tiếng cười như nước rơi xuống đá bắn ra từng hạt nhỏ, không bắt được. Tiếng cười cứ tan ra, giòn tan. Gã nhân viên sân bay vẫn chưa quay lại.

"Mày tìm gì thế?" Người đàn ông thấp hỏi.

Người cao dừng lại, suy ngĩ một lát rồi rút tay cho vào túi quần, khuỷu tay kẹp chặt lấy chiếc túi.

"Không, không có gì". Anh ta nói.

"Có chuyện gì à?"

"Tao không biết."

"Mình có đi tiếp được không?" Người đàn ông thấp tỏ vẻ lo lắng.

"Hỏi gì mà lắm thế." Người kia nói, giọng cáu kỉnh.

Người đàn ông thấp cựa quậy khó chịu. Khuôn mặt anh ta nổi rõ những góc cạnh của một người dạn dày sương gió, nhưng mỗi khi quan sát xung quanh, đôi mắt anh ta mở to, nhanh nhẹn mà ngây ngô như trẻ con.

"Không có gì tìm thì đừng loay hoay nữa." Anh ta càu nhàu.

"Sao vậy?"

"Mày làm tao chóng mặt".

"Thì thôi." Người cao nói.

"Có chuyện gì không ổn thì nói cho tao biết với." Người thấp nằn nì.

"Tao không biết." Anh ta ngần ngừ, và mắt chợt sáng ln. "Nó đến kìa".

Từ xa, gã nhân viên sân bay quay lại, đi hùng hục như chạy. Gã đi mà không cần nhìn chung quanh, cứ nhắm thẳng chúng tôi mà đi tới, xen ngang qua những người đẹp mà gã chỉ cao ngang vai họ. Bây giờ mặt gã mới lộ vẻ non choẹt, một cái mặt non choẹt quan trọng. Tôi nói với gã:

"Hộ chiếu của tôi đâu?'

"Anh chờ." Gã nói, cụt lủn. Tiếng Anh của gã như vụn ra, gã không dùng câu, mà chỉ dùng một từ cần thiết nào đó thôi.

"Tại sao anh giữ hộ chiếu của tôi?' Tôi hỏi lại.

"Không phải việc của anh". Gã nhìn tôi chằm chằm, rồi dịu lại, lần này nói cả một câu "Anh thì không có vấn đề gì."

Gã quay ngoắc sang hai người đàn ông, nói gì đó. Người đàn ông cao lại lục tìm trong túi xách, còn người thấp thì nhìn chăm chăm bàn tay của bạn mình. Gã nhân viên nhận một đống những giấy tờ lộn xộn, xem rất nhanh, và trả lại tất cả cho anh ta, một vài tờ rơi xuống nằm dán chặt trên cái sàn nhà nhẵn thín. Người thấp cúi nhặt, đó là những boarding pass của chặng trước.

"Vứt vào sọt rác đi" Gã nhân viên nhìn anh ta, nói.

"Fishing". Anh ta đáp và cho tất cả vào túi trở lại.

"Chờ ở đây." Gã dí mặt sát vào hai người đàn ông, chỉ tay xuống đất, nói to "Đừng đi đâu cả".

"Fishing". Cả hai người cùng lên tiếng, phát âm rất chuẩn.

Gã nhân viên lại bỏ đi.

Những phụ nữ đẹp chuẩn bị đi vào bên trong. Cả năm người đều cao như nhau, cùng da ngăm nâu, cùng mặc một loại váy ngắn bó sát những thân hình kiều diễm. Họ chỉ khác nhau ở màu tóc, một cô tóc bạch kim, những cô khác có tóc nâu hoặc vàng óng. Mỗi khi cười họ thường hất tóc qua đôi vai trần, phủ lấy những vạch trắng để lại bởi dây áo tắm mỏng. Mọi người đi ngang qua đều nhìn họ, bởi vì họ đẹp, và bởi tiếng cười của họ giòn tan, vô tư lự, trong veo như nước, cứ loang ra loang ra như khi ta chạm khẽ mặt hồ.

"Chúng nó đẹp." Người thấp nói.

"Quên đi". Người cao nhắc lại. Anh ta đã có vẻ thoải mái hơn một chút.

"Tao biết". Người thấp nói, mặt nhíu lại, vui vẻ. "Nhưng không ngắm chúng bây giờ thì sẽ không có dịp khác đâu."

"Tao cũng đang ngắm đây". Người cao nói "Nhưng mày đừng có nhìn lộ liễu như thế."

"Tao biết. Tao biết". Người đàn ông thấp tỏ ra hấp tấp, hỏi: "Mày thích đứa nào?"

"Đừng có mơ." Người cao nói, vẻ mặt trầm ngâm. "Mà vì sao lại có những người đẹp như thế chứ?"

"Mày có nghe chúng nó cười không? Thế mới là cười." Người cao nói.

"Tao mà có tiền thì tao cũng sẽ cười được như thế." Người cao nói.

"Bao giờ mày mới có tiền?" Người thấp khiêu khích.

"Ngay tháng lương đầu tiên." Người cao tự tin.

"Nhưng phải gửi về nhà tất" Người thấp nói.

"Ừ nhỉ. Nhưng mình chỉ cần đi được các nơi là đủ." Người cao nói. "Sau này tao chỉ cần kể cho con cháu nghe rằng tao đã từng đặt chân lên đất châu Á, châu Âu, châu Mỹ, là đủ mãn nguyện. Lúc ấy có thể cười được rồi."

Những người đẹp lần lượt đi vào trong. Suốt buổi họ vẫn nói ríu rít như chim và cười, không người này cười thì người khác cười. Không có ai im lặng. Họ chỉ nhìn nhau mà nói và cười chứ không nhìn chung quanh, không cần biết xem có ai đang ngắm nhìn họ không. Người phụ nữ tóc vàng đi vào sau cùng. Chân nàng dài nên nàng cao hơn hết thảy mọi người quanh đó. Khi nàng vừa đi khuất vào trong, người đàn ông thấp quay lại, hàng lông mày rậm nhíu xuống. Người bạn anh ta bây giờ không lục lọi túi xách nữa mà cứ nhìn đồng hồ, chốc chốc lại nhìn đồng hồ. Tôi cũng nhìn đồng hồ, tôi chỉ còn nửa tiếng nữa để lên máy bay.

"Sao lâu thế! Có chuyện gì không?" Người thấp hỏi.

"Tao không biết."

"Nhưng lúc nãy nó nói gì với mày?

"Tao đâu có hiểu."

Mọi người đã vào trong cả rồi, để lại những dãy ghế dài ngút mắt, những hàng gạch bóng loáng đều tăm tắp, và không khí như lắng xuống, yên tĩnh bất ngờ. Vẻ mặt hai người đàn ông lộ vẻ hoang mang. Người thấp ngần ngừ một lát, rồi đề nghị:

"Hay ta đi tìm nó đi."

"Có lẽ như thế." Người kia đáp, nhưng anh ta vẫn đứng yên.

Từng phút cứ trôi qua, chậm chạp. Tôi cũng bắt đầu lo lắng. Tôi lên tiếng:

"Nó bảo các anh chờ."

Cả hai nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi không ngăm đen như họ, vì tôi là người thành phố, ngày nào tôi cũng ngồi máy lạnh. Tôi cũng không lực lưỡng như họ, vì tôi không làm được những việc nặng nhọc bao giờ. Thỉnh thoảng tôi cũng đi biển, nhưng tôi chỉ ra các đảo để vui chơi một đêm ở đó, đốt lửa và cười.

"Chờ ở đây". Tôi lặp lại, lần này hoàn toàn tự tin.

Tôi không có gì giống họ cả, nhưng khi tôi nói thì họ hiểu ngay. Họ cùng reo lên:

"Người của mình."

Đúng lúc ấy gã nhân viên xuất hiện trở lại, tôi xách chiếc túi của mình lên, túi của tôi có màu trắng sọc xanh, bởi vì tôi thích hai màu này cùng đi với nhau. Tôi không thích những chiếc túi đen tuyền, nhưng giờ thì những chuyện đó không còn quan trọng nữa, tôi rất vội, tôi chỉ còn hai mươi phút. Gã nhân viên sân bay trao lại cho tôi hộ chiếu, và nói, thản nhiên:

"Anh đi được rồi. Ra gấp cổng số hai".

Tôi đặt túi xách xuống.

"Tại sao anh lại giữ hộ chiếu của tôi?" Tôi hỏi.

"Vì tôi muốn kiểm tra". Gã đáp, gọn lỏn.

"Anh là cảnh sát à?" Tôi nói với gã.

"Tôi không phải là cảnh sát." Gã nói to "Nhưng tôi sẽ ở tù nếu để các người đi mà không kiểm tra kỹ. Nhất là những người đánh cá các anh. Sea-men. Sea-men." Bây giờ thì gã thật sự gào lên "Tôi ngán lắm rồi. Lúc nào cũng sea-men. Ai cũng la mắng tôi. Tôi biết tôi không phục vụ tốt cho tất cả mọi người được, nhưng nếu một trong những sea-men

Người đi
NGUYỄN ĐỨC THANH

nắng bên kia sông vàng úa nụ cười
hạnh phúc ngăn đôi bên này con phố
sóng vỗ mười năm mòn bờ đá cũ
dĩ vãng theo về từ độ em xa
anh sẽ nối mộng qua từng ô trí nhớ
một khoảng lòng anh xanh nỗi đợi chờ.

buổi chia ly cầm tay nhau không nói
hạnh phúc vàng từng sợi tóc nghiêng
em đi rồi chiều rưng rưng nắng đổ
lệ có nhòa con phố cũ đã phai.

này ra đi mà không hợp pháp thì tôi ở tù, anh biết không?"

"Tôi không hiểu.". Tôi xách túi của mình lên.

"Anh không nói chuyện với họ hay sao mà chẳng hiểu gì?" Gã nói, giọng vẫn rất to.

"Có". Tôi xuống giọng. "Tôi đã nói chuyện với họ."

"Thôi. Anh đi đi". Gã giục.

"Còn những người của tôi thì sao?" Tôi hỏi. Lần đầu tiên tôi hỏi cho người khác. Không phải cho mình. Sau lưng gã, hai người đàn ông vẫn đứng nhìn chúng tôi, khuôn mặt ngơ ngác, những chiếc áo xanh mới đã sậm màu từng mảng vì mồ hôi.

"Không phải việc của anh". Gã nhắc lại. "Rõ chưa?"

Tôi vẫy tay chào hai người đàn ông và quay đi. Phía sau, gã nhân viên nói tiếng Anh với họ, giọng gã vang vang:

"Nào, các người theo tôi."

"Fishing. Fishing". Cả hai gần như đồng thanh đáp.

Và họ đi xa dần.

Phan Triều Hải
Iowa, 9- 1998

Độ đau của máy

Thơ Thơ

Khi bác sĩ K. quay lại phòng thí nghiệm, ông vẫn còn nghe tiếng xôn xao dọc hành lang bệnh viện. Nhóm phóng viên và quay phim vừa thu dọn đồ nghề vừa bàn tán, loáng thoáng những danh từ *quyền được chết, đạo luật 2001, máy đo độ đau, máy truyền độ đau, bác sĩ K, sát nhân hay trợ tử*.....Ông nhìn đồng hồ, chỉ vài tiếng nữa thôi, tất cả các đài phát thanh sẽ loan báo tin này vào giờ cao điểm. Hai ngày nữa sẽ có một phiên họp với Ủy ban đặc trách của Quốc hội về đạo luật này, tuần tới ông sẽ ra trước tòa án tối cao với tư cách nhân chứng cho những người bệnh đang nằm tại đây.

Hai bộ máy tối tân nhất của y học đang ở trước mặt ông, nối với ba màn ảnh computer, một máy CT-Scan, một máy đo năng lượng thần kinh, một máy đo nhịp tim, và mấy máy nhỏ khác để tính toán lượng hóa chất và kích thích tố trong cơ thể. Ông thấy bóng mình lẫn vào khối kim khí sáng loáng đó, trên toàn cảnh những khối mây trắng dục đang bay chờn vờn ngoài kia. Phòng đặt máy toàn bằng kiếng trong suốt, ở tầng cao nhất của bệnh viện, chót vót trên đỉnh đồi.

Bệnh viện nằm thoai thoải theo sườn đồi, những khối nhà trông như chuỗi bậc thang dài chảy vào thung lũng, nơi có một nhà nguyện nhỏ nằm giữa nghĩa trang...Cỏ ở đó lúc nào cũng tươi xanh, những luống hoa trắng lất lay trong gió, màu trắng của những bông hoa ánh lên một vẻ kỳ lạ, làm không gian quanh nó lúc nào cũng như sắp chiều tà. Những tầng nhà chồng lên nhau từng cấp một, độ cao không nhiều, để bệnh nhân khỏi nghĩ tới chuyện nhảy lầu tự tử. Trong thâm tâm, bác sĩ không đồng

ý với lối ngăn ngừa này, nhưng người ta phải làm mọi cách để giữ gìn danh tiếng cho bệnh viện.

Tiếng gõ cửa hấp tấp và một chiếc bóng trắng khác in hình lên hai bộ máy, tạo thành một thân thể gấp khúc:

"Bác sĩ ơi! Bà ta, bà ta..chắc là sắp sửa rồi!

Ông nhìn lên bàn tay cô y tá, chúng đang run rẩy, cũng có thể vì ánh nắng đang nhảy múa trên đó, trả lời theo kiểu vừa lơ đãng vừa xác định:

"Bà ta, phòng 13? Bà ta chưa chết đâu. Chưa thể chết được. Chưa đến lúc".

Bàn tay cô vẫn run, nó đi lại giữa luồng nắng:

"Nhưng bà ta đau lắm, có thể không chịu nổi nữa".

Lần này ông nhìn vào mắt cô, ngụ ý *Đừng nói nữa, tôi biết hết rồi*, cái nhìn buồn bã và bình tĩnh. Cách nhìn ấy làm cô yên tâm, cô hỏi:

"Bác sĩ có cần thêm *nhật ký đau* (pain diary) của bà ta không?

Ông nhìn vào màn hình computer, tính toán một chút, rồi lắc đầu:

"Hôm nay không. Nhưng tôi cần cô lấy nhật ký đau của bệnh nhân phòng 21. Từ sáng đến giờ cô cho mấy lần thuốc rồi?

"Thưa, anh ta bảo không cần thuốc, vì anh ta còn chịu được"

"Anh ta vẫn thổi tiêu chứ?

"Có. Sáng sớm nay thổi chừng mười phút. Chiều nay mới đạo vài hơi đã kêu mệt, nhưng vẫn ráng. Nghe đau lắm.

Ông nghĩ cô nói năng hơi mâu thuẫn, mới bảo *còn chịu được*, giờ lại *nghe đau lắm*:

"Cái gì? Ai đau? Nếu đau sao không cho thuốc?

Cô lắc đầu:

"Không, không phải anh ta. Tôi muốn nói tiếng tiêu kìa. Tiếng tiêu của anh ta nghe đau đớn lắm, nó làm tôi sợ.

Ông nhìn cô chăm chăm, cô vừa nói vừa nhăn mặt:

"Tôi sợ anh ta sẽ đứt thanh quản, hoặc đứt hơi mà chết, vỡ ngực mà chết. Giống như anh ta thổi tiêu để chết.

Chết lúc đang thổi tiêu, dễ gì lại có một cái chết tuyệt vời như vậy...? Cô y tá bỏ đi, ông muốn nói với theo: cô đừng lo lắng nữa, vì đó sẽ là một tin mừng. Nhưng điều này thì ông không thể.

Ông quay lại với những *công thức đau* trên computer. Ông lấy những dữ liệu từ máy đo độ đau điền vào những phương trình đó. Ông làm việc trong một trạng thái tuyệt đối, với một cái máy tuyệt đối - nó cho ông đọc suốt tất cả những gì đang diễn ra trong hệ thống thần kinh của người khác. Tất cả những phản ứng hóa học trong người, tất cả những cảm

giác vi tế nhất đều có thể chuyển hóa thành những mã số và ký hiệu cụ thể. Nếu gọi x là một tín hiệu đau, bài toán sẽ là bao nhiêu x đang đốt cháy 5 triệu tế bào thần kinh cảm giác. Con số này cứ tăng dần, theo cấp số nhân của ung thư, cho đến khi thành 5 triệu x. Phần lớn bệnh nhân sẽ tắt thở ở giai đoạn này.

Cô y tá đặt nhật ký đau của bệnh nhân phòng 21 vào máy scan:

"Thưa bác sĩ, bệnh nhân phòng 13 cần gặp bác sĩ gấp".

Ông gật đầu:

"Được, nói bà ta chờ. Khoảng mười phút nữa tôi tới".

Bác sĩ K chạy hồ sơ bệnh của bà trên màn ảnh. Bệnh nhân phòng 13 là một người đàn bà ngoài năm mươi, bàn tay phải bị cưa hơn hai năm trước vì khối u ác tính quá lớn. Di căn đã vào xương và nội tạng, vô phương cứu chữa. Bệnh nhân này là một trường hợp vô cùng đặc biệt, một thách thức đối với y học. Hệ thống thần kinh nhạy cảm một cách bất thường, cùng một tác động người ta đau một, bà sẽ phải đau gấp mười. Tất cả mấy triệu dây thần kinh đã bị *x hóa* từ lâu, lẽ ra bà ta phải chết cả trăm lần rồi mới phải.

Trên đường đến phòng 13, bác sĩ K ngừng lại trước cửa phòng 21, lắng nghe xem có tiếng tiêu không..... Nó như cánh diều bay la đà, cứ lên một quãng rồi lại đáp xuống, rồi lại gắng bay lên, như một cuộc dạo chơi vô định...., có lúc tưởng đã đi thoát được, nhưng rồi lại quay về như chưa đành lòng....

Giọng nói với những âm thanh thật thấp văng vẳng trong đầu:

"Tôi không hy vọng gì nữa, nhưng tôi muốn giữ cho mình không tuyệt vọng...

"Tôi không sợ chết, tôi mong đợi nó.....

"Tôi không sợ đau, tôi đương đầu với nó.....

"Nếu tôi còn có thể thổi tiêu, đến giây phút cuối cùng...., tôi sẽ không bao giờ oán trách, không phải tủi hờn gì cả...

Anh ta đi tìm một ý nghĩa nào đó cho những ngày này....., bác sĩ K biết vậy..., âm thanh mang trong nó một nỗi khao khát làm người ta đau đớn, thường chỉ là một khúc nhạc chênh vênh giữa một âm vực chưa đầy hai quãng tám. Toàn bộ giai điệu lúc nào cũng như đi tìm một nốt nhạc không tồn tại. Chỉ cần nửa cung nữa thì sẽ trọn vẹn, nhưng nhạc khí có giới hạn của nó, và hơi thở của con người cũng thế.

Ông đẩy nhẹ cánh cửa, một sức ép ùa tới làm ông tức thở. Áp lực vô hình trong phòng làm không khí vừa nặng vừa ngộp, có lẽ đó là sức nặng của những cơn đau, hoặc nỗi ưu uất của một linh hồn đang bị trừng phạt.

Bà ta đang bò quanh dưới đất, cốt để đỡ đau chắc. Nhìn tư thế đó, bác sĩ K hiểu bà đang đau theo kiểu bị kiến cắn. Ông đã thí nghiệm rồi, cho một con kiến lửa cắn vào thịt để ghi nhận độ đau trong máy, ông sẽ có một dạng đồ thị y như biểu đồ đau của bà ta, nhưng hàm số chỉ bằng phần triệu. Tức là bà ta bị hàng triệu con kiến cắn trong cùng một lúc, lúc nhúc trong thịt, gặm nhấm trong xương.

Bà hướng về phía ông, tròng mắt bạc đi vì kinh hoàng:

"Tôi sợ lắm. Tôi sợ lắm , sợ cái thân thể này lắm, nó không phải là của tôi đâu. Bác sĩ ơi, cứu tôi với. Cho tôi chết. Cho tôi chết đi. Bác sĩ ơi."

Ông an ủi bà ta:

"Bà cố chịu đựng để tôi cho chạy máy thử nhé. Hiện giờ bà đau ở vị trí nào nhiều nhất?

Bà rên rỉ:

"Không biết, tôi không biết.... trời ơi..., đau quá mà sao không chết nổi...trời ơi...

Bác sĩ đọc lướt hồ sơ, sáng nay y tá đã cho uống morphine, gần trưa cô chích thẳng vào cột sống liều giảm đau mạnh nhất, giờ này lẽ ra bà ta phải ngủ mê mệt vì thuốc mới đúng. Đã ba ngày nay ông cho thuốc nặng liều hơn, nhưng cường độ đau tăng lên và khoảng cách giữa những cơn đau ngắn lại, tất cả đi theo hàm số tỷ lệ nghịch. Ông bảo cô y tá:

" Cô đưa bà sang phòng đặt máy ngay".

Chợt bà ta thất thanh:

"Nó lại đến rồi! Nó đến rồi kìa...Trời ơi!

Cô y tá hỏi: "Cái gì đến?

Bà ta mặt tái nhợt, mồ hôi ròng xuống lõm má:

"Nó đó, cánh tay ma đó..

Ông nhìn theo mắt bà, xuống dưới khuỷu tay, nghĩ đến khúc tay thật trong ngăn đông lạnh của nhà xác. Đoạn tay này đã bị cưa hơn hai năm trước, nhưng cơn đau ma quái vẫn ở lại, nó tồn tại dưới dạng vô hình , nối dài vào mẩu xương đó. Hiện tượng này không lý giải được, thường chỉ kéo dài vài tháng sau khi giải phẫu.

"Sao nó không còn nữa mà tôi vẫn đau? Tôi sợ lắm bác sĩ ơi. Tôi sợ mình điên rồi bác sĩ ơi. Rõ ràng mà, bàn tay đau lắm, cả trăm mũi kim đang cắm vào đó. Lửa đốt ở đó, bỏng lắm, rát lắm....bác sĩ ơi!

Bác sĩ K. thở dài, chính ông cũng không còn tin vào lời giải thích của mình nữa:

"Cánh tay đó không còn nữa. Cái đau nằm ở trong đầu bà, nó còn ghi trong ký ức. Từ từ rồi nó sẽ phai đi." Và ông nghĩ: *Có điều ký ức của bà nhớ dai hơn những người khác, sức mạnh kỳ quái của trí óc bà sẽ*

không bao giờ chịu buông bỏ những cảm giác kinh dị đó. Càng kinh dị nó sẽ càng bám chặt. Lạy Chúa, hãy tha thứ cho người đàn bà đáng thương này!

Cô y tá khẽ gật đầu, ngụ ý máy móc đã sẵn sàng. Bệnh nhân được đẩy vào một lồng kính dục. Một chuỗi đèn xanh nhấp nháy trên nền bạc lạnh buốt của lớp máy. Bác sĩ K kiểm soát lại lần cuối trước khi bấm nút: những mũi kim đã cắm đúng vị trí trên người, những điện cực đã gắn vào sọ não để bắt tất cả những tín hiệu chạy qua hệ thần kinh giao cảm. Ông đánh công thức vào máy, và ra lệnh khởi động.

Màn hình đầu tiên là những dữ kiện về cơn đau được mã hóa thành số. Màn hình thứ hai chiếu toàn bộ thân thể với những dường dây và tế bào thần kinh. Màn hình thứ ba là màn hình thứ hai cộng thêm những hóa chất và độc tố phát sinh dọc theo lối đi của những cơn đau.

Bác sĩ K cau mày, máy đo độ đau đang báo động một triệu chứng bất thường.

.....

Khoảng thời gian đó, một ủy ban đặc trách về đạo luật 2001 đang họp khẩn cấp, họ chỉ còn vài giờ trước khi tin tức này được phóng thanh và truyền hình. Hơn năm năm rồi, người ta dùng những thủ tục toà án để ngăn chặn việc thi hành 2001, người ta soạn thảo những dự luật mới để vô hiệu hóa hoặc để triệt tiêu nó. Đạo luật trợ tử đi từ tòa án này sang tòa án khác, từ hạ viện đến thượng viện; đi xuống đường phố theo những cuộc biểu tình. Nó bị gắn chung với tử hình, phá thai, đồng tính luyến ái, bị giáo hội khinh bỉ như một thứ gớm ghiếc. Để bác bỏ quyền được chết của người bệnh, người ta phải mổ xẻ bản hiến pháp, phải dùng bao nhiêu lý lẽ, lập luận, cáo buộc, vu khống.

Ủy ban gồm từ hai đến ba nhóm khác nhau. *Nhân vật số 1* là người có nhiều ý kiến chống đối nhất, nên được nhóm bảo thủ ủng hộ triệt để. *Nhân vật số 2* đứng đầu phe trẻ tuổi tiến bộ. Nhân vật đứng giữa không thuộc về đâu cả, ông lắng nghe nhiều hơn nói.

Nhân vật số 1 đang nói với vẻ nghiêm khắc:

"Thế nào là giá trị pháp lý của máy. Chúng ta không thể cứ tự tiện giết người chỉ vì một cái máy bảo rằng người ấy đang đau. Rồi ra sẽ trở thành một tiền lệ, từ từ người ta sẽ giết đi những người điên, những người tàn phế, những người già lẫn chỉ vì một cái máy bảo rằng họ không nên sống nữa.

Nhân vật số 2 cười nhạt:

"Ấy là vấn đề của nửa thế kỷ tới. Lúc đó sẽ có những con người khác ngồi vào cái bàn này, trong phòng họp này. Hy vọng họ không phải

tiếp tục bàn luận về cái đề tài này nữa.

Rồi nói người ngồi bên cạnh:

"Hãy đọc điều khoản 9 của chương 3 đi, đọc lớn tiếng cho tất cả cùng nghe lại.

Nhân vật phụ họa này hầu như đã thuộc nằm lòng, không thèm nhìn vào giấy:

"Khi mọi biện pháp y học tối tân nhất đã trở thành vô hiệu, trợ tử mới được thi hành như là biện pháp cuối cùng, với điều kiện người bệnh phải quyết định một cách độc lập, hoàn toàn tự nguyện, khi tâm trí còn minh mẫn..

Ông ngưng lại, nhìn mọi người:

"Như vậy không một ai có quyền bắt họ phải chết nếu họ không muốn.

Nhân vật đứng giữa suy nghĩ: Đây là một chi tiết rất tế nhị, người bệnh có thể cảm nhận được ý muốn của những người thân, dù rằng gia đình họ không dám lên tiếng, nhưng trong thâm tâm họ muốn người bệnh chết đi. Người bệnh bị một áp lực tâm lý đè nặng, họ sẽ yêu cầu được chết để khỏi làm gánh nặng cho người khác.

Người kia vẫn tiếp tục đọc:

"-Người bệnh phải ở vào thời kỳ cuối cùng, không thể chữa trị được nữa.

-Người bệnh phải ở vào tình trạng đau đớn quá sức chịu đựng.

Nhân vật số 1 ngắt lời:

"Cùng một tác động, nhưng cảm nhận đau của mỗi người mỗi khác. Anh A đau 100% có thể chỉ bằng anh B đau 50% thôi. Anh A được chết mà anh B phải sống thì đó là phân biệt đối xử, và người ta sẽ cho là chúng ta vi phạm tội kỳ thị với anh B.

Nhân vật đứng giữa lại suy nghĩ: Anh B sẽ không nghĩ mình bị kỳ thị, và hẳn là anh cũng không muốn chết khi chỉ đau có 50%. Nhưng anh A sẽ bị kỳ thị, anh ta đã và đang bị kỳ thị chỉ vì anh ta dám đau đớn gấp bội người khác, chỉ vì trời sinh ra anh ta với một cơ thể nhạy cảm hơn những người khác.

Nhân vật số 2 nói một cách thận trọng:

"Chúng ta không kỳ thị ai cả, trường hợp anh B sẽ được cứu xét nếu anh ta yêu cầu, và nếu máy báo rằng anh đã đạt mức 100% độ đau.

Một người trong nhóm *nhân vật số 2* nhìn đồng hồ:

"Chương trình phóng sự bắt đầu rồi đấy. Phải nghe Bác sĩ K nói về máy đo độ đau đã.

Tất cả chăm chú vào màn hình lớn cuối phòng: *Hình ảnh mờ mờ của bệnh viện chạy dài thành những nấc thang trên sườn đồi, mây trắng in hình qua những tấm kiếng trong, như thể chúng đang tự do bay ra vào cửa sổ. Bên trong, những người bệnh trông như những thây ma, điều đáng sợ là những thây ma này vẫn còn đau đớn. Nó như khung cảnh của một cõi khác, những thân thể nằm- ngồi- quì- bò- rên la..., những tròng mắt kinh hoàng và vô vọng. Nó là một đời sống khác hẳn, nơi ác mộng hiện hành giữa ban ngày . Một cơn ác mộng khi người ta đang thức, không bao giờ chấm dứt, không có lối ra, không người giải thoát.*

Bác sĩ K đang ngồi trước máy đo độ đau, đôi mắt sâu mệt mỏi. Người phỏng vấn là một cô gái đại diện cho đài SCN.:

"Bác sĩ K là người phát minh ra máy đo độ đau và máy truyền độ đau. Đồng thời ông cũng đã hoạt đôỳng rất tích cực trong những tổ chức thiện nguyện tranh đấu cho quyền được phép trợ tử. Mời bác sĩ?

Bác sĩ K:

"Trong phòng thí nghiệm hiện đang có hai máy đo độ đau. Khi kết hợp hai máy lại bằng một hệ thống điện tử phức tạp, chúng ta sẽ có máy truyền độ đau.

Ông chỉ vào màn hình computer số 1 trước mặt:

"Với máy đo độ đau, lần đầu tiên y học có thể chuyển hoá những cảm giác đau thành những dữ kiện vô cùng cụ thể. Máy đo được cường độ đau của từng tế bào, đo được vận tốc của từng tín hiệu đau, và phân biệt được từng loại đau khác nhau trong cơ thể...

Ông ngưng lại, đánh những phương trình vào máy:

"Đem những con số đó lắp vào công thức đau, kết hợp với những phản ứng hóa học trong người.....Nếu 5 triệu tế bào thần kinh giao cảm đều bị x hóa, thì giới hạn đau sẽ là con số tối đa 100%. Thông thường bệnh nhân chết khi độ đau khoảng 75% đến 80%...

Cô gái:

"Là người phát minh ra máy đo độ đau, bác sĩ có nghĩ rằng nó sẽ ảnh hưởng đến việc thực thi đạo luật trợ tư Ư 2001?

Bác sĩ K gật đầu:

"Chắc chắn. Bởi vì chúng ta nhìn được nỗi đau của người khác. Đó là cái đau tới mức độ hủy hoại bản chất con người, hủy hoại tâm hồn, huỷ hoại cuộc sống. Và cuộc sống đó đã trở thành bất thường từ lâu, vì con người ta không sống chỉ để đau, để sợ, để suy sụp tinh thần, để bị hành hạ thể xác. Đó không phải là sống. Và suy cho cùng thì đời sống đó của ai? Đó là đời sống của riêng cá nhân họ. Nên quyền quyết định cuối cùng phải là của họ - của những bệnh nhân đang cần lòng nhân đạo của

chúng ta...

"Vô nhân đạo!" *Nhân vật số 1* thảng thốt. Những người khác hiểu ngay ông sẽ nói điều gì kế tiếp. Họ rất thấu hiểu tư tưởng nhau, thấu hiểu mối liên kết của một người với những thế lực khác đằng sau.

"Chúng ta đang ở trong một quốc gia có tự do tín ngưỡng" *Nhân vật số 2* nói rất nhẹ nhàng, "Đem niềm tin của mình áp đặt lên người khác là vi phạm quyền tự do của họ".

Nhân vật đứng giữa nhắc nhở mọi người quay lại màn hình:

" Nhìn kìa, đây không phải là chương trình thu sẵn nữa...

Quả thật, chương trình phóng sự đã bị cắt ngang, hoặc đã biến thành chương trình sống. Màn ảnh bây giờ chia làm hai phần, vẫn cô gái ban nãy ngồi trong phòng thu, còn Bác sĩ K đang ở trong phòng đặt máy, ông vừa theo dõi những biến động trên computer, vừa trả lời qua máy điện thoại thu hình.

Cô gái nói với nhịp điệu nhanh hơn thường lệ:

"Thưa quí vị, chúng tôi vừa nối liên lạc với Bác sĩ K, ông hiện đang cho chạy máy đo độ đau với một bệnh nhân đang hấp hối. Bà là người đứng đầu danh sách chờ được trợ tử, chúng tôi đã theo dõi tình trạng bà hơn một năm nay, và hiện giờ bác sĩ K muốn thông báo những tin tức mới nhất về bệnh tình của bà. Mời Bác sĩ K?

.....

Máy đo độ đau đang báo động một tình trạng hết sức bất thường.

Bác sĩ K nhìn vào toàn bộ cơ thể bệnh nhân trên màn hình số 2, những vùng thịt ung thối phát ra những chấm đỏ rập rờn, rồi chạy đi thành những dòng sông điện đổ vào cổng đau cuối cột sống. Cổng đau ở đấy đã bị độc tố vô hiệu hóa - con đập cuối cùng đã vỡ - dòng sông đau hung hãn trào vào những búi sợ thần kinh, nhuộm đỏ trung khu não. Tất cả hệ thần kinh đã bốc cháy.

Ông nói thật chậm, như đang nói một mình:

"Bệnh nhân này đã dùng thuốc morphin đến mức cao nhất rồi, và vượt khỏi giới hạn đó thì thuốc không còn tác dụng nữa"- Ông gằn từng tiếng - " không một loại thuốc nào còn tác dụng nữa"

Hình ảnh cơn đau như dòng nước sôi sục trên màn hình, trong dòng chứa có những con kiến lửa, những mũi đinh nhọn, những cục than đỏ, và những hàng dây kẽm mọc lan khắp cùng cơ thể.

Bác sĩ K trầm giọng:

" Cái đau ung thư đã biến thành đau dây thần kinh, những dây thần kinh đã rối loạn chức năng. Cái đau không còn thuần là cảm giác nữa,

nó trở thành một hệ thống khống chế toàn bộ tư tưởng con người. Đáp số không dừng lại ở 5 triệu x nữa. Đây là một bài toán hoàn toàn mới, với 100 tỉ tế bào não cao cấp đang bị xâm chiếm, trung khu ý thức đang dần dần tê liệt.

Nhân vật số 2 liếc thoáng *nhân vật số 1*, tìm một phản ứng nào đó....*Nhân vật đứng giữa* bị màn hình ma quái thôi miên, những người còn lại vừa bối rối vừa căm phẫn.

Cô gái hỏi tiếp:

"Vậy chúng ta phải làm gì trong trường hợp này?

Bác sĩ K thở dài:

"Một là giải phẫu để cắt những dây thần kinh cảm giác, không cho tín hiệu truyền lên óc. Biện pháp này có thể gây ra biến chứng làm tay chân tàn phế, vì dây thần kinh phản xạ có thể hư hoại vĩnh viễn.

"Còn biện pháp thứ hai, thưa bác sĩ?

"Nếu Quốc hội cho phép... , chỉ cần một mũi chích...

Nhân vật số 1 đứng bật dậy:

"Không. Không thể được.

Ông nhấc điện thoại lên. Một người trong nhóm ngăn lại:

"Không nên, họ sẽ nói là chúng ta ngăn cản quyền tự do thông tin tư tưởng.

"Tên bác sĩ nguỵ biện. Có thể cho bệnh nhân nhiều morphin hơn nữa..

Nhân vật số 2 ngắt lời:

"Ai sẽ trả những món tiền thuốc đó. Bảo hiểm loại tốt nhất cho được mấy mũi một ngày? Còn những người nghèo thì đừng hòng". Và ông ra vẻ diễu cợt. "Vâng, cuộc sống này quí lắm, cứ vét sạch nhân phẩm và tự trọng ra mà gìn giữ nó.

Nhân vật số 1 giọng lạnh băng:

"Đau là vấn đề riêng của mỗi người. Trợ tử là vấn đề của xã hội, của pháp luật. Người chết không chịu trách nhiệm nữa. Chúng ta sẽ lãnh mọi trách nhiệm về cái chết của họ.

Sau câu nói đó, vài người khẽ gật đầu, vài người cắn môi suy nghĩ.

Họ lại bàn cãi một chập nữa. Thật sự không ai có thể thuyết phục ai. Mỗi người mang sẵn một khung tư tưởng cố định. Họ có sẵn đáp số trước khi đặt vấn đề.

Nhân vật số 1 tuyên bố kết thúc buổi họp:

"Trợ tử không phải là một điều khoản được Hiến pháp ghi nhận và bảo đảm.

Kỹ thuật của một cái máy - dù siêu việt đến đâu - cũng không thể thay đổi Hiến pháp".

Nhân vật đứng giữa xếp bản hiến pháp vào cặp. Ông đã đoán trước mọi việc sẽ xảy ra như thế - thực tế, pháp lý, đạo đức, và khoa học không thể đi cùng một con đường.

.....

Bác sĩ K trong phòng giải phẫu ra, ông dặn cô y tá:

"Nếu bà ta tỉnh dậy thì lại cho ngủ thêm".

Cô y tá dạ, cô hiểu được điều kỳ diệu của sự lãng trí đo thuốc ngủ. Nó có thể xóa sạch ký ức đáng sợ nhất. Quên cũng là cách giải thoát. Dẫu sao bà ta cũng đỡ đau trong một vài tuần, cho đến khi những dây thần kinh mới vừa bị cắt đó sống lại.

Ông đứng trước cửa phòng 21,. anh ta ngồi sát cửa sổ nhìn ra ngoài đồi mây, rất sát, đến độ trở thành một phần của khung cửa, cái bóng đọng thành một trũng tối trên tấm trải giường. Ông khẽ gật đầu - đấy là trạm cuối của cuộc dời, sau đó thì sẽ vô vàn những khung trời mênh mông.

Một ý nghĩ quay trở lại trong đầu: *anh ta sẽ chết lúc thổi tiêu. Anh ta thổi tiêu để chết đấy. Nhưng làm sao để vượt qua giới hạn.. , lối nào cũng bít bùng, những nốt trầm này sẽ bị nhốt vào lòng đất, những nốt cao vút này sẽ cào cho nát ngực, cây tiêu có âm vực riêng của nó, hẳn anh cũng hiểu.....*

Ý nghĩ đến đó thì tiếng tiêu ngưng bặt. Anh quay lại nhìn ông, khẽ cười: "Bác sĩ nghe thấy thế nào..., yếu đi rồi phải không?

Ông trầm ngâm, lắc đầu, ông không có câu trả lời nào cả. Anh ta phải biết rõ hơn ai hết.

"Tôi mệt hơn tuần trước nhiều lắm, chắc cũng sắp rồi."

Ông nhìn thẳng vào mắt anh, ông biết anh không sợ chết, cũng không sợ đau, một mẫu bệnh nhân lý tưởng. Anh hỏi:

"Bác sĩ, đạo luật đó bao giờ mới được áp dụng?

Ông mỉm cười chua chát:

"Quốc hội sẽ phải trả lời chúng ta thêm một lần nữa.

"Họ nói gì về máy đo độ đau?

"Họ không hiểu gì về nó cả.

Anh ta cúi nhìn chiếc tiêu bạc:

"Tôi không cần, chừng nào tôi còn có thể thổi tiêu. Nếu tôi còn sức để thổi, tôi không sợ gì hết."

Câu nói đó làm ông ý thức được giới hạn của mình. Ông chỉ có khả năng kéo dài những ngày dày dọa. Còn tiếng tiêu và hơi thở, điều mà linh hồn tha thiết muốn nắm giữ, bởi chúng chính là linh hồn, đang trôi vuột ra khỏi thân thể ấy. Ông hình dung người bệnh này trong vài tháng tới, bị cột vào giường bằng những ống thức ăn, ống dẫn thuốc, ống đi tiểu, túi đi cầu. Anh sẽ thở bằng ống, sẽ câm lặng hoàn toàn, và ý thức giam cầm trong một cái xác phế thải, một dạng ý thức nếu không hôn mê dần vì morphin thì cũng sẽ trở thành điên loạn như bệnh nhân số 13.

" Nhưng nếu chẳng may tôi không còn khả năng thổi nữa, mà vẫn chưa chết được.."

Anh nhìn ông. Ông nhìn cây tiêu bạc, nhạc khí của những thiên thần, nghe giọng anh thấp xuống đầy bí ẩn:

"Bác sĩ có thể giúp tôi được không, tôi không làm liên lụy đến bác sĩ đâu. Không cần thuốc, không cần hơi ngạt. Chỉ cần một cái bao plastic vừa đủ trùm đầu."

Và anh lại thì thầm *một cái bao plastic thôi, vừa để trùm đầu*, như thể rất hài lòng với ý nghĩ đó.

Bác sĩ K khẽ gật đầu: "Để xem đã."

Ông nghĩ: *một cái bao plastic...., nó có thể giải quyết vấn đề nhanh hơn những cái máy của mình. Có điều không được văn minh thôi.* Và điều đó làm ông đau đớn.

Bác sĩ K quay lại phòng đặt máy. Ông đóng cửa cẩn thận, chỉ còn có ông và hai cái máy. Ông ngồi ngẫm nghĩ về chúng, máy đo độ đau ố máy truyền độ đau. Hai cái máy y hệt nhau, cùng những hình khối sáng loáng và hai lồng kính trắng dục để người nằm. Một hệ thống điện tinh vi nối liền hai máy lại. Và cảm giác sẽ truyền từ máy này qua máy kia. Người nằm ở lồng kính bên kia sẽ nhận toàn vẹn mọi cảm giác của người nằm bên này. ***Nguyên tắc chỉ là đầu vào và đầu ra.*** Hai cái máy bởi vậy trông giống hệt nhau. Giống đến từng bộ phận, từng chi tiết, cả những nút bấm, những mũi kim trên mình, những điện cực bắt cảm giác gắn vào sọ não.

Bác sĩ K viết lại những lập luận, ông cần phải thuyết phục mọi người tin vào nguyên tắc ấy. Bây giờ ông chỉ còn lại nửa con đường trước mặt, chỉ có thế mà đi, không có lựa chọn nào khác. Bởi tiếng tiêu ấy không thể chết ngạt trong một cái túi nylon.

Bởi một xã hội văn minh nên tránh cho con người phải tự kết thúc cuộc đời bằng cách đó.

.....

Năm ngàn người đứng trước khuôn viên tòa nhà quốc hội, họ thắp nến

và cầm những khẩu hiệu đòi quyền chết - "Đau: Một cái chết kinh hoàng", - "Euthanasia : Một cái chết tốt lành", -"Euthanasia : Quyền tự quyết của con người", -" Euthanasia hay Bảo hiểm y tế cho những người nghèo", - "Đừng để chúng tôi phải tự tử", - "Ai dám nằm vào máy truyền độ đau". Một đoàn diễu hành khoác áo bệnh viện trắng toát, đi lảo đảo dưới những hàng trắc diệp. Vài người đeo dây thừng quanh cổ, phần lớn trùm đầu bằng bao plastic - phương tiện thịnh hành nhất hiện nay.

Ủy ban đặc trách đang họp im lặng trong góc khuất nhất của tòa nhà. Họ không nói nhiều, không tranh cãi; chăm chú phân tích bản lập luận về lý thuyết hoạt động của máy truyền độ đau. Họ đã nhìn thấy đầu vào, là những thây ma còn đau đớn. Họ đang suy nghĩ đến ***đầu ra***, bác sĩ K đã tình nguyện.....

- Không thể là hắn được...hắn sẽ chẳng chứng minh được gì..

- Có thể cho một con khỉ nằm vào máy được đấy, khả năng chịu đau và thể chất nó cũng gần như loài người.

- Hội bảo vệ súc vật sẽ phản đối, bảo rằng chúng ta dã man, tàn nhẫn...?

- Hay là cho một tử tù nằm máy..? Đằng nào hắn ta cũng phải đền tội ác

- Tổ chức nhân quyền sẽ lên án chúng ta...

- Biết đâu tội ác sẽ giảm đi nếu chúng ta dùng cái máy ấy làm hình phạt, nó hẳn đáng sợ hơn một mũi thuốc độc chứ nhỉ?

- Có một cách để bác sĩ K thử nghiệm máy trên chính cơ thể hắn...

- Cách nào, hắn sẽ bị mâu thuẫn về quyền lợi chi phối, hắn sẽ làm chứng dối!

- Có chứ, nếu....một người khác nhận là tác giả cái máy, hắn ta sẽ hoàn toàn hợp lệ.

- Ai mà chẳng biết hắn là cha đẻ của cái máy đó?

- Chúng ta có thể tạo ra một vụ án mới, chỉ cần một người đứng ra tố cáo hắn ăn cắp bản quyền, đánh lạc hướng dư luận... một vụ án để giải quyết một vụ án khác.

Nhân vật đứng giữa bắt đầu thấy mệt mỏi, ông bảo:

"Chúng ta đã sang ngày thứ ba mươi rồi. Tất nhiên, chúng ta có thể tạo ra cả chuỗi vụ án, nhưng câu hỏi vẫn nằm đó, nó đã nằm trên bàn họp này năm năm trời. Chúng ta đã hoang phí sự đau đớn của người khác. Nên bây giờ người ta thách thức lại chúng ta, và chúng ta tự buộc mình vào trong sự thách đố của họ. Và ai đây, người nào trong chúng ta sẽ phải nằm vào cái máy đó?

Ông gập cuốn lý thuyết máy, dẩy ra giữa bàn:

"Coi như không có nó, bác sĩ K chưa bao giờ đưa nó cho chúng ta, và chúng ta chưa bao giờ đọc. Đối với mọi người, chúng ta không quan tâm đến những cái máy, chúng ta quan tâm đến con người...Nếu cho phép trợ tử, máy truyền độ đau không có lý do gì để tồn tại nữa.... ....."

Những nhân vật còn lại của ủy ban thở ra nhẹ nhõm:

- Đúng vậy, đó là một điều kiện để đổi chác.
- Nhân loại sẽ thoát nạn cái máy quái quỉ đó...
- Phải ra lệnh hủy nó đi!

Và họ lại bàn cãi trước khi biểu quyết. Họ phải biểu quyết xem nên biểu quyết những vấn đề gì, biểu quyết xem nên biểu quyết bằng cách nào, biểu quyết xem có nên biểu quyết hay không...., trước khi biểu quyết thật.

.....

Ngày đầu tiên của đạo luật.

Đám biểu tình hơn mười ngàn người tụ họp dưới chân đồi. Những người có đạo ngồi thành nhóm cầu nguyện, đọc kinh, hát thánh ca. Một tổ chức phát động lấy ba chục ngàn chữ ký vào đơn thỉnh nguyện. Họ cầm biểu ngữ đại loại: -"Đạo luật của tử thần", - "Hãy cầu nguyện cho những người bị xử tử", - "Chỉ Thượng Đế mới có quyền quyết định", - "Vatican lên án những kẻ làm đường". Người ta hoá trang thành những bộ xương đen nhiễm độc dược, hoặc mặc áo bác sĩ và cầm những ống chích đầy chất lỏng trông tựa tựa máu tươi. Họ dựng một đoạn đầu đài gần cổng bệnh viện, một đao phủ thủ cầm dao đi tới lui, trên ngực hắn đeo bảng chữ: "Tôi là Bác sĩ K".

Trong phòng 21, tất cả mọi thứ đã sẵn sàng, người bệnh cũng biết vậy, nhưng bác sĩ K hiểu anh không còn cần những thứ đó nữa.

Anh sẽ đi bằng cách khác. Tiếng tiêu từ từ mà bay cao lên trời.... Một làn hơi đi suốt qua những bờ bến đa cung, không nơi kết, không chỗ tận, đã hai ngày nay rồi không ngưng nghỉ.

Tiếng cô y tá thì thào bên tai:

"Thổi như vậy thì sẽ đứt hơi mà chết, vỡ ngực mà chết."

Bác sĩ K thốt nhiên nín thở: ông đang *nhìn thấy* linh hồn anh ta, linh hồn ấy đang bám vào chuỗi âm thanh hiu hắt, bốc lên từng bậc, rồi trôi đi rất xa, lãng đãng như một hình khối không trọng lượng, cuối cùng loãng dần vào không khí.

Anh đã bước ra ngoài âm vực, và cứ thế mà đi...

Trong phòng 13, ông mục sư gấp cuốn kinh thánh lại, ngồi xuống bên cạnh giường.

Bà ta không nhận ra ai nữa, thuốc đã ngấm, tròng mắt bắt đầu lờ đờ.

Bác sĩ K ngậm ngùi, ông đã chứng kiến cái chết này từ lúc nó khởi đầu, nó bành trướng, và bây giờ nó sắp đến hồi kết thúc.

Ông nói với bà: "Euthanasia*. Chúc bà một cái chết tốt lành".

Bác sĩ K cẩn thận khóa cửa phòng thí nghiệm, ông sẽ tự giam mình trong này cho đến hết ngày. Ông cần một sự cô độc tuyệt đối. Có một số việc ông cần hoàn tất, có vài điều ông cần suy ngẫm lại. Anh ta ra đi vào chính ngày hôm nay, tại sao không phải những ngày trước đó...; đạo luật này là một thứ bảo hiểm tinh thần, hay chỉ ngẫu nhiên mà linh hồn thoát bỗng thảnh thơi...?

Ông uể oải gỡ hệ thống tinh vi dùng để nối liền hai máy, đốt cháy bằng một dòng điện cực mạnh. *Thế là hết* - ông vừa im lặng làm việc vừa ngẫm nghĩ - *chấm dứt nỗi đe dọa của loài người, đó sẽ là giới hạn mà chúng ta không bao giờ có thể vượt qua: đám đau nỗi đau tận cùng của người khác.*

Đồng thời ông xóa trên bộ nhớ những nguyên tắc về máy truyền độ đau. Chợt ông bật cười, cười sặc sụa, cười như đùa, vừa thú vị vừa cay đắng. Ông cười những điều mình viết ra và giờ đang xóa đi - những lý thuyết đó không thể áp dụng được, nghe rất trí tuệ nhưng chỉ là lừa bịp, máy truyền độ đau chỉ là giả tưởng, nhưng sự hèn nhát của con người đã biến nó thành quá thật. Sự thực là....độ đau chỉ có thể đo lường, và cảm nhận, độ đau không thể truyền đi. Rồi ông buồn bã nghĩ: *đau là một sở hữu duy nhất không ai đánh cắp được của con người."*

Vào lúc cuối ngày, bác sĩ K nhìn những khối mây khổng lồ đang ngùn ngụt bốc lên từ lòng đồi, như những tảng tuyết trôi ngược lên trời, đến tầng chót này chúng ngưng lại , sừng sững bao quanh phòng thí nghiệm. Những mảng hơi mờ mịt thở phà vào khung kính. Bác sĩ K lặng lẽ nhìn hiện tượng đó, chờ đợi - những linh hồn đang đội mây mà đi đó, đến đâu thì sẽ tan....Chợt ông rùng mình, nhận ra thấp thoáng điệu nhạc của người thổi tiêu vừa mới chết, bay chơi vơi theo những âm thanh của địa cầu, những âm thanh vẫn chìm vào thinh không trước khi được lắng nghe..., bây giờ vãng vẳng vọng lại từ một cõi vô hình.

2 tháng Sáu 2001

*Euthanasia: nguyên gốc từ tiếng Hy Lạp: "Eu" có nghĩa là tốt đẹp, và "thanatos" có nghĩa là cái chết.

Đi tìm

NGUYỆT THU

Mấy ngàn năm về trước
chập chùng vạn năm sau
bước trên từng phiến đá
nghe Trường Thành rướm đau.
Hạc vàng xưa đã khuất
bãi vắng một giòng sâu
giọt chuông Hàn Sơn tự
thấm trên từng ngọn lau

Tháng ngày qua hờ hững
tóc xanh cũng bạc màu
nước dưới cầu trôi mãi
bước mỏi còn tìm nhau.
Người sau và kẻ trước
giữa vạt lụa Tô Châu
mang mang từ muôn kiếp
vẫn dệt chung sợi sầu.
Khúc nghê thường xanh biếc
người dẹp trong cổ thi
hồn hoa trên cánh thiếp
tàn chưa nét xuân thì.

Mới hôm nào anh ghé
bến Hàng Châu xôn xao
liệu em tìm có gặp
bóng người soi Phong kiều.
Từ đông tây chia cách
tìm hoài chẳng thấy đâu
chợt quay về tâm thức
ta nằm trong mắt nhau.

Chú Hụi

Đỗ Viết Trọng

Không hiểu lý do nào ông bà Hai lấy chữ Hụi để đặt tên cho con. Lúc còn nhỏ, chú Hụi trông khôi ngô sáng sủa lắm. Chú lại ít bị bệnh hoạn và rất chóng lớn. Năm lên bốn tuổi, chú đã lớn kịp anh Hùng, anh ruột chú, lớn hơn chú hai tuổi. Hai anh em cũng ham chơi, cũng nghịch ngợm như bao trẻ con cùng trang lứa trong vùng.

Ngày đầu cha mẹ Hằng dọn nhà tới ấp Năm, Hằng đã biết Hùng và Hụi là hai anh em, nhưng không phân biệt được đứa nào anh đứa nào em. Hai đứa rất giống nhau và tác người cũng ngang cỡ nhau như hai đứa sinh đôi vậy. Chúng lại chỉ kêu nhau bằng tao với mày. Mãi tới khi nhập bọn đi chơi chung với nhau rồi Hằng mới biết Hụi là em Hùng, lại cùng tuổi với mình.

Vùng Hằng ở gần núi, có nhiều cây cối rậm rạp cho nên có nhiều giống chim chóc sinh sống. Gần đó cũng có một khu đất lớn, hình như tốt về phong thủy, những nhà giàu nhiều nơi hay đến chôn mồ mả, dân địa phương gọi là "Cồn Mồ". Khách thành thị nhiều người đi thăm viếng lăng mộ qua đây ghé lại nghỉ chân đều tỏ ra mê say thích thú cái cảnh ngồi dưới bóng mát mà nghe chim hót líu lo. Những đứa trẻ vẫn hay bắt chim con để nuôi chơi. Trẻ con đứa nào cũng rất ưa chim và cưng quí chim như vàng. Những đứa khôn ngoan thỉnh thoảng lại bán được những con chim cho khách thành thị với một giá "ngon lành". Khách ưa nhất là giống chim sáo, chim cưỡng vì hai giống chim này khá đẹp và hót vui tai, lại có thể huấn luyện biết tuân lệnh người, bắt chước tiếng người. Cha mẹ Hằng làm nghề thợ may cho nên không bao giờ kiếm được một

con chim cho Hằng nuôi. Hằng vẫn ước mơ đến nhập tâm làm sao có được một con sáo mà khi nghe tiếng Hằng huýt thì nó nhanh nhẹn nhảy lên vai, lên tay Hằng như những đứa trẻ khác đã làm. Hằng thường nhìn những đứa bạn săn sóc chim, cưng chim mà thèm thuồng. Chưa khi nào có chim nhưng Hằng đã tập được một giọng huýt rất sành sỏi, linh động. Hằng có thể giả làm giọng chủ để huýt bất cứ một con chim nào đã được huấn luyện kỹ nghe cũng phải lầm. Nhưng với cách dùa cho đỡ ghiền này, Hằng hay gặp phản ứng, có khi dữ dội, của những đứa trẻ khó tính. Có đứa đã gây sự, gán cho Hằng tội muốn ăn cắp chim.

Năm Hằng lên bảy thì trong làng bắt đầu mở trường học. Hùng, Huị và Hằng đều được xếp vào học một lớp. Ba đứa đều học hành siêng năng chăm chỉ, thầy giáo rất hài lòng. Kết quả năm học đầu tiên Huị đứng đầu lớp, Hùng đứng thứ ba và Hằng đứng thứ sáu trong một lớp trên bốn chục học sinh đủ cỡ tuổi từ 6 đến 12.

Đầu năm học kế tiếp, cả Hùng lẫn Huị đều được cha mẹ thưởng cho mỗi đứa một con chim sáo vừa mới nhú lông ống. Hùng và Huị vô cùng sung sướng. Ngày nào chúng cũng đều bỏ nhiều thì giờ ra các bãi cỏ bắt châu chấu, dế hay chuồn chuồn cho chim ăn. Tội nghiệp bé Hằng mỗi lần trông thấy cảnh bạn nhón con mồi bỏ vào miệng chú chim nhỏ xíu đang hả lớn rồi ngậm con mồi mà nuốt ực một cái thì thích thú lắm. Nhiều lần Hằng đi theo Hùng và Huị để bắt mồi giùm. Hai con chim lớn như thổi. không bao lâu chúng đã đủ lông đủ cánh, nhảy nhót và bay được từng đoạn ngắn. Chúng cũng bắt đầu biết tuân theo vài khẩu lệnh của chủ. Hai đứa trẻ cũng bắt đầu say sưa với cái thú huấn luyện con chim của mình. Hằng cũng muốn làm huấn luyện viên phụ nhưng Hùng không ưa. Chỉ có Huị, hình như thông cảm được ước muốn của Hằng, chịu để cho Hằng tham gia huấn luyện con chim với mình. Một lần Huị cầm con chim đưa cho Hằng:

- Cho mày mượn chơi một buổi đó!

Hằng sung sướng cám ơn rối rít rồi cầm chim chạy liền. Hằng đem con chim về nhà mình khoe với mẹ. Nhưng chỉ được một lát, Hằng đem trả lại cho Huị. Huị ngạc nhiên hỏi:

- Mày cứ chơi với chim đi, tao cho mày mượn một buổi lận mà!

- Tao vẫn rất muốn chơi nhưng má tao không cho chơi. Má tao bảo nếu lỡ làm chim chết mày bắt đền không có mà đền.

- Không, dầu chim có chết tao cũng không bắt đền mày đâu. Và lần khác, khi nào thích chơi chim mày cứ nói tao cho mượn.

Từ đó hai đứa trẻ gần như chơi chung con chim sáo ấy. Hình như Hằng có khiếu và siêng huấn luyện chăm sóc con chim hơn nên chẳng

bao lâu con sáo của Huị cũng khôn vượt hẳn rất xa con sáo của Hùng. Con sáo này có thể nghe lệnh gọi mà đến, nghe lệnh đuổi mà xa ra, biết tuân hành được cả lệnh lượm một cọng rác mang tới cho chủ. Buổi tối đến, sáo đi với Hằng thì Hằng giữ mà đi với Huị thì Huị giữ. Mỗi đứa đều đã sắm một cái lồng riêng để bảo vệ chim tránh nanh vuốt lũ mèo. Lũ trẻ và cả người lớn ai cũng trầm trồ khen từ trước tới nay chưa có một người nào huấn luyện được một con sáo khôn đến thế. Người ta đặt thêm cái tên mới cho con sáo của Huị là sáo khôn để phân biệt với con của Hùng là sáo khờ.

Những khi cái lồng của Huị trống không là biết con sáo khôn ngủ ở nhà Hằng. Lần lần con sáo càng quấn quít với Hằng hơn với Huị. Thành ra cái lồng của Huị có khi vắng vẻ suốt tuần. Mẹ Huị thấy vậy, một hôm nói đùa với những người trong nhà:

- Mấy bữa nay con sáo khôn cứ về ngủ với mẹ nó chứ không chịu về ngủ với ba nó à?

Mọi người cười ồ lên. Hùng cười to tiếng và cười dai nhất. Huị thì bẽn lẽn cúi gầm mặt. Cha Huị nhìn Huị cười nói thêm:

- Trông cũng xứng đôi vừa lứa đó chứ! Con thích không ba lo trước cho!

Mọi người lại thêm một trận cười nữa.

Sáng hôm sau, Huị gặp mặt Hằng liền nói:

- Hằng ơi, tao cho hẳn mày con sáo khôn đó nghe. Từ nay mày giữ lấy nó một mình mà chơi! Mày muốn làm gì tùy mày.

Ban đầu Hằng ngạc nhiên và lo lắng nhưng sau thấy Huị có vẻ thiệt tình không có chút giận hờn nên sung sướng lắm. Đây là lần đầu Hằng chính thức làm chủ một con chim. Con sáo tuy khôn nhưng nhưng không thể tự túc kiếm ăn. Việc bay để kiếm mồi, trừ chính cha mẹ nó không ai huấn luyện được cho nó. Hình như cũng từ đó nó chỉ biết có Hằng chứ chẳng luyến lưu chi người chủ cũ. Huị thì trở thành người đi kiếm mồi giúp cho Hằng.

Một buổi chiều Huị đang học bài bỗng nghe tiếng Hằng khóc bù lu bù loa ngoài đường, Huị lật đật bỏ vở chạy ra. Huị thấy Hằng đang cầm con sáo mới chết còn nóng hổi mà khóc. Có mấy đứa bạn cả trai lẫn gái đứng vây quanh. Huị lật đật hỏi:

- Con sáo vì sao chết vậy?

- Thằng... Thiệt... nó ...bắn... Hằng vừa khóc tức tưởi vừa nói.

Thế là Huị lao đi như một mũi tên. Mấy đứa nhỏ cũng ùa chạy theo. Hằng cũng cầm con sáo chết lẽo đẽo chạy sau cùng. Tụi nhỏ đến nhà

thằng Thiệt kịp lúc chứng kiến một trận thư hùng giữa Hụi và Thiệt. Thiệt lớn hơn Hụi tới bốn tuổi và lớn xác hơn, nhưng hình như nó biết có lỗi nên cứ vừa đỡ đòn vừa thụt lùi trong khi Hụi cứ tấn công liều mạng. Hụi lăn xả vào ôm được chân Thiệt và cắn một miếng vào bắp vế muốn đứt thịt ra làm Thiệt hét lên một tiếng lỚớn, vùng chạy.

Mất con Sáo, Hằng cứ buồn rầu mãi. Hụi cũng buồn nhưng ngày nào cũng an ủi, khuyên dỗ Hằng. Hụi hứa nhất định sẽ tìm cho Hằng một con chim khác. Và ngày nào nó cũng len lỏi đi tìm chim thật. Thế rồi một hôm Hụi vui vẻ đến nói với Hằng:

- Tao đã tìm được một tổ quạ, ngày mai mày đi với tao mà xem tao bắt. Tao cho mày lựa hai con nào mày thích nhất.

Nghe Hụi nói, mặt Hằng rạng rỡ hẳn lên. Nụ cười vắng vẻ trên môi Hằng mấy hôm nay bây giờ trở lại:

- Thật hả Hụi? Ngày mai tao đi với mày! Tao đem kẹo cho mày ăn nữa.

Thế là hôm sau Hùng, Hụi và Hằng dẫn nhau đi bắt tổ quạ. Ba đứa vòng vòng băng qua nhiều rẫy, sau hết chúng đến một cái rẫy trồng nhiều cây ăn trái. Tổ quạ làm trên một cây xoài, cách mặt đất chừng sáu thước. Hụi hăng hái cầm một chiếc tất lính khá rộng và dài leo lên cây. Hụi leo thoăn thoắt như một con vượn. Hùng và Hằng nhìn theo với vẻ thán phục lắm. Thoắt một cái, Hụi đã vói thấu tổ chim. Hai chân Hụi kẹp ghìm cứng vào thân cây xoài, một tay Hụi nắm một nhánh xoài đồng thời kẹp chiếc tất chừa nửa miệng, tay còn lại thì sờ lên tổ chim. Mấy con quạ con nghe tiếng động lạ nép mình im phăng phắc. Hụi đang thò tay vào tổ thì giựt nẩy mình: rựt, rựt, rựt... mấy con chim bay ra, hết con này đến con khác. Loạt chót hai con cùng bay ra một lần. Trong lúc hoảng hốt bối rối, Hụi buông luôn cả tay đang giữ cành xoài mà rướn người chồm theo bắt con chim. Rủi thay, chim thì không bắt được mà Hụi lại té nhào xuống đất nằm bất động. Hùng thấy thế chạy lại ôm Hụi đỡ dậy mà khóc nức nở. Hằng thì mặt tái mét run lẩy bẩy đứng một chỗ chẳng biết làm gì. Nhưng một lát sau thì Hụi mở mắt ra:

- Còn con quạ nào không?

Câu hỏi làm cho cả Hùng lẫn Hằng vừa mừng vừa tức cười. Thế là chúng vội kéo nhau về. Sợ bị la rày, cả ba đứa không hề tiết lộ chuyện đi bắt quạ cho ai hay.

Suốt bốn tháng đầu niên khóa Hụi đều đứng đầu lớp. Hụi tỏ ra là một đứa trẻ thông minh hiếm có. Thầy giáo nhận xét không thể có một trò nào kế tiếp đó có thể chen chân thay thế Hụi được.Thầy mừng cho

gia đình Hụi, mừng cho cái ấp hẻo lánh và cũng mừng cho chính mình có duyên gặp được một học trò có thiên tài. Nhưng qua tháng thứ năm thầy giáo rất ngạc nhiên thấy Hụi học hành sa sút một cách tệ hại. Trước đây, mỗi khi gọi Hụi lên hỏi bài, thầy giáo coi như là một cách nhắc khéo bài vở cho những học trò khác. Cái giọng lanh lảnh, rõ ràng, trơn tru của Hụi như một dấu ấn mạnh vào trong óc những trò nào chưa nhớ phải nhớ. Nhưng bây giờ thầy giáo thất vọng thấy bài học nào Hụi cũng không thuộc, bài làm nào Hụi cũng làm sai. Hai trò ngồi ợ bên cạnh Hụi lâu nay cứ chép bài tập của Hụi bây giờ cũng ngẩn ngơ lúng túng.

Chiều kia, thầy giáo ghé thăm nhà Hụi, cũng may gặp lúc cha mẹ Hụi đều ở nhà. Thầy giáo nói cho ông bà biết về việc học hành của Hùng và Hụi. Thầy cũng hỏi tình trạng Hụi sống trong nhà có gì khác thường không. Bấy giờ ông bà Hai mới để ý nhớ là trong thời gian gần đây Hụi cứ hay ngồi thẫn thờ một mình nhìn đâu đâu mà miệng cứ lẩm nhẩm không biết nói gì. Thật tình khi thấy thế hai ông bà cứ cho là Hụi nhẩm bài học. Ông bà cũng sực nhớ tới là độ này Hụi cũng không còn siêng tắm rửa như trước, áo quần mặc Hụi cũng quên thay làm cho bà Hai phải nhắc.

Từ đó cha mẹ Hụi bắt đầu theo dõi Hụi. Một hôm thấy Hụi ngồi nói lẩm nhẩm, mẹ Hụi len lén lại đằng sau nghe thử Hụi nói gì. Bà chỉ nghe lỏm bỏm mấy tiếng " tao cho mày hai con quạ đẹp nhất". Bà lên tiếng hỏi:

- Này Hụi, con nói cho ai hai con quạ thế?

Hụi trả lời:

- Ừ, ừ, phải rồi, cho nó hai con quạ đẹp nhất!

Nói xong Hụi bỏ đi ngồi chỗ khác.

Mẹ Hụi thấy lạ quá đi theo hỏi nữa thì Hụi cũng trả lời y như trước và lại bỏ đi chỗ khác lần nữa. Lần thứ ba khi thấy mẹ đến gần, Hụi không nói gì nữa mà vội tránh ngay. Bà lo sợ kêu Hùng lại hỏi:

- Quạ ở đâu mà thằng Hụi cứ nói cho ai đó hai con đẹp nhất con có biết không?

Hùng biết rằng khó giấu nổi mẹ nữa nên đem chuyện Hụi leo bắt tổ quạ rồi bị té nói cho mẹ nghe. Bà mẹ vô cùng hoảng hốt. Thế này thì đúng là tại con mình nghịch ngợm trèo phá phách nhằm chỗ linh thiêng rồi! Không kịp hỏi ý chồng, bà sai Hùng chạy đi mua ngay một nắm bông và mấy nải chuối, bà làm thịt ngay một con gà trống rồi đắt hai anh em đến ngay nơi Hụi bị té để cúng tạ lỗi với thánh thần. Tối đến, bà lại sắp đặt đủ lễ cho chồng cúng lạy ông bà tổ tiên trong nhà cũng như kẻ khuất mặt khuất mày bên ngoài xin phù hộ cho Hụi được tai qua nạn

khỏi.

Nhưng chứng bệnh lạ của Hụi không lành mà ngày càng nặng thêm. Ông bà Hai phải chạy đôn chạy đáo lo đủ thầy thuốc, thầy cúng, thầy bói đến kiệt quệ gia đình rồi cũng phải buông xuôi.

Hai tháng sau Hụi phải bỏ học. Hằng ngày Hụi cứ ngồi thẫn thờ trước cửa ngó ra đường. Thấy người quen không chào, thấy người lạ không hỏi, ai làm gì cũng mặc. Ăn xong lại ra cửa ngồi. Ngồi không biết chán. Ngồi buổi này qua buổi khác. Khi bị ai nói năng rày rà Hụi lại bỏ đi tìm chỗ khác để ngồi. Người ngoài không rõ, có ai có việc hỏi đến Hụi, Hụi cũng không quay lại nhìn mặt người hỏi mà chỉ trả lời:

- Ừ, ừ, phải rồi, không biết!

Thế rồi thôi. Nếu có ai hỏi gặng vài ba lần thì Hụi lại không trả lời nữa mà bỏ đi ngồi chỗ khác. Mẹ Hụi bấy giờ ngoài việc phải lo chăm sóc từng miếng ăn cho Hụi, nhắc nhở Hụi thay áo quần, bà lại phải lo cả việc tắm rửa cho Hụi nữa vì Hụi không còn biết tự tắm rửa nữa.

Từ ngày Hụi bị tai nạn, Hằng cũng buồn bã lắm. Cái niềm thích thú chơi chim của Hằng hình như cũng biến luôn. Hằng không còn nhìn những đứa bạn cưng chim một cách thèm khát say sưa như ngày nào. Hằng không còn một chút ao ước nhỏ được làm chủ một con chim đẹp khôn ngoan. Hằng thấy sợ sợ sao sao ấy. Hằng cũng ít lang thang đi chơi với bạn bè như trước. Lâu lâu có cái kẹo, miếng bánh, Hằng lại đem sang cho Hụi và ngồi nói chuyện với Hụi. Nhưng gần như Hụi cũng chẳng biết Hằng là ai hoặc không quan tâm tới Hằng. Hằng đưa bánh kẹo thì Hụi cứ lặng lẽ cầm lấy mà ăn. Hằng nói chuyện thì Hụi cứ lặng lẽ nghe. Nếu Hằng hỏi gì thì Hụi lại "Ừ, ừ, phải rồi, không biết!". Chỉ có một lần mất Hụi chợt sáng lên mà hỏi Hằng:

- Hai con quạ tao cho mày biết bay chưa?

Đó là câu hỏi có vẻ khôn ngoan duy nhất trở lại với Hụi một lần làm cho mọi người vô cùng mừng rỡ. Những người nghe câu ấy đều xúm lại quanh Hụi lập tức. Nhưng đôi mắt Hụi liền trở lại thẫn thờ, lạc thần như trước. Các câu hỏi tiếp đó lại được Hụi đáp lại bằng lời đáp cố hữu "Ừ, ừ, phải rồi, không biết!".

Chỉ còn may một điều là Hụi không khi nào gây phiền phức cho người xóm giềng.

Tình trạng này kéo dài mãi hơn bốn năm năm. Dần dần, ngoài người trong nhà, Hụi cũng nhớ mặt, nhớ tên được một vài người hay lui tới với gia đình Hụi. Khuôn mặt Hụi lúc này trông bạnh ra, nhợt nhạt ra và lúc nào cũng có vẻ như cười một mình. Cái nụ cười ngây ngây, ma ma trông đến dễ sợ. Mấy đứa con nít lạ trông thấy liền phải tránh đi hoặc bỏ chạy

mất. Có người khuyên cha mẹ Hụi nên thử tập cho Hụi đi làm việc, có thể tránh bớt cho Hụi bị luống xương. Ông bà Hai nghe vậy thì biết vậy chứ cũng không tin tưởng, hi vọng gì.

Một lần đang đào lỗ trồng chuối trong vườn nhà, ông Hai bỉ gẫy mất cái cán xẻng. Lúc ấy trong nhà không có ai để nhờ lấy giùm cái xẻng khác thay thế. Ông vừa vấn thuốc hút vừa gọi đại Hụi đem xẻng ra cho ông. Gọi là gọi đùa vậy thôi, nhưng không ngờ Hụi cầm cái xẻng ra cho ông thật. Khi ông làm thì Hụi đứng chăm chú nhìn. Làm một chốc, ông quay lại hỏi Hụi:

- Con làm được không?

- Ừ! Ừ! Được!

Ông trao cái xẻng cho Hụi và đứng nhìn Hụi làm xem sao. Ông Hai ngạc nhiên thấy Hụi chịu làm và lại làm được. Thế là ngay buổi chiều ấy, hai cha con cùng đào lỗ trồng chuối. Qua một ngày làm việc, thấy Hụi không tỏ ra mệt nhọc mà có vẻ vui thích. Từ đó, làm công việc gì ông Hai cũng kêu Hụi đi theo. Đặc biệt là khi đi làm dù trời nắng hay mưa, Hụi vẫn không bao giờ chịu đội nón đội mũ. Càng đi làm, Hụi càng ăn được cơm, càng lớn con thêm, càng trở nên đen đủi, giảm đi cái vẻ nhợt nhạt ma quái. Hụi làm việc gì cũng siêng, làm nhiệt tình, làm tới nơi tới chốn. Dĩ nhiên là Hụi chỉ biết tuân hành, cha chỉ đâu làm đó, không có sáng kiến. Cũng là điều may cho gia đình Hụi, khi Hụi biết hăng say trong công việc ruộng rẫy thì ông Hai mất. Bà Hai phải thay ông điều hành công việc làm ăn. Hụi có sức khỏe, chịu làm nên công việc trong nhà cũng chạy đều. Tuy thế, những khi rảnh rỗi, Hụi vẫn cứ tìm chỗ ngồi thừ ra như trước. Chỉ có chút tiến bộ là Hụi biết nói thêm được một số tiếng thông thường. Những ngày tết nhất, những người thân quen tới thăm cũng có người lì xì cho Hụi như một đứa trẻ. Hụi cũng đưa tay nhận hết. Bà Hai cũng thỉnh thoảng đưa tiền cho Hụi bảo khi thèm chi cứ mua ăn. Hụi lấy tiền nhưng ít ai thấy Hụi tự mình ăn hàng bao giờ.

Mấy năm sau Hùng đi lính. Hai cô em gái của Hụi, Mai và Hạnh, cũng lần lượt đi lấy chồng. Trong nhà chỉ còn vỏn vẹn hai mẹ con. Điều an ủi lớn cho bà Hai là lúc này mỗi lần Hùng, Mai hay Hạnh về thăm, Hụi cũng biết tỏ ra mừng rỡ. Hụi biết nghe lời mẹ, lời anh và nghe lời cả hai em.

Rồi Hùng xin với mẹ đi hỏi Hằng làm vợ. Hằng bấy giờ đang làm cô giáo. Hai gia đình vốn thân nhau, Hùng và Hằng cũng thương nhau thiệt tình nên mọi việc đều suông sẻ. Với việc chấp thuận kết duyên với Hùng, Hằng còn mang ước nguyện được có cơ hội săn sóc giúp đỡ Hụi như với

một người ruột thịt bị tật nguyền. Hằng biết rõ hơn ai hết, cái cảnh thân tàn ma dại của Huị bây giờ, phần lớn là do sự mê say chơi chim của Hằng mà nên. Hằng phải tìm cách chuộc lại một ít tội lỗi.

Năm sau, vào dịp nghỉ phép thường niên, Hùng tổ chức đám cưới tại nhà. Huị bình thường rất biết nghe lời những người trong gia đình. Đêm trước ngày cưới, bà Hai, Hùng và hai em gái tề tựu đủ mặt tại nhà trong bữa cơm tối. Mọi người đều nhỏ nhẹ dặn dò Huị ngày mai trong lúc rước dâu về, Huị phải vào buồng mà ngồi chứ đừng ra ngoài có thể làm cho một số người phải sợ. Người nào cũng một hai lần dặn đi dặn lại. Huị cứ gật đầu ừ, ừ. Đến sáng, bà Hai và Hùng lại kêu Huị mà dặn lại lần nữa. Mai và Hạnh có nhiệm vụ canh và nhắc chừng Huị vào giờ phút quan trọng ấy.

Đám rước dâu cũng khá long trọng. Khi quan viên khách khứa hai họ đã tề tựu ở nhà đàng trai, cô dâu chú rể sắp làm lễ trước bàn thờ tổ tiên, bất ngờ Huị mặc bộ pijama mới toanh xuất hiện. Huị đưa tay gạt mọi người tiến thẳng tới trước mặt cô dâu, nét mặt Huị vừa man dại, vừa mừng rỡ:

- Hi hi! Con Hằng! Mày đến ở nhà tao hả?

Hai cô phụ dâu hoảng hốt thối lui mấy bước. Một số người bên họ nhà gái cũng giựt mình. Mai và Hạnh lật đật kéo anh mình vào buồng. May mắn là Huị không kháng cự, ngoan ngoãn đi theo. Hùng và Hằng thì điềm tĩnh như không có việc gì. Mọi người chỉ chưng hửng giây lát. Rốt cục mọi chuyện vẫn trôi qua êm đẹp.

Khi khách đã ra về hết rồi, bà Hai lại cho dọn một mâm khác cho người trong nhà, vì trong khi bận rộn lo tiếp khách, có người vẫn ăn uống chưa được no. Lần này quây quần đủ mặt toàn bộ con cái dâu rể. Bà Hai một tay cầm tay Huị, một tay chỉ vào Hằng mà nói:

- Huị này, con biết đây là ai không?

- Biết! Con Hằng!

- Con không được kêu là con Hằng nữa! Từ nay con phải kêu là chị Hằng! Đó là chị dâu của con, biết chưa?

- Không! Tôi không kêu con Hằng bằng chị! Con Hằng nhỏ.

- Chị Hằng nhỏ nhưng chị Hằng nay là vợ của anh Hùng con, con phải kêu bằng chị! Con thấy thằng Sanh đây lấy em Mai của con nên phải kêu con bằng anh. Thằng Hạc đây lấy em Hạnh của con nên cũng phải kêu con bằng anh. Vậy con phải kêu là chị Hằng mới đúng nghe chưa!

- Không! Tôi không kêu con Hằng bằng chị! Thế tối nay con Hằng

ngủ đâu?

- Chị Hằng là vợ của anh Hùng con thì chị Hằng ngủ với anh Hùng con. Con đừng hỏi chuyện đó làm gì.

Hằng nghe vậy cũng không lấy làm phật lòng. Hằng cũng chính thức gọi Hụi bằng danh mới kể từ đó: chú Hụi.

Bà Hai phải kiên nhẫn giải thích nhiều lần với Hụi. Mãi hai ngày sau cái danh "chị Hằng" đối với Hụi mới được êm xuôi.

Sau thời gian nghỉ phép, Hùng trở về đơn vị. Hằng cũng đi theo chồng vì Hằng đã xin thuyên chuyển được đến dạy ở một trường học gần nơi Hùng làm việc.

Đến giữa năm 1975 thì Hùng vào tù, Hằng bị đuổi việc. Bên nhà Hằng bấy giờ cũng chẳng còn ai. Hằng phải dẫn hai con, một trai một gái, về ở với bà nội. Bà Hai lúc ấy cũng đã già lắm rồi, nhưng bà vẫn phải tính toán việc nương rẫy vì Hụi chỉ có sức làm thôi chứ không hề biết chuyện nắng mưa giống má gì hết. Thấy Hằng về, bà Hai rất mừng. Bà đang lo nếu bà có mệnh hệ nào thì Hụi sẽ chỉ có thể làm lao nô cho người khác thôi. Bà biết Hằng rất thương người em chồng tật nguyền. Qua cách Hằng đối xử với Hụi bao nhiêu năm từ khi Hằng về làm dâu nhà bà đã tạo cho bà một sự tin tưởng lớn. Những lần về thăm bà, Hằng đã không ngần ngại giặt giúp bà những đồ dơ của bà cũng như của Hụi. Hằng cũng không hề đắn đo khi bỏ tiền ra sắm những bộ áo quần đáng giá cho bà, cho Hụi. Thấy Hụi ưng cái gì Hằng cũng tìm cách kiếm cho bằng được để Hụi vừa ý. Bà Hai không hề có một tà kiến về vai vế chị dâu ông chú mà chỉ nhìn thấy giữa Hằng và Hụi có một thứ tình thương như tình thương mẹ con hay tình thương chị cả em út vậy. Chính bà cũng rõ hơn ai hết, đứa con trai tật nguyền của bà bị một khuyết điểm quá lớn là dơ dáy, hôi hám mà chỉ có người mẹ hay một người rất nhân đạo, rất cao thượng mới chịu đựng nổi. Hụi không bao giờ tự mình tắm rửa được, áo quần thì bà phải đưa đến tận tay và bảo thay Hụi mới chịu thay. Đó là điều làm bà mất ăn mất ngủ nhất. Một mai kia khi bà nằm xuống rồi thì tình trạng đó sẽ ra sao?

Từ cái nghề đứng bục giảng bài chuyển sang nghề nương rẫy là một vấn đề lớn đối với Hằng. Đôi vai mềm ngày nào chỉ mang cái ba lô đi trại hè cũng đã thấy khó chịu, bây giờ phải gánh từng gánh sắn, gánh khoai ngày này qua ngày khác. Cái lưng thon khi ngồi dựa ghế, khi mỏi duỗi thẳng trên giường lót nệm, bây giờ ngày nào cũng uốn cong gập lại muốn gãy để nhổ mạ, cấy lúa, lượm củi. Ngày nào thấy con trùn bò dưới

đất cũng vội vàng tránh xa, bây giờ những con đỉa lớn như ngón chân cái bám đầy chân mà hút máu chảy ròng ròng cũng ráng mà chịu...

Bước chuyển tiếp này tuy khó khăn nhưng nó còn mang ít nhiều tính chất tự do. Khi mệt lắm mình có thể nghỉ một ngày hai ngày. Khi cần việc khác, mình còn có thể tạm hoãn việc đang làm lại. Khi đang làm việc buồn ngủ quá có thể tìm lùm cây làm một giấc. Mình làm việc mình không có ai thúc đẩy, dòm ngó.

Tới đợt chuyển tiếp từ cách làm ăn cá thể bước sang lề lối làm ăn tập thể là giai đoạn khốn đốn cực điểm của đời Hằng. Ruộng rẫy chính quyền gom hết về một mối rồi phân chia ra cho từng đội canh tác. Mỗi người mỗi việc đều do cán bộ cắt đặt. Ba giờ sáng đã nghe kẻng báo thức vang rền. Năm giờ sáng đã tập họp ra đồng ra rẫy. Buổi tối thì họp bình bầu rút ưu, khuyết điểm, có khi kéo dài tới 12 giờ khuya. Cả đời Hằng chưa biết đạp nước lên ruộng bao giờ, một lần được phân công làm việc ấy cũng phải gắng lòi trĩ ra mà đạp. Cũng có lần được cử đi lấy phân Bắc (phân người), Hằng phải nín thở, nghiến răng mà xúc. Nhằm thời kỳ kinh nguyệt, gặp mùa cấy Hằng cũng phải lội ruộng sâu để cấy. Làm lụng vất vả đến thế nhưng sau khi nộp cho huyện, tỉnh, trích lại cho quĩ bồi dưỡng cán bộ, quĩ khen thưởng thành phần xuất sắc, cuối vụ chia cho tổ viên đổ đồng mỗi ngày Hằng lãnh được không tới một lon rưỡi gạo. Chú Hụi cũng không khá hơn được, dù chú là đàn ông có sức nhưng người ta cứ lợi dụng sự khờ khạo của chú, lại phê bình chú là lười nhác. Thế nhưng bao giờ Hằng cũng cố gắng hết mình trong công việc, chỉ vì Hằng sợ bị phê bình ảnh hưởng đến Hùng, người chồng đang ở trong tù.

Một lần tình cờ Hằng được cắt việc nhổ mạ gần đám đất người ta cắt cho chú Hụi cuốc. Ông thôn trưởng thân hành dắt Hụi đến tận đám đất và dặn:

- Trong ngày này chú Hụi phải cuốc cho xong đám đất này nghe chưa!

Hụi ừ và lập tức cắm cúi cuốc. Hụi cuốc ráo riết. Khi khát nước chú chỉ ngừng tay uống mấy ngụm rồi lai tiếp tục liền. Thấy tội nghiệp, Hằng gọi với:

- Này chú Hụi, nghỉ đi một chốc rồi cuốc tiếp chứ chú làm như vậy đuối sức mà chết luôn đó!

- Không, ông thôn dặn đừng nghỉ!

- Chú cứ nghỉ một chút đi, tôi nói với ông thôn cho.

Lần này thì chú Hụi nghe tôi và ngồi xuống nghỉ. Nhưng chú mới ngồi chừng mười phút thì ông thôn lại đến, ông nói lớn:

- Làm gì mà cứ nghỉ hoài như vậy? Này chú Hụi, chú cuốc cạn quá!

Rồi ông cầm cuốc lên cuốc lia lịa liên tiếp cả mươi lát:

- Phải cuốc như tôi thế này này! Chú cuốc chậm rì và cạn quá lấy gì mà ăn!

Sau đó ông trao cuốc cho chú Hụi, thở hồng hộc mà đi nơi khác. Mấy lát cuốc của ông thôn thật có tác dụng. Ông đi rồi nhưng chú Hụi cứ cuốc thật nhanh, thật mạnh và cuốc mãi miết. Hình như chú sợ ông thôn nhìn thấy nếu chú ngừng tay. Bây giờ Hằng mới hiểu vì sao từ ngày vô làm đội, chú Hụi về nhà ăn xong là ngủ liền cho đến khi bị đánh thức dậy đi làm ngày khác. Người Hụi bây giờ cũng xơ xác đi rất nhiều. Hằng không cầm được lòng lại gọi:

- Chú Hụi ơi, ông thôn đi khỏi rồi, cứ nghỉ uống nước đi chốc nữa cuốc tiếp. Chứ cuốc gắng lắm đuối sức mà chết bây giờ.

- Không! Không cuốc nhiều ông thôn không cho gạo.

Rồi Hụi lại cắm đầu cuốc. Tới gần tối thì chú Hụi cuốc xong miếng đất.

Hôm sau Hằng tiếp tục nhổ mạ ở thửa mạ cũ. Buổi trưa thì toán thống kê kiêm kiểm tra đến thửa đất Hụi cuốc hôm qua. Hằng nghe một người nói:

- Cuốc như vậy là đạt lắm! Phần của ông thôn đấy, tính cho ông ấy ba công.

Hằng nghe hơi ngạc nhiên nhưng không dám thắc mắc với ai hết. Nếu cứ làm như cái đà này thì chú Hụi chết sớm thật. Gắng đem sức ra làm cho người khác ăn mới đau lòng chứ. Ngặt một cái là Hằng có nói chú cũng nhất định không chịu nghe. Hằng cố nặn óc suy nghĩ để tìm cho ra một lối thoát. Và lần đầu tiên Hằng nghĩ tới vùng kinh tế mới...

Nhân ngày hợp tác xã tổ chức buổi liên hoan ăn mừng thành tích làm ăn tập thể trong năm, các đội đều được nghỉ đi làm. Có chút thì giờ rảnh, Hằng dẫn hai con và chú Hụi đi hớt tóc. Khi đi ngang qua sân hợp tác xã, Hằng thấy ông thôn và mấy ông đội trưởng vừa ăn tiệc xong còn đứng tụm lại hút thuốc tán dóc trước khi về. Hằng gật đầu chào họ. Mấy người ấy cũng gật đầu chào lại Hằng. Bất đô Hằng thấy ông thôn co chân một cái và một gói gì đó trong ống quần lọt ra. Mấy viên chức đứng quanh đấy đều nhìn lại và cùng cười rầm lên. Ông thôn có vẻ bối rối chốc lát rồi ông cũng cười vẫy tay về phía Hằng:

- Hụi ơi, may quá, tao định đem cái này về cho mày thì lại gặp mày ở đây! Này, cầm lấy mà ăn đi!

Ông lượm cái gói đem đưa cho Hụi. Hụi mở gói ra thì thấy mấy miếng chả trứng chiên mỡ láng lườm trông phát thèm cùng với một bịch

nylon đựng lòng heo. Hụi sung sướng vừa bước vừa nhai trước sự ngơ ngác của hai đứa nhỏ. Hằng toan nói với Hụi về nhà rồi hãy ăn nhưng rồi lại thôi. Hằng quay lại nhìn ông thôn và nói:

- Cám ơn ông thôn nhiều lắm!

Hằng nghe một người nào đó nói:

- Hôm nay sao ông thôn thương thằng Hụi dữ vậy không biết!

Vài hôm sau ở các đội đều nghe cái chuyện tếu bà nấu bếp lén đưa thêm cho ông thôn một gói quà. Ông thôn cất quà trong túi quần nhưng không ngờ cái túi quần vải đã mục rách làm gói quà lọt ra ống quần.

Thấy tình trạng khốn khổ của đứa con tật nguyền trong cuộc sống hiện tại, bà Hai nhất định đi vùng kinh tế mới. Tới xứ sở mới mẻ này, mẹ con bà Hai, nhờ ơn trên cũng kiếm được một mẩu rẫy. Với sự cố gắng làm ăn của mọi người, lại gặp nơi chính quyền đang nới tay để khuyến khích dân đến, gia đình Hằng cũng sống thoải mái hơn hẳn khi làm đội ở quê nhà.

Bà Hai mỗi ngày một yếu, dần dần bà chỉ còn có thể lo việc cơm nước, giặt rửa trong nhà. Hùng thì không biết ngày nào mới trở về được. Công việc rẫy bấy giờ hoàn toàn do tay Hằng tính toán. Cũng may đất mới đãi người, Hằng cũng có dư ra chút đỉnh để lo việc thăm nuôi chồng. Chú Hụi nhờ hợp ăn bắp, ăn đậu tha hồ, người cũng khỏe ra, có sức làm việc dẻo dai trở lại. Hằng siêng năng, cố gắng, chú Hụi cũng siêng năng cố gắng.

Một hôm trời mưa lớn không đi làm được, Hụi ở nhà lục lọi soạn hết cái bao đựng đồ đạc của mình, rồi đến chỗ Hằng đang ngồi bào bắp:

- Chị Hằng, cho chị hết đây này!

Hụi đúi vào tay Hằng một nắm bạc. Hằng kinh ngạc mở ra coi thử. Tiền thời Bảo Đại có, tiền thời Ngô đình Diệm có, tiền thời đệ nhị Cộng Hòa có, chỉ có mấy đồng tiền đang lưu hành. Thì ra bao nhiêu năm nay, những tiền được lì xì chú Hụi vẫn dồn cất lại tất cả. Hằng nhìn nắm tiền mà xúc động muốn rơi nước mắt. Số tiền còn dùng được có thể mua được mấy cái kẹo.

- Cám ơn chú Hụi, nhưng tại sao chú lại cho tôi?

- Tôi..tôi ... muốn cho chị...

Hằng đem nắm tiền tới nói chuyện cho bà Hai nghe. Hai mẹ con cùng cười xót xa.

Mấy ngày sau chú Hụi bỗng trở chứng. Nhiều lần đang làm cỏ chú bỗng chống cuốc đứng nghỉvới vẻ thẫn thờ cả giờ. Hoặc lúc đang trỉa giống gấp cho kịp vụ, chú cũng bỏ ngang tìm đựa gốc cây ngồi nghỉ.

Hằng rất lo lắng vì biến chứng lạ lùngỳ đó. Có thể là Hụi sắp bị bệnh hoạn gì đây. Nếu Hụi bị bệnh thật thì quả là khốn nạn cho Hằng. Rẫy cả mẫu như thế này e cũng phải bỏ hoang bớt. Tình trạng đó kéo dài cả mươi ngày, Nhưng Hằng vẫn để mặc Hụi, không nói đến. Hằng cứ cặm cụi lo công việc một cách nôn nóng. Thấy Hằng không nói gì, Hụi càng làm tới, tỏ ra lười hơn.

Sau cùng,một lần quá nóng lòng vì công việc, Hằng gọi:

- Này chú Hụi, gắng ra làm thêm một chốc nữa rồi về nghỉ sớm!

Hụi xách cuốc đi lại gần Hằng làm được vài lát rồi ngừng lại nói với Hằng:

- Chị cởi quần cho tôi ngó một chút rồi tôi làm!

Lời nói bất ngờ của Hụi làm Hằng lặng người. Nàng sững sờ chốc lát mới lấy lại được bình tĩnh. Cố tạo ra một vẻ vừa nghiêm nghị vừa giận dữ, Hằng nói với Hụi:

- Chú nói bậy tôi sẽ về mách với mẹ. Hôm nay chú mệt chú về nghỉ trước đi!

Hụi tỏ vẻ sợ sệt, im thin thít, cắm đầu cắm cổ làm cho đến tối.

Đêm đó về Hằng không ngủ được. Thật sự Hằng không giận Hụi một chút nào. Hằng chỉ nghĩ mà thương cho Hụi. Dù sao Hụi cũng là một người đàn ông! Nếu như không có Hằng dính líu tới cuộc đời Hụi từ thuở nhỏ, Hụi đâu đến nỗi ra thân thế như bây giờ! Có thể đó là do định mệnh, nhưng định mệnh sao quá quái ác, mượn Hằng làm tác nhân! Và nếu không phải là định mệnh thì sao? Trong làng trong xóm những người cùng tuổi với Hụi cũng nhiều. Ngoài một số rủi ro hi sinh trong chiến tranh, số còn lại đều có một mái ấm gia đình tương đối hạnh phúc. Niềm hạnh phúc lớn của con người là cảnh vợ chồng vui vẻ, mẹ cha, con cái sum vầy. Cao điểm là khi có những đụng chạm rắc rối ngoài đời, ấm ức trong lòng khó tỏ bày cùng ai, về nhà vợ chồng cùng nhau chia sẻ, rồi tìm hơi ấm của nhau...

Nghĩ tới Hụi, Hằng lại liên tưởng tới đứa trai của mình, thằng Thảo. Thảo đang học lớp năm và là học sinh xuất sắc nhất trường. Môn nào nó cũng giỏi một cách lạ lùng. Kinh nghiệm qua bao năm làm nhà giáo, Hằng tin chắc con nàng cũng là một trường hợp khác thường. Cái chấn động tâm trí do Hụi gieo nơi Hằng ban chiều đã khơi lên cho Hằng một điều mà lâu nay Hằng không để ý đến: Hụi ngày xưa sao giống thằng Thảo bây giờ như đúc vậy? Cặp mắt! Nụ cười! Cái trí thông minh! Hằng càng thêm lo sợ. *Chữ tài liền với chữ tai một vần!* Lo sợ cho con, cho mình và càng thương cho thân phận Hụi. Gần bốn chục tuổi, Hụi vẫn chưa biết gì về đàn bà! Hằng đang bị ám ảnh bởi chữ tài chữ mệnh. *Thấy*

người nằm đó biết sau thế nào! Những ý nghĩ đó cứ hành hạ Hằng cho đến khi bà Hai thức dậy nấu cơm...

Những ngày kế tiếp Hụi trở lại làm việc chăm chỉ bình thường. Tuy vậy, Hằng bấy giờ cũng luôn luôn cảnh giác để đối phó với sự bất trắc. Hằng rất thông cảm Hụi, hiểu Hụi, thương Hụi như lòng người mẹ đối với đứa con. Hằng cũng nghĩ rất nhiều về mối hạnh phúc gia đình. Hằng tin chắc mình không bao giờ phạm lầm lỗi dược. Nhưng Hằng rất lo sợ một sự ứng xử vụng về của mình có thể làm cho mình mắc thêm một nỗi ân hận hoặc có thể gây nên những mối hiểu lầm tệ hại.

Sự cảnh giác đề phòng của Hằng không thừa. Một hôm hai chị em đang bày cơm ra sắp ăn trưa dưới bóng cây thì Hụi lại nói:

- Chị Hằng, chị cởi quần cho tôi ngó một chút đi! Một chút thôi mà!

Hằng đứng phắt dậy, làm ra vẻ vô cùng giận dữ:

- Chú ăn cơm cho hết đi rồi về! Từ nay chú đừng có đi làm với tôi nữa!

Nói xong Hằng vùng vằng xách cuốc đi làm chỗ khác. Hụi thấy thế cũng không ăn. Chú ngồi ôm đầu khóc thút thít. Sau khi khóc cho đã, chú lại vác cuốc đi làm. Hằng thấy tội nghiệp nhưng vẫn cố làm nghiêm, không lên tiếng, làm việc cho hết buổi chiều. Phần cơm của hai người hôm đó chồn chuột và kiến ruồi hưởng hết.. Tối đến, Hằng vẫn cố giữ một vẻ nặng nề giả tạo, vác cuốc ra về. Hụi cũng lẳng lặng về theo.

Hằng lại trải qua một đêm thức trắng khác. Không biết chuyện gì sẽ đến nữa đây! Bấy giờ thì Hằng thật sự lo sợ. Khi sự thèm khát của con người bị đồn nén đến cùng cực thì hậu quả thật khó lường. Hằng định nói chuyện với bà Hai nhưng dật dờ chưa dám. Hằng sợ bà Hai lẩm cẩm lộ chuyện ra thiên hạ suy đoán lung tung thì càng thêm phiền. Hằng phập phồng lo sợ từng ngày, từng giờ. Mỗi buổi chiều Hằng lo về sớm hơn trước kia nhiều, dù nôn việc cũng không dám làm gắng nữa.

Rồi một lần giữa nửa chiều Hụi lại trở chứng. Hằng làm mặt giận thì Hụi lại gục đầu khóc thảm thiết. Muốn cho Hụi sợ mà chừa, Hằng vùng vằng làm như không chịu được nữa, bỏ về. Cứ tình trạng này thì khó yên lắm rồi. Thế nào rồi cũng xảy chuyện không hay. Những ý nghĩ quay cuồng rối bù đầu óc khiến Hằng về đến trước nhà mình mà vẫn chưa hay.

- Ba về rồi má ơi!

Tiếng kêu sung sướng của hai đứa trẻ làm Hằng như vừa tỉnh giấc mộng. Người đàn ông gầy nhom đang tươi cười tiến lại phía Hằng. Trong cơn xúc động, Hằng phóng tới ôm Hùng và khóc nức nở. Khi buông Hùng ra, Hằng chợt thấy Hụi còn đang vác cuốc đứng nhìn hai người

ngây dại sững sờ...Hùng vội chạy lại nắm tay Huị cùng đi vào nhà.

Sự trở về của Hùng như một phép mầu đã xóa sạch trơn những nỗi lo sợ của Hằng. Không khí gia đình trở nên đầm ấm hơn nhiều. Trong những giờ phút trần trề hạnh phúc môi kề má áp bên người chồng sau một thời xa vắng, nhiều lúc Hằng chợt chạnh lòng nghĩ tới Huị. Huị cũng là một người đàn ông. Huị cũng có tình cảm, cũng có ước mơ, cũng có thèm khát. Thế mà đến giờ này, gần bốn mươi tuổi, Huị vẫn chưa biết đàn bà là thế nào. Đêm đêm Huị vẫn nằm chèo queo một mình! Nếu không gặp Hằng thì đời Huị đâu đến nỗi! Với sự thông minh tót chúng, đời Huị sẽ huy hoàng biết mấy nếu không có tai nạn xảy ra! Những ý nghĩ ấy cứ dày vò Hằng mãi. Một hôm Hằng thủ thỉ:

- Này anh, anh có biết nhà chứa chỗ nào không?

Hùng ngạc nhiên nhổm người ngồi dậy.

- Em hỏi làm gì vậy? Không lẽ em nghi anh đi lại những nơi ấy à?

- Không đâu. Anh bình tĩnh em nói chuyện này cho anh nghe...

Một buổi chiều, Hùng tự tay tắm rửa thật kỹ cho Huị. Sáng hôm sau Huị mặc bộ đồ mới nhất để đi chơi phố huyện với Hùng. Hùng đã chuẩn bị sẵn liều thuốc phòng bệnh cho Huị, dắt Huị vào một tiệm ăn khá sang cho Huị ăn uống thỏa thích trước khi nếm mùi dời. Hai người bạn của Hùng đi theo cứ khục khặc cười, tinh nghịch gợi ý với Huị. Huị nghe lời họ có vẻ thích thú nhưng không giấu nổi vẻ bẽn lẽn.

Huị bước về nhà với vẻ hả hê lắm. Hằng mỉm cười hỏi:

- Chú Huị bữa nay đi phố làm gì thế? Có vui không?

Huị hân hoan trả lời:

- Ừ, ừ, Vui lắm! Vui lắm! Thích lắm!

Hùng bước vô theo sau nghe Huị nói cũng cười thích thú:

- Nắng lâu ngày gặp mưa mà! Tuần sau đi nữa nghe chú Huị! Chịu không?

- Ừ, ừ, thiệt hả! Tuần sau anh dắt tôi đi tiếp nữa nghe! Tôi chịu!

- Vậy thì từ giờ này chú Huị phải tự tắm rửa đi đó!

Huị đi về chỗ mình để nghỉ. Hùng cũng vô phòng riêng thay đồ. Hằng bước vô theo tủm tỉm cười hỏi chồng:

- Kết quả mỹ mãn anh há! Chắc chú ấy...thích lắm nhỉ! Anh có cẩn thận lo cho chú ấy không? Không chừng rước bệnh về thì khốn!

- Yên trí. Chú ấy có được người chị dâu như em không lẽ lại có ông anh tồi vô trách nhiệm! Thay mặt cho chú Huị, anh thành thật cám ơn

em vạn bội. Em là người dàn bà cao thượng nhất đời!

Hằng nhìn chồng âu yếm:

- Anh biết không! Đó là số tiền em dành dụm trù sắm cho anh bộ tôạng đơ để đi hớt tóc dạo đỡ nhọc cái thân. Dùng cho ông em rồi thì ông anh ráng chịu thôi. Bây giờ anh lại hứa đùa tuần sau đi nữa, lỡ chú ấy đòi đi nữa thiệt thì làm sao?

- Ồ, nếu em mà thấy được cái vẻ hả hê, sung sướng của chú ấy sau khi lâm cuộc, có cho thêm nữa cũng không tiếc... Thôi, giờ tới phiên mình!

Cả hai vợ chồng cùng cười.

Ngay sáng hôm sau ngày đi phố huyện về, Hụi bị nhuốm sốt rét. Trong đời Hụi, gần như chưa hề một lần đau ốm đáng kể. Cả nhà đều tưởng chỉ sốt qua loa như mọi lần, không ngờ đến buổi tối thì cơn sốt tăng kịch liệt. Vợ chồng Hùng đưa Hụi ra trạm xá nhưng nơi này thuốc men thiếu, phải cấp giấy chuyển về bệnh viện huyện.

Số phận hẩm hiu, Hụi được đưa tới bệnh viện, nhưng vì Hùng không chuẩn bị đủ tiền đóng viện phí nên bệnh viện cương quyết không cho nhập. Trong khi đang dùng dằng chờ đợi chạy tiền qua cửa thủ tục thì Hụi mất.

Hụi ra đi bất ngờ như một người lính trận. Hằng đã khóc cho người em chồng còn thống thiết hơn cả bà Hai, mẹ của người chết.

Chuyện mồ mả xong xuôi, Hùng tâm sự với Hằng:

- Chú ấy mất coi như là số mệnh đi. Dù sao mình cũng có chút an ủi là trong những ngày cuối đời của chú ấy, mình đã cho chú ấy thỏa mãn một vài ước muốn.

Hằng buồn bã lắc đầu:

- Không, chính vì cái đó mà em ân hận thêm. Biết đâu chính vì việc đó làm cho bệnh chú ấy phát ra? Cũng có thể, vợ chồng mình đã tiếp tay hủy hoại cái đồng trinh của chú ấy, khiến chú ấy không được lên thiên đường!

Đêm Oakland và những truyện khác
tác phẩm thứ nhì của nhà văn
phùng nguyễn
văn xuất bản. Văn Nghệ phát hành. Giá 9 MK

ẩn hiện vầng trăng

Trần Thiện Hiệp

em đi qua mùa xuân mùa hạ
mây nào che nắng vai em
gió nào bay mái tóc
đường em vui bóng hạc, màu hoa (?)

ta với gió chừng non thiên cổ
đợi em về lối cỏ
hoàng lan
cơn mê bạt ngàn sương sớm
tiếng chim rừng hay tiếng em ca

em về
suối ngàn vang mê khúc
gió mơn mang cành lá nhuốm màu thu
tình yêu lửa soi em hồng đôi má
nhịp tim ta chung thở sớm mai hồng

xin đừng khóc trên dặm đời nghiệt ngã
hãy reo vui như cánh áo màu mây
ngày yêu dấu không già
đừng hoang tưởng
bàn tay em vun vén lộc- tình- xanh

đêm nhân thế có sao trời trên lá
đêm riêng ta
em ẩn một vầng trăng
ta xin gọi tháng ngày riêng tư có
bằng tên em
xuân. hạ
lẫn màu thu

Dalat 2001

Mơ chiều

Điệp-Mỹ-Linh

Xuyên qua từng áng mây chĩu nặng hơi nước, những tia nắng dìu hiu của một buổi chiều như đang ngập ngừng bên ngoài khung kính. Bảo-Trân nghiêng một bên má sát vào mặt kính để nhìn lại phía sau. Thành phố đã chìm khuất, chỉ còn những đóm sáng ly ty từ những tòa buildings trên triền núi cao. Từ những triền núi, hơi lạnh toát ra, tạo thành những phiến sương buồn, che khuất những khe núi thâm u hoặc bay lang thang trong vùng không gian im vắng để đợi chờ ánh hoàng hôn.

Nhìn vùng không gian đầm sương chiều, tự dưng Bảo-Trân liên tưởng đến hình ảnh êm đềm của một thành phố lạ lẫm, xa xăm. Nơi thành phố đó, khi chiều xuống, những màn sương trắng đục tỏa ra từ lòng núi cũng vây quanh những tòa *buildings* cao nghệu; cũng bay lang thang để tìm xem màn đêm về từ lối nào; cũng vượt lên đỉnh núi, hòa lẫn vào mây, khiến cảnh sắc trở nên hùng vĩ và kỳ bí lạ lùng. Nếu phải so sánh những điều khác biệt giữa hai thành phố, có lẽ Bảo-Trân chỉ thấy, nơi thành phố đó, những màn sương trắng đục thích lơ lửng trên những nhánh sông cuồn cuộn phù sa.

Từ một trong những nhánh sông đó, chiếc đu thuyền nhỏ, Royal, trôi êm ả giữa giòng, bỏ lại phía xa những vùng ánh sáng rực rỡ của những thành phố kỹ nghệ và những khu vực thương mại sầm uất.

Qua khỏi thượng nguồn, sự phồn thịnh dọc hai bên bờ không còn nữa. Từ chiếc Royal nhìn lên bờ, Bảo-Trân thấy những thân người gầy gò trong những mảnh vườn cằn cỗi đang từ từ lùi lại phía sau trong khi

chiếc Royal xuôi giòng sông sâu, giữa hai triền núi cao. Nhìn quanh, Bảo-Trân chỉ thấy núi và núi. Núi chập chùng. Núi vây quanh. Núi kéo dài đến vô tận. Núi đổi màu tùy theo độ cao và sự di chuyển của hơi sương cùng ánh mặt trời. Sự đổi dạng và tuổi tác của những trái núi tạo nên sự hùng vỹ, sự thướt tha hoặc cuồng nộ của giòng sông.

Giòng sông này không có sự mênh mông bát ngát của giòng An-Giang hoặc sông Triêm-Đức hoặc sông Đà-Rằng; giòng sông này thiếu hẳn sự nên thơ nhưng đầy nguy khốn của sông Cái-Lớn hoặc sông Vàm-Cỏ trong thời binh lửa; giòng sông này không mang nặng vết đau lịch sử của một dân tộc như sông Danh, sông Bến-Hải và sông Thạch-Hãn; giòng sông này thiếu hẳn sự tươi trẻ và trữ tình của giòng Danube hoặc giòng sông Rein bên trời Âu; giòng sông này cũng không có sự kinh khiếp đầy huyền diệu của sông Hằng. Giòng sông này thâm trầm, như một cụ Đồ Nho, vì tích lũy nhiều điều huyền nhiệm của đời, của thời gian và của thiên nhiên.

Khi ánh nắng mai lóa dạng cuối trời xa là lúc Bảo-Trân thích thú nhìn giòng sông trườn mình giữa hai vách núi thẳng đứng. Nhìn lên đỉnh núi, Bảo-Trân thấy những cây tùng, cây bách chễm chệ một vùng trời riêng để vui đùa với gió và tự tình với mây. Dưới chân núi, nhiều người dân lam lũ đang còng lưng vét những hạt cát hiếm hoi bên bờ sông để đem về xây những ngôi nhà nhỏ nhắn trên hóc núi cao hoặc xây những cây cầu cheo leo, nối liền hai triền núi dọc bờ sông.

Trên mặt sông dục ngầu màu đất đỏ, những chiếc đu thuyền nhỏ vẫn ngược xuôi trong âm thanh vi vu mệt mỏi của máy tàu. Âm thanh này và màu nước này gợi nơi lòng Bảo-Trân hình ảnh những giòng sông thấm máu và những cánh rừng tràm đầy mìn bẫy và hầm chông khi chiến tranh còn lang tràn nơi vùng quê hương nghèo khó. Khi mạch sông này được đắp đập để mực nước sông dâng lên cả trăm thước thì cuộc sống nơi vùng quê hương nghèo khó của nàng sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

Trong khi Bảo-Trân trầm ngâm vì những ưu tư không thể giải đáp được thì có tiếng gõ cửa. Xoay người lại, từ từ bước ra cửa, Bảo-Trân nghĩ rằng người gõ cửa là Phong, nhưng vẫn hỏi, vì thói quen về vấn đề an ninh:

- Ai đó?

- Anh. Anh sang rủ em lên sân tàu ngắm mặt trời lặn.

Quanh sân tàu rất nhiều du khách chụp ảnh và ngắm nhìn những tòa nhà nhiều tầng được xây gần đỉnh núi để dân cư được dời lên đó khi công tác xây đập nước gần hoàn tất. Rồi đây sẽ có nhiều thành phố bị chìm

lấp trong dòng nước sâu. Không hiểu những người dân cần cù sẽ thích ứng được với hoàn cảnh khắc nghiệt hay không, vì càng lên cao thời tiết càng lạnh và những vùng đất xốp để trồng trọt càng hiếm. Dù ngày xưa người Tàu đô hộ nước mình có tàn ác đến mức nào đi nữa, nhưng bây giờ, nghĩ đến cảnh không biết bao nhiêu gia đình phải dời lên núi cao, để bao nhiêu ruộng vườn, mồ mả tổ tiên, ông bà và người thân chìm sâu vào lòng nước, Bảo-Trân vẫn thở dài, lòng đầy thương cảm.

Bảo-Trân vừa nghĩ đến đây, Phong nói nhỏ:

- Ở đây đông quá. Mình lên tầng trên, nhé, em.

Tầng trên ít người, có lẽ vì gió. Phong xoay hai chiếc ghế nhựa để lưng ghế quay về hướng mặt trời rồi chàng và Bảo-Trân ngồi vào. Nhìn vùng không gian rộng lớn của sườn núi đối diện chan hòa trong ánh nắng chiều, Phong hỏi:

- Màu nắng này có gợi trong hồn em chút gì không, Bảo-Trân?

Bảo-Trân không vội đáp, lặng ngắm những thân người gầy guộc đang hái bắp trên sườn núi và nhóm người khác đang chặt thân cây bắp, bó lại từng bó. Và xa, xa lắm, gần đến đỉnh núi, Bảo-Trân thấy mấy ngôi nhà ẩn mình trong màu xanh biếc của cây rừng. Bảo-Trân đáp:

- Dạ, màu nắng này làm em nhớ đến những buổi chiều êm ả trên núi Pilatus ở Thụy-sĩ. Chỉ khác một điều, trên triền núi Pilatus em thấy vài trang trại và những chú bò thong dong nhơi cỏ. Nơi cổ của mỗi chú bò, người ta cột một cái chuông nhỏ nên khi chú bò cử động tiếng chuông nghe leng keng. Tiếng chuông này giúp cho người ta dễ tìm, nếu tối đến mà chú bò không về.

Từ những hang động nhân tạo trên đỉnh núi Pilatus, em có thể thấy, trong ánh nắng vàng nhạt và từng cơn gió dìu dịu như hôm nay, những áng mây chiều chờn vờn bên ngoài cửa hang. Cũng từ những hang động đó nhìn xuống, trên mặt nước xanh ngát như biển khơi, em thấy vài chiếc du thuyền nhỏ, mang cờ hình chữ thập, trôi lặng lờ trên mặt hồ Lucerne. Nếu tinh ý, du khách có thể thấy hồ Lucerne mang hình dáng chữ thập. Xa xa, chen chúc trong màu xanh của cỏ cây là màu đỏ của mái ngói trên những ngôi nhà thờ cổ, với những tháp chuông cao vời vợi. Và xa, xa tít tắp đến cuối trời, màu xanh thẫm của phụ lưu hồ Lucerne len lỏi giữa màu trắng ngần của những khe núi tuyết. Trên đỉnh núi, tuyết lấp lánh trong chút nắng hắt hiu muộn màn.

Trong khung cảnh như vậy mà nghe những tiếng leng keng trổi lên liên tục từ nhiều hướng khác nhau, tự dưng tâm hồn em bâng khuâng, xao xuyến một cách lạ lùng. Bây giờ, nhìn hình ảnh trên triền núi đối diện, ngoài chút bâng khuâng, xao xuyến, em còn cảm thấy như có điều

chi rưng rức chĩu nặng trong lòng.

- Như vậy là tâm hồn em giao động nhiều hơn trước khung cảnh này, đúng không?

- Dạ, đúng.

- Tại sao?

- Cảnh đẹp của thiên nhiên làm thỏa mản trí tưởng tượng của em. Nhưng điều làm cho em xúc động lại là sự nghèo khó và nỗi bất hạnh của con người. Còn anh, anh nghĩ gì?

- Anh hả? Anh thì anh nghĩ đến những buổi chiều có nắng vàng tỏa rộng trên sườn núi nơi đèo Rù-Rì hoặc lung linh trên rừng dừa nơi bãi biển tại trung-tâm thể dục Đinh-Tiên-Hoàng, sau này đổi lại là Trung tâm huấn luyện Biệt-Động-Quân, ở Đồng-Đế, Nhatrang.

- Anh là Quân-y mà anh làm chi ở chỗ người ta huấn luyện Biệt-động-quân?

- Vì là Quân-y nên Hè phải thụ huấn quân sự ở đó.

- Ô, thì ra vậy. Những buổi chiều như vậy anh nghĩ gì?

- Anh cảm thấy cô đơn lắm và: *"Anh nhìn xa vắng, ngàn thương nhớ. Em đã xa rồi, em biết không?"* (Hoàng-Vũ-Bão)

Biết Phong muốn gián tiếp gợi lại Cuộc Tình Xót Xa muộn màn giữa chàng và nàng, Bảo-Trân thoáng buồn:

- Anh đã hứa với em rồi, anh nhớ không?

Phong tinh nghịch:

- Anh hứa gì?

Bảo-Trân cả tin nên nhắc:

- Anh hứa sẽ xem em như em gái thôi. Anh nhớ không?

Phong cười buồn, im lặng. Một lúc lâu, Bảo-Trân chuyển đề tài:

- Từ mấy hôm nay anh có nhận biết được điều gì khác thường trong không gian mà chúng ta đã đi qua không?

- Có. Anh cảm thấy như thiêu thiếu cái gì đó, nhưng không biết là cái gì.

- Anh thử tưởng tượng, nếu có vài cánh chim bay chầm chậm ngang triền núi đối diện thì...

Nét mặt Phong tươi trở lại:

- Đúng rồi. Từ hôm đặt chân đến đất nước này anh chưa hề thấy bất cứ loài chim nào cả. Tại sao?

- Em không hiểu.

Vừa khi ấy, Jayson, hướng dẫn viên du lịch, bước lên khỏi bậc thang cuối cùng. Phong gọi Jayson, đặt câu hỏi bằng Anh ngữ, vì Phong biết tất cả hướng dẫn viên du lịch tại Trung-quốc đều được chính phủ đào tạo

và Anh-văn là sinh ngữ chính. Jayson đáp:

- Tôi không nhớ bác sĩ là người thứ mấy đã hỏi tôi câu này; nhưng tôi nhớ, khi tình hữu nghị giữa Nga-sô và chúng tôi còn khắn khít, Nga-sô đã cho chính phủ của chúng tôi vay một món nợ lớn. Nước chúng tôi đông dân nhưng nghèo, trả nợ không nổi. Đến lúc tình hữu nghị giữa hai quốc gia rạn nứt, Nga-sô đòi nợ gắt gao quá, chính phủ của chúng tôi ra lệnh mọi tầng lớp nhân dân phải chia xẻ những khó khăn với quốc gia bằng cách dồn tất cả nỗ lực để tăng gia sản xuất, lấy gạo và ngũ cốc trả nợ cho Nga. Nhưng trở ngại lớn của chúng tôi là: Sau khi gieo mạ và hạc giống, chim ăn hết. Thế là chính phủ ra lệnh giết tất cả chim chóc để hoa màu không bị hao hụt.

Bảo-Trân ngạc nhiên:

- Làm sao có thể giết hết được tất cả chim chóc?

Jayson cười:

- Chim muôn cũng có linh tính và tiếng nói riêng. Vì vậy, sau vài đợt bị lùng giết, lũ chim rũ nhau bay đi, không bao giờ trở lại!

Bảo-Trân chưa kịp nói chi thêm thì từ các máy khuếch đại âm thanh đặt quanh tàu vang lên lời nhắn của director Charles: *"Thưa quý bà, quý ông! Du thuyền của chúng tôi sẽ dừng lại trong vài phút nữa. Quý vị nào đã ghi tên tham dự cuộc du ngoạn vào sông Daning, xin chuẩn bị để đáp thuyền máy vào sông Daning."*

Chiếc thuyền máy có cửa kính bao quanh rời sông Dương-Tử để tiến vào nhánh sông Daning đầy đá cuội. Dọc theo bờ sông Daning, nơi những vùng đất chài cũng như trên triền núi cao, Bảo-Trân chỉ thấy những mảnh vườn tàn úa, như là vết tích còn lưu lại của mùa Đông. Những người đang làm vườn hoặc làm rẫy trên cao hay những người ngồi giặt quần áo ven sông, vội dừng tay, nhìn đoàn thuyền máy với nét mặt và ánh mắt tràn đầy ước mơ.

Càng xa giòng Dương-Tử bao nhiêu màu nước càng trong trẻo và đáy sông càng lộ rõ bấy nhiêu. Đá cuội dọc bờ sông trở nên nhẵn và láng thêm. Trên những phiến đá cuội đó, những đôi chân trần khẳng khiu của mấy em bé và của vài thanh niên, ngang người chỉ quấn một mảnh khố, cố chạy theo chiếc thuyền máy để bán những cái chuông nhỏ bằng đồng, được chạm trổ chữ Nho và hình tượng các vị Bồ-Tắc hoặc bán những cây gậy bằng gỗ được uốn cong một đầu và cũng được chạm trổ rất công phu.

Thấy mấy em bé trai đen đủi cùng mấy cậu thanh niên vấn khố, Bảo-Trân chạnh nhớ đến vùng trời mờ sương bên quê nhà; nơi đó đàn ông Thượng cũng vận khố, phụ nữ Thượng để ngực trần, mặc váy, và

đeo những vòng xoắn bằng đồng nơi hai cổ chân và hai trái tai được căn rộng ra. Họ thường đi từng nhóm nhỏ. Ngày còn bé, Bảo-Trân thích nhìn dáng họ chập chờn trong ánh nắng chiều, bên những đồi trà xanh biếc. Cũng có lúc họ đem măng hoặc ngũ cốc đến nhà đổi muối. Ngoại không đổi, lại bảo người giúp việc lấy muối đem cho họ. Khi nào cũng vậy, nhận được chén muối họ cười hớn hở, để lộ hai hàm răng đã bị cà thấp xuống, và họ líu lo một thứ ngôn ngữ không thể nào Bảo-Trân hiểu được.

Nụ cười của người Thượng ngày đó và nụ cười của những người vận khố nơi đây, sau khi bán được món hàng, đều đượm nét ngây ngô, mộc mạc mà người thị thành không làm sao có được.

Gió lùa mây thật thấp. Giòng sông trở nên hẹp và cạn dần. Thuyền đã tắt máy để vài thanh niên lực lưỡng đùng sào chống. Mạn thuyền cạ lên đá cuội, âm thanh nghe không êm ả tý nào cả. Bảo-Trân thấy, từ trên mấy đỉnh núi, nhiều chú khỉ đang xôn xao, có vẻ huyên náo lắm. Giữa lúc Bảo-Trân chưa hiểu dịch vụ du lịch đưa du khách vào đến cuối giòng Daning để làm gì thì nghe giọng Jayson:

- Những gia đình giàu mới có tiền "chôn" người thân trên đó.

Từ nãy giờ chỉ để tâm ngắm cảnh lạ, Bảo-Trân không để ý đến lời dẫn giải Jayson. Bây giờ nghe hai tiếng "trên đó", Bảo-Trân ngạc nhiên, vội nhìn theo hướng ngón tay trỏ của Jayson để thấy, gần những đỉnh núi cheo leo, nơi những khoảng núi bị lỡ, lộ ra màu đất đỏ hoặc vàng sậm, là những cửa hang nho nhỏ, trong hang là quan tài của người chết. Bảo-Trân tò mò hỏi Jayson:

- Làm thế nào họ có thể đưa quan tài lên đến đó để chuyển vào hang?

- Đưa quan tài lên đến đỉnh núi rất khó khăn. Nhưng họ trả tiền hậu hỷ thì cũng có người làm. Lên đỉnh rồi, họ sẽ thòng quan tài bằng giây để chuyển vào hang.

- Sau đó hang có được đóng cửa hoặc lấp lại không?

- Không.

Bảo-Trân nhìn quanh và thấy hầu như nơi mỗi chỗ núi lỡ đều được dùng làm nhà mồ không cửa. Nàng lại hỏi:

- Tại sao họ không tìm đất để chôn mà lại lập những nhà mồ trong lòng núi, không cửa?

- Vì càng lên cao càng nhiều đá, không có đất.

- Thế sao họ không chôn nơi những vùng thấp?

- Đây là vùng núi đá. Những vùng thấp đất rất hiếm, chỉ để trồng trọt.

- Tình trạng khai khẩn hiện nay đã khó khăn như vậy, khi kế hoạch xây đập nước thực hiện xong, mực nước dâng cao cả trăm thước nữa thì người dân canh tác bằng cách nào để sống?

- Đó là câu hỏi tôi không thể giải đáp được. Tôi nghĩ "Trời sinh trâu, sinh cỏ".

Nhìn ánh hoàng hôn loan nhè nhẹ trong vùng không gian dìu hiu nơi chốn tận cùng của một nhánh sông, Bảo-Trân thầm nghĩ, đời sống của con người nơi đầu nguồn thì tùy thuộc vào Trời; còn đời sống của những dân tộc ở cuối nguồn tại sao lại tùy thuộc vào người láng giềng hung bạo, hẹp hòi, chỉ thích kiến tạo những đồ án vỹ đại để phô trương với thế giới chứ không nghĩ đến nỗi đau khổ của con người do sự thực hiện những đồ án đó tạo nên?

Ý nghĩ này, cách nay vài hôm, lúc viếng thăm Vạn-lý Trường-thành, cũng đã thoáng qua trong hồn Bảo-Trân. Khi cùng Phong bước nhanh lên nhiều bậc cấp của một trong những kỳ quan của thế giới, lòng Bảo-Trân chỉ nghĩ đến sự chia xa, niềm đau thương, nỗi thống khổ cùng máu, mồ hôi và nước mắt của hằng vạn con người đã quyện vào với vôi, với cát khi thực hiện kiến trúc vỹ đại này. Mỗi khi dừng lại nơi tháp canh nghỉ mệt, trong sự buốc lạnh của từng cơn gió lùa vào, Bảo-Trân tưởng như nàng có thể nghe được tiếng oán than của những oan hồn đã bỏ thây vì sự hình thành của kỳ quan này!

Đang quan sát và suy nghĩ vẩn vơ, Bảo-Trân chợt cảm biết chiếc thuyền máy đã ủi bãi và một số ít du khách đã lên bờ. Bờ - và cũng là điểm tận cùng của giòng Daning - chỉ là một vùng đất đá bị nước xoi mòn, rơi khỏi triền núi. Theo thời gian, đất đỏ bị nước cuốn đi; và sự di động liên tục của nước đã dũa mòn những góc cạnh của đá để ngày nay Bảo-Trân thích thú nghe âm vang của những viên đá cuội rạc rào dưới mỗi bước chân.

Hoàng hôn đã phủ kín cả vùng không gian đậm đặc hơi nước. Bảo-Trân thấy sườn núi dọc hai bên bờ sông đã trở thành màu xanh thẫm; trên nền xanh thẫm đó, những màn sương mỏng chờn vờn trông như những áng mây, và những ánh đèn leo lét phía xa trông như những vì sao lạc. Và, nơi đỉnh núi cao, ánh trăng len lén xuyên qua những áng mây mờ. Bất chợt Bảo-Trân cất tiếng hát nho nhỏ, chỉ vừa đủ cho Phong nghe: *"Qua những mùa trăng dáng em theo thời gian. Nhẹ lướt mơ hồ khi vàng úa trăng tàn. Sông nước mịt mùng xóa mờ một kiếp tha phương giang hồ. Lệ tràn lên mi tình trong giấc mơ. Năm tháng phôi pha bẽ bàng tình khúc ly tao cung đàn. Lệ tràn lên mi tình trong tiếng tơ. Đêm nay thông u sầu dưới trăng chốn đây nhưng nào, nàng đâu?..."* (Trăng

Lạnh của Điệp-Linh). Phong lắng nghe, lòng thầm tiếc là chàng đã mất Bảo-Trân suốt thời gian dài nên khoảng đời trai trẻ Phong đã không hưởng được những giây phút lãng mạn, tình tứ và đầm ấm như thế này. Bất ngờ giọng Bảo-Trân vút cao: "*...Đêm nay ánh trăng ngà lã lơi, trải trên cây rừng nhớ thương. Dưới ánh trăng u huyền thông mơ reo...*" Bảo-Trân nhấn giọng ở chữ "lã" và chữ "trải" rồi chữ "nhớ" rơi vào nốt Si bémol của bản nhạc thuộc cung Ré majeur khiến người nghe cảm nhận được tất cả nỗi xót xa, u hoài.

Sau khi Bảo-Trân kết thúc bản nhạc, Phong đọc khẽ hai câu thơ vừa mới lướt qua trong hồn chàng:

- Anh nghe em hát, lòng xao xuyến. Trong cõi hồn em, anh ước mơ.
(Hoàng-Vũ-Bảo)

Bảo-Trân im lặng, cảm nhận được sự dao động bồi hồi từ trái tim đa cảm của nàng nhưng không đám lộ ra. Phong nhìn Bảo-Trân bằng ánh mắt chan chứa yêu thương.

Cũng với ánh mắt tràn đầy yêu thương đó, tối đến, trong lúc say mê theo dõi chương trình nhạc cổ truyền tại một nhà hát lớn, Phong cũng quay nhìn Bảo-Trân, khi đoàn nữ nhạc công xử dụng nhạc cụ xưa để cùng tấu lên những hợp khúc cổ điển của nền âm nhạc Trung-hoa. Từ khi thất vọng vì sự ngây thơ của Bảo-Trân, mỗi khi thấy phụ nữ chơi đàn, Phong lại nghĩ đến nàng. Riêng Bảo-Trân, mỗi khi nghe âm thanh của nhạc cụ nàng thường chơi hoặc một bản nhạc nàng thường hát, Bảo-Trân cảm thấy như âm thanh ấy xuyên qua lồng ngực, xoáy sâu vào trái tim đầy thương tích của nàng. Vì vậy, khi thấy Phong nhìn nàng, Bảo-Trân tưởng như Phong hiểu được tâm trạng của nàng nên nàng tựa đầu vào vai Phong tìm chút êm ái cho tâm hồn.

Khi Phong và Bảo-Trân trở lại du thuyền Royal, ánh trăng đã khuất, máy tàu đã im, nhưng tiếng sáo Pai Xiao vẫn như còn vương vấn trong sự trầm mặc của muôn loài. Trong sự trầm mặc đó, mạch nước từ những giòng suối vẫn âm thầm tìm về đây, cùng nương nhau vượt Three Gorges Dam đang xây để không còn bị gò bó theo những dãy núi đá, mà sẽ được trải mình trong những cánh đồng xanh ngát dừa nước và mạ non.

Chiếc Royal đến Three Gorges Dam khi những tia nắng đầu ngày làm long lanh những hạt sương còn đọng trên lá của những cây cổ thụ nơi ngọn núi cao. Công tác đắp đập đã thực hiện được hơn hai phần ba chiều ngang của con sông. Nước bị đồn về một phần ba còn lại của giòng sông nên nước chảy xiết, cuồn cuộn, xoáy sâu, tạo cảm giác bất an cho những đu khách nhát gan. Bảo-Trân biết người Trung-Hoa rất hãnh diện vì đập nước này sẽ là một trong những đập nước lớn nhất thế

giới. Nhưng Bảo-Trân không hiểu người Trung-Hoa sẽ nghĩ gì khi những dân tộc ở cuối nguồn, từ thế hệ này đến thế hệ khác, sẽ ta thán vì mạch sống cứ cạn dần?

Qua khỏi đập nước, lưu lượng của giòng sông trở nên dịu dàng, đầm thấm giữa những khu vực đông đúc dân cư. Bất ngờ Bảo-Trân nghe huyên náo cả một vùng và rồi, cùng một lúc, hằng triệu triệu tấn khối nước từ Three Gorges Dam tràn về. Trong âm thanh cuồn nộ của nước, Bảo-Trân nghe không biết bao nhiêu tiếng kêu gào thảm khốc. Dù hạm trưởng vận dụng tất cả khả năng để cố đưa chiếc Royal xuôi theo con nước, tránh rơi vào vùng nước xoáy, Bảo-Trân cũng vẫn nghe được tiếng cửa kính vỡ cùng với tiếng kẽo kẹt của thân tàu. Mực nước dâng nhanh một cách đáng sợ. Từ phòng ăn, Phong hối hả đưa Bảo-Trân về phòng và dặn:

- Em ở trong này, không đi đâu hết. Anh ra ngoài xem có ai bị thương, cần cứu cấp chi không, tý anh trở vào hoặc nhờ người vào thăm chừng em.

Không đợi Bảo-Trân đáp, Phong bước ra ngay. Phong vừa xoay lại đóng cánh cửa xong, tấm kính nơi khung cửa sổ vỡ toan. Nước bắn vào phòng. Trong nỗi hoang mang tột cùng, Bảo-Trân chợt nghe tiếng director Charles từ các máy khuyếch đại âm thanh: *"Tất cả mọi người chú ý! Tất cả mọi người chú ý! Chiếc du thuyền của chúng ta không thể tiếp tục chịu đựng cơn thịnh nộ của thiên nhiên. Chúng tôi buộc lòng phải tấp thuyền vào một eo núi. Sau khi thuyền tấp vào, bằng mọi phương tiện, tất cả chúng ta phải rời thuyền càng nhanh càng tốt."* Nghe như vậy, Bảo-Trân gập người xuống, nước mắt chan hòa với nước sông, lòng quặn thắt nghĩ đến các con. Ngày trước, những lúc bị dời lừa đảo, vùi dập hay những lúc buồn, cô đơn và chán nản, Bảo-Trân thường nghĩ đến cái chết như là một lối thoát. Nhưng bây giờ cận kề với cái chết, Bảo-Trân lại hãi sợ, lại muốn được sống để về gặp lại các con.

Đang hướng tâm về Phật Bà Quan-Thế-Âm với những lời cầu nguyện âm thầm, Bảo-Trân bỗng giật mình kinh sợ vì sự xô lệch, chồng chềnh của đồ vật trong phòng. Vừa lúc ấy, Phong xuất hiện, vội vã kéo Bảo-Trân ra ngoài. Nhiều âm thanh lạ vang lên rất lớn khi thân tàu vặn mình, cố trườn lên khóm đá. Mọi người xô đẩy nhau rời tàu.

Phong đưa Bảo-Trân núp gió bên hốc đá đen đủi. Bảo-Trân đã bớt sợ. Một lúc sau, nhìn quanh, Bảo-Trân thấy derictor Charles đang đi tìm để đếm và ghi tên từng du khách. Bỗng Bảo-Trân để ý và không hiểu tại sao Hạm trưởng và một người đàn ông lạ lại tiến về phía nàng và Phong một cách vội vã.

Sau khi bắt tay Phong và hỏi thăm tình trạng sức khỏe của Phong và Bảo-Trân, Hạm trưởng nhìn Phong:

- Thưa bác sĩ, cuối đoạn sông này có một trường tiểu học. Cơn nước lũ vừa rồi khiến nhiều em học sinh bị nước cuốn đi và nhiều em bị thương. Đây là ông hiệu trưởng ngôi trường đó. Ông đến đây kêu cứu, vì ông nghĩ rằng trên du thuyền chúng ta có thuốc và dụng cụ y tế. Jayson cho biết ông là bác sĩ nên chúng tôi mừng quá, vội đến nhờ. Mong bác sĩ giúp cho.

Phong nhận lời ngay. Bảo-Trân tình nguyện theo giúp nhưng Phong không đồng ý. Mặc dù Bảo-Trân nêu ra nhiều lý do, Phong vẫn trấn an nàng:

- Anh đi vì bổn phận của một người thầy thuốc. Anh không muốn em tháp tùng vì anh không biết tình trạng nơi anh sắp đến như thế nào. Em ở đây cơ quan du lịch sẽ tận dụng mọi phương tiện để đưa du khách về nơi an toàn. Còn anh, một mình anh, anh dễ xoay trở. Em hiểu ý anh chứ?

Bảo-Trân ủ rũ nhìn chiếc thuyền nan đưa Phong xuôi theo giòng nước cho đến khi chiếc thuyền chỉ còn là một chấm nhỏ tý ty trong vùng nước mênh mông.

Vẫn trong trạng thái bất an, Bảo-Trân thầm mong chấm nhỏ tý ấy xuất hiện để rồi lớn dần trong tầm mắt. Nhưng hai buổi chiều rồi, chiếc thuyền nan vẫn chưa trở lại. Hôm nay cơ quan du lịch mới tìm được phương vị của chiếc Royal và đoàn du khách. Đây là chuyến trực thăng cuối cùng di chuyển du khách khỏi vùng này nên director Charles cố thuyết phục Bảo-Trân một lần nữa:

- Chúng tôi hứa sáng mai công việc tìm kiếm bác sĩ sẽ được tiếp tục. Vậy xin bà yên tâm, theo chúng tôi trở về.

- Cảm ơn ông, nhưng tôi xin được ở lại đây đợi Phong trở lại hay là cho đến lúc các ông tìm được Phong.

Hạm trưởng có vẻ bức rức:

- Tôi rất tiếc là sự việc đã xảy ra ngoài ý muốn như thế này. Nhưng bà ở lại đây cũng không thể thay đổi được sự việc, vậy tại sao bà phải tự hành hạ bà? Thôi, bà đi về với chúng tôi. Sáng mai trực thăng lại sẽ tiếp tục tìm kiếm bác sĩ, như hai ngày qua chúng tôi đã thực hiện.

- Tôi muốn được yên tịnh một mình. Các ông về đi.

Chiếc trực thăng nâng thân hình lên rồi lượn vòng gộp đá như có ý chào giã biệt Bảo-Trân. Chiếc trực thăng vút lên cao trong khi Bảo-Trân từ từ gục xuống vì gió, và vì đau khổ.

Còn lại một mình, Bảo-Trân đâm ra hối tiếc vì chút đạo lý mà nàng

đã không dám sống theo đà lòng của mình; nàng đã dạo đức dởm, đã cao thượng không đúng lúc, đã hy sinh không phải cách nên không dám đáp ứng lại mối tình nồng thắm của Phong...

Trong khi Bảo-Trân bị niềm ân hận và nỗi đau xót dày vò để tự trách mình thì, tự dưng từ tiềm thức Bảo-Trân, tiếng hát nức nở của Richard Marx vang lên: *"Oceans apart day after day, and I slowly go insane. I hear your voice on the line. But it doesn't stop the pain. If I see you next to never, how can we say forever. Wherever you go, whatever you do, I' ll be right here waiting for you. What ever it takes, or how my heart breaks, I' ll be right here waiting for you ..."* Bảo-Trân khóc òa. Đây là một đoạn của bản *Right Here Waiting* mà Bảo-Trân rất thích và Phong thường hát cho nàng nghe như ngầm nói lên lòng kiên nhẫn và nỗi thiết tha của chàng dành cho Bảo-Trân. Bảo-Trân vừa khóc vừa đắm hồn theo từng lời ca và lòng tự hứa sẽ đợi chờ Phong cho đến cuối đời. Bất chợt Bảo-Trân cảm biết như ai đang nhìn lén nàng từ phiến đá bên trái. Bảo-Trân xoay nhìn về hướng ấy và nhận ra đó là thanh niên ngoại quốc ngồi cạnh nàng trên chuyến bay của Hàng-không Việt-nam từ Dalat về Nhatrang!

Bảo-Trân bẽn lẽn mỉm cười, đưa ngón tay quẹt những giọt nước mắt còn ấm. Thanh niên cũng mỉm cười thân thiện rồi trao nàng vài tờ Kleenex. Bảo-Trân vừa chậm vào mắt vừa nhỏ nhẹ cảm ơn.

Bảo-Trân lại nghiêng một bên má sát vào khung kính cửa sổ phi cơ. Xuyên qua từng áng mây bàn bạc, Bảo-Trân thấy những lượn sóng trắng xóa di động chầm chậm trên vùng biển lặng. Nhìn vườn dừa xa xa nơi eo biển vắng, Bảo-Trân tưởng như nàng có thể thấy được gương mặt đăm chiêu cùng ánh mắt buồn rười rượi của Phong, lúc Phong bịn rịn chia tay với nàng tại phi trường Liên-Khương, đang chờn vờn trong những đóm nắng xôn xao trên vườn dừa xanh ngát. Bảo-Trân thở dài, chợt nghĩ đến hai câu thơ mà, trong giấc mơ của nàng, Phong đã đọc trên du thuyền Royal; có điều Bảo-Trân đổi chủ từ cho hợp với tâm trạng của nàng: *"Em nhìn xa vắng, ngàn thương nhớ. Anh đã xa rồi, anh biết không?"* (Hoàng-Vũ-Bão)

Như đã loan báo trên Văn Học số 181, chúng tôi đang chuẩn bị ra một số **Đặc san về nhạc sĩ Trịnh Công Sơn** vào *tháng Mười năm 2001*. Đây không phải là số báo nặng tính "tưởng niệm", mà là số báo định vị đúng đắn sáng tác của Trịnh Công Sơn trong văn nghệ Việt Nam, thoát ra khỏi mọi định kiến. Văn Học mong được đón nhận bài vở của bạn đọc và văn hữu trong tinh thần đó. *Văn Học*

Margarita (2)

Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm

Truyện vốn là hư cấu. Tên người và sự việc nếu có sự trùng hợp chỉ là ngẫu nhiên ngoài ý muốn của tác giả.

1.

Lâm ngất xỉu nhưng chưa thoát nợ đời nên xui khiến hôm đó Hướng hứng bất tử sáng sớm gọi vào hãng cáo bệnh xin nghỉ một ngày. Hướng ở trên lầu hai là bạn thân duy nhất nhưng ít khi gặp mặt vì làm trái giờ. Thú vui duy nhất của cậu là nhậu nhẹt, nói chuyện trên trời dưới đất với bạn bè. Khi ngà ngà say, hết chuyện nói chuyện chửi, chuyển sang mục karaoke cho đến khuya. Mấy cậu con thần hoàng giờ đây thấy mình là ca sĩ thứ thiệt, say sưa nhăn mặt đau khổ diễn tả lời ca. Mình hát mình thích rồi nghĩ rằng tin rằng ai cũng thích giọng hát của mình! Nên cứ thế hát mãi không ngưng. Hướng đang từ trên lầu bước xuống ra chợ mua đồ về làm món nhậu. Thong thả phì phèo thuốc lá vừa đi vừa ư ử hát bài "anh là lính đa tình". Đi ngang ngạc nhiên thấy cửa nhà Lâm mở toang nên tiện thể ghé vào.

"Lâm!. Mầy ở nhà a... mầy?"

Không nghe tiếng trả lời. Bước vào phòng khách, hoảng hốt thấy Lâm nằm bất tỉnh trên sàn nhà, tay nắm chặt tấm hình đứa trẻ sơ sinh. Lay mạnh, gọi tên, Lâm vẫn nằm yên không cựa cậy. Gọi 911. Đưa vào ER cứu cấp. Bác sĩ nói chỉ chậm mấy mươi phút nữa là đi đong. Hướng tự hỏi tại sao có thể lạ lùng như vậy được. Số Lâm chưa chết, nghiệp

Lâm chưa dứt nên "lại một lần nữa" có bàn tay của Hướng.

Tối hôm qua Lâm tuy đã qua cơn ngặt nghèo, nhưng vẫn còn thiếp. Khi bác sĩ bảo yên tâm, Hướng mới về. Sáng nay xin nghỉ thêm mấy ngày lo cho bạn. Ghé vào chợ mua ít cam và một đóa hoa hồng mừng bạn thoát chết hay chia buồn với bạn vì cái nợ của kiếp người chưa trả xong.

Bước vào phòng bệnh, thấy Lâm đã tỉnh, ngồi dựa lưng vào đầu giường, đôi mắt mệt, buồn rười rượi. Đoán ra phần nào sự việc, thương bạn hiểu bạn, xúc động Hướng nuốt nước miếng, nén tiếng thở dài, cười ba hoa:

"Khỏe chưa? Tớ mắc nợ cậu từ kiếp nào mà sắp chết là phiền đến tay ông hả?"

Lâm cười mệt:

"Tớ chỉ nhớ lờ mờ. Sao lại vào đây?"

"Đi qua thấy cửa mở, đi vào. Mày nằm xỉu trên sàn. Người không thương tích, không phải bị cướp. Nhìn quanh không thấy thuốc ống thuốc viên, không phải mày tự tử. Tao gọi cấp cứu đưa vào đây từ trưa qua. Đến chiều mới nhúc nhích sống lại. Nếu không giờ nay tên mày đã là Lâm Chung!"

Lâm nhíu mày nhớ lại. Quá xúc động, nhận được thư Margarita nên chạy vội vào đọc thư, quên đóng cửa. Cửa định mệnh.

Lấy trên túi áo ra tấm hình của Teffany đưa cho Lâm, Hướng thân mật:

"Margarita bây giờ ở đâu?"

"Không biết"

Lâm ngẩn ngơ buồn nhìn tấm ảnh dường như muốn khóc

"Thôi việc đâu còn đó. Hạ hồi phân giải. Lo cái thân trước đi. Tụi nhỏ bên nhà cũng sắp qua. Phải không?"

Dường như không nghe Hướng nói, Lâm trầm lắng:

"Lạ! Khó giải thích. Đây lần thứ mấy tao sắp chết là có mầy."

Hướng nhớ lại. Những năm đầu bị đày ra Sơn La ngoài Bắc hai đứa cùng ở chung một đội lao động. Hướng làm đội trưởng. Lâm bị bệnh bao tử kinh niên. Một hôm sau bữa ăn chiều với bo bo vỏ cứng hơn vỏ lúa, Lâm lên cơn đau quằn quại. Hướng chạy ra hàng rào gọi lớn qua khu cán bộ báo cáo có người đau nặng. Rất lâu một tên y tá mặt non choẹt, tay xách túi đồ nghề, miệng phì phèo điếu thuốc lá Điện Biên, thong thả đi vào láng .

"Gì thế?"

"Dạ thưa anh Lâm lên cơn đau bao tử"

Chẳng cần bắt mạch, đo nhiệt lôi thôi, hắn lấy ra một ống thuốc lập cập cho vào ống tiêm, cắm phập vào tay Lâm. Đang đau đớn rên la quằn quại, Lâm bỗng nằm yên sùi bọt mép nhắm mắt dường như sắp tắt thở.

Hướng và mấy bạn hoảng hồn gọi tên Lâm

"Thưa cán bộ, chắc anh ấy chết!"

"Làm gì mà bấn lên thế. Không sao!"

Miệng nói nhưng cậu ta bắt đầu hoảng, vừa đập mạnh vào tay vừa gọi, như gọi hồn

"Anh Lâm! Anh Lâm!"

Lâm nằm bất động.

Run run giọng nhưng cố lớn tiếng ra lệnh làm oai

"Anh Hương lấy bốn anh khỏe, chuyển anh ấy lên tuyến trên cấp cứu. Khẩn trương!"

Chẳng cần hỏi đã có nhiều anh em hăng hái xung phong tình nguyện. Thương bạn, sợ bạn chết, quên cả đói cả mệt, bốn tên khiên cán chạy vội trên con đường dốc đèo, cố sao tới kịp nơi để Lâm được cứu sống. Đi nhanh cũng phải một giờ. Chưa được nửa đường, Lâm mở mắt cựa quậy. Hướng bảo anh em để cán xuống. Lâm từ từ ngồi dậy. Cả toán mừng, mệt muốn đứt thở nằm sải người trên bãi cỏ bên đường cười vui

"Đù mẹ. Cậu làm mấy ông lo quá. Mệt bỏ mẹ. Tưởng ông tiến bộ sớm bỏ anh em"

Tên cán bộ lẽo đẽo theo sau cũng vừa đến kịp

"Gì thế?"

Hướng chửi thầm:

"Địt mẹ, lại "Gì thế, Bu mày!"

"Anh ấy tỉnh lại rồi"

"Tôi đã bảo không sao! Cứ cuống lên. Thôi trở về!"

"Cho nghỉ thêm một chốc. Mệt quá không đi nổi"

"Về cho tôi còn kịp bàn giao trực đêm".

Lâm và Hướng cùng ở chung với nhau mấy năm, từ trại quân quản sang trại giam của công an. Sau đó chuyển trại về Vĩnh Phú , Hướng ở K5 trại trung tâm, Lâm ở K2, chỉ cách nhau con suối rộng nhưng nhiều năm chẳng hề gặp được nhau.

Một buổi sáng chủ nhật đang ngồi vá áo trước hàng hiên, anh bạn làm ở bệnh xá vội vã chạy đến gọi cho biết có người bệnh nặng mới chuyển đến muốn gặp để trối trăng, gửi gắm.

Xuống đến nơi thấy Lâm gầy dét hốc hác nhắm mắt dán mình trên

giường bệnh, râu tóc bờm xờm . Cầm tay bạn không ngăn được nước mắt.

Lâm nhướng mắt cười mệt, phều phào, chỉ vào gói đồ buộc sẵn trên đầu nằm :

"Mình chắc không qua nổi. Nhờ Hướng tìm cách đưa về cho bà xã mình"

Cố nén xúc động, Hướng cười lớn.

"Nhảm. Không chết đâu. Cậu gặp tớ là không chết được. Tử vi chấm mình không có số tiễn bạn về nơi tiên cảnh. Nằm chờ mình một chút. Trở lại ngay"

Đúng là may. Mới nhận quà thăm nuôi, nào sữa, nào đường, mì vụn, bột đậu xanh...Hướng gom đem cho Lâm. Pha cho bạn một cốc sữa nóng. Chưa dám cho ăn nhiều sợ bội thực chết như anh bạn cùng trại. Lâm nhìn biết ơn chảy nước mắt, lạng người siết mạnh tay bạn. Hướng dấu xúc động sau nụ cười.

Những ngày kế tiếp, sau giờ lao động Hướng ghé thăm và nuôi Lâm. Dần dà Lâm bình phục. Một hôm đi lao động "quan hệ" đổi cái áo len lấy một gô cơm nếp, ghé chia cho Lâm một nửa. Bệnh xá cho biết Lâm đã chuyển về trại cũ. Hướng đưa gói cơm nếp cho anh bệnh nhân mới đến thay chỗ. Anh chưa kịp mở gói, Hướng bỏ đi nhanh về trại.

Và hôm nay, có lẽ phải tin vào Phật, vào Chúa...mới giải thích được sự kỳ diệu trói buộc khó hiểu giữa Hướng và Lâm.

2.

Tuần sau vợ con qua.

Cả tháng nay Lâm lo dọn dẹp apartment. Mua sắm thêm đủ thứ lỉnh kỉnh. Độc thân tại chỗ lâu ngày bây giờ Lâm mới thấy đủ thứ phiền phức tốn kém. Gặp lại vợ như thế nào đây?

Lòng đã nguội lạnh, tự nhủ không ở với nhau bằng tình thì cố quên đi những ngày tháng nhục nhằn cũ, cố sống cho đầy chữ nghĩa. Sống với nhau bằng tình thì dẫu khổ cực đến đâu, làm gì cho nhau cũng vui. Khi yêu thương ngút ngàn, treo mùng cho người yêu ngủ, xây hồ bán nguyệt cho nàng-chàng rửa chân hay rửa chân cho nàng-chàng là chuyện thường. Cha mẹ đâu hiểu được, chăm sóc cho người yêu không phải là một chịu dựng hạ mình mà là một hạnh phúc. Cho nên thấy con trai hầu hạ vợ, thấy con gái nuông chiều chồng ngày mới cưới thì cho là chướng tai gai mắt. Nhưng khi tình đã chết mà cố sống cho trọn vẹn cái nghĩa là một khó khăn một hy sinh.

Nhớ lại buổi chiều tầm tã mưa, sau lần cãi vả sỉ nhục mày tao chi

tớ. Như mọi lần, vợ day nghiến. "Biết thế để cho chết trong tù. Đi đâu thì đi cho khuất mắt". Và như mọi lần Lâm lầm lũi ra đi. Đi đâu? Tá túc bạn bè bà con một hai ngày là cùng, rồi lại sượng người quay về nhà để lại nghe xỉa xói. "Tưởng ngon đi luôn chớ. Cuối cùng cũng vác bản mặt ăn hại về". Giận, không bằng cay đắng. Xã hội hoàn cảnh đã rèn một người đàn bà yếu đuối, hiền lành lệ thuộc trở thành độc đoán. Nghịch cảnh của đất nước đã lột sạch áo mão cân đai, trói tay tước đoạt trần trường biến những người chồng người cha lẫm liệt uy phong như Lâm thành những kẻ vô công rồi nghề ăn bám vợ. Thảm cảnh gia đình từ đó mà ra.

Hôm đó đã định quay về nhà, không biết ai xui dẫy, ì ạch vừa mệt, vừa đói, vừa rã rời buồn tủi đạp xe qua dốc cầu xa lộ lên làng báo chí ở Thủ Đức để gặp Hướng. Hướng gốc hải quân nên được nhiều chủ tàu mướn làm tài công vượt biển. Số chưa khá nên thất bại nhiều phen. Lâm biết Hướng có nhiều quen biết nhưng không tiện nhờ vì tiền ăn không có lấy đâu cây này cây nọ để đóng cho chủ tàu.

Gặp Lâm, Hướng vào thẳng:

"Tao có nghe thằng Thìn, thằng Đức nói chuyện về mày. Cuối tháng tao có chuyến đi mày có theo không?".

"Tao không có tiền."

"Khỏi lo. Qua bên mượn trả. Có tao bảo đảm với chủ tàu. <f1>ở đây mượn không ai cho. Qua bên rồi thì dễ. Cầu sao cho lọt. Có gì thì đừng đổ tội cho tao"

"Gặp mày lần này phải hên, hết vận xui. Lọt hay không do số. Cùi đâu sợ lở. Tình cảnh tao như thế này chết sướng hơn".

Chuyến đi trót lọt. Ra hải phận chưa kịp mừng thì gặp bão. Lênh đênh trên biển cả mênh mông. Hết nước, hết lương thực thoi thóp chờ chết. Cuối cùng được tàu vớt. Sau khi thoát chết, Lâm nhận ra được cái phi lý nhỏ nhoi của cuộc đời. Cận kề cái chết thấy hận thù ghét giận chỉ là những mối dây nên cởi không nên buộc. Lâm không còn giận vợ, tha thứ. Lên tới đảo trái với ý định lúc ra đi, Lâm khai báo vợ con đầy đủ và trong thư gửi về dặn con dặn vợ yên tâm sẽ gắng làm ra tiền gửi về và lo bảo lãnh đoàn tụ.

3.

Đón vợ con sang.

Lo cho con vào trường. Lo cho vợ theo học Anh văn. Những năm đầu trôi qua yên ổn. Mẹ con chưa quen cuộc sống mới, tất bật đối đầu với những khó khăn hàng ngày, không còn tâm trí để nghĩ chuyện lung

tung. Từ khi con cái làm ra tiền có thể tự túc, thoát khỏi sự ràng buộc với mẹ cha; từ khi vợ có công việc làm, quen nước quen cái đi đây đi đó tiếp xúc bạn bè bà con, nghe lời ra tiếng vào, so sánh với người nầy kẻ nọ, cuộc sống gia đình bắt đầu có những lục đục giữa mẹ con, chồng vợ.

Biết trước những mâu thuẫn sẽ có thể xảy ra, nhiều lần Lâm đã nói với vợ với con. Mình qua sống ở đây muốn hạnh phúc tương đối thì nhiều điều phải xét lại. Quan hệ giữa vợ chồng, giữa cha mẹ và con cái không thể ôm chặt mẫu mực đóng khung như ở quê nhà.

Hôm cô con gái cưng đòi về Việt Nam lấy người yêu, mẹ con cãi lẫy to tiếng. Ở Việt nam chưa hề có chuyện con bướng bỉnh cãi cọ tay đôi với mẹ. Trước ngày ra đi bà đã tốn biết bao công sức dỗ dành dọa nạt, tìm đủ mọi phương cách thủ đoạn để chia rẽ chúng nó. Một phần bà không thích thằng nhỏ, một phần cho rằng hắn không xứng với con mình.

Con gái đau khổ viết thư cho cha. Lâm cho con hoàn toàn quyết định. Chỉ dặn con một điều là suy nghĩ thật kỹ để về sau khỏi ân hận. Lâm nhắc con. Chấp nhận ở lại, xa cha mẹ anh em, từ bỏ cơ hội ngàn vàng để được học hành xây dựng tương lai là một hy sinh to lớn. Sau này từ trong tiềm thức âm ỉ đòi hỏi đền bù mất mát đó. Trong cuộc sống vợ chồng, trong tình yêu mà một người đóng vai công thần, một người mang nặng mặc cảm chịu ơn thì khó có được hạnh phúc. Từ kinh nghiệm bản thân mình khi vấng xa Margarita, Lâm hiểu bắt con xa người yêu là một điều bất nhẫn. Trách nhiệm làm cha, Lâm chỉ gợi ý. Tình yêu nào cũng cần thử thách, hai đứa còn trẻ có thể xa nhau một thời gian. Nếu sau này cảm thấy không thể thiếu nhau thì lúc đó cũng chưa muộn.

Do đó, bây giờ Lâm không phản đối trước ý định của con.

Ngược lại vợ Lâm thì quyết liệt. Xỉ vả con.

"Bất hiếu bất đễ. Ăn cháo đá bát. Nuôi ong tay áo. Thứ con đó tao từ. Tao từ!"

Lâm ôn tồn:

"Em bình tĩnh. Đời sống vợ chồng là hạnh phúc của chúng . Nếu nó chọn người mà mình cũng yêu như con là phước đức. Nhưng giả dụ gặp đứa mình không vừa lòng thì cũng ráng trải lòng thương. Nước mắt chảy xuống. Quyết liệt khăng khăng bảo thủ thì con cái và cả cha mẹ đều khổ cả. Mất luôn con, chẳng cần phải từ. Phải tôn trọng quyền lựa chọn của nó chứ!"

Lâm xuống giọng, như nói cho chính mình

"Nhầm thì nó gánh. Phải trả giá cho sự lựa chọn. Làm cha làm mẹ mình cho con ý kiến dựa trên kinh nghiệm và tình yêu thương, nhưng

chính nó mới là người quyết định"

Vợ Lâm bắt đầu khóc kể như khóc đám ma, tức tưởi:

"Ông cứ nối giáo cho phường nghịch tử. Tôi xẻ ruột đẻ ra nó. Nuôi con trăm cay nghìn đắng nên tôi xót. Còn ông? Lúc trước thì nay hành quân mai cắm trại. Rồi vào tù. Hết tù tìm cách trốn đi, vượt biển thoát thân lấy một mình ,bỏ mẹ con tôi nheo nhóc...."

"Em thương con, hy sinh cho con, chịu khó chịu khổ vì con thì phải nghĩ đến hạnh phúc của con. Phải không? Những việc em áp đặt cho con, bắt chọn ngành nghề học mà em cho là dễ làm ra tiền không cần biết con nó thích hay không; lấy chồng người em ưa...tất cả nói là vì lo cho con nhưng thật ra chỉ thỏa mãn cái tôi của em."

"Trời ơi là trời! Một đời tôi lo cho cha con chúng nó. Tôi có được gì hả! Bây giờ cha con về phe đổ hết lên đầu. Đồ vong ân bội nghĩa. Trời ơi làtrời!"

"Thôi, thôi!..."

Vợ Lâm không còn khóc mà bắt đầu hét lớn như mê loạn. Lâm chịu hết nổi. Tự trách. Nói làm gì cho mệt. Muốn an thân thì ngậm miệng cho xong. Chân lý này rất đơn giản thế mà các ông chồng Việt Nam mấy ai áp dụng được ?- Nhanh, Lâm lẻn ra khỏi cửa xuống đường, lòng chán nản tận cùng. Trời tuyết lạnh, vội nên mặc không đủ ấm, Lâm cóng người chạy nhanh đến tiệm cà phê quen thuộc. Tiệm vắng khách. Ngồi một mình cô đơn nơi chiếc bàn đã bao lần đầm ấm bên cạnh Margarita. Gọi một ly capuccino, thức uống của hai đứa, ngậm ngùi nhớ những ngày tháng tràn ngập yêu thương. Lâm khóc.

Lâm đã cố gắng cũng không thể tự nhiên trong cuộc sống vợ chồng. Càng cố ra vẻ tự nhiên lại càng gượng gạo. Vợ Lâm bắt đầu trở lại với thái độ hạch sách ghen tương vô lý khó chịu. Ăn nói hàm hồ.

Lâm kiên nhẫn:

"Em ạ. Ở Mỹ, tự do cá nhân là một lý tưởng được đề cao và bảo vệ. Vợ chồng ở đây không ai lệ thuộc ai. Cảnh chồng chúa vợ tôi không thể tồn tại mà kiểu đay nghiến nhau cũng lỗi thời. Cách cư xử chồng vợ cũng không được vượt qua một giới hạn nào đó. Vợ chồng phải nên là người bạn đường chia sẻ buồn vui, tôn trọng nhau chứ không phải khống chế nhau"

"Ông theo Mỹ thì cứ theo, tôi là người Việt tôi sống theo cách người Việt. Không cần ông lên mặt dạy"

Biết nói làm sao đây? Lâm bất lực và thấy hố ngăn cách vợ chồng càng ngày càng sâu thăm thẳm. Ảnh hưởng mẹ về lòng nhân ái và tôn trọng tự do của người. Những vốn quý đó đã nhào nặn lối suy nghĩ và

hành động của Lâm. Lâm mang ơn mẹ đã di truyền cho mình những điều, từ đó Lâm thấy yêu người và hạnh phúc với đời. Không phải đến bây giờ mà ngay cả những ngày tháng ở quê nhà Lâm chưa hề bát vợ con làm bất cứ điều gì chỉ để thỏa mãn ý muốn "cứ cho là đúng" của mình.

Thảm cảnh gia đình Việt nam ở vào thế hệ Lâm sinh sống tại Mỹ phải chăng vì ý niệm tự do còn quá xa lạ trong thực tế suy tư và hành động Không biết thế hệ sau có biết gạn lọc những điều hay nhất trong lễ giáo Việt nam để hòa nhập cân đối có lựa chọn tinh thần tự do phóng khoáng của Hoa kỳ, tránh những trường hợp đắng cay trong quan hệ gia đình. Bao nhiêu người hiểu rằng. Bạo hành gia đình không cần phải trầm trọng như đánh đập, sỉ nhục bằng lời nói mà chỉ cần liên tục tra vấn lục hỏi người hôn phối. "Hôm nay gặp thằng nào con nào hả? Khai ra!", "Đi đâu, la cà nhà ai giờ này mới vác cái bản mặt về". Hạch sách từng đồng từng xu chi tiêu ra sao? Kéo con cái về phía mình để áp đảo chồng vợ "đối phương" khi xung đột . Tất cả đều quy vào tội bạo hành để ly dị. Quả thật những điều này quá xa lạ với người mình. Tất cả chỉ nhằm bảo vệ không cho ai hiếp ai.

Bao nhiêu đời nay sống trong không khí tù ngục của nhiều lễ giáo đề cao sự hy sinh cưỡng ép cá nhân. Từ đó cố bám lấy hai chữ thủy chung để tự khổ mình khổ người. Bây giờ sống ở xã hội mà tự do là một lý tưởng. Ở đây vợ chồng không sống hạnh phúc với nhau được thì phân chia quyền lợi và trở thành những người bạn đã một thời chung gối. Còn người mình? Các ông lẫn các bà, sống với nhau không được vẫn sống. Xa nhau hả? còn lâu. Không ăn thì đập bỏ. Vợ chồng hôm qua, hôm nay thù đến độ có thể hại nhau. Tự do cá nhân quá trớn trở thành ích kỷ thực dụng! Nhẫn nhục câm nín nô lệ giết đời nhau! Đường nào?

4.

Chuyện Lâm lo sợ thật sự đã đến.

Một hôm cảm bệnh xin về sớm. Vào nhà nghe tiếng vợ đang nói hành nói tỏi mình với con. "Thằng cha tụi bây có vợ riêng đang giấu ở đâu đó. Đâu có tốt lành gì. Qua Mỹ đã lâu, người ta đã mua nhà mua cửa đàng hoàng, học hành tới nơi tới chốn, công ăn việc làm đâu ra đó, như bác Hướng. Cha tụi bây cho vợ con sống như thế này đây. Nơi ở thì chật chội, khu phố thì tồi tàn rác bẩn. Tưởng qua Mỹ thế nào cứ như thế này thua xa ở Việt Nam. Biết thế này, tụi bây có đi theo thằng cha thì đi, tao ở lại."

Lặng người. Mệt muốn ngã lưng nhưng để tránh chuyện cải vả lập lại những ngày tháng địa ngục, Lâm lặng lẽ quay ra.

Vợ nói cũng đúng thực tế nhưng không nghĩ đến nguyên nhân.

Lâm và Hướng là hai thái cực.

Vừa tới đảo, Hướng đeo tán Liên, hấp dẫn trẻ đẹp. Mấy tuần sau đã sống như vợ chồng. Lâm trách. Mày vô tình bạc nghĩa. Hướng trả lời tỉnh. Nói theo câu nói thời thượng. "Quá khứ đã qua. Tương lai chưa tới Sống cho hiện tại. Ở đó mà lo. Phí".

Cả ba cùng đến Chicago và cùng thuê chung building.

Lâm ở lầu một, sống tiện tặn dành tiền gửi về nuôi vợ con . Ở Việt nam nhà cửa thì đã có sẵn, tiền gửi về dư thừa mua sắm đầy đủ tiện nghi. Cả mẹ lẫn con xe cộ áo quần hiệu thứ xịn.

Hướng sống với Liên ở lầu 2 và sinh con đầu lòng. Tiền hắn gửi về cho vợ con chỉ đủ sống cầm hơi. Cuối tuần tập họp bạn bè ăn nhậu vui đùa tới khuya. Cuộc sống vô tâm không bận bịu lo âu. Học vội bằng chuyên viên hai năm, bắt được cái job ngon. Chỉ thời gian ngắn, hãng phát đạt cho Hướng vừa ăn lương, vừa trả tiền đi học tiếp lấy bằng kỹ sư. Đứa con thứ hai lên ba thì vợ con Hướng bên nhà cũng sắp qua tới. Lâm không biết Hướng sẽ giải quyết như thế nào. Hắn vẫn phây phây. Lâm nghĩ. Đúng là liều mạng, tới đâu hay đó.

Chuyện xảy ra như trong tiểu thuyết. Một buổi sáng, Liên đem hai con ra ngoại ô thuê nhà gần sở làm. Liên có nhan sắc, dễ thương bặt thiệp, thời gian ngắn kết hôn với quản đốc Hater của hãng, từ lâu đeo đuổi. Sau này gặp lại trong một buổi tiệc cưới đi cùng với chồng Mỹ và hai cậu con trai riêng, Liên cho biết khi gắn bó với Hướng có cam kết sẽ chia tay nếu vợ con Hướng qua được. Lúc đó không ai nghĩ rằng có ngày sớm đoàn tụ.

Về phần Hướng, mua nhà mới sắm sửa đón vợ con sang. Thu xếp vợ con dâu ra đó. Răm rắp như nhà binh. Đi chợ đi học, xe bus. Đừng hòng đưa đưa đón đón. Áo quần, tiệm đồ cũ. Tiền chợ, vừa đúng. Có lẽ nhờ vậy chỉ mấy năm vợ con ổn định. Gia đình êm. Điều đặc biệt là vợ Hướng chẳng bao giờ đá động dấu biết rõ cuộc tình của chồng. Không ghen tuông như những người vợ khác hay khôn ngoan biết dấu niềm đau riêng. Tôn trọng cái riêng tư của chồng. Điều hiếm có ở một người vợ Việt Nam. Không huỳnh toẹt nhưng cũng không giấu nhẹm, Hướng huênh hoang tự hào với thành tích của mình. Lâm nói. Phúc bất trùng lai. Họa vô đơn chí. Cái phúc không tới hai lần. Nhưng cái họa đã giáng xuống đầu ai thì tới tấp. Trường hợp của mày hi hữu. Một lúc có hai cái may. Một người yêu biết hy sinh. Một người vợ biết giữ chồng. Còn mày chỉ là thằng tốt số. Hướng, người mà vợ Lâm đem mình ra để so sánh là thế đó.

Đè nén nỗi đau riêng để sống hết nghĩa. Cam nín hy sinh. Những lời nói của vợ làm cho Lâm thấy trước đổ vỡ.

Càng cố tự nhiên càng mất tự nhiên. Cố chăm sóc cố chìu chuộng cố nhẫn nhịn lại phô bày sư gượng gạo.

Một buổi tối đi làm về thấy nét mặt và khóe mắt nhìn hằn học giận dữ của vợ. Trong thoáng chốc Lâm bất chợt rùng mình nhớ lại cũng nét mặt cũng khóe nhìn đo những năm về trước. Biết có chuyện.

"Mấy con đâu?"

Mở cửa phòng, hai đứa nhìn cha khác lạ. ,

"Chuyện gì vậy?"

Lâm bình tĩnh hỏi vợ.

"Ông là đồ bạc nghĩa. Biết thế đã không qua đây làm gì?"

"Chuyện gì cũng nên ăn nói đàng hoàng. Chuyện gì?"

"Tui thế đó. Đàng hoàng với người đàng hoàng. Cái thứ người đó mà dòi đàng hoàng"

Lâm kiên nhẫn:

"Bỏ cái lối ăn nói thô lỗ đó đi"

"Phải rồi thô lỗ ông mới chê"

Lâm đã đoán ra phần nào. Gượng hỏi:

"Không hiểu em muốn gì?"

Đứng phắt dậy, rút trong túi áo hai tấm hình vất mạnh xuống bàn.

"Con đĩ nào đây? Ông hết che đậy giấu quanh. Từ ngày qua đây tôi đã biết nhưng chưa có bằng chứng. Bây giờ thì rành rành ra đấy. Chối đi. Chối đi"

Chưa kịp phản ứng thì vợ khóc rống lên tru tréo:

"Trời ơi là trời. Mấy năm nó bị tù tôi nuôi. Biết vậy tôi lấy cha thằng nào cho xong. Qua đây làm gì?"

"Đừng khóc lớn. Xấu hổ với hàng xóm. Có khi người ta kêu cảnh sát thì phiền lắm. Mình đang ở Mỹ chứ không phải ở Việt Nam!"

Lâm nhìn hai tấm hình. Một chụp chung với Margarita lúc đi thăm vườn Nhật. Đây là bức hình duy nhất hai đứa chụp chung với nhau. Tấm kia là hình Teffany. Hai tấm hình này Lâm để trong ngăn tủ hồ sơ riêng.

Lâm chợt bừng tức giận. Một cơn giận đã lâu chưa hề có vì riêng tư bị xúc phạm.

"Ai cho phép em được lục lọi giấy tờ riêng"

"Riêng gì. Không riêng tư gì hết. Tôi ở với ông có hôn thú. Tôi muốn làm gì thì làm không ai có quyền cấm."

"Vợ chồng cũng phải tôn trọng cái riêng của nhau"

Vợ Lâm sồng xộc nhảy tới bàn cầm hai tấm ảnh, xỉa xói :

"Con nào đây hả?"

Lâm chưa biết phản ứng như thế nào. Vợ bắt đầu khóc kể:

"Tôi biết mà. Hèn gì. Nó ở với tôi chỉ còn cái xác còn hồn thì gửi cho con kia."

Vừa nói vừa đưa hai tấm hình lên định xé. Lâm không còn bình tĩnh. Xông tới giựt lấy.

Vợ la lớn:

"Làng xóm ơi! Tụi bây ơi ra coi nó đánh tao"

"Anh đánh hồi nào. Mà đừng la lớn"

Biết nếu chần chừ không kìm được cơn giận của mình sẽ lớn chuyện, Lâm vội như chạy trốn, mở cửa định đi. Không còn tự chủ, vợ Lâm chạy đến túm áo:

"Tao nói chuyện mày khinh bỏ đi không thèm nghe phải không? Thằng đàn ông khốn nạn."

Các con vừa van mẹ vừa nhìn cha, không biết đứng phía nào. Lâm dùng sức rứt ra. Dằng co. Uất ức giận dữ vụt đến như tia sét. Giáng tay tát mạnh. Vợ khựng lại ngạc nhiên trước phản ứng bất ngờ. Lần đầu tiên Lâm đánh vợ.

Cơn nóng hạ nhanh, Lâm xấu hổ vì hành động vũ phu không thể tha thứ của mình , vi phạm vào một trong những điều cấm kỵ suốt một đời luôn chống đối. Lúng búng xuống giọng van nài

"Anh...anh...xin lỗi"

"Mày đánh tao. Được! Tao chết cho mày biết. Cho người ta rủa mày, cho mày nhục, cho mày đau đớn ê chề"

Nói xong chạy vào phòng khóa cửa. Lâm chạy trước, các con theo sau khóc, đấm cửa

"Em! Chuyện đâu còn đó. Phải bình tĩnh cho anh giải thích" Từ trong phòng, vợ Lâm vừa khóc vừa réo: "Mày dám đánh bà, bà cho mày biết tay!"

Chỉ chừng chốc lát, Lâm nghe tiếng còi xe cảnh sát hụ. Nhìn ra đường, hai xe cảnh sát rít thắng đỗ lại. Đèn chớp. Hàng xóm người qua đường tụ lại tò mò, xầm xì.

Lâm đoán ra sự việc. Nghe tiếng gõ cửa, Lâm lúng túng mở. Hai cảnh sát to lớn bụng bự hùng hổ xông vào. Vợ Lâm chạy ra chỉ ngay Lâm:

"Hắn đã đánh tôi."

Vừa nói vừa vén tóc bày bên má đỏ bầm.

Lâm ngượng người phân trần.

Lạnh lùng, hai cảnh sát còng tay Lâm dẫn đi, chẳng thèm trả lời

Còn nguyên hạt bụi

Người ngồi lặng im giữa núi xanh
Ào ạt dưới chân dòng nước chảy
Cuồn cuộn trên đầu mây trắng bay
Nước chảy, mây bay từ vạn thuở
Mà sao mây nước vẫn còn đây
Lá vàng, lá rụng mùa thu trước
Hạ vẫn xanh rờn những khóm cây
Diệt sinh, sinh diệt trong trời đất
Như mặt trăng kia khuyết lại đầy
Người nằm xuống làm thân cỏ mục
Trên mộ cỏ xanh lại mọc đầy
Hạt bụi hoang mang chi trời gió
Mai mốt còn nguyên hạt bụi này.

Khánh Hà

Lâm yêu cầu cho mặc thêm áo lạnh và đi giày. Kể từ khi khôn lớn, qua chiến tranh và tù đày, lần đầu tiên thấy nhục; chân trần áo phong phanh, Lâm cúi đầu đi nhanh chẳng dám nhìn ai.

Bàn tay to của viên cảnh sát đè đầu Lâm đẩy vào xe đóng sầm cửa. Xe hụ còi lăn bánh.

Tận cùng của thất vọng, Lâm trở nên chai lạnh. Tiếng bánh xe rít trên đường phố, tiếng còi hụ như vọng về từ một nơi xa xôi. Và, từ một cõi âm u mù mờ, Lâm sống trở lại với chính thật cội nguồn hạnh phúc an ủi, nơi đã cho Lâm biết niềm vui của một tình yêu diệu kỳ và ngậm ngùi tê buốt của cách chia. Lâm bỗng vùng lên hét lớn như điên loạn, tiếng kêu đau đớn tận cùng dội về từ hố thẳm dồn nén ẩn ức:

" Margarita! Margarita!"

Chicago June 2000

Tình khúc

truyện dài đăng nhiều kỳ

Hoàng Chính

1.

Buổi sáng, nỗi nhớ lại giăng đầy trí tưởng. Anh thức dậy với hình bóng cô thấp thoáng trong cơn mộng vừa mới loãng ra, còn ngầy ngật đầu óc. Cô ngồi ngoan trước mặt anh, trên chiếc ghế nệm da đen bóng. Bình hoa vàng xinh xắn trên mặt bàn. Cô đưa tay sửa những bông hoa cho đều ra bốn phía. Những bông hoa dễ thương quá. Cô thì thầm. Anh hỏi hoa gì đây nhỉ. Hoa Cẩm chướng. Giọng cô ngọt ngào và ân cần quá đỗi. Vậy là anh biết thêm một loài hoa. Quyên biết tên nhiều loài hoa không. Anh hỏi, trong lúc chờ cô hầu bàn mang cà phê lại. Cô trao anh một nửa nụ cười, ngọt hơn bất kỳ loại mật ong nào trên mặt đất. Em cũng chỉ biết tên những thứ hoa quen thuộc, còn anh. Cô hỏi lại anh. Cô có cái khéo léo kín đáo của một người biết cách nói chuyện. Anh mừng, mừng lắm, chắc cô không biết điều đó. Bởi vì từ trước, anh đã ngờ cô cũng chỉ là một con bé vừa mới qua cái tuổi dậy thì, cái tuổi còn ba phần tư chất trẻ con trong cá tính. *Say something!* Cô nhắc anh nói chuyện. *You are lovely, this morning.* Anh muốn nhắc cho cô nhớ rằng sáng nay cô đẹp như một bông huệ trắng thường hay cắm trên bàn thờ Đức Mẹ đồng trinh. Nhưng anh ngại nói ra những lời khen. Anh chỉ mỉm cười với cô. Hình như nụ cười anh có làm cô bối rối. Anh thấy cô loay hoay

sửa lại thế ngồi. Cô mím môi giấu một nụ cười ngượng ngùng; nụ cười xanh xao như mầu nắng nhạt cuối mùa hạ. *Say something!* Cô lại nhắc, giọng mềm như gió thoảng. Anh toan nói với cô rằng anh thương cô hơn mọi thứ trên cõi đời này, nhưng người chạy bàn đã đem ra hai ly cà phê. Mùi cà phê thơm ngát quấn lấy không gian hai người. Anh cám ơn cô chạy bàn đã cứu anh thoát khỏi giây phút ngật nghèo. Anh tự hứa sẽ không bao giờ nói một câu tỏ tình. Dù anh biết sớm muộn gì thì anh cũng yêu cô. Bây giờ, anh cũng đã cảm thấy chút gì đó như tình yêu. Không yêu sao nhớ ngày, nhớ đêm.

2

Buổi hẹn thứ nhì, uống cà phê ở chiếc quán quen thuộc của hai người xong, anh rủ cô đi "vòng vòng." Phố xá trải rộng hai bên. Những con đường mới mẻ đối với cô, nhưng cũ rích với anh. Những con đường anh đã đi qua suốt mười mấy năm trời. Nắng, mưa, tuyết, gió. Mùa đông tuyết trắng ngập ngụa hai bên lối đi, lòng đường chật hẹp và trơn trượt; mùa xuân ướt át những giọt nước mưa bám đầy vai áo; mùa hạ nóng cháy da, hong khô nỗi nhớ; và mùa thu gió lộng, quay quắt lá vàng xạc xào trên lề đường khô lạnh. Anh kể cho cô nghe về nỗi niềm riêng của từng mùa. Về những khoảng trống rơi rớt lại trong hồn mỗi lúc sang mùa.

"Ở đây có đủ bốn mùa, anh nhỉ?" Cô hỏi lúc xe rẽ vào một công viên rợp bóng cây. Anh gật đầu thay cho câu trả lời, và chăm chú tìm một chỗ để ngừng xe. Lòng anh rộn ràng như lòng cậu bé mười bảy tuổi lần đầu đến chỗ hẹn với người yêu. Anh cố nói chuyện một cách tự nhiên để cô khỏi hiểu lầm. Anh thích những nơi chốn tịnh yên. Còn cô, cũng mong cô đừng chỉ thích những nơi phồn hoa, huyên náo.

"Lần đầu tiên anh đến đây." Anh nói, như trấn an cô lúc anh cho xe dậu dưới bóng mát của những tàng cây xanh lá. Con đường mòn chỉ vừa cho một chiếc xe đi lọt. Xác lá mục rải đầy trên nền đất mềm, ẩm ướt. Đồi cỏ xanh ngắt phía trước. Nắng lụa vàng óng trên ngọn cây. Anh tắt máy xe và xoay qua nhìn cô, bối rối.

"Đẹp quá, phải không?" Anh nói, tay chỉ về phía đồng cỏ trước mặt. Cô gật đầu, mắt đăm đăm tìm kiếm trong khoảng không thênh thang phía trước. Gió lùa qua khung cửa kính kéo thấp, vờn trên tóc cô, những sợi tóc đen ngả sang mầu nâu vàng lấp lánh dưới nắng. Những sợi tóc óng ả trong gió. Cô nhìn theo một cánh bướm đi lạc trong bụi cây bên cạnh. Chẳng biết cô đang nghĩ gì, nhưng anh thì bị mê hoặc bởi những

sợi tóc rực rỡ trong nắng. Những sợi tóc dẫn anh xuống một bờ vai mỏng. Tất cả dừng lại ở đó. Không một chút vẩn đục trong ý nghĩ anh. Cô rực rỡ trong anh như hình ảnh một thánh nữ ôn nhu trong Kinh Thánh. Cô thơm ngát như một bài thơ đang sắp thành câu kệ trong trí tưởng nhà thơ. Anh thề, vâng, anh thề là lòng anh không vương một chút trần tục nào lúc ở bên cô. Bất chợt, anh ôm nhẹ lấy vai cô. Dường như cô hốt hoảng một thoáng, bởi vì anh thấy cô co người lại, như con sâu lúc chạm phải vật lạ. Anh ôm ghì lấy cô, như sợ cô sẽ tan biến đi thành mây, thành khói. Anh gục mặt vào tóc cô. Những sợi tóc mạ vàng trong nắng.

"Trời ơi, anh muốn siết cho Quyên ngộp thở luôn." Anh thì thào trong tóc cô.

Cô ngọ ngoạy cái đầu, cô nhúc nhích đôi vai. Cô ư ư trong cổ họng.

"Anh thèm hôn em quá chừng, Quyên ơi." Anh nài nỉ như đứa bé đòi quà mẹ, hai tay vẫn siết cứng lấy đôi vai mềm. "Không thôi anh chết mất..."

"Anh... sao vậy?" Cô hỏi nhỏ.

"Quyên có biết là anh thương em lắm không?" Anh lì lợm.

Cô lặng thinh.

"Anh thèm hôn lên môi Quyên một lần, rồi chết cũng đành." Anh vừa nói, vừa nghiêng đầu, tìm khuôn mặt trắng hồng đang dấu sau dòng tóc.

"Thôi." Cô cắt ngang nguồn cảm hứng trong anh. "Có được gì đâu!"

Câu nói của cô làm vòng tay anh nới lỏng như sợi dây cao su bị đứt. Vậy mà anh cứ tưởng cô cũng thương, cũng nhớ anh như anh đã từng thương, từng nhớ cô mòn mỏi.

"Sao vậy?" Anh hỏi, yếu ớt như gã thí sinh vừa biết mình thi rớt.

"Nên để cho nó đến tự nhiên... bây giờ đâu cảm thấy gì. *No feeling...*" Cô điềm đạm trả lời.

Vậy là cô chưa "có gì" với anh cả. Chưa một chút vấn vương, cho dù trong trí nhớ. Ai đó vừa tạt một sô nước lạnh vào đống than hồng trong lòng anh. Khói và tro tàn bay lên mắt anh, tê đại. Anh vớt vát, lúc bắt gặp vài sợi tóc chẻ đôi ở ngọn, "Cho anh xin một sợi tóc, về trải trong thơ..."

Câu nói phát ra từ trong sâu thẳm lòng anh, thật hơn bất cứ thứ gì chân thật trên cõi đời này. Nhưng cô xô anh ra khỏi cơn mộng mị, văn chương hảo huyền, bằng một nhận xét ngoài sức tưởng tượng của anh. Cô bảo, "Thôi, đừng nói chuyện văn thơ, nghe giả tạo làm sao ấy!"

Ruột gan anh bầm tím. Bao tử anh bào bọt. Anh như người võ sĩ bị đánh trúng chỗ hiểm. Gã võ sĩ ngã lăn trên sàn đài, tai loáng thoáng

nghe tiếng đếm số của người trọng tài. Anh gục đầu trên vai cô, nghe tiếng cô thở nhịp nhàng, thanh thản.

Anh thua. Anh tự hứa sẽ không bao giờ đọc thơ cho cô nghe nữa. Anh thấy xấu hổ vì đã hăm hở viết những bài thơ có bóng dáng cô trong đó, rồi đưa cho cô đọc. Cô "thực tế" hơn anh nghĩ nhiều, dù cô mới vừa qua cái tuổi hai mươi.

"Say something!" Cô nhắc.

Anh không nói gì, nhưng lòng thì hứa sẽ không tha thiết như đã từng tha thiết nữa. Những tình cảm có với cô, anh sẽ dấu kín. Những nỗi niềm có với cô, anh sẽ viết thành những bài thơ. Những bài thơ như những đứa con (tinh thần) của hai người. Những đứa con của cô và của anh. Nhưng anh sẽ giữ một mình, như giữ những đứa con riêng.

"Say something!" Cô lại nhắc. "Ngồi hoài mà không nói gì, nó làm sao ấy..."

"Anh lại thích những giây phút tịnh yên..."

"Thi sĩ mà!"

Cô nói đùa, nhưng anh thấy đau. Thi sĩ mà! ừ. Thi sĩ chả làm nên trò trống gì trong cuộc đời này. Anh thấy mình bất lực trước cuộc sống. Anh hứa buổi hẹn này là buổi hẹn cuối cùng. Anh sẽ không bao giờ điện thoại rủ cô đi uống cà phê nữa đâu. Hứa. Xin hứa.

"Phải anh giận em không vậy?" Lúc về, cô hỏi nhỏ.

Anh cố dửng dưng, cười gượng, và nói dóc một cách khó khăn. "Có gì đâu!"

Cô biết hết trơn. Cô bảo, "Anh giận rõ ràng."

"Không có đâu." Anh vừa trả lời vừa nhấn chân ga. Chiếc xe cũ kỹ lao vút tới trước một cách hung bạo. Gió lùa thốc tháo qua khung kính.

"Cái mặt giận thấy ghê quá à!" Cô cằn nhằn. Anh nghe tiếng được tiếng không, vì gió làm loãng đi những âm hưởng thì thào nho nhỏ của giọng nói cô.

"Có gì đâu phải giận." Anh hờ hững.

"Sao cái mặt thấy ghê!"

"Tại quê," anh cố làm ra vẻ giận dữ thực sự. "Quê không thể tưởng tượng!"

"Đừng nghĩ tới thì hết quê."

"Làm sao đừng được, Quyên thử tưởng tượng..."

"Tưởng tượng gì?"

"Thôi. *Forget it!*"

"Em thấy có gì đâu."

Cô tỉnh queo như một người bàng quan trên lề phố. Cô vô tình hay cô làm bộ không hiểu chứ. Lòng anh tê như vừa mới bị chích mũi thuốc tê quá liều. Anh hứa đó là lần cuối cùng anh xin xỏ một nụ hôn.

Ừ tại sao không với tay hái bừa một nụ hôn. Có ai đi ngang qua một vườn hoa, thấy vườn cây chỉ nở một bông hoa rực rỡ mà lại hỏi chủ để xin. Cứ hái bừa đi, nếu thích, bằng không đừng hỏi. Chủ vườn nào mà cho như thế chứ. Tại sao không hôn đại lên mắt, lên môi em như đã từng hôn những người tình thời trai trẻ. Nụ hôn đầu không bao giờ là nụ hôn dâng hiến, anh nhớ rõ là như thế. Những người con gái Việt Nam bao giờ cũng cuống quýt trước nụ hôn đầu. Anh tự hứa sẽ không bao giờ xin xỏ một nụ hôn như hôm nay nữa đâu.

"Say something!" Cô nhắc nhở lúc xe ngừng ở ngã tư. Không lời nào bằng một nụ hôn. Ngày xưa anh đã viết như thế trong một bài thơ. Anh đã nói, nhưng em chẳng thèm nghe, bây giờ còn say something cái gì nữa. Anh thầm nghĩ, mắt nhìn thẳng phía trước.

Cô đưa tay vờn vờn trước mắt anh như bác sĩ thăm dò cơn hôn mê của người bệnh. Anh mỉm cười. Không, đúng ra là anh cố vẽ lên môi một nụ cười gượng gạo. Nụ cười ấy như một dấu chấm hết cho một buổi hẹn, và một dấu chấm than cho cuộc vui của hai người.

"Về nghe!"

"Ya..."

Anh thầm hứa với lòng một điều; chỉ một điều thôi, là anh sẽ không bao giờ gọi cho cô nữa. Không bao giờ!

3

Nhưng rồi anh lại thất hứa với chính mình.

4

Đi uống cà phê với anh không? Anh thường rủ rê cô bằng câu hỏi đó. Và anh cố lắng nghe cái háo hức trong giọng nói của cô. Nhưng cô rất thanh thản trong những câu trả lời dằm thắm. Chừng nào đi. Anh ngừng lại vài giây, như thể đang suy nghĩ, đang cố tìm một khung thời gian thích hợp cho những hẹn hò nho nhỏ. Rồi anh nói thật khẽ vào ống nghe điện thoại, bây giờ được không? Anh cố hình dung ra đôi mắt cô chớp nhanh ra chiều suy nghĩ. Cám ơn Chúa, cô cũng cùng sở thích với anh. Cô cũng thích uống cà phê giống anh. Tưởng tượng có một người tình nhỏ chỉ thích ăn cà rem, chắc là anh buồn lắm. Bây giờ ư? Cô hỏi.

ừ, bây giờ. Anh cố nói bằng cái giọng đầy thuyết phục. Và anh nghe tiếng cô ư ư, như cô bé còn ngái ngủ bị mẹ đánh thức dậy cho kịp giờ đi học. Anh tưởng tượng cô nằm trên giường, dưới tấm chăn mỏng, uốn cong thân người như con tôm lười biếng. Tiếng cô ấm áp như nắng sớm, em làm biếng quá. Đừng làm biếng chứ. Anh nhắc vội. Làm biếng cũng là một chứng bệnh dấy. Thật không. Thật gì. Có thật làm biếng là một chứng bệnh không. Thật chứ, người ta tìm ra vi trùng đàng hoàng. Thôi sửa soạn đi, anh lại đón. Chừng nào anh lại. Cô hỏi. Cho anh mười lăm phút. Đợi em ở chỗ mọi khi nghe. Ừ. Bây giờ là, cô ngập ngừng một giây, bây giờ là mười giờ mười lăm, đúng mười giờ ba mươi em xuống. Đồng ý, mười giờ ba mươi. Anh phấn khởi như đứa bé được quà. Cô nhấn mạnh. Đúng mười giờ ba mươi, không sai một phút. Đồng ý luôn. Anh quả quyết với cô là anh sẽ tới đúng mười giờ ba mươi, không sai một giây. Rồi anh tạm biệt cô và cúp điện thoại. Anh ngước nhìn bầu trời ngất xanh mùa hạ bên ngoài khung cửa sổ, thầm cám ơn cuộc đời còn những giây phút đáng yêu, để con người ham sống.

Nhưng anh đến trễ mất vài phút. Cô đi đâu mất tiêu. Khúc đường hẹn nằm gần ngã ba. Anh chờ ở đó vài phút, lòng nóng như than hồng. Một lát, cô hiện ra ngoài khung cửa, khoan thai bước xuống bậc thềm, chậm rãi đi về phía anh. Anh thích dáng đi khoan thai của cô. Dáng đi như chưa một lần vướng chút bụi trần. Tình cảm làm anh trở nên cải lương. Hôm nay cô thắt hai vạt áo lại với nhau ở trước bụng, trông ngang tàng không tả được.

"*Hello.*" Cô chào anh, ngọt ngào.

Anh *hello* lại với cô. Cô cười với anh khi cúi khom người ngồi lọt vào trong xe. Anh đưa tay vặn nhỏ nút điều chỉnh âm thanh. Tiếng nhạc nhỏ lại, làm nền cho những câu đối thoại không đầu đuôi.

"*Seat belt, please!*" Anh nhắc. Cô giật mình thẹn thùng, với tay kéo sợi dây an toàn vòng qua người.

"Quên hoài!"

"Sắp thi lái xe rồi còn quên." Anh châm chọc trước khi sang số, cho chiếc xe lướt đi trong bóng mát những cây phong rậm lá.

"Tại anh." Cô nghiêng đầu, bắt bẻ.

"Sao thế nhỉ. Sao lại tại anh?" Anh trầm tĩnh tự biện hộ.

"Chứ sao. Làm người ta quên mất tiêu!"

Câu nói đầy ẩn ý của cô làm anh xao xuyến. Anh cố gắng tìm một câu gì đó cũng đầy ẩn ý để trả lời, nhưng nỗi hân hoan ngập ngụa lòng anh, như đường phố trong cơn kẹt xe ngộp thở, để không một câu nói dễ

thương nào thoát ra được, anh đành nói một câu ấm ớ không thể tả, "Hay quên cũng là một tính tốt chứ bộ."

Hai người nói chuyện bâng quơ trên suốt đoạn đường ngắn ngủn. Rồi anh cho xe vào bãi đậu. Cô đi bên anh, rực rỡ trong nắng sớm. Lòng anh mở rộng trước đất trời. Anh quên hết mọi phiền não của cuộc đời. Anh chỉ còn nhớ một mình cô. Chiếc áo ngắn tay cô mặc sáng nay mầu đen, có những vòng tròn mầu trắng.

Hai người rẽ vào quán cà phê quen thuộc.

"Chắc mấy người này biết mặt mình hết." Cô nói nhỏ bên tai anh.

"Thì sao?"

"Xấu hổ..."

"Không ai thèm để ý đến mình đâu. ẽ đây, việc ai người ấy lo..."

"Vậy mà em cứ cảm thấy kỳ kỳ..."

Anh tìm cách trấn an cô rằng người dân Bắc Mỹ không giống người Á châu bên mình. Ai cặp với ai đâu có nhằm nhò gì tới họ. Và họ chẳng thèm bận tâm làm gì. Anh quả quyết với cô là không ai thèm để ý đến "hai đứa mình" đâu, và mong là cô sẽ tin như vậy. Nhưng đường như nỗi ngại ngùng đã bắt đầu vướng đâu đó trong mắt cô.

Như thường lệ, anh xé hai gói đường, mở một keo sữa nhỏ, sớt vào ly cà phê cho cô, rồi anh mở thêm keo sữa còn lại, sớt cho cô một nửa, còn lại một nửa, anh đổ vào ly của mình. Như vậy, cà phê của anh sẽ đắng hơn cà phê của cô nhiều lắm. Và đó là thói quen lúc đi uống cà phê chung. Anh quậy cà phê cho cô bằng chiếc muỗng bạc.

"Uống được rồi đó." Anh nhìn cô, mời mọc.

Cô nhìn xuống ly cà phê, rồi ngước lên nhìn anh, nài nỉ, "Đầy quá. Anh uống hộ em một phần nhé." Cô vừa nói vừa đẩy ly cà phê về phía anh.

Anh gật gù cầm ly của cô lên, (hình như tay anh hơi run, hình như tim anh đập hơi vội), anh uống từng ngụm nhỏ. Cà phê của cô vừa vặn, đậm đà.

"Rồi đó."

"*Thank you, Sir!*" Cô dịu dàng nhìn anh bằng cái nhìn biết ơn. Rồi cô nâng ly của mình lên, đặt vành ly nơi có vệt cà phê từ môi anh vương lại, lên môi. Cô uống một ngụm nhỏ, "Cà phê ngọt ghê đi!" Cô liếm môi lúc đặt ly xuống bàn.

Anh nao nao không hiểu. Anh hoàn toàn mù tịt. Chiều nay về, anh hứa, sẽ đọc lại cuốn *Psychology of Women*. Thú thật, anh không hiểu cô muốn dặn dò anh điều gì. Nhưng đó là nụ hôn đầu. Nụ hôn gián tiếp; nụ hôn trên vành ly cà phê bằng sứ trắng.

"Quyên có biết cuốn *Vòng Tay Học Trò* của Nguyễn thị Hoàng không?" Anh chợt hỏi.

"Ô, cuốn đó em nghe nhiều người nói tới lắm, nhưng chẳng tìm đâu ra. Anh kể cho em nghe đi."

Anh vắn tắt kể cho cô nghe về cuốn sách, mà ngày xưa anh phải nhịn ăn sáng cả tuần để dành tiền mua bằng được. "Sở dĩ anh nhớ tới cuốn sách đó, là vì có một đoạn gần gũi với những ý nghĩ buổi sáng hôm nay."

Cô tròn hai mắt nhìn anh, "Sao cơ?"

"Lúc cậu học trò trong truyện đi xa, cô giáo Trâm còn lại một mình trong tòa nhà rộng thênh thang. Những lúc ngồi buồn uống cà phê một mình, cô thường cầm chiếc ly ngày xưa cậu học trò hay uống lên hỏi *môi đâu rồi, ly ơi?*"

Rồi anh vẫn vẻ, bóng gió bảo cô rằng mai sau, mười hay hai chục năm sau, anh sẽ lại quán cà phê này, ngồi đúng chỗ ngồi này, cầm chiếc ly này lên - anh chỉ vào ly cà phê của cô - hỏi một câu tương tự. *Môi đâu rồi, ly ơi?*

Mắt cô chớp nhanh. Tia nhìn cô xuống thấp. Hai mi mắt cô khẽ rung làm hai vệt mi cong kéo tia nhìn lướt thướt. Tia nhìn ấy đậu lại trên mắt anh. Hình như cô mỉm cười. Anh cũng không rõ đó là một nụ cười hay chỉ là những diễn biến tình cảm của giây phút ngượng ngập.

"Áo Quyên bữa nay có nhiều vòng tròn."

"Ya!" Cô cúi nhìn xuống áo mình, rồi khẽ lúc lắc cái đầu.

"Nhiều vòng tròn có lợi là sẽ làm hoa mắt những kẻ toan tính nhắm ngay trái tim mà bắn..."

Cô cười. Anh nói, rồi nghe lại những lời mình nói vang vọng trong đầu, chợt cảm thấy câu nói ấy vô duyên, vụng về chi lạ. Nhưng cô không bình phẩm gì về nhận xét của anh. Cô chỉ cười. Anh chẳng biết cô bối rối hay thích thú. Anh lắng nghe tiếng nhạc cổ điển lâng lâng trong lòng quán.

"Em thích bản nhạc này ghê đi," cô chợt nói. "Phải của Beethoven không?"

"Đúng rồi," anh gật đầu sảng khoái như gặp một người cùng chí hướng. "Beethoven viết cho một người con gái tên Elise."

"Hồi còn ở Việt Nam em cũng hay nghe được bài đó."

"Người ta bảo rằng Beethoven ghi những nốt nhạc ấy, trong khi ngồi chờ người thiếu nữ tên Elise..."

Anh cố moi óc, tìm lại những điều đã tình cờ đọc được đâu đó về bản nhạc lừng danh mà hai người đang lắng nghe, phát ra từ hệ thống loa

dấu kín trên trần nhà.

"Beethoven. Beethoven..." Anh lẩm nhẩm cái tên của người nhạc sĩ thiên tài. Beethoven ngày xưa hình như khùng khùng, mát mát thì phải. Anh nhớ có xem đâu đó một cuốn phim tiểu sử của ông ấy. Ông già tối ngày bị ám ảnh bởi những nốt nhạc, và ở đâu cũng quay cuồng với những hợp âm, những đoạn nhạc, những khúc giao hưởng...

Và anh chợt nghĩ đến mình. Nỗi buồn từ đâu đó về trải ngập hồn anh, như mây đen dăng kín khung trời trong cơn giông mờ ám.

"*Say something*," cô nhắc khẽ, với nụ cười đọng trên môi. Anh khẽ lắc đầu; cái lắc đầu vô nghĩa.

"*What?*" Cô nghiêng đầu, hỏi nhỏ.

Anh trả lời vu vơ, mắt dán vào những vòng tròn trên vai áo cô, (đôi vai ấy, có một lần, anh đã ôm, đã siết đến rã rời.) "Tại sao người ta tài giỏi thế nhỉ!"

"Trời cho..." cô giải thích. "Ông ấy là thiên tài."

"Đứng trước những tài năng, sao thấy mình nhỏ bé, tầm thường." Anh nói ra cái ý tưởng đã cư ngụ trong đầu mình từ biết bao lâu. Cô không nói gì. Bản nhạc của Beethoven loãng và tan dần đi trong không gian.

Tới một giao hưởng khúc của Mozart. Giao Hưởng Khúc 40. Anh choáng ngợp trong không gian tuyệt vời của âm nhạc. Trước mặt anh, cô bập bềnh như cánh bèo hạnh phúc. Quyên ơi, anh thương em biết chừng nào!

"Bài này của ai?" Cô níu anh về với thực tại.

"Mozart," anh buột miệng, trả lời thật nhanh. Rồi anh đọc nguyên tên của người nhạc sĩ cho cô nghe. "Wolfgang Amadeus Mozart."

"Ô, cái tên dài dễ sợ."

"Có một cuốn phim nói về Mozart, bé coi chưa?"

Cô lắc đầu, "em mới qua, biết phim gì đâu mà coi." Anh sực nhớ là cô tới định cư ở thành phố chưa được sáu tháng. Vậy mà anh cứ ngỡ đã quen biết cô từ đời kiếp nào.

"Kể em nghe đi."

Anh vừa ngậm ngùi vừa hân hoan. "Ừ. Mozart hồi đó; hồi đó..."

Và cô nghiêng đầu lắng nghe những lời ru trầm ấm của anh, ngụy trang dưới hình thức câu chuyện về cuộc đời của người nhạc sĩ rực rỡ tài năng nhưng vắn số. "Ừ, hồi đó... lúc đó Mozart còn nhỏ xíu..."

(xem tiếp kỳ sau)

Tin Văn

Thế Quân

EBook hay lời tiên tri về "cái chết của sách"

Năm 1450, trong một xưởng máy ở Mayence, Gutenberg đã sáng chế ra một chiếc máy làm thay đổi hoàn toàn khuôn mặt văn hóa trên toàn thế giới: máy in. Từ đó, loài người có sách, có báo, có giấy, có mực, có thư viện, có tủ sách và tất nhiên có những...người mê sách. Và cũng từ đó, tri thức con người bành trướng và truyền thông qua chiều rộng và chiều dài lịch sử.

Gần 450 năm sau, một sản phẩm mới ra đời, con đẻ của Internet, hứa hẹn một cuộc đảo lộn hoàn toàn thế giới chữ nghĩa tồn tại từ 5 thế kỷ nay, có khả năng đẩy chiếc máy in vào quá khứ: eBook. "Cuốn" eBook đầu tiên ra đời vào tháng 9/1998 và kể từ đó, ngành eBook đang trên đà phát triển.

Hiện nay, trên thị trường, có những eBook sau đây:

* Softbook: Đây là eBook đầu tiên trên thế giới, được tung ra thị trường vào tháng 9/1998 tại Hoa Kỳ. Nó cân nặng 1,3 ki lô (gần 3 pounds), có thể chứa được 50.000 trang sách, cho phép đặt mua những tờ báo như Washington Post, Newsweek.

* Rocket eBook: Nặng 800 gam (1,8 pound), kích cỡ 12,7x17,8 cm ra đời vào tháng 11/1998. Chứa được 4000 trang sách, cỡ 10 cuốn sách trung bình.

* Everybook: giống như một cuốn sách thực sự, mở ra trên hai màn hình màu và có thể xếp lại được. Phần trình bày được tôn trọng tối đa,

khiến cho ta có ấn tượng trung thành với bản văn trên màn hình.

* Cytale: là eBook (hay le livre électronique) đầu tiên của Pháp xuất hiện vào tháng 3/2000, nặng khoảng 1 kí lô (2,2 pounds), chứa được khoảng 30 cuốn sách 500 trang.

Theo như lời giới thiệu trong quảng cáo, không giống như đọc trên máy điện toán cá nhân hoặc máy điện toán cầm tay, đọc eBook chẳng khác gì đọc sách thông thường. Đã thế, eBook được cải tiến thêm để có thể đọc nhanh hơn và tìm ra tài liệu nhanh chóng và dễ dàng hơn. Lại có thể đọc bất cứ lúc nào ở bất cứ nơi nào và đọc tất cả những gì mình thích, từ các sách bestsellers, truyện, tạp chí, nhật báo cho đến các tạp chí định kỳ. Chỉ cần một điều kiện duy nhất: đường dây điện thoại.

Về mặt kỹ thuật, hiện nay có hai loại eBook:

- REB 1100: cầm tay
- REB 1200: lớn hơn, màn hình màu 8,2 inches

Độc giả có thể tìm đọc những tác phẩm ăn khách nhất hiện nay của Stephen King, Mary Higgins Clark, John Irving...hoặc mới đây, tác phẩm của Cao Hành Kiện (Nobel văn chương 2000). Họ cũng có thể đọc các sách về lịch sử, thương mại, khoa học và nhiều loại khác nữa. Danh sách các eBook được cập nhật hóa. Trong những năm tháng đến, các nhà xuất bản lớn sẽ cung cấp thêm những đầu sách quan trọng mới cho eBook, do đó, sẽ có nhiều tác phẩm xuất hiện qua eBook trước khi bán ra ngoài nhà sách dưới dạng các "sách truyền thống" (traditional books). "Sách truyền thống" là từ mà các nhà nghiên cứu bắt đầu dùng để gọi những cuốn sách mà chúng ta hiện đang sử dụng (có lẽ với dụng ý xem "sách" đã và đang trở thành lịch sử chăng?).

Tất nhiên, đọc eBook sẽ không còn cho ta cảm giác của mùi giấy, mùi mực, cái bìa sách, cái gáy sách hoặc cảm giác thích thú khi dở từng trang...Tuy nhiên, bù lại, nó thuận tiện. Hết sức thuận tiện! Trước hết là đối với các học sinh, sinh viên. Các em không còn phải mang những cặp sách chứa những cuốn sách nặng nề mà tài liệu lại giới hạn. EBook không chỉ là một cuốn sách, mà là một thư viện bỏ túi. Chỉ cần một eBook, các em có thể "download" những tài liệu cần thiết từ nhiều nguồn khác nhau hoặc chứa toàn thể bài học và bài tập vào trong cùng một cuốn. EBook thuận tiện với nhiều ngành nghề khác nhau như luật sư, bác sĩ, các nhân viên bảo trì, sửa chữa vì nhờ nó, họ có thể đơn giản hóa nhiều công việc hàng ngày và tập hợp nhiều tài liệu khác nhau, mà chỉ cần rất ít nỗ lực. Một trong những đặc tính của eBook là lượng thông tin đa dạng, tức thời. Nó giúp cho sự trao đổi kiến thức nhanh chóng, ngay lập tức với tính năng động lớn, rất cần thiết trong các xí nghiệp để thay

đổi cơ cấu cho kịp thời nhằm đáp ứng với những biến đổi hàng ngày trên thị trường. Không nghi ngờ gì nữa, eBook giúp ta tiết kiệm thời gian, tiền bạc và năng lực!

Hãy thử tưởng tượng, một ngày nào đó, eBook phát triển nhanh chóng (như ta đã thấy sự phát triển của Internet) và chiếm lĩnh toàn bộ thị trường chữ nghĩa thì chuyện gì sẽ xảy ra? Sẽ không còn sách báo, không còn thư viện, không còn mùi giấy mới, mùi mực thơm của những cuốn sách, không còn tác phẩm đầu đời, không còn nhà sách, không còn những trang giấy để dở. Bởi thế mà những người mê sách đã có một giọng điệu bi quan, đề cập đến hiện tượng "cái chết của sách" (la mort du livre). Chẳng hạn như theo nhà văn Colombia Mario Vargas Llosa *"nếu những cuốn sách biến mất, thì văn chương chắc chắn sẽ chịu một cú đánh chết người"* (Xem Tin Văn, *Văn Học* số 181, tháng 5/2001).

Trong một bản tường trình dài gọi là *"Tường trình Cordier"* (Rapport Cordier = bản tường trình viết cho bộ Văn hóa Pháp tháng 9/1998 của một ủy ban gọi là "Commission de réflexion sur le Livre numérique" do ông Alain Cordier làm chủ tịch), trong lúc thừa nhận lợi ích nhiều mặt của Internet và sách điện tử, những người nghiên cứu cho rằng *"sách điện tử không hoàn toàn là một cuốn sách"* (le livre numérique n'est plus tout à fait un livre). Với sự thực hành "hypertext" (nghĩa là các văn bản nối kết nhau trên màn ảnh), không có sự ổn định của một văn bản. *"Đọc"*, trong trường hợp này, trở thành một chuyển động miên viễn, không ổn định, không cơ cấu hóa. Điều đó dẫn đến chỗ người ta có thể chồng chất rất nhiều kiến thức, nhiều thông tin mà thiếu suy tưởng. Hay nói khác đi, thông tin thì lạm phát mà tư tưởng thì không có gì. Cordier sợ rằng "hypertext" sẽ có thể dẫn đến "hypolecture" (nghĩa là đọc cho có, đọc đại khái). Và từ đó sẽ dẫn đến một nguy cơ thật sự trong việc tìm hiểu ý nghĩa và chân lý. Xã hội sẽ càng ngày càng nhận biết mình trong chi tiết mà không hề hiểu gì về cái toàn thể. Và con người sẽ có nguy cơ tự đánh mất bản chất của mình trong khi tìm cách không ngừng nhận và chuyển dạt thông tin và lấy sự trao đổi vô ích làm điều thú vị. Con người chỉ quan tâm đến những điều bên ngoài mà quên mất việc tu tâm dưỡng tánh. Kỹ thuật, như thế, đã làm nghèo bản chất cá nhân thay vì làm giàu nó.

Đó là những lo âu về mặt văn hóa xã hội. Nhưng lo gì thì lo, như ta đã từng biết trong thế kỷ qua, không ai và không gì ngăn cản được bước tiến của kỹ thuật và sự ứng dụng của nó. Dick Brass, phó chủ tịch công ty Microsoft, tại một hội nghị ở San Francisco vào tháng 8/2000, đã tuyên bố: năm 2001, sẽ có một triệu sách điện tử được tiêu thụ và năm

2002, con số sẽ là một tỉ. Và ước tính đến năm 2020, sẽ có đến 50% số sách chúng ta đọc sẽ là dưới dạng eBook. Với cái nhìn lạc quan đó, nhiều người tin rằng sách và giấy sẽ tiêu vong trong vòng vài chục năm tới. Có thể là 20, 30 hay cùng lắm là 40 năm nữa thôi! Nhưng phần đông những nhà phân tích không lạc quan như thế. Theo họ, eBook có những mặt hạn chế của nó, ít ra là trong lúc này:

- không phải tất cả mọi nơi trên thế giới đều có điện thoại sẵn sàng để nối;
- đọc trên màn ảnh khó, không thoải mái, nhất là khi di chuyển xa;
- nguy cơ không kiểm soát được lượng người dùng khiến tác giả và nhà xuất bản bị thiệt thòi, vân vân.

Hiện nay, số người yêu sách vẫn còn là đại đa số. Năm rồi, một nhóm nghiên cứu tên là "International Data Corporation" (IDC) cho biết, qua khảo sát về mặt tâm lý cũng như xã hội, cho đến năm 2004, trong số 68% gia đình người Mỹ dùng Internet, chỉ có 5% đọc sách điện tử. Một mặt khác, sự hiện hữu của vô số bài bản miễn phí trên liên mạng, sẽ không dễ dàng cho việc thương mại hóa eBook. Theo một bản nghiên cứu khác, trong năm qua, tuy số người dùng Web gia tăng ở Mỹ, nhưng số lượng sách bán ra và số giấy tiêu thụ vẫn lớn. Lớn hơn nhiều năm trước.

Và theo một cuộc thăm dò mới nhất, được công bố vào hôm 31/5/2001 do tổ chức hợp nghiên cứu "Ipsos-NPN Book Trends" có cơ sở ở Illinois, thì chỉ có 2/3 người sử dụng Internet nghe nói về eBook và trong số đó, chỉ có 1/4 nghĩ đến việc mua một eBook để đọc. Họ không muốn từ bỏ thói quen đọc sách. Trong số 3.296 người được phỏng vấn, chỉ có 3% "rất thích" mua một eBook, 20% "hơi thích". Số còn lại thì "không thích lắm" và "chẳng thích tí nào". Tuy thế, nhân viên thăm dò của hãng tin rằng con số người ham thích đọc eBook sẽ gia tăng vì *"với số người trẻ tuổi thường sử dụng máy vi tính để chơi game, đọc eBook sẽ trở thành bản chất thứ hai của họ"*.

Cuộc thăm dò trên được thực hiện một ngày trước một hội nghị toàn quốc 3 ngày của ngành xuất bản Hoa Kỳ, gọi là "BookExpo America" được tổ chức vào ngày 1/6/2001 tại Chicago. Tuy nhiên, ngay ngày đầu của cuộc hội nghị, một "tin vui" lại đến với những người ủng hộ eBook. Đó là lời loan báo của ông Neil Baldwin, giám đốc của "National Book Foundation", theo đó, bắt đầu từ năm nay, những eBooks sẽ được xem ngang hàng với sách in (printed books) để tranh các giải thưởng sách quốc gia "National Book Awards". *"Điều đó sẽ giúp thúc đẩy những nhà xuất bản và các tác giả cảm thấy đây là một cách có giá trị để xuất*

bản, nghĩa là eBook là những cuốn sách thực sự (real books)"

Trong hiện tình, eBook mới chỉ đang bước chập chững. Chưa ai tiên đoán được chắc chắn điều gì. Roger Chartier trên nhật báo "Le Monde" cho rằng, có lẽ trong nhiều thập niên tới, sẽ vẫn còn một sự sống chung không mấy hòa bình giữa hai hình thức của sách: sách "truyền thống" và eBook và ba cách viết và truyền đạt văn bản: bản thảo, in và điện tử. Roger đồng ý với nhận định sau đây của Robert Darnton (Hoa Kỳ) *"sách điện tử, chưa thay thế hẳn cái máy in của Gutenberg, rồi sẽ hoàn thành chức năng của nó"*

Và một ngày nào đó trong tương lai, biết đâu ta chẳng bắt chước Vũ Đình Liên ngậm ngùi ngâm nga:

Năm nay đào lại nở
Chẳng thấy (sách báo) xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ!

Riêng tôi, tôi tự hỏi: nếu một ngày nào đó, nguồn dầu hỏa cạn và nếu chưa có nguồn năng lực nào thay thế để tạo ra điện, thì những eBooks sẽ dùng làm gì!?

Tuyển tập "những lá thư dính máu": ý nghĩa văn chương và lịch sử

Tác phẩm có tựa đề "War Letters, Extraordinary Correspondence from American Wars" được nhà xuất bản Scribner cho phát hành vào trung tuần tháng 5/2001 vừa qua. Tác phẩm chứa 200 lá thư chưa hề được công bố trước đây của những người lính Mỹ viết từ chiến trường qua nhiều cuộc chiến tranh khác nhau mà Hoa Kỳ dính líu vào như cuộc nội chiến (Civil war), hai cuộc chiến tranh thế giới, chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Việt Nam, chiến tranh vùng Vịnh, chiến tranh lạnh và những chiến dịch quân sự mới đây của Hoa Kỳ ở Somalia và Bosnia.

Một số lá thư do gia đình cung cấp, một số khác nằm trong kho lưu trữ quốc gia. Nhưng phần đông những lá thư đó đều được tìm thấy chất đống trong những căn gác hoặc những tủ chứa đồ bỏ quên tại những thành phố hoặc thị trấn nào đó trong toàn xứ sở. Phụ trách biên tập tuyển tập này là Andrew Carroll, tác giả chuyên môn sưu tập các lá thư lịch sử và các bài diễn văn lịch sử của Hoa Kỳ thế kỷ 20. Carroll đã chọn lọc chúng trong khoảng 50 ngàn lá thư từ chiến trường của các binh sĩ Mỹ viết cho gia đình. Các tác giả là những binh sĩ vô danh cũng như là các sĩ quan, trong đó, có những người sau này trở thành những khuôn mặt

nổi tiếng. Một số hoàn toàn có tính cách cá nhân. Một số diễn tả những khủng khiếp của chiến tranh. Một số tỏ tình. Một số được viết chỉ để đọc khi người viết đã chết. Nhiều lá thư đầy bùn và máu. Có những lá thư thời nội chiến được viết bằng nước trái mâm xôi (blackberry juice). Một lá thư còn dấu đạn xuyên thủng. Một lá thư do một trung sĩ viết ngay trên bàn họp của Adolf Hitler ngay trong phòng họp của Hitler tại Munich và viết bằng bút, giấy và mực của Hitler, khi thế chiến thứ hai sắp sửa kết thúc. Lá thư mô tả những khủng khiếp mà anh vừa chứng kiến trước đó không lâu tại trại tử thần Dachau. Một lá thư khác của một hạ sĩ diễn tả đêm canh thức dài dằng dặc bên cạnh giường của nguyên thủ tướng nhật Hideki Tojo, người chỉ đạo cuộc chiến tranh, đang trong tình trạng hấp hối sau khi tự bắn một phát đạn vào đầu. Anh diễn tả nỗi hổi hộp của nhiều quan chức có mặt với ước mong ông ta sống lại để bị đem ra xử trước toà án quốc tế vì tội phạm chiến tranh. Lá thư đặc biệt này, theo Carroll cho biết, không nằm trong gia đình của người viết, mà được mua lại tại một "yard sale" ở Davenport, bang Iowa, 20 năm trước.

Trong tuyển tập này, có cả thư của một số nhân vật nổi tiếng. Như thư của George H. W. Bush (cựu tổng thống và là thân phụ của đương kim tổng thống George Bush). Lúc đó, thiếu úy Bush viết cho bố mẹ là cậu đề một chòm râu dê nhưng vừa cắt đi rồi. Còn thiếu úy George McGovern (lúc đó ứng cử viên tổng thống tương lai) viết rằng cậu thất vọng biết bao nếu ứng cử viên Tom Dewey không đắc cử tổng thống. Một trong những lá thư đáng lưu ý là thư của binh nhì Elijah Beeman, thuộc quân đội liên bang trong cuộc nội chiến Hoa Kỳ. Anh viết vào tháng 4/1862: "Nói cho đúng ra, tuổi trẻ chúng tôi chẳng biết gì về những khủng khiếp của chiến tranh cho đến khi hòa bình bị lấy mất". Năm tháng sau, anh bị giết trong một trận đánh.

Đề cập đến việc xuất bản tuyển tập này, Carroll phát biểu: *"Hàng ngày, những lá thư như thế này bị vứt đi. Đó là một thảm kịch. Chúng là bản thảo chưa hề được tiết lộ của lịch sử. Đối với tôi, đó còn là tác phẩm văn chương vô danh vĩ đại của nhân dân Hoa Kỳ"*.

Trông người lại nghĩ đến ta. Trong cuộc chiến tranh đau thương trên đất nước Việt Nam bao nhiêu năm ròng rã, biết bao lá thư đầy máu và nước mắt đã được viết ra. Có ai nghĩ đến việc sưu tập những lá thư như thế từ cả hai bên cuộc chiến? Tôi còn nhớ hồi làm việc ở đài phát thanh Tiếng Nói Tự Do (VOF), cơ sở đặt ở số 7 Cư Xá Thành Tín, đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn, tôi được đọc vô số thư trong số hàng chục (và có thể đến hàng trăm) ngàn lá thư của bộ đội Bắc Việt và thân nhân. Những thư này bị quân đội Hoa Kỳ và VNCH tịch thu tại bưu điện cục

R, vùng biên giới Việt Miên, nơi đóng đại bản doanh của bộ chỉ huy MTGPMN, trong cuộc hành quân vượt biên giới năm 1970. Đó là thư của bộ đội trường sơn gửi về cho gia đình, cho người yêu hoặc là thư của thân nhân (phần đông là của người yêu, mẹ hay chị và em gái) từ ngoài Bắc gửi cho những bộ đội đi Nam. Thư đủ dạng đủ loại. Ngày tháng đề trên thư cho biết chúng được viết từ cả chục năm trước cho đến lúc đó. Tất nhiên, chúng không hề được chuyển đến tay người nhận. Nội dung thư hầu hết đều mô tả những nhớ nhung, đau thương, khắc khoải, gian khổ cũng như tâm trạng chán nản của bộ đội và cuộc sống nghèo đói, đơn điệu, buồn bã của gia đình ở miền Bắc. Có lẽ vì tính chất tiêu cực của những lá thư có thể gây nên ảnh hưởng không tốt cho tinh thần chiến đấu chung của Cộng Sản mà chúng được giữ lại tại cục R chăng? Đài Tự Do đành một chương trình đặc biệt, đọc lại những lá thư đóphát ra miền Bắc với dụng ý tác động lên tâm lý của đồng bào và cán bộ CS ở miền Bắc. Thực ra, như sau này được biết, chẳng mấy ai ở miền Bắc và bộ đội trường sơn nghe được đài VOF vì chẳng có tiền đâu mà mua radio và hơn nữa, nhà cầm quyền CS hoàn toàn cấm chỉ việc sử dụng radio.

Hồi đó, khi đọc những lá thư trên, những biên tập viên chúng tôi (có cả nhà văn NC và DNM) đều nghĩ rằng, với tâm tình đó, người CS sẽ không bao giờ có thể thắng cuộc chiến tranh Việt Nam. Ấy thế mà...

"Nhân vật" kiện tác giả.

Nhân vật đây là nàng cựu kỹ nữ Nhật (geisha) có tên là Mineko Iwasaki. Tác giả là nhà văn Hoa Kỳ Arthur Golden. Tác phẩm là"Memoirs of a Geisha" (Hồi ức của một Kỹ Nữ), truyện đài đầu tay của Golden. Truyện kể chuyện một nhân vật nữ có tên là Nitta Sayuri. Cô gái sinh ra trong một gia đình nghèo khổ, bị bán làm nô lệ, sau trở thành một kỹ nữ nổi tiếng. Tác phẩm được ca ngợi nồng nhiệt, được các nhà phê bình văn chương so sánh với các tác phẩm của Charles Dickens và trở thành best-sellers năm 1997 với số ấn bản tiếng Anh lên đến 4 triệu. Tác phẩm cũng đã được dịch ra 21 thứ tiếng.

Ngày 24/4/2001, Mineko Iwasaki nộp đơn kiện tác giả Golden tại tòa án liên bang Hoa Kỳ ở Manhattan, vì Golden đã dùng đời của bà để cấu tạo nên nhân vật Sayuri. Bà buộc tội Golden và nhà xuất bản Alfred A. Knopf Inc. đã vi phạm một thỏa thuận bằng miệng bí mật và do đó, "làm ô danh" bà bằng cách vẽ ra đời sống một "geisha" sai lạc và trong khi phát triển truyện, đã xuyên tạc cuộc đời "geisha" của bà. Chẳng hạn như Golden cho nhân vật của mình mang trinh tiết ra bán đấu giá và đạt

được một số tiền vô tiền khoáng hậu là 500.000 bảng Anh. Bà cho biết điều đó hoàn toàn sai sự thật. Trong một cuộc phỏng vấn mới đây, bà cho biết: *"Tôi không hề bán trinh tiết của mình theo cái cách và cái giá được kể trong sách. Thực ra, tôi đã nếm mùi tình dục vào lúc 21 tuổi là do tự ý mình và chẳng có đồng bạc nào dính vào việc đó. Điều này diễn ra tại khách sạn Astoria ở New York"*. Hơn nữa,bà nhấn mạnh rằng, trong một cuộc gặp gỡ với Golden vào năm 1992, có một sự thỏa thuận là căn cước của bà không được tiết lộ.

Trong lúc đó, Golden cho biết không hề có một thỏa thuận nào hết giữa hai người. Trả lời cho một cuộc phỏng vấn, ông nhấn mạnh rằng Iwasaki và nhân vật Sayuri là hai người hoàn toàn khác nhau. Tuy rằng trong lời cảm ơn viết ngay đầu tác phẩm, Golden cho biết là ông nợ nhiều đối với một cá nhân trong khi viết truyện, đó là Mineko Iwasaki. Golden nói: *"Tôi tìm thấy Mineko là một phụ nữa rất tốt với một tinh thần độ lượng. Chúng tôi trở thành bạn thân và duy trì tình bạn đó. Bây giờ bà cho rằng tôi vi phạm quyền riêng tư của bà. Nhưng tôi đã nhận được một fax của bà trong đó, bà đòi hỏi tôi nên cho tên bà phổ biến rộng hơn nữa. Tiếng Nhật mà bà dùng có thể tạm dịch ra là "xin hãy đặt khuôn mặt tôi ra ngoài nhiều hơn chút nữa"*.

Arthur Golden, tốt nghiệp cao học về lịch sử Nhật bản tại đại học Columbia. "Memoirs of a Geisha" là tác phẩm đầu tay của ông.

Còn Mineko Iwasaki, 50 tuổi, hiện sống ở ngoại ô Tokyo với chồng là Jin là một nghệ sĩ và con gái. Bà là một Geisha chuyên nghiệp. Đỉnh cao trong nghề của bà là vào những năm thuộc thập niên 1970, bà nổi tiếng như là một "Geiko". Geiko,danh hiệu phong cho một "geisha" chỉ có một lần trong một thế kỷ, được chọn ra trong các cuộc trà đạo quy tụ những chính khách và doanh gia hàng đầu ở Nhật Bản.

Mục đích của vụ kiện, theo như được tiết lộ, là Iwasaki muốn tìm một "tỉ lệ phải chăng" trong số tiền 10 triệu đô la tiền bản quyền mà tác giả thu được từ tác phẩm.

Một vài kỷ lục mới

- Bộ tuyện trẻ con 4 tập "Harry Potter" của nhà văn Anh Joanne Rowling đã đạt kỷ lục trong con số bán ra: 100 triệu ấn bản trên toàn thế giới. Đại diện cho tác giả, ông Christopher Little ở Luân Đôn đã loan báo như thế vào đầu tháng 5 rồi. Bộ truyện đã phá kỷ lục bán ở các nước Anh, Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Ý, Triều Tiên, Hòa Lan, Phần Lan, Thụy Điển, Do Thái, Croatie, Slovénie, Cọng Hoà Tiệp, Á Căn

Đình, Chí Lợi. Đặc biệt, tại Trung Hoa lục địa, con số bán đã vượt hẳn tập "sách hồng" (Petit livre rouge) của Mao Trạch Đông. Được biết, cho đến nay, tập sách đã được dịch ra 42 ngôn ngữ và bán trong 200 quốc gia.

- Vào ngày 22/5/2001, trong cuộc bán đấu giá do Chistie's tổ chức, bản thảo truyện "On the Road" của Jack Kerouac đã bán được 2 triệu 2 đô la, quá dự trù đến 700.000 đô la, vượt hẳn con số một triệu rưỡi đô la là giá bán bản thảo một phần tác phẩm của James Joyce. Người mua là Jim Irsay, 41 tuổi, chủ nhân của một câu lạc bộ football Hoa Kỳ tên là "Indianpolis Colt". Giá khởi đầu là 650.000 đô la và nhanh chóng leo thang đến con số nói trên. Irsay phát biểu: "Tôi muốn bảo đảm là bản thảo này vẫn sẽ được giữ ở trong xứ sở Hoa Kỳ". Ông cho biết sẽ gửi tác phẩm ở viện bảo tàng Indiana và sẽ mang đi khắp nước vào năm 2007 để kỷ niệm 50 năm ngày viết tác phẩm.

- Trước đó một tuần (15/5/2001), bản thảo tác phẩm "Voyage au bout de la nuit" của Louis-Ferdinand Céline đã bán được 11 triệu quan Pháp (khoảng 1 triệu 5 đô la) tại nhà bán đấu giá Drouot-Montaigne ở Paris. Thư viện Quốc gia Pháp đã dùng quyền tiên mãi (droit de préemption) để giữ lấy bản thảo với giá như trên. "Voyage au bout de la nuit" gồm có 876 trang, thu hồi lại được từ một thương gia Anh đấu tên, là tự truyện của tác giả nói về cuộc đời và nỗ lực sáng tác của ông, được xuất bản lần đầu tiên vào năm 1932. Theo các nhà phê bình văn chương, Céline là một nhà cách mạng trong văn chương Pháp, vì đã góp phần đổi mới phong cách viết văn. Ảnh hưởng của ông bao trùm nhiều thế hệ viết văn ở Pháp và trên thế giới.

- Một kỷ lục bất ngờ khác cũng đạt được bởi Michel Quint, nhà văn Pháp mới nổi tiếng. Tác phẩm có tên là "Effroyables Jardins", phát hành tháng 9/2000 với số ấn bản rất khiêm nhường: 4000. Tám tháng sau, tháng 5/2001, con số bỗng vọt lên 126.000 và còn tiếp tục tăng nữa trong những tháng tới. Cuốn sách hiện xếp hàng thứ 8 trong danh sách những sách bán chạy nhất trong năm tại Pháp, theo tờ Express. Ở nước ngoài, các dịch giả Đức, Anh, Hòa Lan, Tây Ban Nha, Ý, Hung Gia Lợi, Đài Loan, Nhật, Ba Tây và Hoa Kỳ đang nối đuôi chờ mua bản quyền dịch. Joelle Losfeld, người đứng ra xuất bản tác phẩm của Quint phát biểu: *"Con số ấn bản thật không thể ngờ được. Trước đây, tôi đã xuất bản 3 cuốn của Michel Quint, mỗi cuốn chỉ bán cỡ chừng 1000 ấn bản. Tại sao bây giờ lại đạt được con số như thế? Cuốn này chẳng khác gì các cuốn trước. Nó xảy ra như một phép lạ. Bởi vì sự thành công không chỉ là tại Pháp, mà là trên quốc tế với nhiều bản dịch đã được loan báo. Tôi*

luôn luôn nghĩ rằng ông Quint có những điều để nói với tất cả mọi người. Riêng với tôi, tôi như đang sống trong chuyện thần tiên"

Trả lời cho câu hỏi "Michel Quint, ông là ai?", Quint đáp *"Nếu phải nói tôi là ai, tôi chỉ có thể trả lời giản dị như thế này: tôi là một người miền Bắc...Công việc tôi làm là trong nỗi lo âu rút ra từ hiện thực, tạo ra những mảnh vụn trong đời thường, xếp chúng lại, vò chúng nhàu đi, cùng lúc xé toạt chúng ra. Để vào đó nỗi hoài nghi. Và màu đen của một tiểu thuyết vốn ở chỗ này: đặt những nhân vật, tức là độc giả, trên chính cuộc tồn sinh..."*

Chuyện dài " Cuốn theo chiều gió" (tiếp theo kỳ trước)

Thật bất ngờ: Trong phiên xử ngày 25/5/2001, bồi thẩm đoàn gồm ba quan tòa của tòa án liên bang Hoa Kỳ "11th U.S Circuit Court of Appeals" đã đảo ngược một phán quyết tháng trước của tòa dưới (U.S District Court do quan tòa Charles Pannell xử, xem Tin Văn, *Văn Học* số 181), cho phép tác phẩm "The Wind Done Gone" của Alice Randall được phép lưu hành. Phán quyết mới mẻ này được đưa ra chỉ trong vòng chưa đầy một tiếng đồng hồ xử án theo sự kháng án của nhà xuất bản Houghton Mifflin.

Trong cuộc tranh cãi trước tòa, Richard Kurnit, luật sư của tổ hợp Mitchell, nói rằng cho phép công bố tác phẩm của Randall có nghĩa là *"những kẻ sao chép bất hợp pháp sẽ tự do khai thác nguồn mạch phong phú của những tác phẩm có bản quyền và chỉ trả nếu họ đào được vàng, bị kiện và bị bắt trước khi họ ăn cắp mang đi"*

Luật sư Joseph Beck của Houghton Mifflin cho rằng "The Wind Done Gone" cho ta biết lần đầu tiên người Mỹ gốc Phi đã đọc tác phẩm "Gone With the Wind" như thế nào"

Ba quan tòa đồng ý với nhận định này. Khi Kurnit cãi rằng Randall đã viết tiếp một câu chuyện mà không có phép, quan tòa Stanley không đồng ý. Ông nói tác phẩm của Randall đã *"chỉ đặt những nhân vật dưới một ánh sáng phù hợp mà thôi"*.

Sau phiên tòa, một luật sư khác của tổ hợp Mitchell than thở: *"Tôi nghĩ rằng vấn đề chủng tộc đã che mờ vấn đề bản quyền. Thiệt hại do điều này gây ra là một thiệt hại rất đáng kể"*. Ông cho biết sẽ tiếp tục kháng án lên tòa trên và nếu cần, lên Tối Cao Pháp Viện.

Trong lúc đó, vui vẻ trước thắng lợi mới, nhà xuất bản Houghton Mifflin tiến hành ngay việc phát hành tác phẩm. Họ dự tính lần đầu tiên in 25.000 ấn bản "The Wind Done Gone" trước cuối tháng 6/2001, nhưng

đến giữa tháng 6, trước đòi hỏi càng ngày càng cao của độc giả, họ tăng số ấn bản lên 38.000, rồi 113.000. Tình hình đặc biệt sôi động ở Atlanta, thành phố quê hương của Mitchell. Vô số người tò mò mong được đọc tác phẩm của Randall. Sách chưa ra mà có khách hàng đã đặt trước. Tại một tiệm sách, hai tác phẩm "Gone With The Wind" và "The Wind Done Gone" đặt bên cạnh nhau. Hai tổ hợp nhà sách lớn nhất Hoa Kỳ Barnes & Noble và Borders cho biết số người đặt mua trước đã tăng 40% sau khi phán quyết tòa án được đưa ra.

Randall viếng thăm một tiệm sách tại thành phố quê hương bà là Nasville, Tennessee vào ngày 12/6 để nhìn ngắm cuốn truyện vừa được phát hành của bà. *"Tôi hết sức sung sướng bây giờ và thực sự, thực sự xúc động"*. Giám đốc điều hành tiệm sách phát biểu: *"Đây là một chiến thắng cho bà, nhưng cũng là chiến thắng cho mỗi một nhà văn và độc giả. Quyền tự do phát biểu đã thắng"*

Invictus: lời trần tình cuối cùng của một tử tội

Timothy McVeigh, kẻ đã đặt bom ở Oklahoma City khiến 168 người chết vào tháng 4/1995, thay cho một lời trần tình cuối cùng (final written Statement), đã chép để lại bài thơ "Invictus" của William Ernest Henley (1849-1903), một tác giả thời nữ hoàng Victoria, Anh quốc, như là thông điệp cuối cùng của anh ta gửi cho đời trước khi bị hành quyết hôm thứ hai, 11/6/2001. Bài thơ "Invictus" là một trong hai bài thơ nổi tiếng nhất của Henley. Bài kia là "England, My England".

Xin ghi lại sau đây nguyên văn bài thơ "Invictus" và bản dịch của anh Anh Vũ. Bài thơ này được Anh Vũ dịch từ năm 1960, khi còn là giáo sư Anh văn tại Sài Gòn, và được in trong một tập "Thi tuyển" gồm nhiều bài thơ nổi tiếng quốc tế, sẽ xuất bản trong thời gian sắp tới.

Invictus
Bất Khuất

Out of the night that covers me,
Black as the Pit from pole to pole,
I thank whatever gods may be
For my unconquerable soul.
Từ trong đêm tối u minh
Bốn hướng đen ngòm như địa ngục
Ta cảm ơn bao đấng thần linh
Đã cho ta linh hồn không khuất phục.

In the fell clutch of circumstance
I have not winced nor cried aloud;
Under the bludgeonings of chance
My head is bloody but unbowed.
Trong nanh vuốt hung tàn bao cảnh ngộ
Ta chưa hề nao núng hay kêu rên,
Dưới roi quất của bàn tay mệnh số,
Đầu ta đẫm máu vẫn nhìn lên !

Beyond this place of wrath and tears
Looms but the horror of the shade,
And yet the menace of the years
Finds, and shall find me, unafraid.
Và bên kia cuộc đời đày đọa
Là bóng đêm mờ ảo kinh hoàng,
Nhưng năm tháng chỉ hoài công hăm dọa
Vì lòng ta mãi mãi vẫn hiên ngang.

It matters not how strait the gate,
How charged with punishments the scroll,
I am the master of my fate:
I am the captain of my soul.
Cánh cửa thiên đường dù nhỏ hẹp
Cực hình chồng chất dẫu như non
Ta vẫn cầm cương xoay số kiếp
Vì ta làm chủ được linh hồn.

William Ernest Henley
Anh Vũ chuyển ngữ (1960)

Nữ tu Marion Hoctor, chuyên gia về thi ca Trung cổ và thế kỉ 19, giáo sư Anh ngữ tại đại học Nazareth College of Rochester , New York đã nói chuyện với phóng viên của đài truyền hình CNN về bài thơ này và tác giả của nó, William Ernest Henley, ngay sau khi vụ xử tử vừa hoàn tất. Anh Vũ chuyển ngữ sau đây:

CNN: Tại sao (McVeigh lại chọn) bài thơ này ?

HOCTOR: Tôi cho rằng vì bài thơ nói đúng ý của McVeigh đến độ anh ta dùng nó làm lời di ngôn cuối cùng. Tôi nghĩ Thimothy McVeigh hiểu rõ bài thơ muốn nói gì. Mặc dù bài thơ này thường được xem là có

tính cách gây cảm hứng sáng tạo, thực ra nó nói lên chủ nghĩa khắc kỉ. McVeigh đã cảm thấy một cái gì ưu tư khắc khoải trong bài thơ, nhưng anh ta đã sử dụng nó để biện minh cho điều mà chính tác giả hay bất cứ ai khác cũng thấy rằng không thể nào biện minh được.

CNN: Nên hiểu bài thơ này như thế nào trong bối cảnh triết lý của thời đại Victoria ?

HOCTOR: Có thể nhận xét một điều về các nhà văn và nhà tư tưởng của thời Victoria là họ đã đặt Thiên Chúa giáo, cái hình thức tôn giáo chế ngự đương thời, sang một bên. Một số người lấy làm tiếc phải làm như thế và họ bảo rằng Thiên Chúa giáo đã thuộc về một thế giới khác. Họ tin rằng có những vấn đề mù mờ và phức tạp ở đời mà tôn giáo không giải quyết được. Bài thơ là một phát biểu hùng hồn chủ nghĩa khắc kỉ bạn phải trông cậy vào khả năng của chính bạn chứ đừng trông cậy vào một nguồn năng lực tôn giáo nào. Nếu muốn thực sự "bất khuất" - từ ngữ Invictus trong La-tinh có nghĩa là không thể bị khuất phục - thì bạn phải trung thành với những điều xác tín của chính mình.

Thế cho nên "Invictus" nghĩa là "Ta chưa hề bị khuất phục". Còn chuyện thần thánh (mà Henley viết "Ta cảm ơn bất cứ thánh thần nào đó đã cho ta linh hồn không ai khuất phục nổi") thì hoàn toàn đã bị phớt lờ. Từ ngữ "gods" (thánh thần) số nhiều, không viết hoa, và câu thơ nói đến "thánh thần nào đó" (may be -- không xác quyết). Thi sĩ muốn nói "Ta làm chủ số phận ta, ta giàu nghị lực, ta không hề kêu khóc hay nao núng dưới những "lằn roi của số mệnh" (the bludgeoning of chance). Tác giả ám chỉ cái chết của con mình và những vấn đề sức khỏe đã để lại cho ông những vết thương trầm trọng nhưng không làm cho ông đầu hàng. Hai câu cuối cùng đã tóm lược tuyệt vời chủ nghĩa khắc kỉ. Tôi nhớ các luật sư của McVeigh cho biết rằng anh ta không hề chịu xét lại điều mình đã làm là sai trái và theo tôi, những câu thơ đã diễn tả đúng như thế. Anh ta đã chọn bài thơ 4 khổ này để nói lên một cách hùng hồn cho thế giới biết cái triết lý và bản ngã của mình. Ta không khỏi tự hỏi William Ernest Henley có thể nghĩ như thế nào về việc này. Những dòng thơ đã diễn tả sự quyết tâm và huy động tất cả nghị lực để chiến thắng với lòng can đảm và khả năng của chính cá nhân chứ không phải dựa vào một truyền thống tôn giáo đã cũ. Trong tiếng Hebrew cổ, "I am" (Ta...) là lời dành cho Thượng Đế– (Ta làm chủ số mệnh ta, Ta là người lèo lái linh hồn ta). Tôi chắc chắn Henley đã hiểu như thế, nhưng tôi không chắc McVeigh cũng hiểu như thế. Lời thơ hàm ý thánh thần ở tại nơi ta và được viết ra bởi một người đã chịu nhiều đau khổ và, dĩ nhiên, chưa hề gây đau khổ cho bất cứ ai khác.

Bài thơ biểu hiện một quan niệm nhân bản thế tục, có thể nói là cái tinh thần của thời đại Victoria, lúc Darwin và khoa học đang vươn lên thách đố tư tưởng truyền thống và thuyết sáng tạo. Thực ra Mathew Arnold, một người đương thời với Henley, đã viết trong cùng tinh thần đó. Những bài thơ khác của Henley có lẽ đã không được thưởng nhận. Henley đã không thể cạnh tranh được với người đồng thời, những ngôi sao chói sáng của thời đại như Tennyson, Arnold, Browning và Thomas Hardy. Bài "Invictus " là 15 phút vinh quang của ông.

Những số báo Văn Học cũ hiện còn tồn kho

Một số bạn đọc viết thư hoặc điện thoại về Tòa soạn hỏi mua những số Văn Học cũ. Xin thông báo chung đến các bạn:

1. Văn Học không còn đủ trọn bộ 180 số báo đã phát hành trong 16 năm qua. Hiện trong kho Văn Học chỉ còn các số sau đây:

6, 15, 20, 27, 29, 38, 39, 59&60, 64, 65, 67, 68, 69, 72&73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80&81, 82, 83, 84, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 107, 108, 109, 112, 113, 114, 115, 119, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126, 127, 128, 129&130, 131, 132, 133, 134, 135, 136, 137, 138, 139, 140, 143, 144, 145, 146, 147, 148, 149, 150&151, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165&166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177&178, 179.

2. Giá bán mỗi số báo cũ là **Hai Mỹ kim**. Vì việc gửi bưu kiện đi ngoại quốc quá phức tạp và đắt tiền, chúng tôi chỉ gửi báo cũ đến các địa chỉ trong nước Mỹ và theo hạng bookrate.

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Tạ Ký, ***Thơ,*** tập thơ, Hồng Nguyên xuất bản, tranh bìa Nguyễn thị Hợp, Hồng Nguyên xuất bản tháng Năm 2001, sách dày 130 trang, giá 10 Mỹ kim.

Tạ Ký là một nhà thơ quan trọng của văn học Miền Nam trước 1975.

"Làm thơ từ thuở còn học tiểu học cho mãi đến những năm cuối của đời mình, cuộc đời Tạ Ký gắn liền với thơ, cũng như với việc dạy học. Năm 1970, ông xuất bản tập thơ *Sầu Ở Lại*, đã đoạt giải thơ của VNCH sau đó. Tập thơ thứ nhì *Cô Đơn Còn Mãi* ra đời năm 1973. Từ 1975, ông đi tù cải tạo trong hai năm, đã làm nhiều thơ trong tù, rất tiếc hiện chỉ còn một số ít trong trí nhớ của các bạn đồng tù.

Cuối năm 1978 Tạ Ký từ Sài Gòn về sống ở An Giang, và đã qua đời trong cô độc tại đây tháng Ba năm 1979. Hai mươi hai năm sau, vào ngày 5 tháng Tư năm 2001, gia đình và bạn bè đã dời mộ ông từ Chợ Mới An Giang về cải táng tại nghĩa trang Gò Dưa Thủ Đức, bên cạnh mộ phần của Bùi Giáng, với ước mong đặt để trở lại chỗ nằm và chỗ đứng xứng đáng cho ông, trong cuộc đời cũng như trong lòng người."

Tập thơ, do nhà văn Tạ Thái con trai thi sĩ đứng ra xuất bản, sưu tập những bài thơ quan trọng của thân phụ, cùng bài tựa của nhà văn Phạm Xuân Đài, lời Bạt của Lê Khắc Lý, trích đoạn những trang nhật ký cuối cùng của Tạ Ký, cùng hình ảnh và tin về lễ cải táng ở Thủ Đức.

Địa chỉ liên lạc: Tạ Thái

PO Box 1784 Garden Grove, CA 92842-1784 USA

E-mail: Tbutitry@aol.com

🕮 Nguyễn Thị Vinh, ***Cõi tạm,*** tập thơ, Anh Em (Na Uy) xuất bản, Nguyễn Hữu Nhật trình bày, dày 166 trang, giá 18 Mỹ kim.

Tập thơ có thể xem là kỷ vật Nguyễn Thị Vinh muốn trao lại cho hậu thế để người đời sau hiểu tâm sự của nhà thơ trong thời gian gửi nơi "cõi tạm". Do đó thi tập rất nhiều thiền vị, và tình quê hương đằm thắm. Phần phụ lục có trích thêm một số bài đã in trong tập "Thơ Nguyễn Thị Vinh" xuất bản năm 1972 ở Sài Gòn và bài nói chuyện Ngày Tự Lực Văn Đoàn tổ chức ở Paris tháng 11 năm 1994, nhan đề "Thư gửi hai người đàn bà nổi tiếng: Cô Mai và Cô Loan của Tự Lực Văn Đoàn"

Theo nhận định của người phụ trách mục này, 36 đoản thi trong Tình Khúc (bốn câu lục bát, ngắt câu và xuống hàng theo chủ đích của tác giả) là phần hay nhất của thi tập.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Anh Em
Helgesensgt 72 - 0563 Oslo Norway
Phone: 47 22 38 28 53

TRUYỆN, KÝ

🕮 Trần Dần, ***Ghi 1954-1960,*** nhật ký (di cảo), TD Mémoire & Văn Nghệ xuất bản và phát hành, Phạm thị Hoài biên tập và hiệu đính, Bìa Trần Trọng Vũ, Trình bày Lê Trọng Phương, sách dày 468 trang, giá 18 Mỹ kim.

Đây là một tư liệu lịch sử và văn học quí, vì Trần Dần là một trong những nhà văn chính của vụ đàn áp Nhân Văn Giai Phẩm, và vì nội dung cuốn sách là những trang Trần Dần ghi chép trong sổ tay, viết cho mình chứ không cho ai khác, viết mà không có ý định phổ biến nên tính chất trung thực gần như tuyệt đối.

Những sự kiện và tranh luận về vụ Nhân Văn Giai Phẩm thì đa số bạn đọc đã biết. Nhưng cái biết chỉ dừng lại ở bề mặt, tức là những gì đã được công bố trên báo chí và sách xuất bản. Cái biết ấy lại bị giới hạn trong vòng phấn chính trị, mặc nhiên xem nhóm văn nghệ sĩ liên can như những tên phản động nguy hiểm, hay như những chiến sĩ văn hóa đấu tranh cho tự do. Cuốn "Ghi" cho thấy một mặt khác: tức là mặt đời sống thật, con người thật của những người liên can, hoàn cảnh gia đình của họ, không khí sợ hãi bao trùm cả đời họ, con cháu họ. Có thể bạn đọc sẽ thấy những chiến sĩ văn hóa ấy không "kiên cường" như mình hằng nghĩ. Nhưng theo chúng tôi, chính nét "người" ghi lại trung thực trong những cuốn sổ tay của Trần Dần làm nổi bật hơn thảm trạng của

vụ đàn áp, và thân phận văn nghệ sĩ trong chế độ toàn trị.

Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành.

📖 Phùng Nguyễn, ***Đêm Oakland và những truyện khác,*** tập truyện ngắn, Tạp chí Văn xuất bản, bìa Khánh Trường, sách dày 184 trang, giá tại Hoa Kỳ 9 Mỹ kim, các nơi khác 11 Mỹ kim.

Đây là tác phẩm thứ hai được xuất bản của Phùng Nguyễn, sau "Tháp Ký Ức" cũng do Văn xuất bản năm 1998. Và nội dung cũng như bút pháp của tác phẩm này cũng khác cuốn trước. Do tác giả ý thức rõ ràng mặt mạnh và mặt yếu của "thế hệ bản lề" của mình. Hãy đọc một đoạn trong "đêm oakland. câu hỏi" :

"Bất kể những khác biệt lớn về tuổi thơ và kinh nghiệm chiến tranh, tôi cho rằng Đức và tôi cùng thuộc về nhóm những kẻ đứng chông chênh trên hai mảnh ván trôi ngược chiều nhau, cố giữ thăng bằng để không rơi vào cái vực đen ngòm của hoang mang bên dưới. Thực ra, cái mảnh ván cứ kéo giật tôi về quá khứ có nhiều cơ hội thành công hơn. Có những điều nằm ở đó sẽ đeo đuổi tôi cho đến hết đời. Trong nhiều năm, tôi cứ đi giật lùi nhiều hơn là đi tới. Những người ở lứa tuổi của Đức hoặc trẻ hơn, như những người bạn của hắn, luôn làm tôi ngạc nhiên về khả năng diễn tả những gì khác hơn phở, bún bò, và cơm tấm bằng tiếng Việt. Mãi về sau này, khi nỗi ngạc nhiên qua đi, tôi cho rằng nếp nghĩ của mình có thể đã xuất phát từ nỗi sợ của người bị giật mất chiếc phao cuối cùng của lòng tự hào."

Cái mong muốn "chống lại sức kéo giật lùi" hiện rất rõ trong tập truyện, ngay từ đoản tác đầu tiên.

Sách do Nhà Văn Nghệ phát hành.

📖 Hoàng Khởi Phong, ***Quán ven sông,*** tập truyện ngắn, Thời Văn xuất bản, bìa Thái Tăng An, Cao Xuân Huy trình bày, sách dày 220 trang, giá 14 Mỹ kim.

Không phải ngẫu nhiên mà tác giả "thay lời tựa và bạt" bằng hai bài phát biểu đọc tại Đại học San Francisco và Đại học UC Monterey về hậu quả của chiến tranh VN. Vì Hoàng Khởi Phong luôn luôn xem viết là một trách nhiệm xã hội. Trước, trong chiến tranh là trách nhiệm người lính viết văn. Nay, trách nhiệm trình bày những hậu quả của cuộc chiến, một thứ hậu quả dai dẳng và dôi khi bi thảm hơn cả trong chiến tranh. Cao hơn một bậc, là trách nhiệm tố cáo sự giả hình, cái ác giấu mặt sau bộ mặt thánh thiện.

Sách hiện có bày bán tại các hiệu sách.

hộp thư

Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Doan Lang (Belmore NSW Australia), Nguyễn Mạnh Thắng (Ontario Canada), Oanh Nguyen (trả tiền đặt mua báo thêm của NP Vietnamse Books ở Australia), Phan Hoàng Định (Grand Prairie TX), Tường Nguyễn (Roslindale MA), Dr. Hà Xuân Du (San Jose CA), Thêm Hồng (Corona, CA), Bao D. Nguyen (Cherry Hill NJ), Lap Trung Le (Orlando FL), Điệp Mỹ Linh (Alief TX), Yen Tu (Midway City CA), Lê Bửu Tấn (Fountain Valley CA), Phạm văn Minh (NSW Australia), Purchase Power (Kentucky USA),

Bài nhận được qua bưu điện.

" Võ về" gửi từ Long Beach CA, "Vấn đề đối thoại sử học" đoàn quân vua Quang Trung đi từ Huế ra Hà nội, 20 ngày hay 40 ngày" gửi từ Redmond WA, "Y nghĩa và Giá trị đích thực của cuộc chiến tranh VN" gửi từ West Hills LA, "Đà nẵng, lần đầu" gửi từ Rosemead CA, "Chim ơi, vĩnh biệt sao đành", Chuyện cũ", "Công viên thở dài", "Tiếng hát", Trận lụt vàng" gửi từ Sacramento CA.

Trong tháng Sáu 2001, hộp thư e-mail Văn Học đã nhận được một số bài từ xa gửi tới. Trừ trường hợp do trục trặc kỹ thuật các email ấy bị trả lại, những bài khác đều đã tới hộp thư email Văn Học đầy đủ. Kính cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn.

Gửi quí độc giả dài hạn mua hạng surface ở các nước Úc, Pháp, và Đức.

Như thông báo trên hai số báo vừa qua, Tòa soạn Văn Học bắt buộc phải hủy bỏ hạng surface gửi báo đi ngoại quốc, do giá biểu bưu điện Hoa Kỳ thay đổi quá nhiều đối với bưu kiện gửi surface. Thay đổi này khiến nhiều bạn đọc ở các nước Úc, Pháp, Đức không có điều kiện tài chánh tiếp tục mua báo. Nay Tòa oạn Văn Học đã nhờ được một số văn hữu có thiện chí ở các nước trên, sẵn sàng nhận báo gửi theo hạng priority với số lượng lớn rồi dùng bì thư gửi tiếp đến từng bạn đọc tại địa phương. Làm như thế, thời gian từ lúc gửi báo đến lúc nhận báo chỉ lâu độ hai tuần (gửi priority thường một tuần thì đến, gửi prioriy + gửi lần nữa theo hệ thống bưu điện địa phương thêm một tuần nữa).

Do đó, Văn Học vui mừng báo tin cùng quí bạn đọc ở Úc, Pháp và Đức: những bạn từng mua báo theo hạng surface có thể gia hạn theo hạng priority + printed matter địa phương với giá biểu 75 dollars. Trân trọng kính báo cùng quí bạn.

Du khách nào tới vùng Orange County
cũng đều ghé lại

Nhà sách Văn Khoa

9200 Bolsa Ave. Ste. # 123 Westminster CA 92683
(Trong Khu Phước Lộc Thọ)

TEL: (714) 892-0801

Sách mới về mỗi tuần. Đầy đủ sách báo và CD's, Tự điển, Sách học Anh văn có Băng, Videos, Băng đọc truyện, Postcards.

Sách mới về mùa Xuân năm 2001:

Gọng kìm lịch sử (609 trang, bìa cứng) Bùi Diễm, giá $25.00
Đặng Tiểu Bình, Nhà chính trị lỗi lạc (440 trang) Ngộ Thiện, $18.00
Saigon Cali 25 năm gặp lại (206 trang) phóng sự Saigon của Văn Quang, giá $13.00
Bạn bè gần xa (460 trang) hồi ký của Phan Lạc Phúc, giá $22.00
Đảng Cộng sản Việt Nam qua những biến động trong phong trào cộng sản quốc tế (23- trang) Nguyễn Minh Cần, gía $13.00
Bí mật hậu trường chính trị Miền Nam 54-75 Tập III, Đặng văn Nhâm , giá $25.00
Windows 98 — Tự học nhanh trong 24 giờ (356 trang) Greg Perry, giá $15.00
Được vay nụ cười (313 trang) truyện dài tình cảm của Kathy Trần, giá $12.00
Bói toán, Số mệnh mỗi người (413 trang) Đoàn văn Thông, giá $16.00
Lưu hương đạo soái (2 vol., 508 trang) tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung, giá $25.00
Trời xanh cũng khóc (3 vol., 864 trang) Quỳnh Dao, Liêu Quốc Nhĩ dịch, giá $36.00

Ở xa mua sách: Xin gửi chi phiếu đề cho Văn Khoa, giá tiền bằng giá liệt kê, miễn cước phí nếu ở Hoa Kỳ

Sắp phát hành **Một quyển sách quý**

SẢNG ĐÌNH THI TẬP

của J.M.THÍCH

Tựa của Phước-môn Nguyễn Hữu Bài

Bạt của Hương-trai Hoàng Châu Tích

Cha J.M.Thích là một vị "tinh tu đắc đạo", bình sinh "sống chí đạo, nêu gương khiêm hạ, bác ái". Cha J.M.Thích là một nhà văn hóa giáo dục nổi tiếng ở Huế. Hơn nửa thế kỷ tận tụy dạy học, Cha dạy từ tiểu học, trung học đến đại học.

Bẩm tính đầy nhân ái, Nho học, Tây học đều uyên thâm, lại có tâm hồn nghệ sĩ, lảu thông cổ nhạc, cổ họa, nên Cha làm thơ, viết văn, làm báo, soạn nhạc, soạn sách giáo khoa, mỗi mỗi đều có những nét đặc sắc. Những tác phẩm của Cha không chỉ giới hạn trong khuôn viên nhà thờ, hay ở đất Thần kinh, mà từ những thập niên hai mươi, ba mươi đã từng phổ biến khắp nước. Tuy nhiên, cho đến nay một số lớn tác phẩm đó đã bị thất lạc, một số khác có thể bị tuyệt bản nên trở thành hiếm quý mà ***Sảng Đình Thi Tập*** là một.

Sảng Đình Thi Tập là một thi tập tam ngữ gồm hơn trăm đề mục sáng tác bằng Quốc văn, Hán văn, Pháp văn và hơn bảy mươi đề mục thơ phú vừa chữ Hán, vừa chữ Pháp dịch ra tiếng Việt.

Nếu "Thi ngôn chí", thì chí hướng của *Sảng Đình* trước sau vẫn chăm về đạo lý, và ***Sảng Đình Thi Tập*** hoàn toàn có một đạo tâm trong sáng. Ngoài "chí đạo", tác giả còn trân trọng tình người, tình đời, diễn tả một cách tự nhiên, đôn hậu nhưng không kém bóng bẩy, thần tình. Còn các dịch phẩm Hán văn, Pháp văn, Cha thường chọn dịch những tác phẩm của các bậc đại gia hợp với sở thích của mình. Hầu hết loại thi ca này đều được Cha dụng công dịch rất sát nghĩa với lời thơ rất tự nhiên trôi chảy, không khác chi những sáng tác phẩm của Cha.

Ngoài phần chính văn, ***Sảng Đình Thi Tập*** xuất bản lần này còn có phần giới thiệu tác giả, tác phẩm của Võ Long-Tê và các phần sưu tập, chú giải của Đoàn Khoách.

Sách dày 376 trang, do THANH TỊNH xuất bản

Ấn phí và cước phí $25.00 US

Địa chỉ liên lạc: 18189 Moon Song Court

San Diego, CA 92127 - USA

Phone : (858) 674 - 9767

E-mail : khoach@hotmail.com

Nhà Xuất Bản Văn

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, một tác phẩm mới:

đêm Oakland và những truyện khác

Tập truyện của Phùng Nguyễn

Bìa Khánh Trường

184 trang, giá 9 mỹ kim

Văn Nghệ tổng phát hành

(714) 934-8574

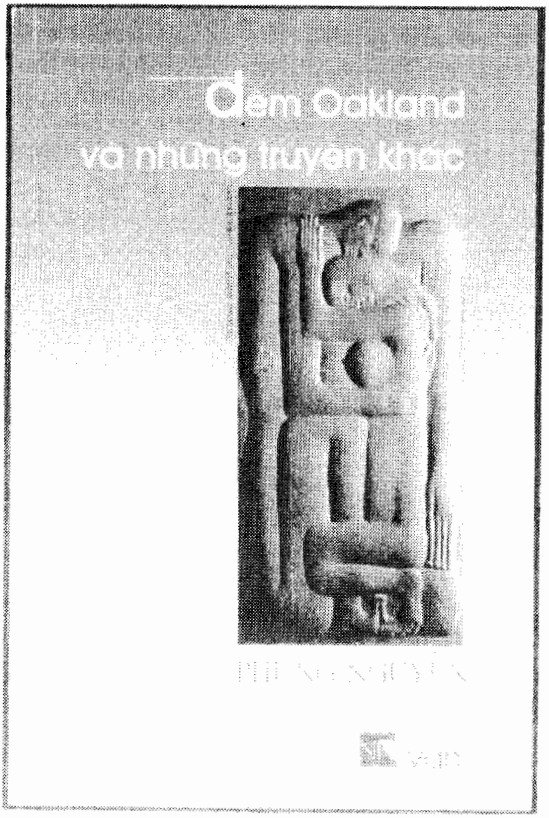

Nhà Xuất Bản Văn Mới

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, một tác phẩm mới
vừa phát hành tháng 6 năm 2001

***

cuối ngày, một lần ngồi lại

Tập truyện Song Thao
Bìa Khánh Trường
Sách dày 184 trang, giá $10US

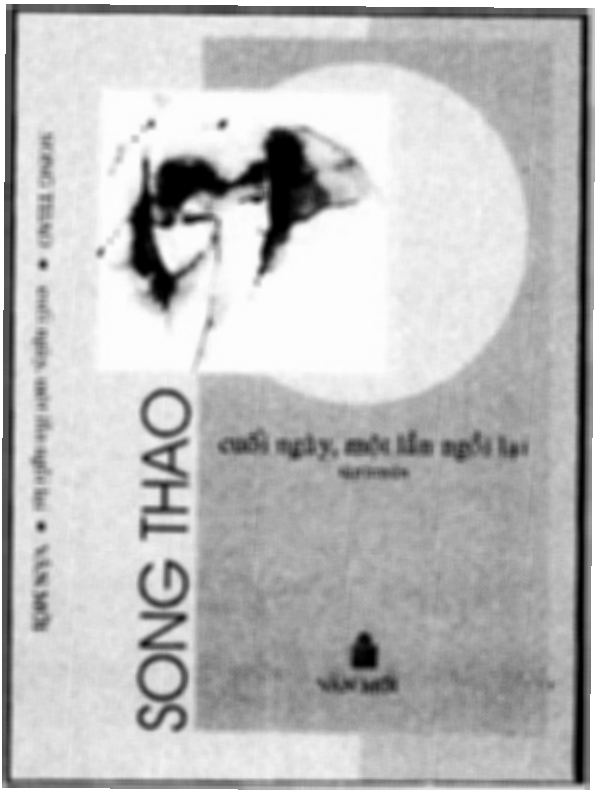

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd. Los Angeles, CA 90035

***

Xin giới thiệu cùng quý độc giả, tác phẩm đánh dấu 5 năm hoạt động của Nhà Xuất Bản Văn Mới (7-1996 / 7-2001).

VÕ PHIẾN
TUYỂN TẬP

782 trang, giá $25US

Quý vị muốn mua, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa và gửi về địa chỉ trên. Trong nước Mỹ không tính cước phí.

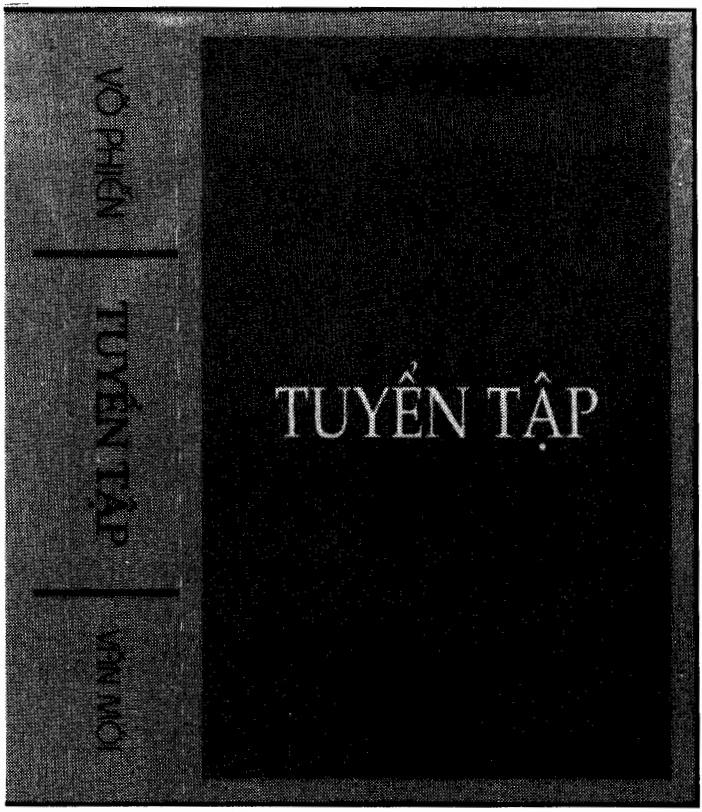

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

1528 S. La Cienega Blvd.
Los Angeles, CA 90035 - USA
Tel: (310) 559-0413 Fax: (310) 659-2627

***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Cảm Nhận
Võ Phiến, giá $10

Bay Đi Cánh Chim Biển
Tập truyện Hoàng Nga, giá $10

Tuyển Tập Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000
67 tác giả, giá $20

Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân
Huỳnh Văn Phú, giá $10

Lời Tỏ Tình Đã Cũ
Tập truyện Hoàng Chính, giá $10

Truyền Thống Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam Trong Văn Chương Đối Liễn
Minh Chánh Học Sĩ TrầnCông Định, giá $15

Dì Thu
Tập truyện Trang Châu, giá $10

Chữ Nghĩa Bề Bề
Chuyện văn chương Đặng Trần Huân, giá $12

Hạnh Phúc Có Thật
Tập truyện Bùi Bích Hà, giá $10

Phía Bên Kia Mặt Trăng
Tập truyện Trần Thị Diệu Tâm, giá $10

Văn Hóa Trì Trệ Nhìn Từ Hà Nội Đầu Thế Kỷ 21
Ký của Lê Thị Huệ, giá $14

Bức Phù Điêu Khắc cạn
Tập truyện Nguyễn Thị Thảo An, giá $12

Cuối Ngày, Một Ngày Ngồi Lại
Tập truyện Song Thao, giá $10

Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa và gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

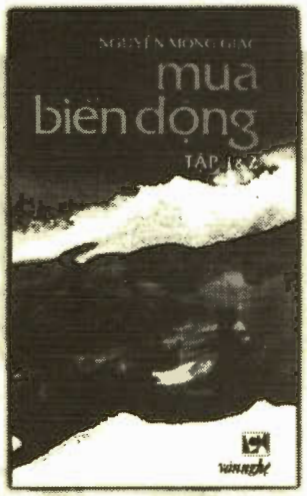

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

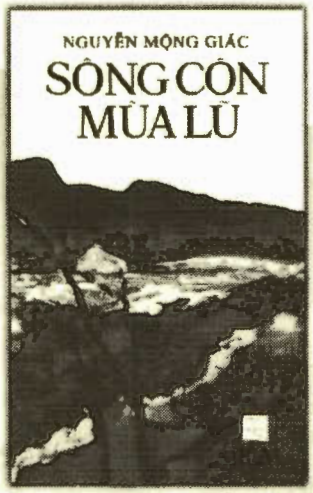

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI!

- NHAN SẮC — 10MK
  truyện dài (tái bản) *Dương Nghiễm Mậu*
- GIAI THOẠI THIỀN SƯ — 10MK
  Lâm Thanh Huyền, Phạm Huê dịch
- BÔNG HỒNG VÀNG — 15MK
  Konstantin Paustowsky, Vũ Thư Hiên dịch
- CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG 3 — 13MK
  Cuộc chiến Miên Việt, Hoa Việt 1997
  Biên khảo *Hoàng Dung*
- NHẬN DIỆN CHÂN DUNG NHÀ VĂN — 16MK
  Xuân Sách "vẽ" bằng thơ, *Lý Hồng Xuân* luận bình
- TRẦM TƯ — 7MK
  danh ngôn *Võ Hồng*
- KHUNG RÊU, *Nguyễn Thị Thụy Vũ* — 15MK
  truyện dài giải thưởng văn chương toàn quốc 1970
  (tái bản để giúp tác giả còn ở Việt Nam trên rừng Lộc Ninh)
- THE LOVER'S GIFT - Tặng Vật Của Tình Nhân — 8MK
  Rabindranath Tagore, bản Việt ngữ *Bùi Bảo Trúc*
- VĂN HỌC VÀ THỜI GIAN, *Nguyễn Vy Khanh* — 15MK
- BINH BIẾN 11-11-60 — 18MK
  hồi ký *Vương Văn Đông*
- CỬU LONG CẠN DÒNG, BIỂN ĐÔNG DẬY SÓNG — 25MK
  tiểu thuyết *Ngô Thế Vinh*
- VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐIỂM NHÌN H(ậu h)IỆN ĐẠI — 17MK
  phê bình, tiểu luận *Nguyễn Hưng Quốc*
- ĐỔI MỚI, NIỀM VUI CHƯA TRỌN — 14MK
  hồi ký *Trần Độ*
- BÈ BẠN GẦN XA — 22MK
  bút ký *Phan Lạc Phúc* (ký giả Lô Răng)
- SUỐI NHỎ ÊM DỊU — 8MK
  kịch *Nguyễn Huy Thiệp*
- ĐỐI THOẠI, 13 VĂN THI SĨ NÓI VỀ MÌNH VÀ VĂN HỌC — 13MK
  Vĩnh Phúc

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 934-8574
Email: **vannghe@pacbell.net**

Giá 5 Mỹ kim